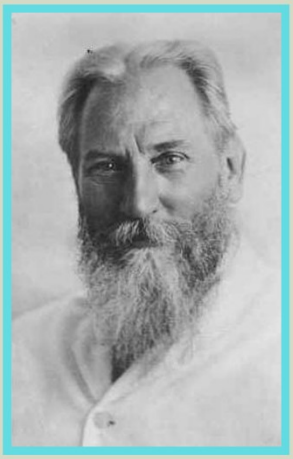
C.W. Leadbeater



CÕI CẢM DỤC

The Astral Plane

minhtrietmoi.org

Astral Plane

It's Scenery, Inhabitants and Phenomena

BY

C. W. Leadbeater

Anand Gholap Theosophical Institute

2009

PREFACE —LỜI NÓI ĐẦU

INTRODUCTION —GIỚI THIỆU

Unexpected Development —Sự Phát Triển Bất Ngờ

Psychic Training —Rèn Luyện Thông Linh

CHAPTER I -CHƯƠNG IA GENERAL SURVEY —KÁI QUÁT CHUNG

CHAPTER III -CHƯƠNG II

I. HUMAN —I. CON NGƯỜI

1. Living —1. NGƯỜI SỐNG

2. Dead—2. Người chết

II. NON-HUMAN —II. PHI NHÂN LOẠI

1. The Elemental Essence belonging to our own evolution. —1. Tinh chất Hành khí thuộc về sự tiến hóa của chính chúng ta.

2. The Astral Bodies of Animals. —2. Thể Cảm Dục của Động Vật.

3. Nature-Spirits of all Kinds. —3. Các Tinh Linh Tự Nhiên thuộc mọi Loại.

4. The Devas. —4. Các Thiên thần.

III. ARTIFICIAL —III. NHÂN TẠO

Elementals formed unconsciously. —Các hành khí được hình thành một cách vô thức.

Elementals formed consciously. —Tinh linh được hình thành một cách có ý thức.

Human Artificials. —Tinh linh nhân tạo của con người.

CHAPTER IV -CHƯƠNG IV PHENOMENA—HIỆN TƯỢNG

PREFACE —LỜI NÓI ĐẦU

Few words are needed in sending this little book out into the world. It is the fifth of a series of Manuals designed to meet the public demand for a simple exposition of Theosophical teachings. Some have complained that our literature is at once too abstruse, too technical, and too expensive for the ordinary reader, and it is our hope that the present series may succeed in supplying what is a very real want. Theosophy is not only for the learned; it is for all. Perhaps among those who in these little books catch their first glimpse of its teachings, there may be a few who will be led by them to penetrate more deeply into its philosophy, its science, and its religion, facing its abstruser problems with the student's zeal and the neophyte's ardour. But these Manuals are not written only for the eager student, whom no initial difficulties can daunt; they are written for the busy [v] men and women of the work-a-day world, and seek to make plain some of the great truths that render life easier to bear and death easier to face. Written by servants of the Masters who are the Elder Brothers of our race, they can have no other object than to serve our fellow-men.

Chỉ cần vài lời khi gửi cuốn sách nhỏ này ra thế giới. Đây là cuốn thứ năm trong một loạt Sách Hướng Dẫn được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của công chúng về một bài trình bày đơn giản về các giáo lý Thông Thiên Học. Một số người phàn nàn rằng tài liệu của chúng tôi vừa quá khó hiểu, vừa quá chuyên môn, vừa quá đắt đỏ đối với độc giả bình thường, và chúng tôi hy vọng rằng bộ sách hiện tại có thể đáp ứng được nhu cầu rất thực tế này. Thông Thiên Học không chỉ dành cho những người học thức; nó dành cho tất cả mọi người. Có lẽ trong số những người lần đầu tiên thoáng thấy giáo lý của nó trong những cuốn sách nhỏ này, có thể có một số người sẽ được dẫn dắt bởi chúng để đi sâu hơn vào triết học, khoa học và tôn giáo của nó, đối mặt với những vấn đề khó hiểu hơn của nó với lòng nhiệt thành của người học trò và sự hăng hái của người sơ cơ. Nhưng những Sách Hướng Dẫn này không chỉ được viết cho những học viên hăng hái, những người không hề nao núng trước những khó khăn ban đầu; chúng được viết cho những người [v] nam và nữ bận rộn của thế giới làm việc hàng ngày, và tìm cách làm rõ một số chân lý vĩ đại giúp cuộc sống dễ chịu hơn và cái chết dễ đối mặt hơn. Được viết bởi những người phụng sự các Chân Sư, vốn là các Huynh Trưởng của nhân loại chúng ta, chúng không thể có mục đích nào khác ngoài việc phụng sự đồng loại của chúng ta.

ANNIE BESANT [vi]

Bà ANNIE BESANT [vi]

INTRODUCTION —GIỚI THIỆU

IN the extensive literature of Theosophy this little work stands out for certain specially marked characteristics. It records an attempt to describe the Invisible World in the same manner that a botanist would describe some new territory on this globe not explored by any previous botanist.

Trong kho tàng văn học đồ sộ của Thông Thiên Học, cuốn sách nhỏ này nổi bật với một số đặc điểm đặc biệt. Nó ghi lại một nỗ lực mô tả Thế Giới Vô Hình theo cách tương tự như một nhà thực vật học sẽ mô tả một vùng lãnh thổ mới trên địa cầu này chưa được bất kỳ nhà thực vật học nào khám phá trước đó.

Most works dealing with Mysticism and Occultism are characterised by the lack of a scientific presentation, such as is exacted in every department of science. They give us far more the significance of things, rather than descriptions of the things themselves. In this little book the author approaches the Invisible World from the modern standpoint of science.

Hầu hết các tác phẩm đề cập đến Thần Bí Học và Huyền Bí Học đều có đặc điểm là thiếu cách trình bày khoa học, như được yêu cầu trong mọi lĩnh vực khoa học. Chúng cho chúng ta thấy ý nghĩa của vạn vật, hơn là mô tả bản thân vạn vật. Trong cuốn sách nhỏ này, tác giả tiếp cận Thế Giới Vô Hình từ quan điểm khoa học hiện đại.

As I have a connection with this book, as the amanuensis who copied the manuscript for the printer, I can describe how the work came to be written. At the period of its writing in 1894, C. W. Leadbeater was the secretary of the London Lodge of the Theosophical Society; Mr. A. P. Sinnett [vii] was president of the Lodge. The Lodge did no public propaganda, and had no open meetings; but three or four times a year a meeting was held at the house of Mr. Sinnett, and cards of invitation were sent out to the Lodge members and to those few of the "upper classes" whom Mr. Sinnett thought were likely to be interested in Theosophy. Mr. Sinnett desired that Mr. Leadbeater should deliver an address to the Lodge.

Vì tôi có liên hệ với cuốn sách này, với tư cách là người ghi chép đã sao chép bản thảo cho máy in, tôi có thể mô tả cách tác phẩm này được viết ra. Vào thời điểm viết cuốn sách này năm 1894, Ông C. W. Leadbeater là thư ký của Hội Quán Luân Đôn thuộc Hội Thông Thiên Học; Ông A. P. Sinnett [vii] là chủ tịch của Hội Quán. Hội Quán không thực hiện bất kỳ hoạt động tuyên truyền công khai nào và không có các cuộc họp công khai; nhưng ba hoặc bốn lần một năm, một cuộc họp được tổ chức tại nhà của Ông Sinnett, và thiệp mời được gửi đến các thành viên của Hội Quán và một số ít "tầng lớp thượng lưu" mà Ông Sinnett cho rằng có thể quan tâm đến Thông Thiên Học. Ông Sinnett mong muốn Ông Leadbeater sẽ đọc một bài diễn văn trước Hội Quán.

Our author selected as his topic "The Astral Plane". Here I can well quote the description which he himself has given of his training in Clairvoyance, which enabled him to make a scientific investigation of the phenomena of the Astral Plane. In his book *How Theosophy Came to Me* he describes his training as follows:

Tác giả của chúng ta đã chọn "Cõi Cảm Dục" làm chủ đề của mình. Ở đây, tôi có thể trích dẫn phần mô tả mà chính ông đã đưa ra về quá trình rèn luyện Thông Nhãn của mình, điều này đã cho phép ông thực hiện một cuộc điều tra khoa học về các hiện tượng của Cõi Cảm Dục. Trong cuốn sách Làm Thế Nào Thông Thiên Học Đến Với Tôi, ông mô tả quá trình

rèn luyện của mình như sau:

Unexpected Development —Sự Phát Triển Bất Ngờ

It should be understood that in those days I possessed no clairvoyant faculty, nor had I ever regarded myself as at all sensitive. I remember that I had a conviction that a man must be born with some psychic powers and with a sensitive body before he could do anything in the way of that kind of development, so that I [viii] had never thought of progress of that sort as possible for me in this incarnation, but had some hope that if I worked as well as I knew how in this life I might be born next time with vehicles more suitable to that particular line of advancement.

Cần phải hiểu rằng vào thời điểm đó, tôi không sở hữu năng lực thông nhãn, cũng như chưa bao giờ coi mình là người nhạy cảm. Tôi nhớ rằng tôi đã có một niềm tin rằng một người đàn ông phải được sinh ra với một số năng lực thông linh và một cơ thể nhạy cảm trước khi y có thể làm bất cứ điều gì theo hướng phát triển đó, vì vậy tôi [viii] chưa bao giờ nghĩ rằng sự tiến bộ theo kiểu đó là khả thi đối với tôi trong kiếp sống này, nhưng đã có một số hy vọng rằng nếu tôi làm việc hết sức mình trong cuộc sống này, tôi có thể được sinh ra vào lần tới với những vận cụ phù hợp hơn với con đường tiến bộ cụ thể đó.

One day, however, when the Master Kuthumi honoured me with a visit, He asked me whether I had ever attempted a certain kind of mediation connected with the development of the mysterious power called *Kundalini*. I had of course heard of that power, but knew very little about it, and at any rate supposed it to be absolutely out of reach for Western people. However, He recommended me to make a few efforts along certain lines, which He pledged me not to divulge to anyone else except with His direct authorization, and told me that He would Himself watch over those efforts to see that no danger should ensue.

Tuy nhiên, một ngày nọ, khi Chân sư Kuthumi vinh dự đến thăm tôi, Ngài đã hỏi tôi liệu tôi đã bao giờ thử một loại tham thiền nào đó liên quan đến sự phát triển của sức mạnh bí ẩn được gọi là Kundalini hay chưa. Tất nhiên tôi đã nghe nói về sức mạnh đó, nhưng biết rất ít về nó, và dù sao cũng cho rằng nó hoàn toàn nằm ngoài tầm với của người phương Tây. Tuy nhiên, Ngài khuyên tôi nên nỗ lực theo một số hướng nhất định, mà Ngài cam kết với tôi là không được tiết lộ cho bất kỳ ai khác trừ khi có sự cho phép trực tiếp của Ngài, và nói với tôi rằng chính Ngài sẽ theo dõi những nỗ lực đó để đảm bảo rằng không có nguy hiểm nào xảy ra.

Naturally I took the hint, and worked away steadily, and I think I may say intensely, at that particular kind of meditation day after day. I must admit that it was very hard work and sometimes distinctly painful, but of course [ix] I persevered, and in due course began to achieve the results that I had been led to expect. Certain channels had to be opened and certain partitions broken down; I was told that forty days was a fair estimate of the

Đương nhiên, tôi đã làm theo gợi ý và làm việc đều đặn, và tôi nghĩ tôi có thể nói là mạnh mẽ, với loại tham thiền cụ thể đó ngày này qua ngày khác. Tôi phải thừa nhận rằng đó là một công việc rất khó khăn và đôi khi rõ ràng là đau đớn, nhưng tất nhiên [ix] tôi đã kiên trì, và đến một lúc nào đó đã bắt đầu đạt được kết quả mà tôi đã được dẫn dắt để mong đợi. Một số kênh nhất định phải được mở và một số vách ngăn nhất định phải được phá bỏ; tôi được cho biết

average time required if the effort was really energetic and persevering. I worked at it for forty-two days, and seemed to myself to be on the brink of the final victory, when the Master Himself intervened and performed the final act of breaking through which completed the process, and enabled me thereafter to use astral sight while still retaining full consciousness in the physical body—which is equivalent to saying that the astral consciousness and memory became continuous whether the physical body was awake or asleep. I was given to understand that my own effort would have enabled me to break through in twenty-four hours longer, but that the Master interfered because He wished to employ me at once in a certain piece of work.

rằng bốn mươi ngày là ước tính hợp lý về thời gian trung bình cần thiết nếu nỗ lực thực sự mạnh mẽ và kiên trì. Tôi đã làm việc đó trong bốn mươi hai ngày, và dường như bản thân tôi đang trên bờ vực của chiến thắng cuối cùng, thì chính Chân sư đã can thiệp và thực hiện hành động đột phá cuối cùng, hoàn thành quá trình, và sau đó cho phép tôi sử dụng thị lực cảm dục trong khi vẫn giữ được ý thức đầy đủ trong thể xác—điều này tương đương với việc nói rằng tâm thức và trí nhớ cảm dục trở nên liên tục cho dù thể xác đang thức hay ngủ. Tôi được hiểu rằng nỗ lực của riêng tôi sẽ cho phép tôi đột phá trong vòng hai mươi tư giờ nữa, nhưng Chân sư đã can thiệp vì Ngài muốn sử dụng tôi ngay lập tức trong một công việc nhất định.

Psychic Training —Rèn Luyện Thông Linh

It must not for a moment be supposed, however, that the attainment of this particular power [x] was the end of the occult training. On the contrary, it proved to be only the beginning of a year of the hardest work that I have ever known. It will be understood that I lived there in the octagonal room by the river-side alone for many long hours every day, and practically secure from any interruption except at meal-times..... Several Masters were so gracious as to visit me during that period and to offer me various hints; but it was the Master Djwal Kul who gave most of the necessary instruction. It may be that He was moved to this act of kindness because of my close association with Him in my last life, when I studied under Him in the Pythagorean school which He established in Athens, and even had the honour of managing it after His death. I know not how to thank Him for the enormous amount of care and trouble which He took in my psychic education; patiently and over and over again

Tuy nhiên, không nên cho rằng việc đạt được sức mạnh cụ thể này [x] là kết thúc của quá trình rèn luyện huyền bí học. Ngược lại, nó chỉ là sự khởi đầu của một năm làm việc chăm chỉ nhất mà tôi từng biết. Cần phải hiểu rằng tôi đã sống ở đó, trong căn phòng hình bát giác bên bờ sông, một mình trong nhiều giờ liền mỗi ngày, và thực tế là an toàn khỏi bất kỳ sự gián đoạn nào ngoại trừ vào giờ ăn..... Một số Chân Sư đã rất tử tế đến thăm tôi trong thời gian đó và đưa ra nhiều gợi ý khác nhau; nhưng chính Chân sư Djwal Kul là người đã đưa ra hầu hết các hướng dẫn cần thiết. Có thể Ngài đã được cảm động bởi hành động tử tế này vì mối quan hệ thân thiết của tôi với Ngài trong kiếp trước, khi tôi học dưới sự hướng dẫn của Ngài trong trường phái Pythagore mà Ngài thành lập ở Athens, và thậm chí còn có vinh dự quản lý nó sau khi Ngài qua đời. Tôi không biết làm thế nào để cảm ơn Ngài vì vô số sự quan tâm và rắc rối mà Ngài đã dành cho việc giáo dục tâm linh của tôi; kiên nhẫn và hết lần này đến lần khác, Ngài sẽ tạo ra một hình tư tưởng

He would make a vivid thought-form, and say to me: "What do you see?" And when I described it to the best of my ability, would come again and again the comment: [xi] "No, no, you are not seeing true; you are not seeing all; dig deeper into yourself, use your mental vision as well as your astral; press just a little further, a little higher."

sống động, và nói với tôi: "Con thấy gì?" Và khi tôi mô tả nó một cách tốt nhất có thể, sẽ lại có lời nhận xét: [xi] "Không, không, con không thấy đúng; con không thấy hết; hãy đào sâu hơn vào bản thân mình, hãy sử dụng tầm nhìn trí tuệ cũng như cảm dục của con; hãy tiến thêm một chút nữa, cao hơn một chút nữa."

This process often had to be many times repeated before my mentor was satisfied. The pupil has to be tested in all sorts of ways and under all conceivable conditions; indeed, towards the end of the tuition sportive nature-spirits are especially called in and ordered in every way possible to endeavour to confuse or mislead the seer. Unquestionably it is hard work, and the strain which it imposes is, I suppose, about as great as a human being can safely endure; but the result achieved is assuredly far more than worth while, for it leads directly up to the union of the lower and the higher self and produces an utter certainty of knowledge based upon experience which no future happenings can ever shake.[1]

Quá trình này thường phải được lặp đi lặp lại nhiều lần trước khi người cố vấn của tôi hài lòng. Người học trò phải được kiểm tra theo mọi cách và trong mọi điều kiện có thể tưởng tượng được; thực sự, đến cuối khóa học, các tinh linh thiên nhiên vui tươi được gọi đến đặc biệt và được lệnh bằng mọi cách có thể cố gắng gây nhầm lẫn hoặc đánh lạc hướng nhà tiên tri. Chắc chắn đó là một công việc khó khăn, và tôi cho rằng, sự căng thẳng mà nó gây ra cũng lớn như một con người có thể chịu đựng một cách an toàn; nhưng kết quả đạt được chắc chắn xứng đáng hơn rất nhiều, vì nó dẫn trực tiếp đến sự hợp nhất của phàm ngã và chân ngã và tạo ra một sự chắc chắn tuyệt đối về kiến thức dựa trên kinh nghiệm mà không có biến cố nào trong tương lai có thể lay chuyển.

At the time that the lecture for the London Lodge was being prepared, I was residing with [xii] Mr. Leadbeater, and attending classes for examinations. It was a habit of Mr. Leadbeater never to throw away the envelopes in which he received letters. He cut them open at the sides, and used their insides for writing memoranda. This habit remained with him even to the last year of his life. After delivering the lecture from notes on November 21, 1894, his next task was to write it out for publication as *Transaction No. 24* of the London Lodge. He began writing a little at a time, on scraps of paper which were the opened envelopes. It

Vào thời điểm bài giảng cho Hội Quán Luân Đôn đang được chuẩn bị, tôi đang sống cùng [xii] Ông Leadbeater và tham dự các lớp học để thi. Ông Leadbeater có thói quen không bao giờ vứt bỏ những phong bì mà ông nhận được thư. Ông cắt chúng mở ở hai bên và sử dụng mặt trong của chúng để viết ghi nhớ. Thói quen này vẫn còn với ông ngay cả đến năm cuối đời. Sau khi đọc bài giảng từ các ghi chú vào ngày 21 tháng 11 năm 1894, nhiệm vụ tiếp theo của ông là viết ra để xuất bản dưới dạng Giao Dịch Số 24 của Hội Quán Luân Đôn. Ông bắt đầu viết từng chút một, trên những mẩu giấy vốn là những phong bì đã mở. Nhiệm

[1] * A description of a final test in this training is given by the author in "A Test of Courage", in his book of stories, *The Perfume of Egypt*. - C. J.

was my task then to write from these scraps into the unwritten pages of an old foolscap-size diary. The manuscript therefore was in my handwriting. The writing took three or four weeks, as he was occupied in various kinds of work for his livelihood, and so could write only when time was available for writing.

vụ của tôi sau đó là viết từ những mẩu giấy này vào những trang chưa viết của một cuốn nhật ký cũ khổ giấy học sinh. Do đó, bản thảo là do tôi viết tay. Việc viết mất ba hoặc bốn tuần, vì ông bận rộn với nhiều loại công việc khác nhau để kiếm sống, và vì vậy chỉ có thể viết khi có thời gian rảnh.

When the printer's proofs of the London Lodge Transaction came to Bishop Leadbeater, the manuscript (which was in my handwriting) was of course returned also. As happens when a manuscript is returned by the printer, this manuscript showed the thumb marks of the compositor and proof-reader, and the clean whiteness of the pages had [xiii] disappeared in the process of handling. This would not have mattered, as once a manuscript is in print it is thrown into the waste paper basket.

Khi bản in thử của Giao Dịch Hội Quán Luân Đôn đến tay Giám mục Leadbeater, bản thảo (do tôi viết tay) tất nhiên cũng được trả lại. Như thường lệ khi một bản thảo được trả lại bởi máy in, bản thảo này có dấu vân tay của người sắp chữ và người hiệu đính, và độ trắng sạch của các trang đã [xiii] biến mất trong quá trình xử lý. Điều này sẽ không thành vấn đề, vì một khi bản thảo đã được in, nó sẽ bị vứt vào sọt rác.

But now happened an unusual and unexpected incident which distinctly flustered Bishop Leadbeater. One morning he informed me that the Master K. H. had asked for the manuscript, as He desired to deposit it in the Museum of Records of the Great White Brotherhood. The Master explained that *The Astral Plane* was an unusual production and a landmark in the intellectual history of humanity. The Master explained that hitherto, even in such a great civilization as that of Atlantis, the sages of the occult schools had approached the facts of Nature not from the modern scientific standpoint, but from a different angle. The occult teachers of the past had sought more the inner significance of facts, what might be termed the "life side" of Nature, and less the "form side" of Nature, such as characterizes the scientific method of today. While a great body of knowledge concerning Nature's mysteries had been gathered by the Adepts of past civilizations,

Nhưng bây giờ đã xảy ra một sự cố bất thường và bất ngờ khiến Giám mục Leadbeater bối rối rõ rệt. Một buổi sáng, ông thông báo với tôi rằng Chân sư K.H. đã yêu cầu bản thảo, vì Ngài muốn gửi nó vào Bảo tàng Hồ Sơ của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo. Chân sư giải thích rằng Cõi Cảm Dục là một tác phẩm bất thường và là một dấu mốc trong lịch sử trí tuệ của nhân loại. Chân sư giải thích rằng cho đến nay, ngay cả trong một nền văn minh vĩ đại như Atlantis, các nhà hiền triết của các trường phái huyền bí học đã tiếp cận các sự kiện của Thiên nhiên không phải từ quan điểm khoa học hiện đại, mà từ một góc độ khác. Các bậc thầy huyền bí học trong quá khứ đã tìm kiếm ý nghĩa bên trong của các sự kiện, cái mà có thể được gọi là "mặt sự sống" của Thiên nhiên, và ít hơn là "mặt hình tướng" của Thiên nhiên, chẳng hạn như đặc trưng của phương pháp khoa học ngày nay. Trong khi một lượng lớn kiến thức liên quan đến những bí ẩn của Thiên nhiên đã được thu thập bởi các Chân Sư của các nền văn

that knowledge had hitherto been synthesized not after a detailed [xiv] scientific analysis, but from the reactions of consciousness to the "life side". On the other hand, for the first time among occultists, a detailed investigation had been made of the Astral Plane as a whole, in a manner similar to that in which a botanist in an Amazonian jungle would set to work in order to classify its trees, plants and shrubs, and so write a botanical history of the jungle.

minh trong quá khứ, thì kiến thức đó cho đến nay đã được tổng hợp không phải sau khi phân tích khoa học chi tiết [xiv] mà từ các phản ứng của tâm thức đối với "mặt sự sống". Mặt khác, lần đầu tiên trong số các nhà huyền bí học, một cuộc điều tra chi tiết đã được thực hiện trên toàn bộ Cõi Cảm Dục, theo cách tương tự như cách một nhà thực vật học trong rừng rậm Amazon sẽ bắt tay vào công việc để phân loại cây cối, thực vật và cây bụi của nó, và do đó viết nên lịch sử thực vật của khu rừng.

For this reason the little book, *The Astral Plane*, was definitely a landmark, and the Master as Keeper of the Records desired to place its manuscript in the great Museum. This Museum contains a careful selection of various objects of historical importance to the Masters and Their pupils in connection with their higher studies, and it is especially a record of the progress of humanity in various fields of activity. It contains, for instance, globes modelled to show the configuration of the Earth at various epochs of time; it was from these globes that Bishop Leadbeater drew the maps which were published in another transaction of the London Lodge, that on *Atlantis* by W. Scott-Elliot. The Museum contains among other significant objects a piece of solid Mercury, which is an isotope. It contains various old texts relating to extinct and [xv] present religions, and other material useful for an understanding of the work of the "Life Wave" on this globe, our Earth.

Vì lý do này, cuốn sách nhỏ, Cõi Cảm Dục, chắc chắn là một dấu mốc, và Chân sư, với tư cách là Người Giữ Hồ Sơ, muốn đặt bản thảo của nó vào Bảo tàng vĩ đại. Bảo tàng này chứa một bộ sưu tập được lựa chọn cẩn thận gồm nhiều đồ vật có tầm quan trọng lịch sử đối với các Chân Sư và học trò của Các Ngài liên quan đến các nghiên cứu cao hơn của họ, và nó đặc biệt là một ghi chép về sự tiến bộ của nhân loại trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau. Ví dụ, nó chứa các quả địa cầu được mô hình hóa để hiển thị cấu hình của Trái đất ở nhiều thời đại khác nhau; chính từ những quả địa cầu này mà Giám mục Leadbeater đã vẽ các bản đồ được xuất bản trong một giao dịch khác của Hội Quán Luân Đôn, đó là trên Atlantis của Ông W. Scott-Elliot. Trong số các đồ vật quan trọng khác, Bảo tàng có một miếng Thủy ngân rắn, vốn là một đồng vị. Nó chứa nhiều văn bản cổ liên quan đến các tôn giáo đã tuyệt chủng và [xv] hiện tại, và các tài liệu khác hữu ích cho việc hiểu công việc của "Làn Sóng Sự Sống" trên địa cầu này, Trái đất của chúng ta.

About the only occasion that I can recall when one could describe Bishop Leadbeater as being "flustered" was on receiving this request of the Master for the manuscript of his little book, for the manuscript was soiled-it could well be described as "grubby"—after the handling by the printer. Nevertheless, the Master's request had to be carried out. The question then arose

Dịp duy nhất mà tôi có thể nhớ lại khi có thể mô tả Giám mục Leadbeater là "bối rối" là khi nhận được yêu cầu này của Chân sư về bản thảo cuốn sách nhỏ của ông, vì bản thảo đã bị bẩn - có thể mô tả là "bẩn thỉu" - sau khi được nhà in xử lý. Tuy nhiên, yêu cầu của Chân sư phải được thực hiện. Sau đó, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để vận chuyển bản thảo đến Tây

how the manuscript was to be transported to Tibet. This, however, did not bother him because Bishop Leadbeater had certain occult powers which he did not reveal to others, though I have observed them on certain occasions.

Tạng. Tuy nhiên, điều này không làm ông bận tâm vì Giám mục Leadbeater có những quyền năng huyền bí nhất định mà ông không tiết lộ cho người khác, mặc dù tôi đã quan sát thấy chúng trong những dịp nhất định.

The manuscript was to be transported by dematerialization, and to be rematerialized in Tibet.

Bản thảo sẽ được vận chuyển bằng cách phi vật chất hóa, và được tái vật chất hóa ở Tây Tạng.

I happened to have a piece of a yellow silk ribbon three inches broad, and folding the manuscript into four I put the ribbon round it, and stitched it to make a band. I was excited, as here was a remarkable opportunity to get proof of a “phenomenon”. If the manuscript were locked in some [xvi] box and the key was with me all the time, and the manuscript were found to have disappeared, I should have a splendid phenomenon to narrate.

Tôi tình cờ có một mảnh ruy băng lụa màu vàng rộng ba inch, và gấp bản thảo thành bốn, tôi đặt ruy băng quanh đó, và khâu nó lại để làm một dải băng. Tôi rất hào hứng, vì đây là một cơ hội đáng chú ý để có được bằng chứng về một "hiện tượng". Nếu bản thảo bị khóa trong một chiếc hộp nào đó [xvi] và chìa khóa luôn ở bên tôi, và bản thảo bị phát hiện là đã biến mất, tôi sẽ có một hiện tượng tuyệt vời để kể lại.

But strangely as it happened, among Bishop Leadbeater’s possessions and mine at the time we had nothing that would lock properly. There was an old cowhide trunk but its lock was broken. We had very few bags at the time, but all had defective locks, and absolutely there was nothing with a serviceable lock. There was a small wooden box with inlaid tortoise shell, which was the workbox of his mother; but its key had been lost long ago.

Nhưng kỳ lạ thay, trong số tài sản của Giám mục Leadbeater và của tôi vào thời điểm đó, chúng tôi không có gì có thể khóa đúng cách. Có một chiếc rương da bò cũ nhưng khóa của nó đã bị hỏng. Chúng tôi có rất ít túi xách vào thời điểm đó, nhưng tất cả đều có khóa bị lỗi, và hoàn toàn không có gì có khóa dùng được. Có một chiếc hộp gỗ nhỏ có khảm vỏ rùa, đó là hộp đựng đồ nghề của mẹ ông; nhưng chìa khóa của nó đã bị mất từ lâu.

There remained nothing to be done except to put the manuscript inside this box and pile a heap of books on it *faute de mieux*. Next morning on waking, and on removing the pile of books and looking inside the work box, the manuscript was not there. My chagrin at losing the opportunity to prove a phenomenon was not consoled by being told that I myself had taken astrally the manuscript to the Master.

Không còn gì để làm ngoài việc đặt bản thảo vào bên trong chiếc hộp này và chất một đống sách lên trên nó faute de mieux. Sáng hôm sau khi thức dậy, và khi dỡ bỏ đống sách và nhìn vào bên trong hộp đựng đồ nghề, bản thảo đã không còn ở đó. Sự thất vọng của tôi khi mất cơ hội chứng minh một hiện tượng đã không được an ủi khi được cho biết rằng chính tôi đã mang bản thảo theo thể vía đến Chân sư.

It may here be interesting to quote what I

Ở đây có thể thú vị khi trích dẫn những gì tôi

wrote elsewhere, on this subject of the impossibility of finding an instance of the action of super-physical [xvii] powers that the sceptical scientific mind could consider “water-tight” against criticism.

đã viết ở nơi khác, về chủ đề này về việc không thể tìm thấy một ví dụ về tác dụng của các quyền năng siêu vật lý [xvii] mà tâm trí khoa học hoài nghi có thể coi là "kín nước" chống lại sự chỉ trích.

Whenever we might have given an instance of proof, with regard to occult facts, without any possible challenge, always something happened to prevent the finality in the proof. It is well known that, in the early days of Spiritualism, many striking objects were transported from distances, showing that the spirits were able to use extraordinary powers. But in each instance there was just one final link in the chain missing. There was always a loophole for doubt. Similarly, in the phenomena done by the Adepts in connection with Madame Blavatsky’s work at Simla, it would have been the easiest thing for Them to have transported the London *Times* of the day to Simla, as was once suggested. But in all cases of phenomena, there was the omission, through oversight, or for some other reason, of some important evidential fact.

Bất cứ khi nào chúng tôi có thể đưa ra một ví dụ về bằng chứng, liên quan đến các sự kiện huyền bí, mà không có bất kỳ thách thức nào, luôn có điều gì đó xảy ra để ngăn cản tính cuối cùng của bằng chứng. Người ta biết rõ rằng, trong những ngày đầu của Thuyết Thông linh, nhiều vật thể nổi bật đã được vận chuyển từ xa, cho thấy rằng các linh hồn có thể sử dụng những quyền năng phi thường. Nhưng trong mỗi trường hợp, chỉ có một mắt xích cuối cùng trong chuỗi bị thiếu. Luôn luôn có một kẽ hở cho sự nghi ngờ. Tương tự, trong các hiện tượng do các Chân sư thực hiện liên quan đến công việc của Bà Blavatsky tại Simla, Các Ngài sẽ dễ dàng vận chuyển tờ London Times trong ngày đến Simla, như đã từng được đề xuất. Nhưng trong tất cả các trường hợp hiện tượng, đã có sự thiếu sót, do sơ suất, hoặc vì một số lý do khác, của một số sự kiện chứng cứ quan trọng.

When the Adepts were asked on this matter, we were informed that They purposely prevented any phenomenon which would be absolutely “water-tight” in the matter of proof. [xviii] It is Their plan that, while humanity is at the present stage, where a large number of powerful minds lack an adequate moral development, no opportunity shall be given to these unscrupulous minds to have a *complete* trust in the existence of occult powers. So long as there is scepticism on the matter, mankind is protected from exploitation by the unscrupulous. We know already how mankind has been exploited economically and industrially by selfish minds, controlling the resources of Nature. How great a calamity might occur, if these

Khi các Chân sư được hỏi về vấn đề này, chúng tôi được thông báo rằng Các Ngài cố tình ngăn chặn bất kỳ hiện tượng nào hoàn toàn "kín nước" về vấn đề bằng chứng. [xviii] Kế hoạch của Các Ngài là, trong khi nhân loại đang ở giai đoạn hiện tại, nơi một số lượng lớn những bộ óc mạnh mẽ thiếu sự phát triển đạo đức đầy đủ, sẽ không có cơ hội nào được trao cho những bộ óc vô đạo đức này để hoàn toàn tin tưởng vào sự tồn tại của các quyền năng huyền bí. Miễn là còn có sự hoài nghi về vấn đề này, nhân loại sẽ được bảo vệ khỏi bị bóc lột bởi những kẻ vô đạo đức. Chúng ta đã biết nhân loại đã bị bóc lột về kinh tế và công nghiệp như thế nào bởi những bộ óc ích kỷ, kiểm soát các nguồn tài nguyên của Thiên nhiên. Thật không khó để bất kỳ ai có một chút trí tưởng

selfish minds were to use occult powers also for exploitation, is not difficult for anyone with a little imagination to conceive.

tượng hình dung ra thảm họa lớn có thể xảy ra nếu những bộ óc ích kỷ này cũng sử dụng quyền năng huyền bí để bóc lột.

Bishop Leadbeater first met Dr. Annie Besant in 1894. The next year she invited him and myself to live at the London Theosophical Headquarters at 19 Avenue Road, Regents Park, where H.P.B. passed away in 1891. This house was hers and hence her invitation to us. From this period began a very close collaboration between Dr. Besant and Bishop Leadbeater which continued right to the end of their lives. In 1892 she had begun a series called “Theosophical Manuals”, consisting [xix] of small books summarizing in brief the Theosophical teaching on various subjects. The first four respectively, *Seven Principles of Man*, *Reincarnation*, *Karma*, *Death–And After?* had been issued when she asked Bishop Leadbeater’s permission to issue the London Lodge Transaction as a manual in the series. It duly appeared as Manual No. 5.

Giám mục Leadbeater lần đầu tiên gặp Bà Annie Besant vào năm 1894. Năm sau, bà mời ông và tôi đến sống tại Trụ sở Thông Thiên Học Luân Đôn tại 19 Avenue Road, Regents Park, nơi HPB qua đời vào năm 1891. Ngôi nhà này là của bà và do đó bà đã mời chúng tôi. Từ thời kỳ này bắt đầu một sự hợp tác rất chặt chẽ giữa Bà Besant và Giám mục Leadbeater, điều này tiếp tục cho đến cuối đời của họ. Năm 1892, bà đã bắt đầu một loạt bài có tên là "Sổ tay Thông Thiên Học", bao gồm [xix] các cuốn sách nhỏ tóm tắt ngắn gọn giáo lý Thông Thiên Học về các chủ đề khác nhau. Bốn cuốn đầu tiên, lần lượt là Bảy Nguyên lý của Con người, Luân hồi, Nghiệp quả, Cái chết - Và sau đó?, đã được xuất bản khi bà xin phép Giám mục Leadbeater xuất bản Giao dịch của Hội quán Luân Đôn như một sổ tay trong bộ sách. Nó đã được xuất bản đúng hạn với tên Sổ tay số 5.

It was in 1895 that the two made a joint investigation into the structure of Hydrogen. Oxygen and Nitrogen (and a fourth element christened by us “Occultum” hitherto not yet discovered). That same year both made extensive investigations into the structure, conditions and inhabitants of the lower and higher Mental Planes. On the model of the work done by Bishop Leadbeater when investigating the Astral Plane, Dr. Besant and he examined instance after instance of egos in “Devachan”, in that period of their existence after death in the state of happiness called the Heaven World. As before, it was Bishop Leadbeater who wrote out the investigations, for Dr. Besant had many engagements; this was the origin of Theosophical Manual No. 6, *The Devachanic Plane*.

Vào năm 1895, hai người đã cùng nhau điều tra cấu trúc của Hydro. Oxy và Nitơ (và một nguyên tố thứ tư được chúng tôi đặt tên là "Occultum" cho đến nay vẫn chưa được khám phá). Cùng năm đó, cả hai đã thực hiện các cuộc điều tra sâu rộng về cấu trúc, điều kiện và cư dân của các Cõi Trí thấp hơn và cao hơn. Theo mô hình công việc do Giám mục Leadbeater thực hiện khi điều tra Cõi Cảm dục, Bà Besant và ông đã kiểm tra từng trường hợp của các chân ngã trong "Cõi Thiên", trong khoảng thời gian tồn tại của họ sau khi chết trong trạng thái hạnh phúc được gọi là Cõi Trời. Như trước đây, Giám mục Leadbeater là người đã viết ra các cuộc điều tra, vì Bà Besant có nhiều việc phải làm; đây là nguồn gốc của Sổ tay Thông Thiên Học số 6, Cõi Thiên.

These two works, *The Astral Plane* and *The Devachanic Plane*, embody a careful research, in as [xx] objective and scientific a manner as Dr. Besant and Bishop Leadbeater were capable of, and the result is a very precious body of facts concerning the invisible world. A close analysis and study of these facts by any eager student who has an unprejudiced and impartial mind, cannot but give him the feeling that, though he may be unable to believe in the statements recorded, yet nevertheless there is one characteristic about them, that they appear to be descriptions of objects and events seen objectively, as through a microscope or telescope, and not subjectively, as is the case of a novelist spinning out the incidents of a vivid story.

This, in brief, is the story of the writing of this small but precious manual, *The Astral Plane*.

C. JINARAJADASA

Hai tác phẩm này, Cõi Cảm dục và Cõi Thiên, thể hiện một nghiên cứu cẩn thận, theo cách [xx] khách quan và khoa học nhất mà Bà Besant và Giám mục Leadbeater có khả năng, và kết quả là một tập hợp các sự kiện rất quý giá liên quan đến thế giới vô hình. Một phân tích và nghiên cứu kỹ lưỡng về những sự kiện này bởi bất kỳ sinh viên nào háo hức có đầu óc không thiên vị và công bằng, không thể không mang lại cho y cảm giác rằng, mặc dù y có thể không tin vào những tuyên bố được ghi lại, nhưng tuy nhiên có một đặc điểm về chúng, đó là chúng dường như là mô tả về các vật thể và sự kiện được nhìn thấy một cách khách quan, như qua kính hiển vi hoặc kính thiên văn, chứ không phải chủ quan, như trường hợp của một tiểu thuyết gia đang kéo dài các tình tiết của một câu chuyện sống động.

Tóm lại, đây là câu chuyện về việc viết cuốn sổ tay nhỏ nhưng quý giá này, Cõi Cảm dục.

C. JINARAJADASA

CHAPTER I -CHƯƠNG I

A GENERAL SURVEY —KHÁI QUÁT CHUNG

THOUGH for the most part entirely unconscious of it, man passes the whole of his life in the midst of a vast and populous unseen world. During sleep or in trance, when the insistent physical senses are for the time in abeyance, this other world is to some extent open to him, and he will sometimes bring back from those conditions more or less vague memories of what he has seen and heard there. When, at the change which men call death, he lays aside his physical body altogether, it is into this unseen world that he passes, and in it he lives through the long centuries that intervene between his incarnations into this existence that we know. By far the greater part of these long periods is spent in the heaven-world, to which the sixth of these manuals is devoted; but what we have now to consider is the lower part of this unseen world, the state into which man enters immediately after [1] death—the Hades or underworld of the Greeks, the purgatory or intermediate state of Christianity which was called by mediæval alchemists the astral plane.

MẶC DÙ phần lớn hoàn toàn không ý thức được điều đó, con người trải qua toàn bộ cuộc đời của mình giữa một thế giới vô hình rộng lớn và đông dân cư. Trong khi ngủ hoặc xuất thần, khi các giác quan thể xác khăng khăng tạm thời không hoạt động, thế giới khác này ở một mức độ nào đó mở ra cho y, và đôi khi y sẽ mang về từ những điều kiện đó những ký ức ít nhiều mơ hồ về những gì y đã thấy và nghe thấy ở đó. Khi, tại sự thay đổi mà con người gọi là cái chết, y hoàn toàn từ bỏ thể xác của mình, y bước vào thế giới vô hình này, và trong đó y sống qua những thế kỷ dài xen kẽ giữa các lần nhập thể của y vào sự tồn tại mà chúng ta biết. Phần lớn hơn nhiều trong những khoảng thời gian dài này được dành cho cõi trời, mà cuốn thứ sáu trong số các sổ tay này dành riêng cho; nhưng điều chúng ta phải xem xét bây giờ là phần thấp hơn của thế giới vô hình này, trạng thái mà con người bước vào ngay sau khi [1] chết — Hades hay thế giới ngầm của người Hy Lạp, luyện ngục hay trạng thái trung gian của Cơ đốc giáo mà các nhà giả kim thuật thời trung cổ gọi là cõi cảm dục.

The object of this manual is to collect and arrange the information with regard to this interesting region which is scattered through Theosophical literature, and also to supplement it slightly in cases where new facts have come to our knowledge. It must be understood that any such additions are only the result of the investigations of a few explorers, and must not, therefore, be taken as in any way authoritative, but are given simply for what they are worth.

Mục đích của sổ tay này là thu thập và sắp xếp thông tin liên quan đến khu vực thú vị này vốn nằm rải rác trong các tài liệu Thông Thiên Học, và cũng bổ sung một chút trong những trường hợp chúng tôi biết được sự kiện mới. Cần phải hiểu rằng bất kỳ bổ sung nào như vậy chỉ là kết quả của các cuộc điều tra của một số nhà thám hiểm, và do đó, không được coi là có thẩm quyền theo bất kỳ cách nào, mà chỉ được đưa ra đơn giản theo giá trị của chúng.

On the other hand every precaution in our power has been taken to ensure accuracy, no fact, old or new, being admitted to this manual unless it has been confirmed by the testimony of at least two independent trained investigators among ourselves, and has also been passed as correct by older students whose knowledge on these points is necessarily much greater than ours. It is hoped, therefore, that this account of the astral plane, though it cannot be considered as quite complete, may yet be found reliable as far as it goes. [2]

Mặt khác, mọi biện pháp phòng ngừa trong khả năng của chúng tôi đã được thực hiện để đảm bảo tính chính xác, không có sự kiện nào, cũ hay mới, được đưa vào sổ tay này trừ khi nó đã được xác nhận bởi lời khai của ít nhất hai nhà điều tra được đào tạo độc lập trong chúng tôi, và cũng đã được thông qua là chính xác bởi các đạo sinh lớn tuổi hơn có kiến thức về những điểm này nhất thiết phải lớn hơn nhiều so với chúng tôi. Do đó, hy vọng rằng tài khoản này về cõi cảm dục, mặc dù không thể coi là hoàn toàn đầy đủ, nhưng vẫn có thể được tìm thấy đáng tin cậy cho đến nay. [2]

[Thus I wrote some forty years ago in the first edition of this book; now I may add that daily experience during the whole of that time has but confirmed the accuracy of last century's investigations. Much that was then still somewhat strange and novel has now become familiar through constant and intimate acquaintance, and a mass of additional evidence has been accumulated; here and there there may be a few words to add; there is practically nothing to alter.]

[Vì vậy, tôi đã viết khoảng bốn mươi năm trước trong lần xuất bản đầu tiên của cuốn sách này; bây giờ tôi có thể nói thêm rằng kinh nghiệm hàng ngày trong suốt thời gian đó đã xác nhận tính chính xác của các cuộc điều tra vào thế kỷ trước. Nhiều điều khi đó vẫn còn hơi xa lạ và mới lạ giờ đã trở nên quen thuộc thông qua sự quen biết thường xuyên và thân thiết, và một lượng lớn bằng chứng bổ sung đã được tích lũy; ở đây và ở đó có thể có một vài từ để thêm; thực tế không có gì để thay đổi.]

The first point which it is necessary to make clear in describing this astral plane is its absolute *reality*. In using that word I am not speaking from that metaphysical standpoint from which all but the One Unmanifested is unreal because impermanent; I am using the word in its plain, every-day sense, and I mean by it that the objects and inhabitants of the astral plane are real in exactly the same way as our own bodies, our furniture, our houses or monuments are real—as real as Charing Cross, to quote an expressive remark from one of the earliest Theosophical works. They will no more endure for ever than will objects on the physical plane, but they are nevertheless realities from our point of view while they last —realities which we [3] cannot afford to ignore merely because the majority of

Điểm đầu tiên cần làm rõ khi mô tả cõi cảm dục này là tính hiện thực tuyệt đối của nó. Khi sử dụng từ đó, tôi không nói từ quan điểm siêu hình mà từ đó tất cả trừ Đấng Bất Khả Biểu Hiện là không thực vì vô thường; tôi đang sử dụng từ này theo nghĩa thông thường, hàng ngày của nó, và tôi muốn nói rằng các vật thể và cư dân của cõi cảm dục là có thật theo cách chính xác giống như cơ thể của chúng ta, đồ đạc của chúng ta, nhà cửa hoặc tượng đài của chúng ta là có thật — có thật như Charing Cross, để trích dẫn một nhận xét biểu cảm từ một trong những tác phẩm Thông Thiên Học sớm nhất. Chúng sẽ không tồn tại mãi mãi cũng như các vật thể trên cõi hồng trần, nhưng tuy nhiên chúng là thực tế từ quan điểm của chúng ta trong khi chúng tồn tại — những thực tế mà chúng ta [3] không thể bỏ

mankind is as yet unconscious, or but vaguely conscious, of their existence.

qua chỉ vì phần lớn nhân loại vẫn chưa ý thức được, hoặc chỉ mơ hồ ý thức được về sự tồn tại của chúng.

I know how difficult it is for the average mind to grasp the reality of that which we cannot see with our physical eyes. It is hard for us to realize how partial our sight is—to understand that we are all the time living in a vast world of which we see only a tiny part. Yet science tells us with no uncertain voice that this is so, for it describes to us whole worlds of minute life of whose existence we are entirely ignorant as far as our senses are concerned. Nor are the creatures of these worlds unimportant because minute, for upon a knowledge of the habits and condition of some of those microbes depends our ability to preserve health, and in many cases life itself.

Tôi biết thật khó khăn như thế nào đối với một tâm trí bình thường để nắm bắt được thực tế của những gì chúng ta không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Thật khó để chúng ta nhận ra thị lực của mình phiến diện như thế nào — để hiểu rằng chúng ta luôn sống trong một thế giới rộng lớn mà chúng ta chỉ nhìn thấy một phần nhỏ bé. Tuy nhiên, khoa học nói với chúng ta bằng giọng nói chắc chắn rằng điều này là như vậy, vì nó mô tả cho chúng ta toàn bộ thế giới của sự sống nhỏ bé mà chúng ta hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của chúng theo như các giác quan của chúng ta. Các sinh vật của những thế giới này cũng không phải là không quan trọng vì chúng nhỏ bé, vì dựa trên kiến thức về thói quen và tình trạng của một số vi khuẩn đó phụ thuộc vào khả năng duy trì sức khỏe của chúng ta, và trong nhiều trường hợp là chính sự sống.

In another direction also our senses are limited. We cannot see the very air that surrounds us; our senses give us no indication of its existence, except that when it is in motion we are aware of it by the sense of touch. Yet in it there is a force that can wreck our mightiest vessels and throw down our strongest buildings. Clearly all about us there are potent forces which yet elude our poor and partial [4] senses; so obviously we must beware of falling into the fatally common error of supposing that what *we* see is all there *is* to see.

Theo một hướng khác, các giác quan của chúng ta cũng bị hạn chế. Chúng ta không thể nhìn thấy chính không khí bao quanh chúng ta; các giác quan của chúng ta không cho chúng ta dấu hiệu nào về sự tồn tại của nó, ngoại trừ việc khi nó chuyển động, chúng ta nhận thức được nó bằng xúc giác. Tuy nhiên, trong đó có một lực có thể phá hủy những con tàu hùng mạnh nhất của chúng ta và phá đổ những tòa nhà kiên cố nhất của chúng ta. Rõ ràng là xung quanh chúng ta có những lực lượng mạnh mẽ mà vẫn lẩn tránh các giác quan kém cỏi và phiến diện [4] của chúng ta; vì vậy rõ ràng chúng ta phải cẩn thận đừng rơi vào sai lầm chết người phổ biến là cho rằng những gì chúng ta nhìn thấy là tất cả những gì cần thấy.

We are, as it were, shut up in a tower, and our senses are tiny windows opening out in

Chúng ta như thể bị nhốt trong một tòa tháp, và các giác quan của chúng ta là những ô cửa

certain directions. In many other directions we are entirely shut in, but clairvoyance or astral sight opens for us one or two additional windows, and so enlarges our prospect, and spreads before us a new and wider world, which is yet part of the old world, though before we did not know it.

sổ nhỏ xíu mở ra theo những hướng nhất định. Theo nhiều hướng khác, chúng ta hoàn toàn bị đóng kín, nhưng khả năng thấu thị hoặc tầm nhìn thể vía mở ra cho chúng ta một hoặc hai cửa sổ bổ sung, và do đó mở rộng tầm nhìn của chúng ta, và trải rộng trước mắt chúng ta một thế giới mới và rộng lớn hơn, vốn vẫn là một phần của thế giới cũ, mặc dù trước đây chúng ta không biết đến nó.

No one can get a clear conception of the teachings of the Wisdom-Religion until he has at any rate an intellectual grasp of the fact that in our solar system there exist perfectly definite planes, each with its own matter of different degrees of density. Some of these planes can be visited and observed by persons who have qualified themselves for the work, exactly as a foreign country might be visited and observed; and, by comparing the observations of those who are constantly working on these planes, evidence can be obtained of their existence and nature at least as satisfactory as that which most of us have for the existence of Greenland or Spitzbergen. Furthermore, just as any man [5] who has the means and chooses to take the trouble can go and see Greenland or Spitzbergen for himself, so any man who chooses to take the trouble to qualify himself by living the necessary life, can in time come to see these higher planes on his own account.

Không ai có thể hiểu rõ được những lời dạy của Minh Triết Ngàn Đời cho đến khi y ít nhất nắm bắt được một cách trí tuệ sự thật rằng trong hệ mặt trời của chúng ta tồn tại những cõi giới hoàn toàn xác định, mỗi cõi với chất liệu riêng có mật độ khác nhau. Một số cõi giới này có thể được viếng thăm và quan sát bởi những người đã tự rèn luyện cho công việc này, giống như một quốc gia nước ngoài có thể được viếng thăm và quan sát; và, bằng cách so sánh những quan sát của những người liên tục làm việc trên các cõi này, bằng chứng về sự tồn tại và bản chất của chúng có thể thu được ít nhất cũng thỏa đáng như bằng chứng mà hầu hết chúng ta có được về sự tồn tại của Greenland hay Spitzbergen. Hơn nữa, cũng giống như bất kỳ người nào [5] có phương tiện và chọn bỏ công sức ra đều có thể tự mình đến và xem Greenland hoặc Spitzbergen, thì bất kỳ người nào chọn bỏ công sức ra để tự rèn luyện bằng cách sống một cuộc sống cần thiết, theo thời gian đều có thể tự mình đến xem các cõi giới cao hơn này.

The names usually given to these planes, taking them in order of materiality, rising from the denser to the finer, are the Physical, the Astral, the Mental or Devachanic, the Buddhic, and the Nirvanic. Higher than this last are two others, but they are so far above our present power of conception that for the moment they may be left out of consideration. It should be understood that the matter of each of these planes differs from that of the

Tên thường được đặt cho các cõi giới này, theo thứ tự vật chất, từ đậm đặc đến tinh vi hơn, là cõi Hồng Trần, cõi Cảm Dục, cõi Trí hay cõi Devachan, cõi Bồ Đề và cõi Niết Bàn. Cao hơn cõi cuối cùng này là hai cõi khác, nhưng chúng ở quá xa so với khả năng nhận thức hiện tại của chúng ta nên tạm thời có thể không cần xem xét. Cần hiểu rằng chất liệu của mỗi cõi giới này khác với chất liệu của cõi giới bên dưới nó theo cùng một cách, mặc dù ở mức độ lớn hơn

one below it in the same way as, though to a much greater degree than, vapour differs from solid matter; in fact, the states of matter which we call solid, liquid, and gaseous are merely the three lowest sub-divisions of the matter belonging to this one physical plane.

nhiều, như hơi khác với vật chất rắn; trên thực tế, các trạng thái của vật chất mà chúng ta gọi là rắn, lỏng và khí chỉ là ba phân khu thấp nhất của vật chất thuộc về cõi hồng trần này.

The astral region which I am to attempt to describe is the second of these great Planes of Nature—the next above (or within) that physical world with which we are all familiar. It has often been called the realm of illusion—not that it is [6] itself any more illusory than the physical world, but, because of the extreme unreliability of the impressions brought back from it by the untrained seer.

Vùng cảm dục mà tôi sẽ cố gắng mô tả là cõi thứ hai trong số các Cõi Giới Vĩ Đại của Tự Nhiên—cõi tiếp theo bên trên (hoặc bên trong) thế giới hồng trần mà tất cả chúng ta đều quen thuộc. Nó thường được gọi là cõi ảo tưởng—không phải bản thân nó ảo tưởng hơn thế giới hồng trần, mà là do sự cực kỳ không đáng tin cậy của những ấn tượng được mang về từ đó bởi nhà tiên tri chưa được đào tạo. [6]

Why should this be so? We account for it mainly by two remarkable characteristics of the astral world—first, that many of its inhabitants have a marvellous power of changing their forms with Protean rapidity, and also of casting practically unlimited glamour over those with whom they choose to sport; and secondly, that sight on that plane is a faculty very different from and much more extended than physical vision. An object is seen, as it were, from all sides at once, the inside of a solid being as plainly open to the view as the outside; it is therefore obvious that an inexperienced visitor to this new world may well find considerable difficulty in understanding what he really does see, and still more in translating his vision into the very inadequate language of ordinary speech.

Tại sao lại như vậy? Chúng ta giải thích điều đó chủ yếu bằng hai đặc điểm đáng chú ý của thế giới cảm dục—thứ nhất, nhiều cư dân của nó có khả năng kỳ diệu trong việc thay đổi hình dạng của họ với tốc độ nhanh chóng của Proteus, và cũng có khả năng phủ lên những người mà họ muốn chơi đùa một màn ảo ảnh thực tế không giới hạn; và thứ hai, thị giác trên cõi giới đó là một khả năng rất khác và mở rộng hơn nhiều so với thị giác hồng trần. Một vật thể được nhìn thấy, như thể, từ tất cả các phía cùng một lúc, bên trong của một vật rắn được nhìn thấy rõ ràng như bên ngoài; do đó, rõ ràng là một người thiếu kinh nghiệm đến với thế giới mới này có thể gặp khó khăn đáng kể trong việc hiểu những gì y thực sự nhìn thấy, và càng khó hơn trong việc diễn đạt tầm nhìn của mình bằng ngôn ngữ rất không đầy đủ của lời nói thông thường.

A good example of the sort of mistake that is likely to occur is the frequent reversal of any number which the seer has to read from the astral light, so that he would be liable to render, say, 139 as 931, and so on. In the case of a student [7] of occultism trained by a capable Master such a mistake would be

Một ví dụ điển hình về loại sai lầm có thể xảy ra là việc thường xuyên đảo ngược bất kỳ con số nào mà nhà tiên tri phải đọc từ ánh sáng cảm dục, do đó y có thể dễ dàng hiển thị, chẳng hạn, 139 thành 931, v.v. Trong trường hợp một đạo sinh [7] huyền bí học được đào tạo bởi một Chân sư có năng lực thì sai lầm như vậy sẽ

impossible except through great hurry or carelessness, since such a pupil has to go through a long and varied course of instruction in this art of seeing correctly. The Master, or perhaps some more advanced pupil, brings before him again and again all possible forms of illusion, and asks him "What do you see?" Any errors in his answers are then corrected and their reasons explained, until by degrees the neophyte acquires a certainty and confidence in dealing with the phenomena of the astral plane which far exceeds anything possible in physical life.

không thể xảy ra trừ khi quá vội vàng hoặc bất cẩn, vì học trò như vậy phải trải qua một khóa học hướng dẫn dài và đa dạng về nghệ thuật nhìn đúng này. Chân sư, hoặc có lẽ một số học trò cao cấp hơn, đưa ra trước mặt y hết lần này đến lần khác tất cả các dạng ảo tưởng có thể có, và hỏi y "Con thấy gì?" Bất kỳ lỗi nào trong câu trả lời của y sau đó sẽ được sửa chữa và giải thích lý do, cho đến khi dần dần người sơ cơ có được sự chắc chắn và tự tin trong việc xử lý các hiện tượng của cõi cảm dục vượt xa bất cứ điều gì có thể có trong cuộc sống hồng trần.

He has to learn not only to see correctly but to translate accurately, from one plane to the other the memory of what he has seen. To assist him in this he has eventually to learn to carry his consciousness without break from the physical plane to the astral or mental and back again, for until that can be done there is always a possibility that his recollections may be partially lost or distorted during the blank interval which separates his periods of consciousness on the various planes. When the power of bringing over the consciousness is perfectly acquired the pupil will have the [8] advantage of the use of all the astral faculties, not only while out of his body during sleep or trance, but also while fully awake in ordinary physical life.

Y phải học không chỉ nhìn đúng mà còn phải chuyển dịch chính xác, từ cõi này sang cõi khác ký ức về những gì y đã thấy. Để hỗ trợ y trong việc này, cuối cùng y phải học cách chuyển tâm thức của mình mà không bị gián đoạn từ cõi hồng trần sang cõi cảm dục hoặc cõi trí và ngược lại, vì cho đến khi điều đó có thể được thực hiện thì luôn có khả năng ký ức của y có thể bị mất một phần hoặc bị bóp méo trong khoảng thời gian trống ngăn cách các giai đoạn tâm thức của y trên các cõi giới khác nhau. Khi năng lực mang tâm thức sang được hoàn thiện, học trò sẽ có lợi thế là sử dụng tất cả các khả năng cảm dục, không chỉ khi ra khỏi cơ thể trong giấc ngủ hoặc xuất thần, mà còn khi hoàn toàn tỉnh táo trong cuộc sống hồng trần bình thường. [8]

It has been the custom of some Theosophists to speak with scorn of the astral plane, and treat it as entirely unworthy of attention; but that seems to me a mistaken view. Assuredly, that at which we have to aim is the life of the spirit, and it would be most disastrous for any student to neglect that higher development and rest satisfied with the attainment of astral consciousness. There have been some whose karma was such as to enable them to develop the higher mental faculties first of all—to overleap the astral plane for the time, as it

Một số nhà Thông Thiên Học có thói quen nói về cõi cảm dục với sự khinh miệt, và coi nó hoàn toàn không đáng được chú ý; nhưng đối với tôi đó dường như là một quan điểm sai lầm. Chắc chắn, điều mà chúng ta phải hướng tới là đời sống tinh thần, và sẽ là một thảm họa đối với bất kỳ đạo sinh nào nếu bỏ bê sự phát triển cao hơn đó và hài lòng với việc đạt được tâm thức cảm dục. Có một số người có nghiệp quả cho phép họ phát triển các khả năng trí tuệ cao hơn trước hết—vượt qua cõi cảm dục trong lúc này, như thể vậy; nhưng đây không phải là

were; but this is not the ordinary method adopted by the Masters of Wisdom with their pupils.

phương pháp thông thường được các Chân sư Minh Triết áp dụng với học trò của Các Ngài.

Where it is possible it no doubt saves trouble, for the higher usually includes the lower; but for most of us such progress by leaps and bounds has been forbidden by our own faults or follies in the past; all that we can hope for is to win our way slowly step by step, and since this astral plane lies next to our world of denser matter, it is usually in connection with it that our earliest super-physical experiences take place. It is therefore of deep [9] interest to those of us who are but beginners in these studies, and a clear comprehension of its mysteries may often be of the greatest importance to us, by enabling us not only to understand many of the phenomena of the *séance*-room, of haunted houses, etc., which would otherwise be inexplicable, but also to guard ourselves and others from possible dangers.

Khi có thể, chắc chắn nó sẽ giúp tiết kiệm công sức, vì cái cao hơn thường bao gồm cái thấp hơn; nhưng đối với hầu hết chúng ta, sự tiến bộ vượt bậc như vậy đã bị cấm đoán bởi chính những lỗi lầm hoặc sự điên rồ của chúng ta trong quá khứ; tất cả những gì chúng ta có thể hy vọng là từ từ giành chiến thắng từng bước một, và vì cõi cảm dục này nằm cạnh thế giới vật chất đậm đặc hơn của chúng ta, nên thường là liên quan đến nó mà những trải nghiệm siêu hình đầu tiên của chúng ta diễn ra. Do đó, nó rất thú vị [9] đối với những người mới bắt đầu nghiên cứu, và sự hiểu biết rõ ràng về những bí ẩn của nó thường có thể có tầm quan trọng lớn nhất đối với chúng ta, bằng cách cho phép chúng ta không chỉ hiểu được nhiều hiện tượng của phòng gọi hồn, nhà ma ám, v.v., mà nếu không sẽ không thể giải thích được, mà còn để bảo vệ bản thân và những người khác khỏi những nguy hiểm có thể xảy ra.

The first conscious introduction to this remarkable region comes to people in various ways. Some only once in their whole lives under some unusual influence become sensitive enough to recognize the presence of one of its inhabitants, and perhaps, because the experience does not repeat itself, they may come in time to believe that on that occasion they must have been the victims of hallucination. Others find themselves with increasing frequency seeing and hearing something to which those around them are blind and deaf; others again—and perhaps this is the commonest experience of all—begin to recollect with greater and greater clearness that which they have seen or heard on that other plane during sleep.

Sự tiếp xúc có ý thức đầu tiên với khu vực đáng chú ý này đến với mọi người theo nhiều cách khác nhau. Một số người chỉ một lần trong cả cuộc đời của họ dưới một ảnh hưởng bất thường nào đó trở nên đủ nhạy cảm để nhận ra sự hiện diện của một trong những cư dân của nó, và có lẽ, vì trải nghiệm đó không lặp lại, nên theo thời gian họ có thể tin rằng trong dịp đó họ hẳn đã là nạn nhân của ảo giác. Những người khác thấy mình ngày càng thường xuyên nhìn và nghe thấy thứ gì đó mà những người xung quanh họ không nhìn và nghe thấy; những người khác nữa—và có lẽ đây là trải nghiệm phổ biến nhất trong tất cả—bắt đầu nhớ lại với sự rõ ràng ngày càng tăng những gì họ đã nhìn hoặc nghe thấy trên cõi giới khác đó trong giấc ngủ.

It must be understood that the power of objective perception upon all the planes undoubtedly lies [10] latent in every man, but for most of us it will be a matter of long and slow evolution before our consciousness can fully function in those higher vehicles. With regard to the astral body the matter is, however, somewhat different, for in the case of all the cultured people belonging to the more advanced races of the world, the consciousness is already perfectly capable not only of responding to all vibrations communicated to it through astral matter, but also of using its astral body definitely as a vehicle and instrument.

Phải hiểu rằng năng lực nhận thức khách quan trên tất cả các cõi giới chắc chắn [10] tiềm ẩn trong mỗi người, nhưng đối với hầu hết chúng ta, đó sẽ là vấn đề tiến hóa lâu dài và chậm chạp trước khi tâm thức của chúng ta có thể hoạt động hoàn toàn trong những hiện thể cao hơn đó. Tuy nhiên, đối với thể cảm dục, vấn đề có phần khác, vì trong trường hợp tất cả những người có văn hóa thuộc về các chủng tộc tiên tiến hơn trên thế giới, tâm thức đã hoàn toàn có khả năng không chỉ đáp ứng với tất cả các rung động được truyền đến nó thông qua vật chất cảm dục, mà còn sử dụng thể cảm dục của nó một cách rõ ràng như một hiện thể và công cụ.

Most of us, then, are awake on the astral plane during the sleep of the physical body, and yet we are generally very little awake *to* the plane, and are consequently conscious of our surroundings there only vaguely, if at all. We are still wrapped up in our waking thoughts and our physical-plane affairs, and we pay scarcely any attention to the world of intensely active life that surrounds us. Our first step, then, is to shake off this habit of thought, and learn to see that new and beautiful world, so that we may be able intelligently to work in it. Even when that is achieved, it does not necessarily follow that we shall be able to bring over into our waking consciousness any recollection of those astral [11] experiences. But that question of physical-plane remembrance is an entirely different matter, and does not in any way affect our power to do excellent astral work.

Vậy thì, hầu hết chúng ta đều tỉnh táo trên cõi cảm dục trong giấc ngủ của thể xác, nhưng nhìn chung chúng ta rất ít tỉnh táo với cõi giới đó, và do đó chỉ nhận thức mơ hồ về môi trường xung quanh ở đó, nếu có. Chúng ta vẫn đang bị cuốn vào những suy nghĩ khi thức và những công việc của cõi hồng trần, và chúng ta hầu như không chú ý đến thế giới của cuộc sống cực kỳ năng động xung quanh chúng ta. Vậy thì, bước đầu tiên của chúng ta là rũ bỏ thói quen suy nghĩ này, và học cách nhìn thấy thế giới mới và tươi đẹp đó, để chúng ta có thể làm việc trong đó một cách thông minh. Ngay cả khi điều đó đạt được, cũng không nhất thiết có nghĩa là chúng ta sẽ có thể mang lại tâm thức tỉnh táo bất kỳ ký ức nào về những trải nghiệm cảm dục đó. [11] Nhưng câu hỏi về ký ức cõi hồng trần là một vấn đề hoàn toàn khác, và không ảnh hưởng đến khả năng làm công việc cảm dục xuất sắc của chúng ta theo bất kỳ cách nào.

Among those who make a study of these subjects, some try to develop the astral sight by crystal-gazing or other methods, while those who have the inestimable advantage of the direct guidance of a qualified teacher will probably be aroused to full consciousness

Trong số những người nghiên cứu những chủ đề này, một số người cố gắng phát triển thị giác cảm dục bằng cách nhìn vào pha lê hoặc các phương pháp khác, trong khi những người có lợi thế vô giá là được hướng dẫn trực tiếp bởi một người thầy đủ năng lực có thể sẽ được

upon that plane for the first time under his special protection, which will be continued until, by the application of various tests, he has satisfied himself that each pupil is proof against any danger or terror that he is likely to encounter. But however it may occur, the first actual realization that we are all the while in the midst of a great world full of active life, of which most of us are nevertheless entirely unconscious, cannot but be a memorable epoch in a man's existence.

đánh thức hoàn toàn tâm thức trên cõi giới đó lần đầu tiên dưới sự bảo vệ đặc biệt của Ngài, điều này sẽ được tiếp tục cho đến khi, bằng cách áp dụng các bài kiểm tra khác nhau, Ngài hài lòng rằng mỗi học trò đều có khả năng chống lại bất kỳ nguy hiểm hoặc nỗi sợ hãi nào mà y có thể gặp phải. Nhưng dù nó có thể xảy ra như thế nào, thì việc nhận thức thực tế đầu tiên rằng chúng ta luôn ở giữa một thế giới vĩ đại đầy ắp cuộc sống năng động, mà hầu hết chúng ta vẫn hoàn toàn không ý thức được, không thể không phải là một kỷ nguyên đáng nhớ trong sự tồn tại của một người.

So abundant and so manifold is this life of the astral plane that at first it is absolutely bewildering to the neophyte; and even for the more practised investigator it is no easy task to attempt to classify and to catalogue it. If the explorer of some unknown tropical forest were asked not only to give a [12] full account of the country through which he has passed, with accurate details of its vegetable and mineral productions, but also to state the genus and species of every one of the myriad insects, birds, beasts, and reptiles which he had seen, he might well shrink appalled at the magnitude of the undertaking. Yet even this affords no parallel to the embarrassments of the psychic investigator, for in his case matters are further complicated, first by the difficulty of correctly translating from that plane to this the recollection of what he has seen, and secondly by the utter inadequacy of ordinary language to express much of what he has to report.

Cuộc sống của cõi cảm dục phong phú và đa dạng đến mức lúc đầu nó hoàn toàn làm hoang mang người sơ cơ; và ngay cả đối với nhà nghiên cứu thực hành nhiều hơn, việc cố gắng phân loại và lập danh mục nó cũng không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Nếu nhà thám hiểm của một khu rừng nhiệt đới chưa được biết đến nào đó được yêu cầu không chỉ đưa ra [12] một bản tường trình đầy đủ về đất nước mà y đã đi qua, với các chi tiết chính xác về sản vật thực vật và khoáng sản của nó, mà còn phải nêu rõ chi và loài của từng loài côn trùng, chim, thú và bò sát mà y đã nhìn thấy, y có thể co rúm người lại vì sợ hãi trước quy mô của công việc. Tuy nhiên, ngay cả điều này cũng không sánh được với những khó khăn của nhà nghiên cứu tâm linh, vì trong trường hợp của y, vấn đề còn phức tạp hơn nữa, thứ nhất là do khó khăn trong việc chuyển dịch chính xác từ cõi giới đó sang cõi giới này ký ức về những gì y đã thấy, và thứ hai là do ngôn ngữ thông thường hoàn toàn không đủ để diễn đạt phần lớn những gì y phải báo cáo.

However, just as the explorer on the physical plane would probably commence his account of a country by some sort of general description of its scenery and characteristics, so it will be well to begin this slight sketch of the astral plane by endeavouring to give some

Tuy nhiên, cũng giống như nhà thám hiểm trên cõi hồng trần có thể sẽ bắt đầu bản tường trình của mình về một quốc gia bằng một số loại mô tả chung về phong cảnh và đặc điểm của nó, nên sẽ rất tốt khi bắt đầu bản phác thảo sơ lược này về cõi cảm dục bằng cách cố gắng

idea of the scenery which forms the background of its marvelous and ever-changing activities. Yet here at the outset an almost insuperable difficulty confronts us in the extreme complexity of the matter. All who see fully on that plane agree that to attempt to call up a vivid picture of this astral scenery before those [13] whose eyes are as yet unopened is like speaking to a blind man of the exquisite variety of tints in a sunset sky—however detailed and elaborate the description may be, there is no certainty that the idea presented before the hearer's mind will be an adequate representation of the truth. [14]

đưa ra một số ý tưởng về phong cảnh tạo thành nền tảng cho các hoạt động kỳ diệu và luôn thay đổi của nó. Tuy nhiên, ngay từ đầu, một khó khăn gần như không thể vượt qua đã đối mặt với chúng ta trong sự phức tạp cực độ của vấn đề. Tất cả những người nhìn thấy đầy đủ trên cõi giới đó đều đồng ý rằng việc cố gắng gợi lên một bức tranh sống động về phong cảnh cảm dục này trước những người [13] mà mắt vẫn chưa mở ra cũng giống như nói với một người mù về sự đa dạng tinh tế của các sắc thái trên bầu trời hoàng hôn—cho dù mô tả có chi tiết và công phu đến đâu, cũng không có gì chắc chắn rằng ý tưởng được trình bày trước tâm trí người nghe sẽ là một đại diện đầy đủ cho sự thật. [14]

CHAPTER II - CHƯƠNG II SCENERY—PHONG CẢNH

FIRST of all, then, it must be understood that the astral plane has seven subdivisions, each of which has its corresponding degree of materiality and its corresponding condition of matter. Although the poverty of physical language forces us to speak of these sub-planes as higher and lower, we must not fall into the mistake of thinking of them (or indeed of the greater planes of which they are only subdivisions) as separate localities in space—as lying above one another like the shelves of a book-case or outside one another like the coats of an onion. It must be understood that the matter of each plane or sub-plane interpenetrates that of the plane or sub-plane below it, so that here at the surface of the earth all exist together in the same space, although it is true that the higher varieties of matter extend further away from the physical earth than the lower. [15]

Trước hết, cần phải hiểu rằng cõi cảm dục có bảy phân khu, mỗi phân khu có mức độ vật chất tương ứng và trạng thái vật chất tương ứng. Mặc dù sự nghèo nàn của ngôn ngữ hồng trần buộc chúng ta phải nói về các cõi phụ này là cao hơn và thấp hơn, nhưng chúng ta không được rơi vào sai lầm khi nghĩ về chúng (hoặc thực sự là về các cõi giới lớn hơn mà chúng chỉ là phân khu) như những địa điểm riêng biệt trong không gian—như nằm chồng lên nhau như những kệ sách hoặc nằm ngoài nhau như những lớp vỏ của củ hành. Cần phải hiểu rằng vật chất của mỗi cõi giới hoặc cõi phụ thấm nhuần vật chất của cõi giới hoặc cõi phụ bên dưới nó, do đó ở đây tại bề mặt trái đất, tất cả đều tồn tại cùng nhau trong cùng một không gian, mặc dù đúng là các loại vật chất cao hơn mở rộng ra xa trái đất hồng trần hơn so với các loại vật chất thấp hơn. [15]

So when we speak of a man as rising from one plane or sub-plane to another, we do not think of him as necessarily moving in space at all,

Vì vậy, khi chúng ta nói về một người thăng lên từ cõi này hay cõi phụ này sang cõi khác, chúng ta không nghĩ rằng y nhất thiết phải di

but rather as transferring his consciousness from one level to another—gradually becoming unresponsive to the vibrations of one order of matter, and beginning instead to answer to those of a higher and more refined order; so that one world with its scenery and inhabitants would seem to fade slowly away from his view, while another world of a more elevated character dawns upon him in its stead.

chuyển trong không gian, mà là chuyển tâm thức của mình từ cấp độ này sang cấp độ khác —dần dần không còn phản ứng với các rung động của một loại vật chất, và thay vào đó bắt đầu đáp ứng với rung động của một loại vật chất cao hơn và tinh tế hơn; do đó, một thế giới với cảnh vật và cư dân của nó dường như mờ dần khỏi tầm nhìn của y, trong khi một thế giới khác có tính chất cao hơn xuất hiện với y thay vào đó.

Yet there is a point of view from which there is a certain justification for the use of the terms “higher” and “lower”, and for the comparison of the planes and sub-planes to concentric shells. Matter of all the sub-planes is to be found here on the surface of the earth, but the astral plane is much larger than the physical, and extends some thousands of miles above its surface. The law of gravitation operates on astral matter, and if it were possible for it to be left entirely undisturbed it *would* probably settle into concentric shells. But the earth is in perpetual motion, both of rotation and revolution, and all kinds of influences and forces are continually rushing about, so this ideal [16] condition of rest is never attained, and there is much intermingling. Nevertheless it remains true that the higher we rise the less of the denser matter do we find.

Tuy nhiên, có một quan điểm nào đó biện minh cho việc sử dụng các thuật ngữ "cao hơn" và "thấp hơn", và để so sánh các cõi và cõi phụ với các lớp vỏ đồng tâm. Vật chất của tất cả các cõi phụ đều được tìm thấy ở đây trên bề mặt Trái Đất, nhưng cõi cảm dục lớn hơn nhiều so với cõi hồng trần, và trải dài hàng ngàn dặm trên bề mặt của nó. Định luật vạn vật hấp dẫn tác động lên vật chất cảm dục, và nếu có thể để nó hoàn toàn không bị xáo trộn thì có lẽ nó sẽ lắng xuống thành các lớp vỏ đồng tâm. Nhưng Trái Đất luôn chuyển động, cả tự quay và quay quanh quỹ đạo, và tất cả các loại ảnh hưởng và mãnh lực liên tục xô đẩy, vì vậy [16] trạng thái nghỉ ngơi lý tưởng này không bao giờ đạt được, và có rất nhiều sự pha trộn. Tuy nhiên, vẫn đúng là chúng ta càng lên cao thì càng ít tìm thấy vật chất đậm đặc hơn.

We have a fair analogy on the physical plane. Earth, water and air—the solid, the liquid and the gaseous—all exist here on the surface, but broadly speaking it is true to say the solid matter lies lowest, the liquid next to it, and the gaseous matter higher still. Water and air interpenetrate the earth to a small extent; water also rises in the air in the shape of clouds, but only to a limited height; solid matter may be thrown up into the air by violent convulsions, as in the great eruption of Krakatoa in 1883, when the volcanic dust

Chúng ta có một sự tương tự hợp lý trên cõi hồng trần. Đất, nước và không khí—chất rắn, chất lỏng và chất khí—tất cả đều tồn tại ở đây trên bề mặt, nhưng nói chung thì đúng khi nói rằng vật chất rắn nằm ở vị trí thấp nhất, chất lỏng nằm kế tiếp, và vật chất khí ở vị trí cao hơn nữa. Nước và không khí thấm vào đất một chút; nước cũng bốc lên không khí dưới dạng mây, nhưng chỉ ở một độ cao giới hạn; vật chất rắn có thể bị ném lên không khí do những cơn chấn động dữ dội, như trong vụ phun trào lớn của Krakatoa năm 1883, khi bụi núi lửa đạt

reached the height of seventeen miles, and took three years to settle down again; but it *does* settle down eventually, just as the water drawn up into the air by evaporation returns to us as rain. The higher we rise the more rarefied does the air become; and the same is true with regard to astral matter.

đến độ cao mười bảy dặm, và mất ba năm để lắng xuống trở lại; nhưng cuối cùng nó cũng lắng xuống, giống như nước bốc hơi lên không khí rồi trở lại với chúng ta dưới dạng mưa. Chúng ta càng lên cao thì không khí càng trở nên loãng hơn; và điều tương tự cũng đúng đối với vật chất cảm dục.

The dimensions of our astral world are considerable, and we are able to determine them with some approach to accuracy from the fact that our astral world touches that of the moon at perigee, [17] but does not reach it at apogee; but naturally the contact is confined to the highest type of astral matter.

Kích thước của thế giới cảm dục của chúng ta là đáng kể, và chúng ta có thể xác định chúng với một số cách tiếp cận chính xác từ thực tế là thế giới cảm dục của chúng ta chạm vào thế giới của mặt trăng ở điểm cận địa, [17] nhưng không chạm tới nó ở điểm viễn địa; nhưng đương nhiên sự tiếp xúc chỉ giới hạn ở loại vật chất cảm dục cao nhất.

Returning to the consideration of these subplanes, and numbering them from the highest and least material downwards, we find that they naturally fall into three classes, divisions 1, 2 and 3 forming one such class, and 4, 5 and 6 another, while the seventh and lowest of all stands alone. The difference between the matter of one of these classes and the next would be commensurable with that between a solid and a liquid, while the difference between the matter of the subdivisions of a class would rather resemble that between two kinds of solid, such as, say, steel and sand. Putting aside for the moment the seventh, we may say that divisions 4, 5 and 6 of the astral plane have for their background the physical world in which we live, and all its familiar accessories. Life on the sixth division is not unlike our ordinary life on this earth, minus the physical body and its necessities; while as it ascends through the fifth and fourth divisions it becomes less and less material, and is more and more withdrawn from our lower world and its interests. [18]

Quay trở lại việc xem xét các cõi phụ này, và đánh số chúng từ cao nhất và ít vật chất nhất trở xuống, chúng ta thấy rằng chúng tự nhiên được chia thành ba loại, các phân khu 1, 2 và 3 tạo thành một loại như vậy, và 4, 5 và 6 tạo thành một loại khác, trong khi phân khu thứ bảy và thấp nhất lại đứng riêng lẻ. Sự khác biệt giữa vật chất của một trong những loại này và loại tiếp theo sẽ tương đương với sự khác biệt giữa chất rắn và chất lỏng, trong khi sự khác biệt giữa vật chất của các phân khu của một loại sẽ giống như sự khác biệt giữa hai loại chất rắn, chẳng hạn như thép và cát. Tạm thời bỏ qua phân khu thứ bảy, chúng ta có thể nói rằng các phân khu 4, 5 và 6 của cõi cảm dục có nền tảng là thế giới hồng trần mà chúng ta đang sống, và tất cả các phụ kiện quen thuộc của nó. Sự sống trên phân khu thứ sáu không khác mấy so với cuộc sống bình thường của chúng ta trên Trái Đất này, trừ thể xác và những nhu cầu của nó; trong khi khi nó đi lên qua các phân khu thứ năm và thứ tư, nó ngày càng trở nên ít vật chất hơn, và ngày càng tách rời khỏi thế giới thấp hơn của chúng ta và những sở thích của nó. [18]

The scenery of these lower divisions, then, is

Cảnh vật của những phân khu thấp hơn này,

that of the earth as we know it; but in reality it is also much more: for when we look at it from this different standpoint, with the assistance of the astral senses, even purely physical objects present quite a different appearance. As has already been mentioned, one whose eyes are fully opened sees them, not as usual from one point of view, but from all sides at once—an idea in itself sufficiently confusing.

chính là Trái Đất như chúng ta biết; nhưng trên thực tế, nó còn nhiều hơn thế nữa: vì khi chúng ta nhìn nó từ quan điểm khác này, với sự hỗ trợ của các giác quan cảm dục, ngay cả các vật thể hoàn toàn thuộc về hồng trần cũng thể hiện một diện mạo hoàn toàn khác. Như đã đề cập, người có đôi mắt hoàn toàn mở sẽ nhìn thấy chúng, không phải như thường lệ từ một điểm nhìn, mà từ tất cả các phía cùng một lúc —một ý tưởng tự nó đã đủ gây nhầm lẫn.

When we add to this that every particle in the interior of a solid body is as fully and clearly visible as those on the outside, it will be comprehended that under such conditions even the most familiar objects may at first be totally unrecognizable.

Khi chúng ta thêm vào điều này rằng mọi hạt ở bên trong một vật thể rắn đều có thể nhìn thấy rõ ràng và đầy đủ như những hạt ở bên ngoài, thì sẽ hiểu được rằng trong những điều kiện như vậy, ngay cả những vật thể quen thuộc nhất lúc đầu cũng có thể hoàn toàn không thể nhận ra.

Yet a moment's consideration will show that such vision approximates much more closely to true perception than does physical sight. Looked at on the astral plane, for example, the sides of a glass cube would all appear equal, as they really are, while on the physical plane we see the further side in perspective—that is, it appears smaller than the nearer side, which is a mere illusion. It is this characteristic of astral vision which has led some writers to describe it as sight in the fourth dimension—a suggestive and expressive phrase. [19]

Tuy nhiên, chỉ cần xem xét một chút sẽ thấy rằng tầm nhìn như vậy gần với nhận thức thực sự hơn là thị giác hồng trần. Ví dụ, khi nhìn trên cõi cảm dục, các mặt của một khối lập phương thủy tinh sẽ đều xuất hiện bằng nhau, như chúng thực sự vậy, trong khi trên cõi hồng trần, chúng ta nhìn thấy mặt xa hơn theo phối cảnh—nghĩa là, nó có vẻ nhỏ hơn mặt gần hơn, vốn chỉ là một ảo ảnh. Chính đặc điểm này của tầm nhìn cảm dục đã khiến một số nhà văn mô tả nó là tầm nhìn trong chiều thứ tư—một cụm từ gợi mở và biểu cảm. [19]

In addition to these possible sources of error, matters are further complicated by the fact that this higher sight cognizes forms of matter which, while still purely physical, are nevertheless invisible under ordinary conditions. Such, for example, are the particles composing the atmosphere, all the various emanations which are always being given out by everything that has life, and also four grades of a still finer order of physical matter which, for want of more distinctive names, are usually described as 'etheric'. The

Ngoài những nguồn gây lỗi có thể xảy ra này, vấn đề còn phức tạp hơn nữa bởi thực tế là tầm nhìn cao hơn này nhận thức được các dạng vật chất, mặc dù vẫn hoàn toàn thuộc về hồng trần, nhưng vẫn vô hình trong điều kiện bình thường. Ví dụ, chẳng hạn như các hạt cấu tạo nên bầu khí quyển, tất cả các phát xạ khác nhau luôn được phát ra bởi mọi thứ có sự sống, và cũng có bốn cấp độ của một loại vật chất hồng trần tinh tế hơn, vì thiếu tên gọi đặc biệt hơn, thường được mô tả là 'dĩ thái'. Loại thứ hai tạo thành một loại hệ thống riêng biệt, tự do

latter form a kind of system by themselves, freely interpenetrating all other physical matter; and the investigation of their vibrations and the manner in which various higher forces affect them would in itself constitute a vast field of deeply interesting study for any man of science who possessed the requisite sight for its examination.

thâm nhập vào tất cả các vật chất hồng trần khác; và việc nghiên cứu các rung động của chúng và cách thức mà các mãnh lực cao hơn khác nhau ảnh hưởng đến chúng sẽ tự nó tạo thành một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn và thú vị sâu sắc cho bất kỳ nhà khoa học nào sở hữu tầm nhìn cần thiết để kiểm tra nó.

Even when our imagination has fully grasped all that is comprehended in what has already been said, we do not yet understand half the complexity of the problem for besides all these new forms of physical matter we have to deal with the still more numerous and perplexing subdivisions of astral matter. We must note first that every material object, every particle even, has its astral counterpart; [20] and this counterpart is itself not a simple body, but is usually extremely complex, being composed of various kinds of astral matter. In addition to this each living creature is surrounded with an atmosphere of its own, usually called its aura, and in the case of human beings this aura forms of itself a very fascinating branch of study. It is seen as an oval mass of luminous mist of highly complex structure, and from its shape has sometimes been called the auric egg.

Ngay cả khi trí tưởng tượng của chúng ta đã nắm bắt đầy đủ tất cả những gì được bao hàm trong những gì đã nói, chúng ta vẫn chưa hiểu được một nửa sự phức tạp của vấn đề vì ngoài tất cả những dạng vật chất hồng trần mới này, chúng ta còn phải xử lý các phân khu vật chất cảm dục còn nhiều hơn và khó hiểu hơn. Trước tiên, chúng ta phải lưu ý rằng mọi vật thể vật chất, thậm chí mọi hạt, đều có đối phần cảm dục của nó; [20] và bản thân đối phần này không phải là một vật thể đơn giản, mà thường cực kỳ phức tạp, được cấu tạo từ nhiều loại vật chất cảm dục khác nhau. Ngoài ra, mỗi sinh vật sống đều được bao quanh bởi một bầu khí quyển riêng, thường được gọi là hào quang của nó, và trong trường hợp con người, hào quang này tự nó tạo thành một nhánh nghiên cứu rất hấp dẫn. Nó được coi là một khối sương mù phát sáng hình bầu dục có cấu trúc rất phức tạp, và do hình dạng của nó đôi khi được gọi là noãn hào quang.

Theosophical readers will hear with pleasure that even at the early stage of his development at which the pupil begins to acquire this fuller sight, he is able to assure himself by direct observation of the accuracy of the teaching given through our great founder, Madame Blavatsky, on the subject of some at least of the “seven principles of man.” In regarding his fellow-man he no longer sees only his outer appearance; almost exactly co-extensive with that physical body he clearly distinguishes the etheric double; while the vitality (called in Sanskrit *prana*) is also obvious as it is absorbed

Độc giả Thông Thiên Học sẽ vui mừng khi biết rằng ngay cả ở giai đoạn đầu phát triển của mình, khi học trò bắt đầu có được tầm nhìn đầy đủ hơn này, y có thể tự mình đảm bảo bằng cách quan sát trực tiếp về tính chính xác của giáo lý được đưa ra thông qua người sáng lập vĩ đại của chúng ta, Bà Blavatsky, về chủ đề của ít nhất một số "bảy nguyên khí của con người." Khi nhìn đồng loại của mình, y không còn chỉ nhìn thấy vẻ bề ngoài của họ nữa; gần như chính xác đồng phạm vi với thể xác đó, y phân biệt rõ ràng thể dĩ thái kép; trong khi sinh lực (trong tiếng Phạn gọi là prana) cũng

and specialized, as it circulates in rosy light throughout the body, as it eventually radiates from the healthy person in its altered form. [21]

Most brilliant and most easily seen of all, perhaps, though belonging to a more refined order of matter—the astral—is that part of the aura which expresses by its vivid and ever-changing flashes of colour the different desires which sweep across the man's mind from moment to moment. This is the true astral body. Behind that, and consisting of a finer grade of matter again—that of the form-levels of the mental plane—lies the mental body or aura of the lower mind, whose colours, changing only by slow degrees as the man lives his life, show the trend of his thoughts and the disposition and character of his personality. Still higher and infinitely more beautiful, where at all clearly developed, is the living light of the causal body, the vehicle of the higher self, which shows the stage of development of the real ego its passage from birth to birth. But to see these the pupil must, of course, have developed the vision of the levels to which they belong.

It will save the student much trouble if he learns at once to regard these auras not as mere emanations, but as the actual manifestation of the ego on their respective planes—if he understands that it is the ego which is the real man, not the various [22] bodies which on the lower planes represent him. So long as the reincarnating ego remains upon the plane which is his true home in the formless levels, the vehicle which he inhabits is the causal body, but when he descends into the form-level he must, in order to be able to function upon them, clothe himself in their matter; and the matter that he thus attracts to himself furnishes his mind-body.

rõ ràng khi nó được hấp thụ và chuyên biệt hóa, khi nó lưu thông trong ánh sáng hồng khắp cơ thể, khi nó cuối cùng tỏa ra từ người khỏe mạnh ở dạng đã biến đổi của nó. [21]

Có lẽ rực rỡ nhất và dễ nhìn thấy nhất trong tất cả, mặc dù thuộc về một loại vật chất tinh tế hơn—cảm dục—là phần hào quang thể hiện bằng những tia sáng màu sắc sống động và luôn thay đổi của nó những ham muốn khác nhau quét qua tâm trí người đàn ông từng khoảnh khắc. Đây là thể cảm dục thực sự. Đằng sau đó, và bao gồm một loại vật chất tinh tế hơn nữa—vật chất của các cấp hình tướng của cõi trí—nằm thể trí hay hào quang của hạ trí, mà màu sắc của nó, chỉ thay đổi từ từ khi người đàn ông sống cuộc sống của mình, cho thấy xu hướng suy nghĩ của y và tính cách và đặc điểm của phàm ngã của y. Vẫn cao hơn và đẹp hơn vô hạn, khi được phát triển rõ ràng, là ánh sáng sống của thể nguyên nhân, hiện thể của chân ngã, cho thấy giai đoạn phát triển của chân ngã thực sự trong quá trình chuyển tiếp từ kiếp này sang kiếp khác của nó. Nhưng để nhìn thấy những điều này, học trò tất nhiên phải phát triển tầm nhìn của các cấp độ mà chúng thuộc về.

Người học trò sẽ bớt vất vả hơn nhiều nếu y học ngay cách coi những hào quang này không chỉ là những phát xạ đơn thuần, mà là biểu hiện thực sự của chân ngã trên các cõi tương ứng của chúng—nếu y hiểu rằng chính chân ngã mới là con người thực sự, chứ không phải là những [22] thể khác nhau đại diện cho y trên các cõi thấp hơn. Miễn là chân ngã tái sinh vẫn ở trên cõi vốn là ngôi nhà thực sự của y trong các cấp vô tướng, thì hiện thể mà y cư ngụ là thể nguyên nhân, nhưng khi y giáng xuống cấp hình tướng, y phải khoác lên mình vật chất của chúng để có thể hoạt động trên chúng; và vật chất mà y thu hút về mình tạo thành thể trí của y.

Similarly, descending into the astral plane he forms his astral or desire-body out of its matter, though still retaining all the other bodies, and on his still further descent to this lowest plane of all the physical body is formed according to the etheric mould supplied by the Lords of Karma. Fuller accounts of these auras will be found in my book *Man, Visible and Invisible*, but enough has been said here to show that as they all occupy the same space, the finer interpenetrating the grosser, it needs careful study and much practice to enable the neophyte to distinguish clearly at a glance the one from the other. Nevertheless the human aura, or more usually some one part of it only, is not infrequently one of the first purely astral objects seen by the untrained, though in such a case its indications are naturally likely to be misunderstood. [23]

Tương tự, khi giáng xuống cõi cảm dục, y hình thành thể cảm dục hay thể ham muốn của mình từ vật chất của cõi đó, mặc dù vẫn giữ lại tất cả các thể khác, và khi y giáng xuống cõi thấp nhất này của tất cả các thể xác được hình thành theo khuôn mẫu dĩ thái do các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả cung cấp. Có thể tìm thấy các thông tin đầy đủ hơn về những hào quang này trong cuốn sách Con Người, Hữu Hình và Vô Hình của tôi, nhưng những gì đã nói ở đây là đủ để cho thấy rằng vì tất cả chúng đều chiếm cùng một không gian, cái tinh tế hơn thâm nhập vào cái thô hơn, nên cần phải nghiên cứu cẩn thận và thực hành nhiều để cho phép người sơ cơ phân biệt rõ ràng trong nháy mắt cái này với cái kia. Tuy nhiên, hào quang của con người, hoặc thông thường chỉ là một phần nào đó của nó, thường là một trong những vật thể cảm dục thuần túy đầu tiên được nhìn thấy bởi những người chưa được đào tạo, mặc dù trong trường hợp như vậy, các dấu hiệu của nó đương nhiên có khả năng bị hiểu sai. [23]

Though the astral aura from the brilliancy of its flashes of colour may often be more conspicuous, the nerve-ether and the etheric double are really of a much denser order of matter, being within the limits of the physical plane, though invisible to ordinary sight. If we examine with psychic faculty the body of a newly-born child, we shall find it permeated not only by astral matter of every degree of density, but also by the several grades of etheric matter. If we take the trouble to trace these inner bodies backwards to their origin, we find that it is of the latter that the etheric double—the mould upon which the physical body is built up—is formed by the agents of the Lords of Karma; while the astral matter has been gathered together by the descending ego, not consciously, but automatically, as he passes through the astral plane. (See *Manual* No. IV., p. 44.)

Mặc dù hào quang cảm dục từ sự rực rỡ của những tia sáng màu sắc của nó thường có thể dễ thấy hơn, nhưng dĩ thái thần kinh và thể dĩ thái kép thực sự thuộc về một loại vật chất đậm đặc hơn nhiều, nằm trong giới hạn của cõi hồng trần, mặc dù vô hình đối với tầm nhìn thông thường. Nếu chúng ta kiểm tra bằng năng lực thông linh cơ thể của một đứa trẻ mới sinh, chúng ta sẽ thấy nó không chỉ bị thấm nhuần bởi vật chất cảm dục ở mọi mức độ đậm đặc, mà còn bởi một số cấp độ vật chất dĩ thái. Nếu chúng ta chịu khó truy tìm nguồn gốc của những thể bên trong này, chúng ta sẽ thấy rằng chính từ thứ sau mà thể dĩ thái kép—khuôn mẫu mà thể xác được xây dựng dựa trên đó—được hình thành bởi các tác nhân của các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả; trong khi vật chất cảm dục đã được chân ngã giáng trần tập hợp lại, không phải một cách có ý thức, mà là tự động, khi y đi qua cõi cảm dục. (Xem Sổ tay

số IV., trang 44.)

Into the composition of the etheric double must enter something of all the different grades of etheric matter; but the proportions may vary greatly, and are determined by several factors, such as the race, sub-race, and type of a man, as well as by his individual karma. When it is remembered that these four subdivisions of matter are made up of [24] numerous combinations, which, in their turn, form aggregations that enter into the composition of the “atom” of the so-called “element” of the chemist, it will be seen that this second principle of man is highly complex, and the number of its possible variations practically infinite. So that, however complicated and unusual a man’s karma may be, those in whose province such work falls are able to give a mould in accordance with which a body exactly suiting it can be formed. But for information upon this vast subject of karma the previous manual should be consulted.

Vào thành phần của thể dĩ thái kép phải đi vào một cái gì đó của tất cả các cấp độ khác nhau của vật chất dĩ thái; nhưng tỷ lệ có thể thay đổi rất nhiều, và được xác định bởi một số yếu tố, chẳng hạn như chủng tộc, giống dân phụ và loại người, cũng như bởi nghiệp quả cá nhân của y. Khi nhớ rằng bốn phân khu vật chất này được tạo thành từ [24] nhiều sự kết hợp, mà lần lượt, tạo thành các tập hợp đi vào thành phần của "nguyên tử" của cái gọi là "nguyên tố" của nhà hóa học, thì sẽ thấy rằng nguyên khí thứ hai này của con người rất phức tạp, và số lượng các biến thể có thể có của nó thực tế là vô hạn. Vì vậy, cho dù nghiệp quả của một người có phức tạp và bất thường đến đâu, thì những người có thẩm quyền trong công việc như vậy cũng có thể đưa ra một khuôn mẫu mà theo đó một cơ thể hoàn toàn phù hợp với nó có thể được hình thành. Nhưng để biết thông tin về chủ đề rộng lớn này về nghiệp quả, nên tham khảo sổ tay trước đó.

One other point deserves mention in connection with the appearance of physical matter when looked at from the astral plane, and that is that the higher vision, when fully developed, possesses the power of magnifying at will the minutest physical particle to any desired size, as though by a microscope, though its magnifying power is enormously greater than that of any microscope ever made or ever likely to be made. The hypothetical molecules and atoms postulated by science are visible realities to the occult student, though the latter recognizes them as much more complex in their nature than the scientific man has yet discovered them to be. Here [25] again is a vast field of study of absorbing interest to which a whole volume might readily be devoted; and a scientific investigator who should acquire this astral

Một điểm khác đáng được đề cập liên quan đến sự xuất hiện của vật chất hồng trần khi nhìn từ cõi cảm dục, đó là thị lực cao hơn, khi được phát triển đầy đủ, sở hữu năng lực phóng đại theo ý muốn các hạt hồng trần nhỏ nhất đến bất kỳ kích thước mong muốn nào, như thể bằng kính hiển vi, mặc dù năng lực phóng đại của nó lớn hơn rất nhiều so với bất kỳ kính hiển vi nào từng được chế tạo hoặc có thể được chế tạo. Các phân tử và nguyên tử giả thuyết được khoa học công nhận là thực tại hữu hình đối với nhà huyền bí học, mặc dù người sau công nhận chúng có bản chất phức tạp hơn nhiều so với những gì nhà khoa học đã khám phá ra. Ở đây [25] lại là một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn với sự quan tâm hấp dẫn mà cả một tập sách có thể dễ dàng dành riêng cho nó; và một nhà nghiên cứu khoa học, người có được thị lực cảm dục hoàn hảo này, sẽ không

sight in perfection, would not only find his experiments with ordinary and known phenomena immensely facilitated, but would also see stretching before him entirely new vistas of knowledge needing more than a lifetime for their thorough examination.

chỉ thấy các thí nghiệm của mình với các hiện tượng thông thường và đã biết được tạo điều kiện thuận lợi vô cùng, mà còn thấy trải dài trước mắt mình những viễn cảnh hoàn toàn mới về tri thức cần nhiều hơn một đời người để xem xét kỹ lưỡng.

For example, one curious and beautiful novelty brought to his notice by the development of this vision would be the existence of other and entirely different colours beyond the limits of the ordinarily visible spectrum, the ultra-red and ultra-violet rays which science has discovered by other means being plainly perceptible to astral sight. We must not, however, allow ourselves to follow these fascinating bye-paths, but must resume our endeavour to give a general idea of the appearance of the astral plane.

Ví dụ, một điều mới lạ và thú vị được đưa đến sự chú ý của ông ấy nhờ sự phát triển của thị lực này sẽ là sự tồn tại của các màu sắc khác và hoàn toàn khác biệt vượt ra ngoài giới hạn của quang phổ thường thấy, các tia cực tím và cực đỏ mà khoa học đã khám phá bằng các phương tiện khác có thể dễ dàng nhận thấy bằng thị lực cảm dục. Tuy nhiên, chúng ta không được phép đi theo những con đường phụ hấp dẫn này, mà phải tiếp tục nỗ lực để đưa ra một ý tưởng chung về sự xuất hiện của cõi cảm dục.

It will by this time be obvious that though, as above stated, the ordinary objects of the physical world form the background to life on certain levels of the astral plane, yet so much more is seen of their real appearance and characteristics that the [26] general effect differs widely from that with which we are familiar. For the sake of illustration take a rock as an example of the simpler class of objects. When regarded with trained sight it is no mere inert mass of stone.

Lúc này sẽ rõ ràng rằng mặc dù, như đã nêu ở trên, các vật thể thông thường của thế giới hồng trần tạo thành nền tảng cho sự sống trên các cấp độ nhất định của cõi cảm dục, nhưng càng thấy nhiều về diện mạo và đặc điểm thực sự của chúng thì [26] hiệu ứng chung càng khác biệt rất nhiều so với những gì chúng ta quen thuộc. Để minh họa, hãy lấy một tảng đá làm ví dụ về loại vật thể đơn giản hơn. Khi được quan sát bằng thị lực đã được huấn luyện, nó không chỉ là một khối đá trơ.

First of all, the whole of the physical matter of the rock is seen, instead of a small part of it; secondly, the vibrations of its physical particles are perceptible; thirdly, it is seen to possess an astral counterpart composed of various grades of astral matter, whose particles are also in constant motion; fourthly, the Universal Divine Life is clearly to be seen working in it as it works in the whole creation, though naturally its manifestations differ greatly at successive stages of its descent into matter, and for the sake of convenience each

Trước hết, toàn bộ vật chất hồng trần của tảng đá được nhìn thấy, thay vì chỉ một phần nhỏ của nó; thứ hai, các rung động của các hạt hồng trần của nó có thể cảm nhận được; thứ ba, nó được thấy là sở hữu một đối phần cảm dục được cấu tạo từ nhiều cấp độ vật chất cảm dục khác nhau, mà các hạt của nó cũng chuyển động liên tục; thứ tư, Sự Sống Thiêng Liêng Vũ Trụ được thấy rõ ràng đang hoạt động trong nó như nó hoạt động trong toàn bộ tạo vật, mặc dù tự nhiên các biểu hiện của nó khác nhau rất nhiều ở các giai đoạn kế tiếp của sự

stage has its own name. We recognize it first in the three elemental kingdoms; when it enters the mineral kingdom we call it the mineral monad; in the vegetable kingdom it is described as the vegetable monad, and so on. So far as we know, there is no such thing as "dead" matter.

giáng hạ vào vật chất, và để thuận tiện, mỗi giai đoạn có tên riêng. Chúng ta nhận ra nó đầu tiên trong ba giới hành khí; khi nó đi vào giới kim thạch, chúng ta gọi nó là chân thần kim thạch; trong giới thực vật, nó được mô tả là chân thần thực vật, v.v. Theo như chúng ta biết, không có thứ gì gọi là vật chất "chết".

In addition to all this an aura will be seen surrounding it, though this is much less extended and varied than in the case of the higher kingdoms; [27] and its appropriate elemental inhabitants may be seen—though these should more properly be described as gnomes, a variety of nature-spirit. This is not the place to treat fully the subject of the Indwelling Life; further explanations will be found in *Man, Visible and Invisible* and other Theosophical works. Also see a later chapter of this book. In the case of the vegetable, animal, and human kingdoms, the complications are naturally much more numerous.

Ngoài tất cả những điều này, một hào quang sẽ được nhìn thấy bao quanh nó, mặc dù hào quang này ít mở rộng và đa dạng hơn nhiều so với trường hợp của các giới cao hơn; [27] và những cư dân hành khí thích hợp của nó có thể được nhìn thấy — mặc dù những cư dân này nên được mô tả đúng hơn là thần lùn, một loại tinh linh tự nhiên. Đây không phải là nơi để đề cập đầy đủ về chủ đề Sự Sống Nội Tại; những giải thích thêm sẽ được tìm thấy trong Con Người, Hữu Hình và Vô Hình và các tác phẩm Thông Thiên Học khác. Cũng xem một chương sau của cuốn sách này. Trong trường hợp của giới thực vật, động vật và nhân loại, các phức tạp tự nhiên nhiều hơn.

It may be objected by some readers that no such complexities as these are described by most of the psychics who occasionally catch glimpses of the astral world, nor are they reported at *séances* by the entities that manifest there; but we can readily account for this. Few untrained persons on that plane, whether living or dead, see things as they really are until after long experience; even those who do see fully are often too dazed and confused to understand or remember; and among the small minority who both see and remember there are hardly any who can translate the recollection into language on our lower plane. Many untrained psychics never examine their visions scientifically at all; they just obtain an impression which may be [28] quite correct, but may also be half false, or even wholly misleading.

Một số độc giả có thể phản đối rằng không có sự phức tạp nào như thế này được mô tả bởi hầu hết các nhà thông linh, những người thỉnh thoảng thoáng thấy thế giới cảm dục, cũng không được báo cáo tại các buổi gọi hồn bởi các thực thể biểu hiện ở đó; nhưng chúng ta có thể dễ dàng giải thích điều này. Ít người không được huấn luyện trên cõi đó, dù sống hay chết, nhìn thấy sự vật như thật cho đến sau một thời gian dài trải nghiệm; ngay cả những người nhìn thấy đầy đủ cũng thường quá choáng váng và bối rối để hiểu hoặc nhớ; và trong số ít người vừa nhìn thấy vừa nhớ, hầu như không có ai có thể chuyển đổi ký ức thành ngôn ngữ trên cõi thấp hơn của chúng ta. Nhiều nhà thông linh không được huấn luyện không bao giờ kiểm tra tầm nhìn của họ một cách khoa học; họ chỉ có được một ấn tượng có thể [28] khá chính xác, nhưng cũng có thể nửa đúng nửa sai, hoặc thậm chí hoàn

toàn sai lệch.

All the more probable does the latter hypothesis become when we take into consideration the frequent tricks played by sportive denizens of the other world, against which the untrained person is usually absolutely defenceless. It must also be remembered that the regular inhabitant of the astral plane is under ordinary circumstances conscious only of the objects of that plane, physical matter being to him as entirely invisible as is astral matter to the majority of mankind. Since, as before remarked, every physical object has its astral counterpart, which *is* visible to him, it may be thought that the distinction is trivial, yet it is an essential part of the symmetrical conception of the subject.

Giả thuyết thứ hai càng trở nên có khả năng hơn khi chúng ta xem xét các trò lừa bịp thường xuyên do những cư dân vui tươi của thế giới bên kia thực hiện, mà người không được huấn luyện thường hoàn toàn không có khả năng tự vệ. Cũng cần nhớ rằng cư dân thường xuyên của cõi cảm dục trong những trường hợp thông thường chỉ ý thức được các vật thể của cõi đó, vật chất hồng trần đối với y hoàn toàn vô hình như vật chất cảm dục đối với phần lớn nhân loại. Vì, như đã nhận xét trước đó, mọi vật thể hồng trần đều có đối phần cảm dục của nó, vốn hữu hình đối với y, người ta có thể nghĩ rằng sự phân biệt là không đáng kể, nhưng đó là một phần thiết yếu của quan niệm đối xứng về chủ đề này.

If, however, an astral entity constantly works through a medium, these finer astral senses may gradually be so coarsened as to become insensible to the higher grades of matter on their own plane, and to include in their purview the physical world as we see it instead; but only the trained visitor from this life; who is fully conscious on both planes, can depend upon seeing both clearly and simultaneously. Be it understood, then, that the complexity [29] exists, and that only when it is fully perceived and scientifically unraveled is there perfect security against deception or mistake.

Tuy nhiên, nếu một thực thể cảm dục liên tục hoạt động thông qua một đồng tử, những giác quan cảm dục tinh tế hơn này có thể dần dần bị thô đi đến mức trở nên không nhạy cảm với các cấp độ vật chất cao hơn trên cõi của chính chúng, và bao gồm trong phạm vi quan sát của chúng thế giới hồng trần như chúng ta thấy thay vào đó; nhưng chỉ có người khách đã được huấn luyện từ cuộc sống này, vốn hoàn toàn tỉnh táo trên cả hai cõi, mới có thể phụ thuộc vào việc nhìn thấy cả hai một cách rõ ràng và đồng thời. Vậy hãy hiểu rằng sự phức tạp [29] tồn tại, và chỉ khi nó được nhận thức đầy đủ và được làm sáng tỏ một cách khoa học thì mới có sự an toàn hoàn hảo chống lại sự lừa dối hoặc sai lầm.

For the seventh or lowest subdivision of the astral plane also, this physical world of ours may be said to be the background, though what is seen is only a distorted and partial view of it, since all that is light and good and beautiful seems invisible. It was thus described four thousand years ago in the

Đối với phân khu thứ bảy hoặc thấp nhất của cõi cảm dục, thế giới hồng trần của chúng ta cũng có thể được coi là nền tảng, mặc dù những gì được nhìn thấy chỉ là một cái nhìn méo mó và phiến diện về nó, vì tất cả những gì là ánh sáng, tốt đẹp và xinh đẹp dường như vô hình. Nó đã được mô tả như vậy bốn nghìn

Egyptian papyrus of the Scribe Ani: "What manner of place is this unto which I have come? It hath no water, it hath no air; it is deep, unfathomable; it is black as the blackest night, and men wander helplessly about therein; in it a man may not live in quietness of heart." For the unfortunate human being on that level it is indeed true that "all the earth is full of darkness and cruel habitations", but it is darkness which radiates from within himself and causes his existence to be passed in a perpetual night of evil and horror—a real hell, though, like all other hells, entirely of man's own creation.

năm trước trong giấy cói Ai Cập của Người Ghi Chép Ani: "Nơi này mà tôi đã đến là nơi nào? Nó không có nước, nó không có không khí; nó sâu, không thể dò được; nó đen như đêm đen nhất, và con người lang thang bất lực trong đó; trong đó, một người không thể sống trong sự yên tĩnh của trái tim." Đối với con người bất hạnh ở cấp độ đó, thực sự đúng là "toàn bộ trái đất đầy bóng tối và những nơi ở tàn ác", nhưng đó là bóng tối tỏa ra từ bên trong chính y và khiến sự tồn tại của y trôi qua trong một màn đêm vĩnh cửu của tội ác và kinh hoàng — một địa ngục thực sự, mặc dù, giống như tất cả các địa ngục khác, hoàn toàn do con người tạo ra.

I do not mean by this that the sub-plane is wholly imaginary—that it has no objective existence. It lies partly on the surface of the earth, and partly [30] (perhaps mostly) *beneath* that surface, interpenetrating the solid crust. But I *do* mean that no man who lives an ordinarily pure and decent life need ever touch this eminently undesirable region, or even become conscious of its existence. If he *does* contact it, is entirely due to his own coarse and evil action, speech and thought.

Tôi không có ý nói rằng cõi phụ này hoàn toàn là tưởng tượng — rằng nó không có sự tồn tại khách quan. Nó nằm một phần trên bề mặt trái đất, và một phần [30] (có lẽ phần lớn) bên dưới bề mặt đó, thâm nhập vào lớp vỏ rắn chắc. Nhưng tôi có ý nói rằng không có người nào sống một cuộc sống trong sạch và đoan chính thông thường nào cần phải chạm vào khu vực cực kỳ không mong muốn này, hoặc thậm chí ý thức được sự tồn tại của nó. Nếu y tiếp xúc với nó, hoàn toàn là do hành động, lời nói và suy nghĩ thô tục và xấu xa của chính y.

Most students find the investigation of this section an extremely unpleasant task, for there appears to be a sense of density and gross materiality about it which is indescribably loathsome to the liberated astral body, causing it the feeling of pushing its way through some black, viscous fluid, while the inhabitants and influences encountered there are also usually exceedingly objectionable.

Hầu hết các đạo sinh đều thấy việc nghiên cứu phần này là một nhiệm vụ cực kỳ khó chịu, vì dường như có một cảm giác dày đặc và vật chất thô thiển về nó, điều này vô cùng kinh tởm đối với thể cảm dục được giải phóng, khiến nó có cảm giác như đang đẩy mình qua một số chất lỏng màu đen, nhớt, trong khi những cư dân và ảnh hưởng gặp phải ở đó cũng thường cực kỳ khó chịu.

The first, second and third subdivisions, though occupying the same space, yet give the impression of being much further removed from this physical world, and correspondingly less material. Entities

Các phân khu thứ nhất, thứ hai và thứ ba, mặc dù chiếm cùng một không gian, nhưng lại tạo ấn tượng rằng chúng ở xa thế giới hồng trần này hơn nhiều, và tương ứng ít vật chất hơn. Các thực thể sống ở những cấp độ này không

inhabiting these levels lose sight of the earth and its belongings; they are usually deeply self-absorbed, and to a large extent create their own surroundings, though these are sufficiently objective to be perceptible to other entities and also to clairvoyant vision. This region is the "summer-land" of which we [31] hear so much at spiritualistic *séances,* and those who descend from and describe it no doubt speak the truth as far as their knowledge extends.

còn nhìn thấy trái đất và những thứ thuộc về nó; chúng thường chìm đắm sâu vào bản thân, và phần lớn tự tạo ra môi trường xung quanh của mình, mặc dù những môi trường này đủ khách quan để có thể cảm nhận được đối với các thực thể khác và cả đối với tầm nhìn thông nhãn. Khu vực này là "vùng đất mùa hè" mà chúng ta [31] nghe thấy rất nhiều tại các buổi gọi hồn, và những người giáng xuống từ đó và mô tả nó chắc chắn nói sự thật theo như kiến thức của họ.

It is on these planes that "spirits" call into temporary existence their houses, schools, and cities, for these object are often real enough for the time, though to a clearer sight they may sometimes be pitiably unlike what their delighted creators suppose them to be. Nevertheless, many of the imaginations which take form there are of real though temporary beauty, and a visitor who knew of nothing higher might wander contentedly enough there among forests and mountains, lovely lakes and pleasant flowergardens, which are at any rate much superior to anything in the physical world; or he might even construct such surroundings to suit his own fancies. The details of the differences between these three higher sub-planes will perhaps be more readily explicable when we come to deal with their human inhabitants.

Chính trên những cõi này mà "các linh hồn" gọi vào sự tồn tại tạm thời những ngôi nhà, trường học và thành phố của họ, vì những vật thể này thường đủ thực tế trong khoảng thời gian đó, mặc dù đối với một tầm nhìn rõ ràng hơn, đôi khi chúng có thể đáng thương không giống với những gì những người sáng tạo vui mừng của chúng cho là chúng. Tuy nhiên, nhiều tưởng tượng có hình dạng ở đó có vẻ đẹp thực sự mặc dù tạm thời, và một du khách không biết gì cao hơn có thể lang thang một cách hài lòng ở đó giữa những khu rừng và núi non, những hồ nước đáng yêu và những khu vườn hoa dễ thương, ít nhất là vượt trội hơn nhiều so với bất cứ thứ gì trong thế giới hồng trần; hoặc y thậm chí có thể xây dựng môi trường xung quanh như vậy cho phù hợp với sở thích của riêng mình. Chi tiết về sự khác biệt giữa ba cõi phụ cao hơn này có lẽ sẽ dễ giải thích hơn khi chúng ta đề cập đến những cư dân là con người của chúng.

An account of the scenery of the astral plane would be incomplete without some mention of what have often, though mistakenly, been called the Records of the Astral Light. These records (which are in truth a sort of materialization [32] of the Divine memory—a living photographic representation of all that has ever happened) are really and permanently impressed upon a very much higher level, and are only reflected in a more

Một bài tường thuật về cảnh quan của cõi cảm dục sẽ không đầy đủ nếu không đề cập đến những gì thường được gọi, mặc dù sai lầm, là Hồ Sơ của Ánh Sáng Cảm Dục. Những hồ sơ này (thực ra là một loại vật chất hóa [32] của ký ức Thiêng Liêng — một hình ảnh chụp sống động về tất cả những gì đã từng xảy ra) thực sự và vĩnh viễn được ghi lại trên một cấp độ cao hơn nhiều, và chỉ được phản ánh một cách ít nhiều rời rạc trên cõi cảm dục, vì vậy người có

or less spasmodic manner on the astral plane, so that one whose power of vision does not rise above this will be likely to obtain only occasional and disconnected pictures of the past instead of a coherent narrative. But nevertheless these reflected pictures of all kinds of past events are constantly being reproduced in the astral world, and form an important part of the surroundings of the investigator there. I have not space to do more than just mention them here, but a fuller account of them will be found in Chapter vii of my little book on *Clairvoyance*. [33]

năng lực thị lực không vượt lên trên điều này sẽ có khả năng chỉ có được những hình ảnh rời rạc và không liên tục về quá khứ thay vì một câu chuyện mạch lạc. Nhưng tuy nhiên, những hình ảnh phản chiếu này về tất cả các loại sự kiện trong quá khứ liên tục được tái tạo trong thế giới cảm dục, và tạo thành một phần quan trọng trong môi trường xung quanh của nhà nghiên cứu ở đó. Tôi không có đủ không gian để làm gì hơn ngoài việc chỉ đề cập đến chúng ở đây, nhưng một bài tường thuật đầy đủ hơn về chúng sẽ được tìm thấy trong Chương vii của cuốn sách nhỏ của tôi về Thông Nhãn. [33]

CHAPTER II -CHƯƠNG II

INHABITANTS—CƯ DÂN

HAVING sketched in, however slightly, the background of our picture, we must now attempt to fill in the figures—to describe the inhabitants of the astral plane. The immense variety of these beings makes it exceedingly difficult to arrange and tabulate them. Perhaps the most convenient method will be to divide them into three great classes, the human, the non-human, and the artificial.

Sau khi phác họa, dù hơi sơ sài, bối cảnh của bức tranh, giờ đây chúng ta phải cố gắng điền vào các hình vẽ — để mô tả cư dân của cõi cảm dục. Sự đa dạng vô cùng của những chúng sinh này khiến việc sắp xếp và lập bảng chúng trở nên cực kỳ khó khăn. Có lẽ phương pháp thuận tiện nhất sẽ là chia chúng thành ba loại lớn, con người, phi nhân loại và nhân tạo.

I. HUMAN —I. CON NGƯỜI

The human denizens of the astral plane fall naturally into two groups, the living and the dead, or, to speak more accurately, those who have still a physical body, and those who have not. [34]

Những cư dân là con người của cõi cảm dục tự nhiên được chia thành hai nhóm, người sống và người chết, hoặc nói chính xác hơn, những người vẫn còn thể xác và những người không còn. [34]

1. Living —1. NGƯỜI SỐNG

The men who manifest themselves on the astral plane during physical life may be subdivided into four classes:

Những người biểu hiện trên cõi cảm dục trong suốt cuộc sống hồng trần có thể được chia thành bốn loại:

1. The Adept and his Pupils:

1. Chân Sư và các Đệ tử của Ngài:

Those belonging to this class usually employ as a vehicle not the astral body at all, but the mind-body, which is composed of the matter of the four lower or rupa levels of the plane next above. The advantage of this vehicle is that it permits of instant passage from the mental plane to the astral and back, and allows of the use at all times of the greater power and keener sense of its own plane.

Những người thuộc lớp này thường sử dụng làm vận cụ không phải thể cảm dục, mà là thể trí, vốn được cấu tạo từ vật chất của bốn cấp độ thấp hơn hoặc rupa của cõi tiếp theo ở trên. Ưu điểm của vận cụ này là nó cho phép di chuyển ngay lập tức từ cõi trí sang cõi cảm dục và ngược lại, và cho phép sử dụng mọi lúc sức mạnh lớn hơn và giác quan nhạy bén hơn của cõi của chính nó.

The mind-body is not naturally visible to

Thể trí tự nhiên không thể nhìn thấy bằng thị

astral sight at all, and consequently the pupil who works in it learns to gather round himself a temporary veil of astral matter when in the course of his work he wishes to become perceptible to the inhabitants of the lower plane in order to help them more efficiently. This temporary body (called the *mayavirupa*) is usually formed for the pupil by his Master on the first occasion, and he is then instructed and assisted until he can form it for himself easily and expeditiously. Such a vehicle, though an exact reproduction of the man in appearance, [35] contains none of the matter of his own astral body, but corresponds to it in the same way as a materialization corresponds to a physical body.

lực cảm dục, và do đó, đệ tử hoạt động trong đó học cách tập hợp xung quanh mình một lớp màn che tạm thời bằng vật chất cảm dục khi trong quá trình công việc của mình, y muốn trở nên hữu hình đối với cư dân của cõi thấp hơn để giúp đỡ họ hiệu quả hơn. Thể tạm thời này (được gọi là mayavirupa) thường được Chân sư của đệ tử tạo ra trong lần đầu tiên, và sau đó đệ tử được hướng dẫn và hỗ trợ cho đến khi y có thể tự tạo ra nó một cách dễ dàng và nhanh chóng. Vận cụ như vậy, mặc dù là bản sao chính xác về ngoại hình của con người, [35] nhưng không chứa bất kỳ vật chất nào của thể cảm dục của chính y, mà tương ứng với nó theo cách tương tự như sự hiện hình tương ứng với thể xác.

At an earlier stage of his development the pupil may be found functioning in the astral body like any one else; but whichever vehicle he is employing, the man who is introduced to the astral plane under the guidance of a competent teacher has always the fullest possible consciousness there, and is able to function perfectly easily upon all its subdivisions. He is in fact himself, exactly as his friends know him on earth, minus only the physical body and the etheric double in the one case and the astral body in addition to the other, and plus the additional powers and faculties of this higher condition, which enable him to carry on far more easily and far more efficiently on that plane during sleep the Theosophical work which occupies so much of his thought in his waking hours. Whether he will remember fully and accurately on the physical plane what he has done or learnt on the other depends largely upon whether he is able to carry his consciousness without intermission from the one state to the other. [36]

Ở giai đoạn phát triển sớm hơn, người học trò có thể được tìm thấy đang hoạt động trong thể cảm dục như bất kỳ ai khác; nhưng dù sử dụng hiện thể nào, người được giới thiệu đến cõi cảm dục dưới sự hướng dẫn của một huấn sư có năng lực luôn có tâm thức trọn vẹn nhất có thể ở đó, và có thể hoạt động hoàn toàn dễ dàng trên tất cả các phân khu của nó. Thực tế, y chính là mình, giống hệt như bạn bè biết y trên trái đất, chỉ thiếu thể xác và thể dĩ thái kép trong trường hợp này và thể cảm dục ngoài ra, cộng với các quyền năng và năng lực bổ sung của trạng thái cao hơn này, vốn cho phép y thực hiện dễ dàng hơn và hiệu quả hơn nhiều trên cõi đó trong khi ngủ công việc Thông Thiên Học vốn chiếm nhiều suy nghĩ của y trong những giờ thức giấc. Việc y có nhớ đầy đủ và chính xác trên cõi hồng trần những gì y đã làm hoặc học được ở cõi khác hay không phụ thuộc phần lớn vào việc y có thể mang tâm thức của mình mà không bị gián đoạn từ trạng thái này sang trạng thái khác hay không. [36]

The investigator will occasionally meet in the astral world students of occultism from all

Nhà nghiên cứu đôi khi sẽ gặp trong thế giới cảm dục các học viên huyền bí học từ khắp nơi

parts of the world (belonging to lodges quite unconnected with the Masters of whom Theosophists know most) who are in many cases most earnest and self-sacrificing seekers after truth. It is noteworthy, however, that all such lodges are at least aware of the existence of the great Himalayan Brotherhood, and acknowledge it as containing among its members the highest Adepts now known on earth.

trên thế giới (thuộc về các chi hội hoàn toàn không liên quan đến các Chân sư mà các nhà Thông Thiên Học biết rõ nhất) vốn trong nhiều trường hợp là những người tìm kiếm chân lý rất nhiệt thành và vị tha. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là tất cả các chi hội như vậy ít nhất đều nhận thức được sự tồn tại của Huynh đệ đoàn Himalaya vĩ đại, và thừa nhận nó có trong số các thành viên của mình là các Chân sư cao cấp nhất hiện được biết đến trên trái đất.

2. The Psychically-developed Person who is not under the guidance of a Master.

2. Người phát triển thông linh không chịu sự hướng dẫn của một Chân sư.

Such a person may or may not be spiritually developed, for the two forms of advancement do not necessarily go together. When a man is born with psychic powers it is simply the result of efforts made during a previous incarnation—efforts which may have been of the noblest and most unselfish character, or on the other hand may have been ignorant and ill-directed or even entirely unworthy.

Người như vậy có thể hoặc không thể phát triển tinh thần, vì hai hình thức thăng tiến không nhất thiết phải đi cùng nhau. Khi một người sinh ra với năng lực thông linh, đó chỉ đơn giản là kết quả của những nỗ lực được thực hiện trong kiếp trước — những nỗ lực có thể có tính chất cao quý và vị tha nhất, hoặc mặt khác có thể là do thiếu hiểu biết và bị hướng dẫn sai hoặc thậm chí hoàn toàn không xứng đáng.

Such a man is usually perfectly conscious when out of the body, but for want of proper training is liable to be greatly deceived as to what he sees. He is often able to range through the different subdivisions of the astral plane almost as fully as [37] persons belonging to the last class; but sometimes he is especially attracted to some one division and rarely travels beyond its influences. His recollection of what he has seen may vary according to the degree of his development through all the stages from perfect clearness to utter distortion or blank oblivion. He always appears in his astral body, since he does not know how to function in the mental vehicle.

Người như vậy thường hoàn toàn tỉnh táo khi xuất hồn, nhưng vì thiếu sự rèn luyện thích hợp nên rất dễ bị lừa dối về những gì y nhìn thấy. Y thường có thể di chuyển qua các phân khu khác nhau của cõi cảm dục gần như đầy đủ như [37] những người thuộc lớp cuối cùng; nhưng đôi khi y đặc biệt bị thu hút bởi một số phân khu và hiếm khi vượt ra khỏi ảnh hưởng của nó. Trí nhớ của y về những gì y đã thấy có thể khác nhau tùy theo mức độ phát triển của y qua tất cả các giai đoạn từ hoàn toàn rõ ràng đến hoàn toàn méo mó hoặc lãng quên hoàn toàn. Y luôn xuất hiện trong thể cảm dục của mình, vì y không biết cách hoạt động trong hiện thể trí tuệ.

3. The Ordinary Person

3. Người bình thường

that is, the person without any psychic

nghĩa là, người không có bất kỳ sự phát triển

development—who floats about in his astral body during sleep in a more or less unconscious condition. In deep slumber the higher principles in their astral vehicle almost invariably withdraw from the body, and hover in its immediate neighbourhood, though in quite undeveloped persons they are practically almost as much asleep as the body is.

thông linh nào — vốn trôi nổi trong thể cảm dục của mình trong khi ngủ trong tình trạng ít nhiều vô thức. Trong giấc ngủ sâu, các nguyên khí cao hơn trong hiện thể cảm dục của họ hầu như luôn rút khỏi cơ thể và lơ lửng trong vùng lân cận ngay lập tức của nó, mặc dù ở những người chưa phát triển, chúng thực tế gần như ngủ say như cơ thể.

In some cases, however, this astral vehicle is less lethargic, and floats dreamily about on the various astral currents, occasionally recognizing other people in a similar condition, and meeting with experiences of all sorts, pleasant and unpleasant, the memory of which, hopelessly confused and often travestied into a grotesque caricature of what [38] really happened, will cause the man to think next morning what a remarkable dream he has had.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, hiện thể cảm dục này ít uể oải hơn và trôi nổi mơ màng trên các dòng cảm dục khác nhau, đôi khi nhận ra những người khác trong tình trạng tương tự và gặp phải những trải nghiệm đủ loại, dễ chịu và khó chịu, ký ức về những điều đó, hoàn toàn lẫn lộn và thường bị biến thành một bức tranh biếm họa kỳ cục về những gì [38] thực sự đã xảy ra, sẽ khiến người đó nghĩ vào sáng hôm sau rằng mình đã có một giấc mơ thật đáng chú ý.

All cultured people, belonging to the higher races of the world, have at the present time their astral senses very fairly developed, so that, if they were sufficiently aroused to examine the realities which surround them during sleep, they would be able to observe them and learn much from them. But, in the vast majority of cases, they are not so aroused, and they spend most of their nights in a kind of brown study, pondering deeply over whatever thought may have been uppermost in their minds when they fell asleep. They have the astral faculties, but they scarcely use them; they are certainly awake on the astral plane, and yet they are not in the least awake *to* the plane, and are consequently conscious of their surroundings only very vaguely, if at all.

Tất cả những người có văn hóa, thuộc các chủng tộc cao hơn trên thế giới, hiện nay đều có các giác quan cảm dục phát triển khá tốt, do đó, nếu họ được đánh thức đầy đủ để xem xét các thực tại xung quanh mình trong khi ngủ, họ sẽ có thể quan sát chúng và học hỏi nhiều từ chúng. Nhưng, trong đại đa số trường hợp, họ không được đánh thức như vậy, và họ dành phần lớn thời gian ban đêm trong một kiểu nghiên cứu màu nâu, suy ngẫm sâu sắc về bất cứ suy nghĩ nào có thể là quan trọng nhất trong tâm trí họ khi họ ngủ thiếp đi. Họ có các năng lực cảm dục, nhưng họ hầu như không sử dụng chúng; họ chắc chắn thức trên cõi cảm dục, nhưng họ không hề thức tỉnh với cõi đó, và do đó chỉ ý thức được môi trường xung quanh một cách rất mơ hồ, nếu có.

When such a man becomes a pupil of one of the Masters of Wisdom, he is usually at once shaken out of this somnolent condition, fully

Khi một người như vậy trở thành học trò của một trong những Chân sư Minh Triết, y thường ngay lập tức bị lay khỏi trạng thái

awakened to the realities around him on that plane, and set to learn from them and to work among them, so that his hours of sleep are no longer a blank, but are filled with active and useful occupation, without in [39] the least interfering with the healthy, repose of the tired physical body. (See *Invisible Helpers.* Chap. v.)

buồn ngủ này, hoàn toàn thức tỉnh với những thực tại xung quanh y trên cõi đó, và được đặt ra để học hỏi từ chúng và làm việc giữa chúng, do đó, giờ ngủ của y không còn là một khoảng trống, mà được lấp đầy bởi công việc tích cực và hữu ích, mà không hề [39] can thiệp vào sự nghỉ ngơi lành mạnh của thể xác mệt mỏi. (Xem Người giúp đỡ vô hình. Chương v.)

These extruded astral bodies are almost shapeless and indefinite in outline in the case of the more backward races and individuals, but as the man develops in intellect and spirituality his floating astral becomes better defined, and more closely resembles his physical encasement. It is often asked how—since the undeveloped astral is so vague in outline, and since the great majority of mankind come under the head of the undeveloped—how it is ever possible to recognise the ordinary man at all when he is in his astral body. In trying to answer that question we must endeavour to realize that, to the clairvoyant eye, the physical body of man appears surrounded by what we call the aura—a luminous coloured mist, roughly ovoid in shape, and extending to a distance of some eighteen inches from the body in all directions. All students are aware that this aura is exceedingly complex, and contains matter of all the different planes on which man is at present provided with vehicles; but for the moment let us think of it as it would appear to one who possessed no higher power of vision than the astral. [40]

Những thể cảm dục bị đẩy ra này gần như không có hình dạng và đường nét không xác định trong trường hợp của các chủng tộc và cá nhân lạc hậu hơn, nhưng khi con người phát triển về trí tuệ và tinh thần, thể cảm dục trôi nổi của y trở nên rõ ràng hơn và giống với vỏ bọc vật chất của y hơn. Người ta thường hỏi làm thế nào — vì thể cảm dục chưa phát triển rất mơ hồ về đường nét, và vì đại đa số nhân loại thuộc nhóm chưa phát triển — làm thế nào có thể nhận ra người bình thường khi y ở trong thể cảm dục của mình. Khi cố gắng trả lời câu hỏi đó, chúng ta phải cố gắng nhận ra rằng, đối với con mắt thông nhãn, thể xác của con người xuất hiện được bao quanh bởi thứ mà chúng ta gọi là hào quang — một màn sương màu phát sáng, hình trứng thô, và kéo dài đến khoảng mười tám inch tính từ cơ thể theo mọi hướng. Tất cả các học viên đều nhận thức được rằng hào quang này cực kỳ phức tạp và chứa đựng vật chất của tất cả các cõi khác nhau mà con người hiện đang được cung cấp hiện thể; nhưng bây giờ chúng ta hãy nghĩ về nó như nó sẽ xuất hiện với một người không có năng lực nhìn cao hơn thể cảm dục. [40]

For such a spectator the aura would contain only astral matter, and would therefore be a simpler object of study. He would see, however, that this astral matter not only surrounded the physical body, but interpenetrated it, and that within the periphery of that body it was much more densely aggregated than in that part of the

Đối với một khán giả như vậy, hào quang sẽ chỉ chứa vật chất cảm dục, và do đó sẽ là một đối tượng nghiên cứu đơn giản hơn. Tuy nhiên, y sẽ thấy rằng vật chất cảm dục này không chỉ bao quanh thể xác mà còn thâm nhập vào nó, và bên trong chu vi của thể xác đó, nó được tập hợp dày đặc hơn nhiều so với phần hào quang nằm bên ngoài nó. Điều này dường như là do

aura which lay outside it. This seems to be due to the attraction of the large amount of dense astral matter which is gathered together there as the counterpart of the cells of the physical body; but however that may he, the fact is undoubted that the matter of the astral body which lies within the limits of the physical is many times denser than that outside it.

sự hấp dẫn của một lượng lớn vật chất cảm dục đậm đặc được tập hợp lại với nhau ở đó như đối phần của các tế bào của thể xác; nhưng dù thế nào đi nữa, sự thật không thể nghi ngờ là vật chất của thể cảm dục nằm trong giới hạn của thể xác đậm đặc hơn nhiều lần so với vật chất bên ngoài nó.

When during sleep the astral body is withdrawn from the physical this arrangement still persists, and any one looking at such an astral body with clairvoyant vision would still see, just as before, a form resembling the physical body surrounded by an aura. That form would is now composed only of astral matter, but still the difference in density between it and its surrounding mist would be quite sufficient to make it clearly distinguishable, even though it is itself only a form of denser mist. [41]

Khi ngủ, thể cảm dục được rút ra khỏi thể xác, sự sắp xếp này vẫn tồn tại, và bất kỳ ai nhìn vào thể cảm dục như vậy bằng tầm nhìn thông nhãn vẫn sẽ thấy, giống như trước đây, một hình dạng giống với thể xác được bao quanh bởi hào quang. Hình dạng đó bây giờ chỉ được cấu tạo từ vật chất cảm dục, nhưng sự khác biệt về mật độ giữa nó và màn sương xung quanh nó vẫn đủ để làm cho nó có thể phân biệt rõ ràng, mặc dù bản thân nó chỉ là một dạng sương mù dày đặc hơn. [41]

Now as to the difference in appearance between the evolved and the unevolved man. Even in the case of the latter the features and shape of the inner forms are recognizable always, though blurred and indistinct, but the surrounding egg scarcely deserve the name, for it is in fact a mere shapeless wreath of mist, having neither regularity nor permanence of outline.

Bây giờ là về sự khác biệt về ngoại hình giữa người tiến hóa và người chưa tiến hóa. Ngay cả trong trường hợp của người thứ hai, các đặc điểm và hình dạng của các hình thức bên trong luôn có thể nhận ra được, mặc dù bị mờ và không rõ ràng, nhưng quả trứng xung quanh khó xứng đáng với cái tên đó, vì trên thực tế nó chỉ là một vòng hoa sương mù vô định hình, không có hình dạng đều đặn cũng không có đường viền vĩnh viễn.

In the more developed man the change would be very marked, both in the aura and the form within it. This latter would be far more distinct and definite—a closer reproduction of the man's physical appearance; while instead of the floating mist-wreath we see a sharply defined ovoid shape, preserving this form unaffected amidst all the varied currents which are always swirling around it on the astral plane.

Ở người phát triển hơn, sự thay đổi sẽ rất rõ rệt, cả ở hào quang và hình dạng bên trong nó. Hình dạng thứ hai này sẽ rõ ràng và xác định hơn — một bản sao gần hơn về ngoại hình vật lý của người đàn ông; trong khi thay vì vòng hoa sương mù trôi nổi, chúng ta thấy một hình dạng hình trứng được xác định rõ ràng, giữ nguyên hình dạng này không bị ảnh hưởng giữa tất cả các dòng chảy khác nhau luôn xoáy xung quanh nó trên cõi cảm dục.

Since the psychical faculties of mankind are in course of evolution, and individuals are at all stages of their development, this class naturally melts by imperceptible gradations into the former.

Vì các năng lực thông linh của nhân loại đang trong quá trình tiến hóa, và các cá nhân đang ở mọi giai đoạn phát triển của họ, nên lớp này đương nhiên tan chảy theo các cấp độ không thể nhận thấy vào lớp trước.

4. The Black Magician or his pupil.

This class corresponds somewhat to the first, except that the development has been for evil instead of good, and the powers acquired are used for purely selfish purposes instead of for the benefit of humanity. [42] Among its lower ranks come members of the negro race who practise the ghastly rites of the Obeah or Voodoo schools, and the medicine-men of many a savage tribe; while higher in intellect, and therefore the more blameworthy, stand the Tibetan black magicians, who are often, though incorrectly, called by Europeans Dugpas—a title properly belonging, as is quite correctly explained by Surgeon-Major Waddell in his book on *The Buddhism of Tibet,* only to the Bhotanese subdivision of the great Kargyu sect, which is part of what may be called the semi-reformed school of Tibetan Buddhism.

4. Pháp sư Hắc thuật hoặc học trò của y.

Lớp này tương ứng phần nào với lớp đầu tiên, ngoại trừ việc sự phát triển là vì điều ác thay vì điều thiện, và các quyền năng có được được sử dụng cho các mục đích hoàn toàn ích kỷ thay vì vì lợi ích của nhân loại. [42] Trong số các cấp bậc thấp hơn của nó có các thành viên của chủng tộc da đen vốn thực hành các nghi lễ khủng khiếp của các trường phái Obeah hoặc Voodoo, và những người chữa bệnh của nhiều bộ lạc man rợ; trong khi có trí tuệ cao hơn, và do đó đáng trách hơn, là các pháp sư hắc thuật Tây Tạng, những người thường bị người châu Âu gọi là Dugpas — một danh hiệu hoàn toàn thuộc về, như được giải thích khá chính xác bởi Bác sĩ phẫu thuật-Thiếu tá Waddell trong cuốn sách của ông về Phật giáo Tây Tạng, chỉ dành cho phân khu Bhotanese của giáo phái Kargyu vĩ đại, vốn là một phần của thứ có thể được gọi là trường phái bán cải cách của Phật giáo Tây Tạng.

The Dugpas no doubt deal in Tantrik magic to a considerable extent, but the real red-hatted entirely unreformed sect is that of the Nin-ma-pa, though far beyond them still lower depth be the Bonpa—the votaries of the aboriginal religion, who have never accepted any form of Buddhism at all. It must not, however, be supposed that all Tibetan sects except the Gelugpa are necessarily and altogether evil; a truer view would be that as the rules of other sects permit considerably greater laxity of life and practice, the proportion of self-seekers among them is likely to be much larger than among the stricter reformers. [43]

Dugpas chắc chắn giao dịch với ma thuật Tantrik ở một mức độ đáng kể, nhưng giáo phái mũ đỏ thực sự hoàn toàn không được cải cách là giáo phái Nin-ma-pa, mặc dù vượt xa họ vẫn còn độ sâu thấp hơn là Bonpa — những người sùng đạo bản địa, những người chưa bao giờ chấp nhận bất kỳ hình thức Phật giáo nào cả. Tuy nhiên, không nên cho rằng tất cả các giáo phái Tây Tạng ngoại trừ Gelugpa nhất thiết và hoàn toàn xấu xa; một quan điểm đúng đắn hơn sẽ là vì các quy tắc của các giáo phái khác cho phép cuộc sống và thực hành lỏng lẻo hơn đáng kể, nên tỷ lệ những người tự tư tự lợi trong số họ có thể sẽ lớn hơn nhiều so với những người cải cách nghiêm ngặt hơn.

[43]

2. Dead—2. Người chết

First of all, this very word "dead" is an absurd misnomer, as most of the entities classified under this heading are as fully alive as we are ourselves—often distinctly more so; so the term must be understood simply as meaning those who are for the time unattached to a physical body. They may be subdivided into ten principal classes, as follows:

Trước hết, chính từ "chết" này là một cách gọi sai vô lý, vì hầu hết các thực thể được phân loại dưới tiêu đề này đều sống động như chính chúng ta — thường rõ ràng là sống động hơn; vì vậy thuật ngữ này phải được hiểu đơn giản là có nghĩa là những người hiện không gắn liền với thể xác. Họ có thể được chia nhỏ thành mười lớp chính, như sau:

1. The Nirmanakaya (one who, having earned the right to the perpetual enjoyment of Nirvana, renounces it in order to devote himself to work for the good of mankind).

1. Nirmanakaya (người đã giành được quyền hưởng thụ Niết bàn vĩnh viễn, từ bỏ nó để cống hiến hết mình cho công việc vì lợi ích của nhân loại).

This class is just mentioned in order to make the catalogue complete, but it is rarely indeed that so exalted a being manifests himself upon so low a plane as this. When for any reason connected with his sublime work he found it desirable to do so, he would probably create a temporary astral body for the purpose from the atomic matter of the plane, just as the Adept in the mind-body would do, simply because his more refined vesture would be invisible to astral sight. In order to be able to function without a moment's hesitation on any plane, he retains always within himself some atoms belonging to each, round which as a nucleus he can instantly aggregate other matter, [44] and so provide himself with whatever vehicle he desires. Further information about the position and work of the Nirmanakaya may be found in Madame Blavatsky's *Voice of the Silence,* and in my own little book, *Invisible Helpers.*

Lớp này chỉ được đề cập để làm cho danh mục đầy đủ, nhưng thực sự rất hiếm khi một chúng sinh cao quý như vậy biểu hiện mình trên một cõi thấp như thế này. Khi vì bất kỳ lý do nào liên quan đến công việc cao cả của mình, Ngài thấy nên làm như vậy, Ngài có thể sẽ tạo ra một thể cảm dục tạm thời cho mục đích đó từ vật chất nguyên tử của cõi, giống như Chân sư trong thể trí sẽ làm, đơn giản vì y phục tinh tế hơn của Ngài sẽ vô hình đối với tầm nhìn cảm dục. Để có thể hoạt động mà không do dự một chút nào trên bất kỳ cõi nào, Ngài luôn giữ trong mình một số nguyên tử thuộc về mỗi cõi, xung quanh đó như một hạt nhân, Ngài có thể ngay lập tức tập hợp các vật chất khác, [44] và do đó cung cấp cho mình bất kỳ hiện thể nào Ngài mong muốn. Thông tin thêm về vị trí và công việc của Nirmanakaya có thể được tìm thấy trong Tiếng nói của Im lặng của bà Blavatsky, và trong cuốn sách nhỏ của tôi, Người giúp đỡ vô hình.

2. The Pupil awaiting reincarnation.

2. Người học trò chờ tái sinh.

It has frequently been stated in Theosophical literature that when the pupil reaches a certain stage he is able with the assistance of

Người ta đã thường xuyên tuyên bố trong các tài liệu Thông Thiên Học rằng khi người học trò đạt đến một giai đoạn nhất định, y có thể

his Master to escape from the action of what is in ordinary cases the law of Nature which carries a human being into the heaven-world at the end of his astral life. In that heaven-world he would, in the ordinary course of events, receive the due result of the full working out of all the spiritual forces which his highest aspirations have set in motion while on earth.

với sự hỗ trợ của Chân sư của mình thoát khỏi tác động của thứ vốn trong các trường hợp thông thường là quy luật Tự nhiên vốn đưa một con người vào cõi thiên đàng vào cuối cuộc đời cảm dục của y. Trong cõi thiên đàng đó, theo tiến trình thông thường của các sự kiện, y sẽ nhận được kết quả xứng đáng của việc vận hành đầy đủ tất cả các mãnh lực tinh thần mà khát vọng cao nhất của y đã khởi động khi còn sống trên trái đất.

As the pupil must by the hypothesis be a man of pure life and high thought, it is probable that in his case these spiritual forces will be of abnormal strength, and therefore if he enters upon this heaven-life, it is likely to be extremely long; but if instead of taking it he chooses the Path of Renunciation (thus even at his low level and in his humble way beginning to follow in the footsteps of the Great Master of Renunciation, the Lord GAUTAMA [45] Buddha Himself), he is able to expend that reserve of force in quite another direction—to use it for the benefit of mankind, and so, infinitesimal though his offering may be, to take his tiny part in the great work of the Nirmanakayas. By taking this course he no doubt sacrifices centuries of intense bliss, but on the other hand he gains the enormous advantage of being able to continue his life of work and progress without a break.

Vì theo giả thuyết, người học trò phải là người có cuộc sống trong sạch và tư tưởng cao thượng, nên có khả năng trong trường hợp của y, những lực lượng tinh thần này sẽ có sức mạnh phi thường, và do đó, nếu y bước vào cuộc sống thượng thiên này, nó có thể sẽ cực kỳ dài; nhưng nếu thay vì chấp nhận nó, y chọn Con Đường Từ Bỏ (do đó, ngay cả ở cấp độ thấp và theo cách khiêm tốn của mình, bắt đầu đi theo bước chân của Huấn Sư Vĩ Đại của Sự Từ Bỏ, chính Đức Phật GAUTAMA [45]), y có thể sử dụng nguồn lực dự trữ đó theo một hướng hoàn toàn khác—sử dụng nó vì lợi ích của nhân loại, và do đó, mặc dù sự cúng dường của y có thể nhỏ bé vô cùng, nhưng y vẫn có một phần nhỏ bé trong công việc vĩ đại của các Nirmanakaya. Bằng cách chọn con đường này, chắc chắn y đã hy sinh nhiều thế kỷ hạnh phúc tột độ, nhưng mặt khác, y có được lợi thế to lớn là có thể tiếp tục cuộc sống làm việc và tiến bộ của mình mà không bị gián đoạn.

When a pupil who has decided to do this dies, he simply steps out of his body, as he has often done before, and waits upon the astral plane until a suitable reincarnation can be arranged for him by his Master. This being a marked departure from the usual course of procedure, the permission of a very high authority has to be obtained before the attempt can be made; yet, even when this is granted, so strong is the force of natural law, that it is said the pupil must be careful to confine himself strictly to

Khi một người học trò, vốn đã quyết định làm điều này, qua đời, y chỉ đơn giản là bước ra khỏi cơ thể của mình, như y đã thường làm trước đây, và chờ đợi trên cõi cảm dục cho đến khi Chân sư của y có thể sắp xếp một kiếp tái sinh phù hợp cho y. Đây là một sự khởi đầu khác biệt so với tiến trình thông thường, sự cho phép của một cơ quan có thẩm quyền rất cao phải được có được trước khi có thể thực hiện nỗ lực này; tuy nhiên, ngay cả khi điều này được chấp thuận, lực lượng của quy luật tự

the astral level while the matter is being arranged, lest if he once, even for a moment, touched the mental plane, he might be swept as by an irresistible current into the line of normal evolution again. [46]

nhiên mạnh mẽ đến mức người ta nói rằng người học trò phải cẩn thận tự giới hạn nghiêm ngặt ở cấp độ cảm dục trong khi vấn đề đang được sắp xếp, kẻo nếu y dù chỉ một khoảnh khắc chạm vào cõi trí, y có thể bị cuốn đi như một dòng chảy không thể cưỡng lại vào dòng tiến hóa bình thường một lần nữa. [46]

In some cases, though these are rare, he is enabled to avoid the trouble of a new birth by being placed directly in an adult body whose previous tenant has no further use for it, but naturally it is not often that a suitable body is available. Far more frequently he has to wait on the astral plane, as mentioned before, until the opportunity of a fitting birth presents itself. Meanwhile, however, he is losing no time, for he is as fully himself as ever he was, and is able to go on with the work given him by his Master even more quickly and efficiently than when in the physical body, since he is no longer hampered by the possibility of fatigue. His consciousness is quite complete, and he roams at will through all the divisions of the plane with equal facility.

Trong một số trường hợp, mặc dù những trường hợp này rất hiếm, y có thể tránh được rắc rối của một kiếp sinh mới bằng cách được đặt trực tiếp vào một cơ thể trưởng thành mà người chủ trước đó không còn sử dụng nữa, nhưng tự nhiên, không thường xuyên có một cơ thể phù hợp. Thường xuyên hơn, y phải chờ đợi trên cõi cảm dục, như đã đề cập trước đó, cho đến khi có cơ hội sinh ra phù hợp. Tuy nhiên, trong khi đó, y không hề mất thời gian, vì y vẫn hoàn toàn là chính mình như trước đây, và có thể tiếp tục công việc được Chân sư giao cho, thậm chí còn nhanh chóng và hiệu quả hơn khi ở trong thể xác, vì y không còn bị cản trở bởi khả năng mệt mỏi. Tâm thức của y khá hoàn chỉnh, và y đi lang thang theo ý muốn qua tất cả các phân khu của cõi giới với sự dễ dàng như nhau.

The pupil awaiting reincarnation is by no means one of the common objects of the astral plane, but still he may be met with occasionally, and therefore he forms one of our classes. No doubt as the evolution of humanity proceeds, and an ever-increasing proportion enters upon the Path of Holiness, this class will become more numerous.

Người học trò đang chờ đợi tái sinh không phải là một trong những đối tượng phổ biến của cõi cảm dục, nhưng đôi khi vẫn có thể gặp y, và do đó, y tạo thành một trong những lớp của chúng ta. Không nghi ngờ gì nữa, khi nhân loại tiến hóa, và một tỷ lệ ngày càng tăng bước vào Con Đường Thánh Thiện, lớp này sẽ trở nên đông đảo hơn.

3. The Ordinary Person after death.

3. Người bình thường sau khi chết.

Needless to say this class is millions of times larger than those [47] of which we have spoken, and the character and condition of its members vary within extremely wide limits. Within similarly wide limits may vary also the length of their lives upon the astral plane,

Không cần phải nói, lớp này lớn hơn hàng triệu lần so với những lớp [47] mà chúng ta đã nói đến, và tính cách cũng như điều kiện của các thành viên của nó rất khác nhau trong những giới hạn cực kỳ rộng. Trong những giới hạn rộng tương tự cũng có thể thay đổi cả chiều dài

for while there are those who pass only a few days or hours there, others remain upon this level for many years and even centuries.

cuộc sống của họ trên cõi cảm dục, vì trong khi có những người chỉ trải qua vài ngày hoặc vài giờ ở đó, thì những người khác lại ở trên cấp độ này trong nhiều năm và thậm chí nhiều thế kỷ.

A man who has led a good and pure life, whose strongest feelings and aspirations have been unselfish and spiritual, will have no attraction to this plane, and will, if entirely left alone, find little to keep him upon it, or to awaken him into activity even during the comparatively short period of his stay. For it must be understood that after death the true man is withdrawing into himself, and just as at the first step of that process he casts off the physical body, and almost directly afterwards the etheric double, so it is intended that he should as soon as possible cast off also the astral or desire body, and pass into the heaven-world, where alone his spiritual aspirations can bear their perfect fruit.

Một người, vốn đã sống một cuộc sống tốt đẹp và trong sạch, mà những cảm xúc và khát vọng mạnh mẽ nhất là vị tha và tinh thần, sẽ không bị thu hút vào cõi giới này, và nếu hoàn toàn bị bỏ mặc một mình, sẽ thấy có rất ít thứ giữ y lại trên đó, hoặc đánh thức y hoạt động ngay cả trong khoảng thời gian tương đối ngắn ngủi mà y ở lại. Vì phải hiểu rằng sau khi chết, con người thật sự đang rút vào bên trong mình, và cũng giống như ở bước đầu tiên của quá trình đó, y vứt bỏ thể xác, và gần như ngay sau đó là thể dĩ thái, vì vậy, y dự định sẽ vứt bỏ thể cảm dục, hay thể dục vọng, càng sớm càng tốt, và bước vào cõi thượng thiên, nơi mà chỉ có những khát vọng tinh thần của y mới có thể kết trái hoàn hảo.

The noble and pure-minded man will be able to do this, for he has subdued all earthly passions during life; the force of his will has been directed into higher channels, and there is therefore but [48] little energy of lower desire to be worked out on the astral plane. His stay there will consequently be short, and most probably he will have little more than a dreamy half-consciousness of existence until he sinks into the sleep during which his higher principles finally free themselves from the astral envelope and enter upon the blissful life of the heaven-world.

Người đàn ông cao thượng và trong sạch sẽ có thể làm được điều này, vì y đã khuất phục tất cả những đam mê trần tục trong cuộc sống; sức mạnh ý chí của y đã được hướng vào những kênh cao hơn, và do đó, chỉ có [48] rất ít năng lượng của dục vọng thấp hơn cần được giải quyết trên cõi cảm dục. Do đó, thời gian y ở đó sẽ ngắn, và rất có thể y sẽ chỉ có một nửa ý thức mơ hồ về sự tồn tại cho đến khi y chìm vào giấc ngủ, trong đó các nguyên khí cao hơn của y cuối cùng sẽ tự giải thoát khỏi lớp vỏ cảm dục và bước vào cuộc sống hạnh phúc của cõi thượng thiên.

For the person who has not as yet entered upon the path of occult development, what has been described is the ideal state of affairs, but naturally it not attained by all, or even by the majority. The average man has by no means freed himself from all lower desires before death, and it takes a long period of more

Đối với người chưa bước vào con đường phát triển huyền bí học, những gì đã được mô tả là trạng thái lý tưởng của sự việc, nhưng tự nhiên nó không phải ai cũng đạt được, hoặc thậm chí là đa số. Người bình thường không có nghĩa là đã tự giải thoát mình khỏi tất cả những ham muốn thấp kém hơn trước khi chết, và phải

or less fully conscious life on the various subdivisions of the astral plane to allow the forces which he has generated to work themselves out, and thus release the ego.

mất một thời gian dài sống ít nhiều có ý thức đầy đủ trên các phân khu khác nhau của cõi cảm dục để cho phép các lực lượng mà y đã tạo ra tự giải quyết, và do đó giải phóng chân ngã.

Every one after death has to pass through all the subdivisions of the astral plane on his way to the heavenworld, though it must not be inferred that he will be conscious upon all of them. Precisely as it is necessary that the physical body should contain within its constitution physical matter in all its conditions, solid, liquid, gaseous, and etheric, [49] so it is indispensable that the astral vehicle should contain particles belonging to all the corresponding subdivisions of astral matter, though the proportions may vary greatly in different cases.

Mọi người sau khi chết đều phải trải qua tất cả các phân khu của cõi cảm dục trên đường đến cõi thượng thiên, mặc dù không được suy ra rằng y sẽ có ý thức trên tất cả chúng. Cũng giống như việc thể xác cần phải chứa đựng trong cấu tạo của nó vật chất hồng trần trong tất cả các trạng thái của nó, rắn, lỏng, khí và dĩ thái, [49] thì thể cảm dục cũng cần phải chứa đựng các hạt thuộc về tất cả các phân khu tương ứng của vật chất cảm dục, mặc dù tỷ lệ có thể khác nhau rất nhiều trong các trường hợp khác nhau.

It must be remembered that along with the matter of his astral body a man picks up the corresponding elemental essence, and that during his life this essence is segregated from the ocean of similar matter around, and practically becomes for that time what may be described as a kind of artificial elemental. This has temporarily a definite separate existence of its own, and follows the course of its own evolution downwards into matter without any reference to (or indeed any knowledge of) the convenience or interest of the ego to whom it happens to be attached—thus causing that perpetual struggle between the will of the flesh and the will of the spirit to which religious writers so often refer.

Phải nhớ rằng cùng với vật chất của thể cảm dục, một người tiếp nhận tinh chất hành khí tương ứng, và trong suốt cuộc đời của mình, tinh chất này được tách ra khỏi đại dương vật chất tương tự xung quanh, và thực tế trong thời gian đó trở thành thứ mà có thể được mô tả như một loại hành khí nhân tạo. Điều này tạm thời có một sự tồn tại riêng biệt xác định của riêng nó, và đi theo quá trình tiến hóa đi xuống của chính nó vào vật chất mà không cần tham khảo (hoặc thực sự là bất kỳ kiến thức nào về) sự thuận tiện hoặc lợi ích của chân ngã mà nó tình cờ gắn liền—do đó gây ra cuộc đấu tranh vĩnh viễn giữa ý chí của xác thịt và ý chí của tinh thần mà các nhà văn tôn giáo thường nhắc đến.

Yet though it is “a law of the members warring against the law of the mind”, though if the man obeys it instead of controlling it his evolution will be seriously hindered, it must not be thought of as in any way evil in itself, for it is still a Law—still an outpouring of the Divine Power going [50] on its orderly course, though that course in this instance happens to

Tuy nhiên, mặc dù đó là “một quy luật của các bộ phận gây chiến chống lại quy luật của thể trí”, mặc dù nếu con người tuân theo nó thay vì kiểm soát nó thì sự tiến hóa của y sẽ bị cản trở nghiêm trọng, nhưng nó không được coi là xấu xa tự thân, vì nó vẫn là một Định luật—vẫn là một sự tuôn trào của Sức mạnh Thiêng liêng đang [50] diễn ra theo tiến trình có trật

be downwards into matter instead of upwards and away from it, as ours is.

tự của nó, mặc dù tiến trình đó trong trường hợp này tình cờ đi xuống vào vật chất thay vì hướng lên trên và rời xa nó, như của chúng ta.

When the man passes away at death from the physical plane the disintegrating forces of Nature begin to operate upon his astral body, and this elemental thus finds his existence as a separate entity endangered. He sets to work therefore to defend himself, and to hold the astral body together as long as possible; and his method of doing this is to rearrange the matter of which it is composed in a sort of stratified series of shells, leaving that of the lowest (and therefore coarsest and grossest) sub-plane on the outside, since that will offer the greatest resistance to disintegration.

Khi con người qua đời khỏi cõi hồng trần, các lực phân rã của Tự nhiên bắt đầu tác động lên thể cảm dục của y, và hành khí này do đó thấy sự tồn tại của nó như một thực thể riêng biệt bị đe dọa. Do đó, nó bắt đầu hoạt động để tự vệ, và giữ thể cảm dục lại với nhau càng lâu càng tốt; và phương pháp của nó để làm điều này là sắp xếp lại vật chất cấu tạo nên nó thành một loại chuỗi vỏ phân tầng, để lại vật chất của cõi phụ thấp nhất (và do đó là thô nhất và tổng quát nhất) ở bên ngoài, vì điều đó sẽ mang lại sức đề kháng lớn nhất đối với sự phân rã.

A man has to stay upon this lowest subdivision until he has disentangled so much as is possible of his true self from the matter of that sub-plane; and when that is done his consciousness is focussed in the next of these concentric shells (that formed of the matter of the sixth subdivision), or to put the same idea in other words, he passes on to the next sub-plane. We might say that when the astral body has exhausted its attractions to one level, the greater part of its grosser particles fall away, and it finds [51] itself in affinity with a somewhat higher state of existence. Its specific gravity, as it were, is constantly decreasing, and so it steadily rises from the denser to the lighter strata, pausing only when it is exactly balanced for a time.

Một người phải ở lại trên phân khu thấp nhất này cho đến khi y gỡ rối được càng nhiều càng tốt cái tôi thực sự của mình khỏi vật chất của cõi phụ đó; và khi điều đó được thực hiện, ý thức của y được tập trung vào lớp vỏ đồng tâm tiếp theo (được hình thành từ vật chất của phân khu thứ sáu), hoặc nói cách khác, y chuyển sang cõi phụ tiếp theo. Chúng ta có thể nói rằng khi thể cảm dục đã cạn kiệt sức hút của nó đối với một cấp độ, phần lớn các hạt thô hơn của nó rơi ra, và nó thấy [51] mình có ái lực với một trạng thái tồn tại cao hơn một chút. Trọng lượng riêng của nó, như nó vốn có, liên tục giảm, và do đó, nó tăng đều đặn từ tầng dày đặc hơn đến tầng nhẹ hơn, chỉ dừng lại khi nó cân bằng chính xác trong một thời gian.

This is evidently the explanation of a remark frequently made by the departed who appear at *séances* to the effect that they are about to rise to a higher sphere, from which it will be impossible, or not so easy, to communicate through a medium; and it is as a matter of fact true that a person upon the highest subdivision of this plane would find it almost

Đây rõ ràng là lời giải thích cho một nhận xét thường xuyên được đưa ra bởi những người đã khuất, vốn xuất hiện tại các buổi gọi hồn, với nội dung rằng họ sắp vươn lên một cõi cao hơn, từ đó sẽ không thể, hoặc không dễ dàng, giao tiếp thông qua một trung gian; và trên thực tế, đúng là một người ở phân khu cao nhất của cõi giới này sẽ thấy gần như không

impossible to deal with any ordinary medium.

thể giao tiếp với bất kỳ trung gian thông thường nào.

Thus we see that the length of a man's detention upon any level of the astral plane will be precisely in proportion to the amount of its matter which is found in his astral body, and that in turn depends upon the life he has lived, the desires he has indulged, and the class of matter which by so doing he has attracted towards him and built into himself. It is, therefore, possible for a man, by pure living and high thinking, to minimize the quantity of matter belonging to the lower astral levels which he attaches to himself, and to raise it in each case [52] to what may be called its critical point, so that the first touch of disintegrating force should shatter its cohesion and resolve it into its original condition, leaving him free at once to pass on to the next sub-plane.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng thời gian một người bị giam giữ trên bất kỳ cấp độ nào của cõi cảm dục sẽ tỷ lệ thuận với lượng vật chất của nó được tìm thấy trong thể cảm dục của y, và điều đó lại phụ thuộc vào cuộc sống mà y đã sống, những ham muốn mà y đã nuông chiều, và loại vật chất mà bằng cách làm như vậy, y đã thu hút về phía mình và xây dựng vào chính mình. Do đó, một người, bằng cách sống trong sạch và tư duy cao thượng, có thể giảm thiểu lượng vật chất thuộc về các cấp độ cảm dục thấp hơn mà y gắn vào mình, và nâng nó lên trong mỗi trường hợp [52] đến cái mà có thể gọi là điểm tới hạn của nó, để cú chạm đầu tiên của lực phân rã sẽ phá vỡ sự gắn kết của nó và đưa nó trở lại trạng thái ban đầu, ngay lập tức để y tự do chuyển sang cõi phụ tiếp theo.

In the case of a thoroughly spiritually-minded person this condition has been attained with reference to all the subdivisions of astral matter, and the result is a practically instantaneous passage through that plane, so that he recovers consciousness for the first time in the heaven-world. As was explained before, we never think of the sub-planes as being divided from one another in space, but rather as interpenetrating one another; so that when we say that a person passes from one subdivision to another, we do not necessarily mean that he moves in space at all, but that the focus of his consciousness shifts from the outer shell to that next within it.

Trong trường hợp của một người có tinh thần hoàn toàn hướng thượng, điều kiện này đã đạt được liên quan đến tất cả các phân khu của vật chất cảm dục, và kết quả là một đoạn văn gần như tức thời xuyên qua cõi giới đó, để y lấy lại ý thức lần đầu tiên trong cõi thượng thiên. Như đã giải thích trước đây, chúng ta không bao giờ nghĩ về các cõi phụ là bị chia cắt với nhau trong không gian, mà đúng hơn là chúng thấm vào nhau; vì vậy, khi chúng ta nói rằng một người đi từ phân khu này sang phân khu khác, chúng ta không nhất thiết có nghĩa là y di chuyển trong không gian, mà là tiêu điểm ý thức của y chuyển từ lớp vỏ bên ngoài sang lớp vỏ tiếp theo bên trong nó.

The only persons who normally awake to consciousness on the lowest level of the astral plane are those whose desires are gross and brutal—drunkards, sensualists, and such like. There they remain for a period proportioned to the strength of their desires,

Những người duy nhất thường thức tỉnh ý thức ở cấp độ thấp nhất của cõi cảm dục là những người có ham muốn thô tục và tàn bạo —những kẻ say xỉn, những kẻ dâm đãng, v.v. Ở đó, họ ở lại trong một khoảng thời gian tỷ lệ thuận với sức mạnh của ham muốn của họ,

often suffering terribly from the fact [53] that while these earthly lusts are still as strong as ever, they now find it impossible to gratify them, except occasionally in a vicarious manner when they are able to seize upon some like-minded person, and obsess him.

thường phải chịu đựng khủng khiếp từ thực tế [53] rằng trong khi những ham muốn trần tục này vẫn mạnh mẽ như bao giờ hết, thì giờ đây họ thấy không thể thỏa mãn chúng, ngoại trừ thỉnh thoảng theo cách gián tiếp khi họ có thể bám vào một số người cùng chí hướng, và ám ảnh y.

The ordinarily decent man has little to detain him on that seventh sub-plane; but if his chief desires and thoughts had centred in more worldly affairs, he is likely to find himself in the sixth subdivision, still hovering about the places and persons with which he was most closely connected while on earth. The fifth and the fourth sub-planes are of similar character, except that as we rise through them mere earthly associations appear to become of less and less importance, and the departed tends more and more to mould his surroundings into agreements with the more persistent of his thoughts.

Người đàn ông đoan chính thông thường có rất ít thứ để giữ y lại trên cõi phụ thứ bảy đó; nhưng nếu những ham muốn và suy nghĩ chủ yếu của y tập trung vào những công việc trần tục hơn, y có thể thấy mình ở phân khu thứ sáu, vẫn lảng vảng quanh những địa điểm và con người mà y kết nối chặt chẽ nhất khi còn sống trên trái đất. Cõi phụ thứ năm và thứ tư có đặc điểm tương tự, ngoại trừ việc khi chúng ta vươn lên qua chúng, các mối liên hệ trần tục dường như trở nên ngày càng ít quan trọng hơn, và người đã khuất ngày càng có xu hướng định hình môi trường xung quanh mình thành những thỏa thuận với những suy nghĩ dai dẳng hơn của y.

By the time we reach the third subdivision we find that this characteristic has entirely superseded the vision of the realities of the plane; for here the people are living in imaginary cities of their own—not each evolved entirely by his own thought, as in the heaven-world, but inheriting and adding to the structures erected by the thoughts of their predecessors. Here it is that the churches and [54] schools and "dwellings in the summerland," so often described at spiritualistic *séances,* are to be found; though they often seem much less real and much less magnificent to an unprejudiced living observer than they are to their delighted creators.

Vào thời điểm chúng ta đến phân khu thứ ba, chúng ta thấy rằng đặc điểm này đã hoàn toàn thay thế tầm nhìn về thực tế của cõi giới; vì ở đây, mọi người đang sống trong những thành phố tưởng tượng của riêng họ—không phải mỗi người đều được phát triển hoàn toàn bằng suy nghĩ của chính mình, như trong cõi thượng thiên, mà là thừa hưởng và bổ sung vào các cấu trúc được dựng lên bởi suy nghĩ của những người tiền nhiệm của họ. Chính tại đây, các nhà thờ và [54] trường học và "nơi ở trong vùng đất mùa hè", thường được mô tả tại các buổi gọi hồn, được tìm thấy; mặc dù chúng thường có vẻ ít chân thực hơn và ít tráng lệ hơn đối với một người quan sát sống không thiên vị so với những người sáng tạo ra chúng.

The second sub-plane seems especially the habitat of the selfish or unspiritual religionist; here he wears his golden crown and worships

Cõi phụ thứ hai dường như đặc biệt là nơi cư ngụ của những người theo tôn giáo ích kỷ hoặc không có tinh thần; ở đây, y đội vương miện

his own grossly material representation of the particular deity of his country and time. The highest subdivision appears to be specially appropriate to those who during life have devoted themselves to materialistic but intellectual pursuits, following them not for the sake of benefiting their fellowmen thereby, as from motives of selfish ambition or for the sake of intellectual exercise. Such persons will often remain upon this level for many long years—happy enough indeed in working out their intellectual problems, but doing no good to anyone, and making but little progress on their way towards the heaven-world.

vàng và thờ phụng hình tượng vật chất thô thiển của riêng mình về vị thần cụ thể của đất nước và thời đại của y. Cõi phụ cao nhất dường như đặc biệt thích hợp cho những người trong cuộc sống đã cống hiến hết mình cho những theo đuổi duy vật nhưng trí tuệ, theo đuổi chúng không phải vì mục đích mang lại lợi ích cho đồng loại của họ, mà là do động cơ của tham vọng ích kỷ hoặc vì mục đích rèn luyện trí tuệ. Những người như vậy thường sẽ ở lại cấp độ này trong nhiều năm dài — thực sự đủ hạnh phúc khi giải quyết các vấn đề trí tuệ của họ, nhưng không làm điều tốt cho bất kỳ ai và tiến bộ rất ít trên con đường hướng tới cõi trời.

It must be clearly understood, as before explained, that the idea of space is not in any way to be associated with these sub-planes. A departed entity functioning upon any one of them might drift [55] with equal ease from England to Australia, or wherever a passing thought might take him; but he would not be able to transfer his consciousness from that sub-plane to the next above it until the process of detachment described had been completed.

Phải hiểu rõ ràng, như đã giải thích trước đây, rằng ý tưởng về không gian không được liên kết theo bất kỳ cách nào với các cõi phụ này. Một thực thể đã khuất hoạt động trên bất kỳ cõi nào trong số chúng có thể trôi dạt [55] một cách dễ dàng như nhau từ Anh đến Úc, hoặc bất cứ nơi nào mà một ý nghĩ thoáng qua có thể đưa y đến; nhưng y sẽ không thể chuyển tâm thức của mình từ cõi phụ đó sang cõi tiếp theo phía trên nó cho đến khi quá trình tách rời được mô tả đã hoàn thành.

To this rule there is no kind of exception, so far as we are yet aware, although naturally a man's actions when he finds himself conscious upon any sub-plane may within certain limits either shorten or prolong his connection with it.

Đối với quy luật này, không có bất kỳ ngoại lệ nào, theo như chúng ta đã biết, mặc dù tự nhiên, hành động của một người khi y thấy mình có ý thức trên bất kỳ cõi phụ nào, trong những giới hạn nhất định, có thể rút ngắn hoặc kéo dài mối liên hệ của y với nó.

But the amount of consciousness that a person has upon a given sub-plane does not invariably follow precisely the same law. Let us consider an extreme example of possible variation in order that we may grasp its method. Suppose a man who has brought over from his past incarnation tendencies requiring for their manifestation a very large amount of the matter of the seventh or lowest

Nhưng lượng tâm thức mà một người có trên một cõi phụ nhất định không phải lúc nào cũng tuân theo chính xác cùng một định luật. Chúng ta hãy xem xét một ví dụ cực đoan về sự biến đổi có thể xảy ra để chúng ta có thể nắm bắt được phương pháp của nó. Giả sử một người đã mang từ kiếp trước của mình những khuynh hướng đòi hỏi một lượng rất lớn vật chất của cõi phụ thứ bảy hoặc thấp nhất để

sub-plane, but has in his present life been fortunate enough to learn in his very earliest years the possibility and necessity of controlling these tendencies. It is scarcely probable that such a man's efforts at control should be entirely and uniformly successful; but if they were, the substitution of finer for grosser [56] particles in his astral body would progress steadily, though slowly.

biểu hiện, nhưng trong cuộc sống hiện tại của mình đã đủ may mắn để học được từ những năm đầu đời khả năng và sự cần thiết phải kiểm soát những khuynh hướng này. Không chắc là những nỗ lực kiểm soát của người đàn ông như vậy sẽ hoàn toàn và thành công đồng đều; nhưng nếu có, thì việc thay thế các hạt mịn hơn cho các hạt thô hơn [56] trong thể cảm dục của y sẽ tiến triển đều đặn, mặc dù chậm.

This process is at best gradual, and it might well happen that the man died before it was half completed. In that case there would undoubtedly be enough matter of the lowest sub-plane left in his astral body to ensure him no inconsiderable residence there; but it would be matter through which in this incarnation his consciousness had never been in the habit of functioning, and as it could not suddenly acquire this habit the result would be that the man would rest upon that sub-plane until his share of its matter was disintegrated but would be all the while in a condition of unconsciousness—that is to say, he would practically sleep through the period of his sojourn there, and so would be entirely unaffected by its many disagreeables.

Quá trình này tốt nhất là diễn ra từ từ và có thể xảy ra trường hợp người đàn ông chết trước khi nó hoàn thành được một nửa. Trong trường hợp đó, chắc chắn sẽ có đủ vật chất của cõi phụ thấp nhất còn lại trong thể cảm dục của y để đảm bảo cho y có một thời gian cư trú đáng kể ở đó; nhưng đó sẽ là vật chất mà trong kiếp sống này, tâm thức của y chưa bao giờ có thói quen hoạt động và vì nó không thể đột ngột có được thói quen này, nên kết quả là người đàn ông sẽ ở lại trên cõi phụ đó cho đến khi phần vật chất của y bị phân rã nhưng sẽ luôn ở trong trạng thái vô thức — nghĩa là, y thực tế sẽ ngủ suốt thời gian lưu trú ở đó, và do đó sẽ hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi nhiều điều khó chịu của nó.

The student of occultism, however, may make of his astral life something quite different from all this. The ordinary man, on awaking from the moment of unconsciousness which always seems to occur at death, finds himself in certain conditions which the desire-elemental has created for him by his rearrangement of the matter of the astral body. [57] He can receive vibrations from without only through that type of matter which the elemental has left on the outside, and consequently his vision is limited to that particular sub-plane. The man accepts this limitation as part of the conditions of his new life; indeed he is quite unconscious that there

Tuy nhiên, người nghiên cứu huyền bí học có thể biến cuộc sống cảm dục của mình thành một thứ gì đó hoàn toàn khác với tất cả những điều này. Người bình thường, khi tỉnh dậy sau khoảnh khắc vô thức dường như luôn xảy ra khi chết, thấy mình trong những điều kiện nhất định mà hành khí dục vọng đã tạo ra cho y bằng cách sắp xếp lại vật chất của thể cảm dục. [57] Y chỉ có thể nhận được rung động từ bên ngoài thông qua loại vật chất mà hành khí đã để lại ở bên ngoài và do đó, tầm nhìn của y bị giới hạn ở cõi phụ cụ thể đó. Người đàn ông chấp nhận sự giới hạn này như một phần của các điều kiện trong cuộc sống mới của y; thực sự y hoàn toàn không biết rằng có bất kỳ sự

is any limitation, and he supposes that what he sees is all that there is to see, since he knows nothing of the elemental or of its action.

giới hạn nào và y cho rằng những gì y nhìn thấy là tất cả những gì cần phải thấy, vì y không biết gì về hành khí hoặc hành động của nó.

The Theosophical student, however, understands all this, and therefore he knows that the limitation is not necessary. Knowing this he will at once set himself to resist the action of the desire-elemental, and will insist upon retaining his astral body in the same condition as during his earth-life—that is to say, with all its particles intermingled and in free motion. The consequence of this will be that he will be able to receive the vibrations from the matter of every astral sub-plane simultaneously, and so the whole astral world will be fully open to his sight. He will be able to move about in it just as freely as he could during physical sleep, and he can therefore find and communicate with any person in the astral plane, no matter to what [58] subdivision that person may for the moment be confined.

Tuy nhiên, người nghiên cứu Thông Thiên Học hiểu tất cả những điều này và do đó, y biết rằng sự giới hạn này là không cần thiết. Biết được điều này, y sẽ ngay lập tức tự mình chống lại hành động của hành khí dục vọng và sẽ khăng khăng giữ thể cảm dục của mình trong cùng một điều kiện như trong cuộc sống trần thế — nghĩa là, với tất cả các hạt của nó được trộn lẫn và chuyển động tự do. Hậu quả của việc này sẽ là y có thể nhận được rung động từ vật chất của mọi cõi phụ cảm dục đồng thời và do đó, toàn bộ thế giới cảm dục sẽ hoàn toàn mở ra trước mắt y. Y sẽ có thể di chuyển xung quanh nó một cách tự do như y có thể làm trong giấc ngủ thể xác, và do đó, y có thể tìm thấy và giao tiếp với bất kỳ người nào trong cõi cảm dục, bất kể [58] người đó có thể bị giới hạn trong phân khu nào vào lúc này.

The effort to resist the rearrangement, and restore the astral body to its former condition, is precisely similar to that which has to be made in resisting a strong desire during physical life. The elemental is afraid in his curious semi-conscious way, and he endeavours to transfer his fear to the man; so that the latter constantly finds a strong instinct creeping over him of some indescribable danger which can only be avoided by permitting the rearrangement. If, however, he steadily resists this unreasoning sense of dread by the calm assertion of his own knowledge that there is no cause for fear, he wears out in time the resistance of the elemental, just as he has resisted the prompting of desire many a time during his earthly life. Thus he becomes a living power during his astral life, able to carry on the work

Nỗ lực chống lại sự sắp xếp lại và khôi phục thể cảm dục về trạng thái ban đầu của nó, hoàn toàn giống với nỗ lực phải thực hiện để chống lại một ham muốn mạnh mẽ trong cuộc sống thể xác. Hành khí sợ hãi theo cách bán ý thức kỳ lạ của nó và nó cố gắng chuyển nỗi sợ hãi của mình sang con người; để người sau liên tục thấy một bản năng mạnh mẽ len lỏi trong y về một số nguy hiểm không thể diễn tả được mà chỉ có thể tránh được bằng cách cho phép sự sắp xếp lại. Tuy nhiên, nếu y kiên quyết chống lại cảm giác sợ hãi vô lý này bằng cách khẳng định một cách bình tĩnh kiến thức của mình rằng không có lý do gì để sợ hãi, thì theo thời gian, y sẽ làm mòn sức đề kháng của hành khí, giống như y đã chống lại sự thúc giục của ham muốn nhiều lần trong cuộc sống trần thế của mình. Do đó, y trở thành một sức mạnh sống động trong cuộc sống cảm dục của mình, có

of helping others as he used to do during his hours of sleep.

It may be said in passing that communication is limited on the astral plane by the knowledge of the entity, just as it is here. While a pupil able to use his mind-body can communicate his thoughts to the human entities there present more readily and [59] rapidly than on earth, by means of mental impressions, the inhabitants of the plane are not usually able to exercise this power, but appear to be restricted by limitations similar to those that prevail on earth, though perhaps less rigid. The result of this is that they are found associating there as here, in groups drawn together by common sympathies, belief, and language.

The poetic idea of death as a universal leveller is a mere absurdity born of ignorance, for, as a matter of fact, in the vast majority of cases the loss of the physical body makes no difference whatever in the character or intellect of the person, and there are therefore as many different varieties of intelligence among those whom we usually call the dead as among the living.

The popular religious teaching of the West as to man's *post-mortem* adventures has long been so wildly inaccurate that even intelligent people are often terribly puzzled when they recover consciousness in the astral world after death. The condition in which the new arrival finds himself differs so radically from what he has been led to expect that it is no uncommon case for him to refuse at first to believe that he has passed through the portals of [60] death at all; indeed, of so little practical value is our much-vaunted belief in the immortality of the soul that most people consider the very fact that they are still conscious an absolute proof that they have not died.

thể tiếp tục công việc giúp đỡ người khác như y đã từng làm trong giấc ngủ.

Có thể nói thêm rằng giao tiếp bị giới hạn trên cõi cảm dục bởi kiến thức của thực thể, giống như ở đây. Trong khi một học trò có thể sử dụng thể trí của mình có thể truyền đạt suy nghĩ của mình cho các thực thể con người hiện diện ở đó dễ dàng và [59] nhanh chóng hơn so với trên Trái Đất, bằng phương tiện của các ấn tượng tinh thần, thì cư dân của cõi này thường không thể thực hiện sức mạnh này, mà dường như bị hạn chế bởi những giới hạn tương tự như những giới hạn phổ biến trên Trái Đất, mặc dù có lẽ ít cứng nhắc hơn. Kết quả của việc này là họ được tìm thấy ở đó như ở đây, theo các nhóm được tập hợp lại với nhau bởi sự đồng cảm, niềm tin và ngôn ngữ chung.

Ý tưởng đầy chất thơ về cái chết như một sự san bằng phổ quát chỉ là một điều vô lý xuất phát từ sự thiếu hiểu biết, bởi vì, trên thực tế, trong đại đa số các trường hợp, việc mất thể xác không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào về tính cách hoặc trí tuệ của người đó, và do đó có nhiều loại trí thông minh khác nhau giữa những người mà chúng ta thường gọi là người chết cũng như giữa những người sống.

Giáo lý tôn giáo phổ biến của phương Tây về những cuộc phiêu lưu sau khi chết của con người từ lâu đã rất không chính xác đến nỗi ngay cả những người thông minh cũng thường rất bối rối khi họ hồi phục tâm thức trong thế giới cảm dục sau khi chết. Tình trạng mà người mới đến thấy mình khác biệt hoàn toàn so với những gì y mong đợi đến nỗi không có gì lạ khi y ban đầu từ chối tin rằng mình đã đi qua cánh cổng của [60] cái chết; thực sự, niềm tin được ca tụng nhiều của chúng ta về sự bất tử của linh hồn có giá trị thực tế rất ít đến nỗi hầu hết mọi người đều coi sự thật rằng họ vẫn còn ý thức là một bằng chứng tuyệt đối rằng họ chưa chết.

The horrible doctrine of eternal punishment, too, is responsible for a vast amount of most pitiable and entirely groundless terror among those newly arrived in this higher life. In many cases they spend long periods of acute mental suffering before they can free themselves from the fatal influence of that hideous blasphemy, and realize that the world is governed not according to the caprice of some demon who gloats over human anguish, but according to a benevolent and wonderfully patient law of evolution. Many members of the class we are considering do not really attain an intelligent appreciation of this fact of evolution at all, but drift through their astral interlude in the same aimless manner in which they have spent the physical portion of their lives. Thus after death, exactly as before it, there are the few who comprehend something of their position and know how to make the best of it, and the many who have not yet acquired that knowledge; and then, just as now, the ignorant are [61] rarely ready to profit by the advice or example of the wise.

Học thuyết khủng khiếp về hình phạt vĩnh cửu cũng là nguyên nhân gây ra một lượng lớn nỗi kinh hoàng đáng thương và hoàn toàn vô căn cứ giữa những người mới đến trong cuộc sống cao hơn này. Trong nhiều trường hợp, họ trải qua những giai đoạn dài đau khổ tinh thần cấp tính trước khi họ có thể giải thoát bản thân khỏi ảnh hưởng tai hại của lời phỉ báng gớm ghiếc đó và nhận ra rằng thế giới không bị chi phối theo ý thích của một số ác quỷ hả hê trước nỗi đau khổ của con người, mà theo một định luật tiến hóa nhân từ và kiên nhẫn một cách kỳ diệu. Nhiều thành viên của lớp mà chúng ta đang xem xét không thực sự đạt được sự đánh giá thông minh về thực tế tiến hóa này, mà trôi dạt qua khoảng thời gian cảm dục của họ theo cách vô định giống như cách họ đã trải qua phần thể xác trong cuộc sống của mình. Do đó, sau khi chết, giống hệt như trước khi chết, có một số ít người hiểu được vị trí của mình và biết cách tận dụng tối đa nó, và nhiều người chưa có được kiến thức đó; và sau đó, giống như bây giờ, những người thiếu hiểu biết [61] hiếm khi sẵn sàng hưởng lợi từ lời khuyên hoặc tấm gương của người khôn ngoan.

But of whatever grade the entity's intellect may be, it is always a fluctuating and on the whole a gradually diminishing quantity, for the lower mind of the man is being drawn in opposite directions by the higher spiritual nature which acts on it from above its level and the strong desire-forces which operate from below; and therefore it oscillates between the two attractions, with an ever-increasing tendency towards the former as the forces of lower desire wear themselves out.

Nhưng dù trí tuệ của thực thể ở cấp độ nào, thì nó luôn luôn dao động và nhìn chung là một lượng giảm dần, bởi vì hạ trí của con người đang bị lôi kéo theo các hướng ngược nhau bởi bản chất tinh thần cao hơn tác động lên nó từ trên cấp độ của nó và các mãnh lực dục vọng mạnh mẽ hoạt động từ bên dưới; và do đó, nó dao động giữa hai lực hấp dẫn, với xu hướng ngày càng tăng đối với lực hấp dẫn trước đây khi các mãnh lực của dục vọng thấp hơn tự mòn mỏi.

Here comes in one of the objections to the spiritualistic *séance.* An exceedingly ignorant or degraded man may no doubt learn much by coming into contact after his death with a circle of earnest sitters under the control of

Đây là một trong những phản đối đối với buổi gọi hồn theo thuyết duy linh. Một người cực kỳ thiếu hiểu biết hoặc suy đồi chắc chắn có thể học hỏi được nhiều điều bằng cách tiếp xúc sau khi chết với một nhóm người ngồi nghiêm túc

some reliable person, and so may be really helped and raised. But in the ordinary man the consciousness is steadily rising from the lower part of the nature towards the higher; and obviously it cannot be helpful to his evolution that this lower part should be reawakened from the natural and desirable unconsciousness into which it is passing, and dragged back into touch with earth in order to communicate through a medium. [62]

dưới sự kiểm soát của một số người đáng tin cậy, và do đó có thể thực sự được giúp đỡ và nâng cao. Nhưng ở người bình thường, tâm thức đang dần dần tăng lên từ phần thấp hơn của bản chất lên phần cao hơn; và rõ ràng là việc đánh thức phần thấp hơn này khỏi trạng thái vô thức tự nhiên và đáng mong muốn mà nó đang đi vào và kéo nó trở lại tiếp xúc với Trái Đất để giao tiếp thông qua một trung gian là không có ích cho sự tiến hóa của y. [62]

The peculiar danger of this will be seen when it is recollected that since the real man is all the while steadily withdrawing into himself, he is as time goes on less and less able to influence or guide this lower portion, which nevertheless, until the separation is complete, has the power to generate karma, and under the circumstances is evidently far more likely to add evil than good to its record.

Mối nguy hiểm đặc biệt của điều này sẽ được nhìn thấy khi nhớ lại rằng vì con người thực sự luôn luôn rút lui vào chính mình, nên theo thời gian, y càng ít có khả năng ảnh hưởng hoặc hướng dẫn phần thấp hơn này, tuy nhiên, cho đến khi sự chia cắt hoàn tất, nó có quyền tạo ra nghiệp quả, và trong hoàn cảnh này, rõ ràng nó có nhiều khả năng thêm điều ác hơn là điều tốt vào hồ sơ của nó.

Apart altogether from any question of development through a medium, there is another and much more frequently exercised influence which may seriously retard a disembodied entity on his way to the heaven-world, and that is the intense and uncontrolled grief of his surviving friends or relatives. It is one among many melancholy results of the terribly inaccurate and even irreligious view that we in the West have for centuries been taking of death, that we not only cause ourselves an immense amount of wholly unnecessary pain over this temporary parting from our loved ones, but we often also do serious injury to those for whom we bear so deep an affection by means of this very regret which we feel so acutely.

Hoàn toàn ngoài bất kỳ câu hỏi nào về sự phát triển thông qua một trung gian, có một ảnh hưởng khác và được thực hiện thường xuyên hơn nhiều có thể cản trở nghiêm trọng một thực thể đã thoát xác trên đường đến cõi trời, và đó là nỗi đau dữ dội và không kiểm soát được của bạn bè hoặc người thân còn sống của y. Đó là một trong nhiều kết quả đáng buồn của quan điểm cực kỳ không chính xác và thậm chí là không tín ngưỡng mà chúng ta ở phương Tây đã có từ nhiều thế kỷ về cái chết, rằng chúng ta không chỉ tự gây ra cho mình một lượng lớn nỗi đau hoàn toàn không cần thiết về sự chia ly tạm thời này với những người thân yêu của chúng ta, mà chúng ta còn thường gây ra tổn hại nghiêm trọng cho những người mà chúng ta dành tình cảm sâu đậm thông qua chính sự tiếc nuối mà chúng ta cảm thấy rất sâu sắc.

When our departed brother is sinking peacefully and naturally into the unconsciousness which [63] precedes his

Khi người anh em đã khuất của chúng ta đang chìm dần một cách yên bình và tự nhiên vào trạng thái vô thức [63] trước khi y thức tỉnh

awakening amid the glories of the heaven-world, he is too frequently aroused from his dreamy happiness into vivid remembrance of the earth-life which he has lately left, solely by the action of the passionate sorrows and desires of his friends on earth, which awaken corresponding vibrations in his own desire-body, and so cause him acute discomfort.

giữa những vinh quang của cõi trời, y thường xuyên bị đánh thức khỏi hạnh phúc mơ màng của mình để nhớ lại một cách sống động về cuộc sống trần thế mà y vừa rời bỏ, chỉ bởi hành động của những nỗi buồn và ham muốn mãnh liệt của bạn bè y trên Trái Đất, vốn đánh thức những rung động tương ứng trong thể dục vọng của chính y, và do đó gây ra cho y sự khó chịu cấp tính.

It would be well if those whose comrades have passed on before them would learn from these undoubted facts the duty of restraining for the sake of those friends a grief which, however natural it may be, is yet in its essence selfish. Not that occult teaching counsels forgetfulness of the dead—far from it; but it does suggest that a man's affectionate remembrance of his departed friend is a force which, if properly directed into the channel of earnest good wishes for his progress towards the heaven-world and his quiet passage through the intermediate state, might be of real value to him, whereas when wasted in mourning for him and longing to have him back again it is not only useless but harmful. It is with a true instinct that the Hindu religion prescribes its Shraddha ceremonies and the Catholic Church its prayers for the dead. [64]

Sẽ tốt hơn nếu những người mà đồng đội của họ đã khuất núi trước họ học được từ những sự thật chắc chắn này bổn phận kiềm chế vì lợi ích của những người bạn đó một nỗi đau, dù tự nhiên đến đâu, nhưng về bản chất là ích kỷ. Không phải giáo lý huyền bí khuyên nên quên đi người chết — hoàn toàn ngược lại; nhưng nó gợi ý rằng sự tưởng nhớ trìu mến của một người đối với người bạn đã khuất của mình là một mãnh lực mà nếu được hướng đúng cách vào kênh chúc tốt chân thành cho sự tiến bộ của y hướng tới cõi trời và sự đi qua yên tĩnh của y qua trạng thái trung gian, thì có thể có giá trị thực sự đối với y, trong khi khi bị lãng phí trong việc thương tiếc y và mong muốn y quay trở lại thì nó không chỉ vô ích mà còn có hại. Chính với một bản năng thực sự mà tôn giáo Hindu quy định các nghi lễ Shraddha của mình và Giáo hội Công giáo cầu nguyện cho người chết. [64]

It sometimes happens, however, that the desire for communication is from the other side, and that the dead man has something which he specially desires to say to those whom he has left behind. Occasionally this message is an important one, such as, for example, an indication of the place where a missing will is concealed; but more often it seems to us quite trivial. Still, whatever it may be, if it is firmly impressed upon the mind of the dead person, it is undoubtedly desirable that he should be enabled to deliver it, as otherwise the anxiety to do so would

Tuy nhiên, đôi khi mong muốn giao tiếp lại đến từ phía bên kia, và người chết có điều gì đó mà họ đặc biệt muốn nói với những người ở lại. Đôi khi, thông điệp này là một điều quan trọng, chẳng hạn như chỉ dẫn về nơi cất giấu di chúc bị mất; nhưng thường thì đối với chúng ta nó khá tầm thường. Tuy nhiên, dù đó là gì, nếu nó được ghi khắc chắc chắn trong tâm trí của người chết, thì chắc chắn người đó nên được tạo điều kiện để truyền đạt nó, vì nếu không, nỗi lo lắng muốn làm như vậy sẽ liên tục kéo tâm thức của họ trở lại cuộc sống trần gian, và ngăn cản họ chuyển sang các cõi cao

perpetually draw his consciousness back into the earth-life, and prevent him from passing to higher spheres. In such a case a psychic who can understand him, or a medium through whom he can write or speak, is of real service to him.

hơn. Trong trường hợp như vậy, một nhà thông linh có thể hiểu được họ, hoặc một đồng tử mà qua đó họ có thể viết hoặc nói, sẽ thực sự giúp ích cho họ.

Why cannot he write or speak without a medium? it may be asked. The reason is that one state of matter can ordinarily act only upon the state next below it, and, as he has now no denser matter in his organism than that of which the astral body is composed, he finds it impossible to set up vibrations in the physical substance of the air or to move the physical pencil without borrowing living matter of the intermediate order contained in the etheric [65] double, by means of which an impulse can readily be transferred from the one plane to the other. He is unable to borrow this material from an ordinary person, because such a man's principles would be too closely linked together to be separated by any means likely to be at his command, but the very essence of mediumship is the ready separability of the principles, so from a medium he can draw without difficulty the matter he needs for his manifestation, whatever it may be.

Tại sao họ không thể viết hoặc nói mà không cần đồng tử? Có thể có người hỏi. Lý do là một trạng thái vật chất thông thường chỉ có thể tác động lên trạng thái ngay bên dưới nó, và vì giờ đây trong cơ thể của họ không có vật chất nào đậm đặc hơn vật chất cấu tạo nên thể cảm dục, nên họ thấy không thể tạo ra rung động trong thể hồng trần của không khí hoặc di chuyển bút chì vật lý mà không mượn vật chất sống thuộc dạng trung gian có trong thể dĩ thái [65] kép, nhờ đó mà một xung lực có thể dễ dàng được chuyển từ cõi này sang cõi khác. Họ không thể mượn vật chất này từ một người bình thường, bởi vì các nguyên khí của một người như vậy sẽ được liên kết quá chặt chẽ đến mức không thể tách rời bằng bất kỳ phương tiện nào mà họ có thể sử dụng, nhưng bản chất của khả năng đồng tử là sự tách rời dễ dàng của các nguyên khí, vì vậy từ một đồng tử, họ có thể dễ dàng rút ra vật chất cần thiết cho sự biểu hiện của mình, bất kể đó là gì.

When he cannot find a medium or does not understand how to use one he sometimes makes clumsy and blundering endeavours to communicate on his own account, and by the strength of his will he sets elemental forces blindly working, perhaps producing such apparently aimless manifestations as stone-throwing, bell-ringing, etc. It consequently frequently happens that a psychic or medium going to a house where such manifestations are taking place may be able to discover what the entity who produces them is attempting to say or do, and may thus put an end to the disturbance. This would not, however,

Khi không thể tìm thấy đồng tử hoặc không hiểu cách sử dụng đồng tử, đôi khi họ sẽ tự mình nỗ lực giao tiếp một cách vụng về và lúng túng, và bằng sức mạnh ý chí của mình, họ khiến các lực hành khí hoạt động một cách mù quáng, có lẽ tạo ra những biểu hiện dường như vô định như ném đá, rung chuông, v.v. Do đó, thường xảy ra trường hợp một nhà thông linh hoặc đồng tử đến một ngôi nhà nơi những biểu hiện như vậy đang diễn ra có thể khám phá ra thực thể tạo ra chúng đang cố gắng nói hoặc làm gì, và do đó có thể chấm dứt sự xáo trộn. Tuy nhiên, điều này sẽ không phải lúc nào cũng đúng, vì các lực hành khí này đôi khi

invariably be the case, as these elemental forces are occasionally set in motion by entirely different causes. [66]

được kích hoạt bởi những nguyên nhân hoàn toàn khác. [66]

4. The Shade.

4. Bóng Ma.

When the separation of the principles is complete, the astral life of the person is over, and, as before stated, he passes into the mental condition. But just as when he dies to this plane he leaves his physical body behind him, so when he dies to the astral plane he leaves a disintegrating astral body behind him. If he has purged himself from all earthly desires during life, and directed all his energies into the channels of unselfish spiritual aspiration, the higher ego will be able to draw back into itself the whole of the lower mind which he put forth into incarnation; in that case the body left behind on the astral plane will be a mere corpse like the abandoned physical body, and it will then come not into this class but into the next.

Khi sự tách rời các nguyên khí hoàn tất, cuộc sống cảm dục của người đó kết thúc, và như đã nói trước đó, họ chuyển sang trạng thái trí tuệ. Nhưng giống như khi chết đối với cõi này, họ bỏ lại thể xác của mình, thì khi chết đối với cõi cảm dục, họ bỏ lại một thể cảm dục đang phân rã. Nếu họ đã tự thanh lọc khỏi mọi ham muốn trần tục trong cuộc sống, và hướng mọi năng lượng của mình vào các kênh khát vọng tinh thần vị tha, thì chân ngã sẽ có thể rút lại toàn bộ hạ trí mà họ đã đưa ra khi nhập thể; trong trường hợp đó, thể bị bỏ lại trên cõi cảm dục sẽ chỉ là một xác chết giống như thể xác bị bỏ rơi, và khi đó nó sẽ không thuộc về lớp này mà thuộc về lớp tiếp theo.

Even in the case of a man of somewhat less perfect life almost the same result may be attained if the forces of lower desire are allowed to work themselves out undisturbed in the astral plane. But the majority of mankind make but trifling and perfunctory efforts while on earth to rid themselves of the less elevated impulses of their nature, and consequently doom themselves not only to a greatly prolonged sojourn in the intermediate world, but [67] also to what cannot be described otherwise than as a loss of a portion of the lower mind.

Ngay cả trong trường hợp một người có cuộc sống kém hoàn hảo hơn một chút, thì hầu như cũng có thể đạt được kết quả tương tự nếu các lực ham muốn thấp hơn được phép tự hoạt động hết trên cõi cảm dục. Nhưng phần lớn nhân loại chỉ nỗ lực một cách hời hợt và chiếu lệ khi còn sống trên trái đất để loại bỏ những xung động kém cao thượng hơn trong bản chất của họ, và do đó, họ không chỉ обрекает mình phải sống lâu hơn rất nhiều trong thế giới trung gian, mà còn [67] mất đi một phần của hạ trí.

This is, no doubt, a material method of expressing the reflection of the higher manas in the lower, but a very fairly accurate idea of what actually takes place will be obtained by adopting the hypothesis that the manasic principle sends down a portion of itself into

Đây chắc chắn là một phương pháp vật chất để diễn tả sự phản chiếu của thượng trí (manas) trong hạ trí, nhưng một ý tưởng khá chính xác về những gì thực sự diễn ra sẽ thu được bằng cách áp dụng giả thuyết rằng nguyên khí manas gửi một phần của chính nó xuống thế

the lower world of physical life at each incarnation, and expects to be able to withdraw it again at the end of the life, enriched by all its varied experiences. The ordinary man, however, usually allows himself to be so pitiably enslaved by all sorts of base desires that a certain portion of this lower mind becomes closely interwoven with the desire-body, and when the separation takes place at the close of his astral life the mental principle has, as it were, to be torn apart, the degraded portion remaining within the disintegrating astral body.

giới thấp hơn của cuộc sống vật chất ở mỗi lần nhập thể, và hy vọng có thể rút nó trở lại vào cuối cuộc đời, được làm giàu bởi tất cả những kinh nghiệm đa dạng của nó. Tuy nhiên, con người bình thường thường để cho mình bị nô lệ một cách đáng thương bởi đủ loại ham muốn thấp hèn đến mức một phần nào đó của hạ trí này trở nên gắn bó chặt chẽ với thể ham muốn, và khi sự tách rời diễn ra vào cuối cuộc sống cảm dục của họ, nguyên khí trí tuệ, như nó vốn có, phải bị xé toạc ra, phần suy thoái còn lại bên trong thể cảm dục đang phân rã.

This body then consists of the particles of astral matter from which the lower mind has not been able to disengage itself, which therefore retain it captive; for when the man passes into the heaven-world these clinging fragments adhere to a portion of his mind, and as it were wrench it away. The [68] proportion of the matter of each level present in the decaying astral vehicle will therefore depend on the extent to which the mind has become inextricably entangled with the lower passions. It will be obvious that as the mind in passing from level to level is unable to free itself completely from the matter of each, the astral remnant will show the presence of each grosser kind which has succeeded in retaining its connection with it.

Thể này sau đó bao gồm các hạt vật chất cảm dục mà hạ trí không thể tách rời khỏi, do đó giữ nó bị giam cầm; vì khi con người bước vào cõi thiên đàng, những mảnh vỡ bám víu này bám vào một phần tâm trí của họ, và như thể xé nó ra. [68] Tỷ lệ vật chất của mỗi cấp độ hiện diện trong thể cảm dục đang phân hủy sẽ phụ thuộc vào mức độ mà tâm trí đã vướng víu không thể tách rời với những đam mê thấp hèn. Rõ ràng là khi tâm trí đi từ cấp độ này sang cấp độ khác không thể tự giải phóng hoàn toàn khỏi vật chất của mỗi cấp độ, thì tàn dư cảm dục sẽ cho thấy sự hiện diện của mỗi loại thô hơn đã thành công trong việc duy trì kết nối với nó.

Thus comes into existence the class of entity which has been called “The Shade”—an entity, be it observed, which is not in any sense the real individual at all, for *he* has passed away into the heaven-world; but nevertheless, it not only bears his exact personal appearance, but possesses his memory and all his little idiosyncrasies, and may therefore readily be mistaken for him, as indeed it frequently is at *séances.* It is not conscious of any act of impersonation, for as far as its intellect goes it must necessarily suppose itself to be the

Như vậy, lớp thực thể được gọi là “Bóng Ma” ra đời—một thực thể, cần lưu ý, không phải là cá nhân thực sự theo bất kỳ nghĩa nào, vì họ đã đi vào cõi thiên đàng; tuy nhiên, nó không chỉ mang hình dáng cá nhân chính xác của họ, mà còn sở hữu trí nhớ và tất cả những đặc điểm nhỏ nhặt của họ, và do đó có thể dễ dàng bị nhầm lẫn với họ, như thực tế thường xảy ra ở các buổi gọi hồn. Nó không ý thức được bất kỳ hành động mạo danh nào, vì theo trí tuệ của nó, nó nhất thiết phải cho rằng mình là cá nhân đó, nhưng người ta có thể tưởng tượng

individual, but one can imagine the horror and disgust of the friends of the departed, if they could only realize that they had been deceived into accepting as their comrade a mere soulless bundle of all his lowest qualities. [69]

The length of life of a shade varies according to the amount of the lower mind which animates it, but as this is all the while in process of fading out, its intellect is a steadily diminishing quantity, though it may possess a great deal of a certain sort of animal cunning; and even quite towards the end of its career it is still able to communicate by borrowing temporary intelligence from the medium. From its nature it is exceedingly liable to be swayed by all kinds of evil influences and, having separated from its ego, it has nothing in its constitution capable of responding to anything higher. It therefore lends itself readily to various minor purposes of some of the baser sort of black magicians. So much of mental matter as it possesses gradually disintegrates and returns to its own plane, though not to any individual mind, and thus the shade fades by almost imperceptible gradations into a member of our next class.

The Shell.

This is absolutely the mere astral corpse in the later stages of its disintegration, every particle of the mind having left it. It is entirely without any kind of consciousness or intelligence and drifts passively about upon the astral currents just as a cloud might be swept in any direction by [70] a passing breeze; but even yet it may be galvanized for a few moments into a ghastly burlesque of life if it happens to come within reach of a medium's aura. Under such circumstances it still exactly resembles its departed personality in appearance, and may even reproduce to some extent his familiar

nỗi kinh hoàng và ghê tởm của bạn bè của người đã khuất, nếu họ chỉ có thể nhận ra rằng họ đã bị lừa khi chấp nhận một kẻ chỉ là một tập hợp vô hồn của tất cả những phẩm chất thấp hèn nhất của người đó làm bạn của mình. [69]

Tuổi thọ của một bóng ma khác nhau tùy theo lượng hạ trí làm sống động nó, nhưng vì điều này luôn trong quá trình mờ dần, nên trí tuệ của nó là một lượng giảm dần đều đặn, mặc dù nó có thể sở hữu rất nhiều một loại xảo quyệt nào đó của động vật; và ngay cả gần cuối sự nghiệp của mình, nó vẫn có thể giao tiếp bằng cách mượn trí thông minh tạm thời từ đồng tử. Theo bản chất của nó, nó cực kỳ dễ bị ảnh hưởng bởi tất cả các loại ảnh hưởng xấu xa và, đã tách khỏi chân ngã của mình, nó không có gì trong cấu tạo của nó có khả năng đáp ứng với bất cứ điều gì cao hơn. Do đó, nó dễ dàng cho mình phục vụ cho nhiều mục đích nhỏ khác nhau của một số loại pháp sư hắc ám thấp hèn hơn. Lượng vật chất trí tuệ mà nó sở hữu dần dần tan rã và trở lại cõi của chính nó, mặc dù không phải cho bất kỳ tâm trí cá nhân nào, và do đó bóng ma mờ dần theo các cấp độ gần như không thể nhận thấy thành một thành viên của lớp tiếp theo của chúng ta.

Vỏ Bọc.

Đây hoàn toàn chỉ là xác chết cảm dục trong giai đoạn phân hủy sau này, mọi hạt của tâm trí đã rời bỏ nó. Nó hoàn toàn không có bất kỳ loại ý thức hay trí thông minh nào và trôi dạt thụ động trên các dòng chảy cảm dục giống như một đám mây có thể bị cuốn theo bất kỳ hướng nào bởi [70] một cơn gió thoảng qua; nhưng ngay cả khi đó, nó vẫn có thể được kích hoạt trong một vài khoảnh khắc thành một trò hề rùng rợn của sự sống nếu nó tình cờ nằm trong tầm với của hào quang của đồng tử. Trong những trường hợp như vậy, nó vẫn giống hệt hình dáng cá nhân đã khuất của nó,

expressions or handwriting, but it does so merely by the automatic action of the cells of which it is composed, which tend under stimulation to repeat the form of action to which they are most accustomed. Whatever amount of intelligence may lie behind any such manifestation has no connection with the original man, but is lent by the medium or his "guides" for the occasion.

và thậm chí có thể tái tạo ở một mức độ nào đó các biểu hiện quen thuộc hoặc chữ viết tay của họ, nhưng nó làm như vậy chỉ bằng hành động tự động của các tế bào mà nó được cấu tạo nên, có xu hướng lặp lại hình thức hành động mà chúng quen thuộc nhất khi bị kích thích. Bất kỳ lượng trí thông minh nào có thể nằm sau bất kỳ biểu hiện nào như vậy đều không liên quan gì đến con người ban đầu, mà được đồng tử hoặc "người hướng dẫn" của họ cho mượn trong dịp đó.

It is, however, more frequently temporarily vitalized in quite another manner, which will be described under the next head. It has also the quality of being still blindly responsive to such vibrations—usually of the lowest order—as were frequently set up in it during its last stage of existence as a shade, and consequently persons in whom evil desires or passions are predominant will be likely, if they attend physical *séances,* to find these intensified and as it were thrown back upon them by the unconscious shells. [71]

Tuy nhiên, nó thường được hồi sinh tạm thời theo một cách hoàn toàn khác, sẽ được mô tả dưới tiêu đề tiếp theo. Nó cũng có đặc tính vẫn mù quáng đáp ứng với những rung động như vậy—thường là loại thấp nhất—như thường được thiết lập trong nó trong giai đoạn tồn tại cuối cùng của nó như một bóng ma, và do đó những người có ham muốn hoặc đam mê xấu xa chiếm ưu thế sẽ có khả năng, nếu họ tham dự các buổi gọi hồn vật lý, để thấy những điều này được tăng cường và như thể bị ném trở lại họ bởi những vỏ bọc vô thức. [71]

There is also another variety of corpse which it is necessary to mention under this head, though it belongs to a much earlier stage of man's *post-mortem* history. It has been stated above that after the death of the physical body the astral vehicle is comparatively quickly rearranged, and the etheric double cast off—this latter body being destined to slow disintegration, precisely as is the astral shell at a later stage of the proceedings.

Cũng có một loại xác chết khác mà cần phải đề cập dưới tiêu đề này, mặc dù nó thuộc về giai đoạn sớm hơn nhiều trong lịch sử hậu tử của con người. Đã nói ở trên rằng sau khi thể xác chết đi, thể cảm dục được sắp xếp lại tương đối nhanh chóng, và thể dĩ thái kép bị loại bỏ—thể sau này được định sẵn để phân hủy chậm, chính xác như vỏ bọc cảm dục ở giai đoạn sau của quá trình.

This etheric shell, however, does not drift aimlessly about, as does the variety with which we have hitherto been dealing; on the contrary, it remains within a few yards of the decaying physical body, and since it is readily visible to any one even slightly sensitive, it accounts for many of the commonly current stories of church-yard ghosts. A psychically

Tuy nhiên, vỏ bọc dĩ thái này không trôi dạt vô định như loại mà chúng ta đã đề cập cho đến nay; ngược lại, nó vẫn nằm trong vòng vài thước so với thể xác đang phân hủy, và vì nó có thể dễ dàng nhìn thấy đối với bất kỳ ai, ngay cả những người hơi nhạy cảm, nên nó giải thích cho nhiều câu chuyện thường gặp về ma nghĩa địa. Một người phát triển tâm linh đi ngang

developed person passing one of our great cemeteries may see many of these bluish-white, misty forms hovering over the graves where are laid the physical vestures which they have recently left; and as they, like their lower counterparts, are in stages of disintegration, the sight is by no means pleasant.

This also, like the other kind of shell, is entirely devoid of consciousness and intelligence; and though [72] it may under certain circumstances be galvanized into a horrible form of temporary life, this is possible only by means of some of the most loathsome rites of one of the worst forms of black magic, about which the less said the better. It will thus be seen that in the successive stages of his progress from earth-life to the heaven-world, man casts off and leaves to slow disintegration no less than three corpses—the dense physical body, the etheric double, and the astral vehicle—all of which are by degrees resolved into their constituent elements and their matter utilized anew on their respective planes by the wonderful chemistry of Nature.

5. The Vitalized Shell.

This entity ought not, strictly speaking, to be classified under the head "human" at all, since it is only its outer vesture, the passive, senseless shell, that was once an appanage of humanity; such life, intelligence, desire, and will as it may possess are those of the artificial-elemental animating it, and that, though in truth a creation of man's evil thought is not itself human. It will therefore perhaps be better to deal with it more fully under its appropriate class among the artificial entities, as its nature and [73] genesis will be more readily comprehensible by the time that part of our subject is reached.

qua một trong những nghĩa trang lớn của chúng ta có thể nhìn thấy nhiều hình dạng mờ ảo, trắng xanh này lơ lửng trên những ngôi mộ nơi đặt những bộ áo giáp thể xác mà họ vừa rời bỏ gần đây; và vì chúng, giống như các đối tác thấp hơn của chúng, đang trong giai đoạn phân hủy, nên cảnh tượng này không hề dễ chịu.

Cái này cũng giống như loại vỏ bọc khác, hoàn toàn không có ý thức và trí thông minh; và mặc dù [72] trong một số trường hợp nhất định, nó có thể được kích hoạt thành một dạng sống tạm thời khủng khiếp, nhưng điều này chỉ có thể thực hiện được bằng một số nghi lễ ghê tởm nhất của một trong những hình thức tồi tệ nhất của hắc thuật, càng ít nói về nó càng tốt. Do đó, người ta sẽ thấy rằng trong các giai đoạn kế tiếp của quá trình tiến triển từ cuộc sống trần gian đến cõi thiên đàng, con người loại bỏ và để lại cho sự phân hủy chậm không dưới ba xác chết—thể xác đậm đặc, thể dĩ thái kép và thể cảm dục—tất cả đều dần dần được phân giải thành các yếu tố cấu thành của chúng và vật chất của chúng được sử dụng lại trên các cõi tương ứng của chúng bằng hóa học kỳ diệu của Tự nhiên.

5. Vỏ Bọc Được Hồi Sinh.

Thực thể này, nói một cách chính xác, không nên được phân loại dưới mục "con người", vì chỉ có lớp vỏ bọc bên ngoài của nó, vỏ bọc thụ động, vô cảm, đã từng là một phần phụ của nhân loại; sự sống, trí thông minh, ham muốn và ý chí mà nó có thể sở hữu là của hành khí nhân tạo làm sống động nó, và mặc dù thực sự là một tạo vật của tư tưởng xấu xa của con người nhưng bản thân nó không phải là con người. Do đó, có lẽ tốt hơn là nên đề cập đến nó một cách đầy đủ hơn trong lớp thích hợp của nó giữa các thực thể nhân tạo, vì bản chất và [73] nguồn gốc của nó sẽ dễ hiểu hơn vào thời điểm mà phần đó của chủ đề của chúng ta

được đề cập đến.

Let it suffice here to mention that it is always a malevolent being—a true tempting demon, whose evil influence is limited only by the extent of its power. Like the shade, it is frequently used to further the horrible purposes of the Voodoo and Obeah forms of magic. Some writers have spoken of it under the name "elementary," but as that title has at one time or another been used for almost every variety of *post-mortem* entity, it has become so vague and meaningless that it is perhaps better to avoid it.

Ở đây chỉ cần đề cập rằng nó luôn là một sinh vật độc ác—một con quỷ cám dỗ thực sự, có ảnh hưởng xấu xa chỉ bị giới hạn bởi mức độ sức mạnh của nó. Giống như bóng ma, nó thường được sử dụng để thúc đẩy các mục đích khủng khiếp của các hình thức ma thuật Voodoo và Obeah. Một số nhà văn đã nói về nó dưới cái tên "nguyên tố", nhưng vì danh hiệu đó đã từng được sử dụng cho hầu hết mọi loại thực thể hậu tử, nên nó đã trở nên mơ hồ và vô nghĩa đến mức có lẽ tốt hơn là nên tránh nó.

6. The Suicide and the victim of sudden death.

6. Người Tự Tử và nạn nhân của cái chết đột ngột.

It will be readily understood that a man who is torn from physical life hurriedly while in full health and strength, whether by accident or suicide, finds himself upon the astral plane under conditions differing considerably from those which surround one who dies either from old age or from disease. In the latter case the hold of earthly desires upon the entity is sure to be more or less weakened, and probably the very grossest particles are already eliminated, so that the man is likely to find himself on the sixth or fifth subdivision of the astral world, or perhaps even [74] higher; the principles have been gradually prepared for separation, and the shock is therefore not so great.

Một người bị tách rời khỏi cuộc sống hồng trần một cách vội vã khi đang ở trong tình trạng sức khỏe và thể lực sung mãn, dù do tai nạn hay tự tử, sẽ thấy mình ở trên cõi cảm dục trong những điều kiện khác biệt đáng kể so với những người chết vì tuổi già hoặc bệnh tật. Trong trường hợp thứ hai, sự kìm kẹp của những ham muốn trần tục đối với thực thể chắc chắn sẽ bị suy yếu ít nhiều, và có lẽ những hạt thô thiển nhất đã bị loại bỏ, vì vậy người đó có thể thấy mình ở phân tầng thứ sáu hoặc thứ năm của thế giới cảm dục, hoặc thậm chí [74] cao hơn; các nguyên khí đã dần được chuẩn bị cho sự phân ly, và do đó cú sốc không quá lớn.

In the case of the accidental death or suicide none of these preparations have taken place, and the withdrawal of the principles from their physical encasement has been aptly compared to the tearing of the stone out of an unripe fruit; much of the grossest kind of astral matter may still cling round the personality, which will consequently be held in the seventh or lowest subdivision of the

Trong trường hợp tử vong do tai nạn hoặc tự tử, không có sự chuẩn bị nào diễn ra, và việc rút các nguyên khí ra khỏi vỏ bọc thể xác của chúng đã được so sánh một cách thích hợp với việc xé hòn đá ra khỏi một quả chưa chín; nhiều loại vật chất cảm dục thô thiển nhất vẫn có thể bám quanh phàm ngã, do đó sẽ bị giữ lại trong phân tầng thứ bảy hoặc thấp nhất của cõi này. Điều này đã được mô tả là bất cứ thứ gì

plane. This has already been described as anything but a pleasant abiding-place, yet it is by no means the same for all those who are compelled for a time to inhabit it. Those victims of sudden death whose earth-lives have been pure and noble have no affinity for this plane, and so the time of their sojourn upon it is passed, to quote from an early letter on this subject, either in "happy ignorance and full oblivion, or in a state of quiet slumber, a sleep full of rosy dreams."

ngoại trừ một nơi cư trú dễ chịu, nhưng nó không giống nhau đối với tất cả những người buộc phải sống ở đó trong một khoảng thời gian. Những nạn nhân của cái chết đột ngột, vốn có cuộc sống trần gian trong sạch và cao quý, không có ái lực với cõi này, và vì vậy thời gian họ lưu lại trên đó trôi qua, trích dẫn từ một bức thư trước đó về chủ đề này, hoặc trong "sự thiếu hiểu biết hạnh phúc và lãng quên hoàn toàn, hoặc trong trạng thái ngủ yên tĩnh lặng, một giấc ngủ đầy những giấc mơ màu hồng."

On the other hand, if men's earth-lives have been low and brutal, selfish and sensual, they will be conscious to the fullest extent in this undesirable region; and it is possible for them to develop into [75] terribly evil entities. Inflamed with all kinds of horrible appetites which they call no longer satisfy directly now they are without a physical body, they gratify their loathsome passions vicariously through a medium or any sensitive person whom they can obsess; and they take a devilish delight in using all the arts of delusion which the astral plane puts in their power in order to lead others into the same excesses which have proved so fatal to themselves.

Mặt khác, nếu cuộc sống trần gian của con người thấp hèn và tàn bạo, ích kỷ và dâm dục, họ sẽ ý thức được một cách trọn vẹn nhất trong khu vực không mong muốn này; và họ có thể phát triển thành [75] những thực thể xấu xa khủng khiếp. Bùng cháy với tất cả các loại ham muốn khủng khiếp mà họ không còn có thể thỏa mãn trực tiếp khi không còn thể xác, họ thỏa mãn những đam mê ghê tởm của mình một cách gián tiếp thông qua một đồng tử hoặc bất kỳ người nhạy cảm nào mà họ có thể ám ảnh; và họ tỏ ra thích thú một cách ma quỷ khi sử dụng tất cả các nghệ thuật ảo tưởng mà cõi cảm dục đặt trong quyền năng của họ để dẫn dắt người khác vào những sự thái quá tương tự đã chứng tỏ là rất tai hại cho chính họ.

Quoting again from the same letter: "These are the Pisachas, the *incubi* and *succubæ* of mediæval writers—demons of thirst and gluttony, of lust and avarice, of intensified craft, wickedness, and cruelty, provoking their victims to horrible crimes, and reveling in their commission." From this class and the last are drawn the tempters—the devils of ecclesiastical literature; but their power falls utterly before purity of mind and purpose; they can do nothing with a man unless he has first encouraged in himself the vices into which they seek to draw him.

Trích dẫn lại từ cùng một bức thư: "Đây là những Pisacha, incubi và succubæ của các tác giả thời trung cổ—ác quỷ của cơn khát và sự phàm ăn, của dục vọng và lòng tham, của sự xảo quyệt, độc ác và tàn nhẫn được đẩy mạnh, kích động nạn nhân của họ phạm những tội ác khủng khiếp, và say sưa trong việc thực hiện chúng." Từ lớp này và lớp cuối cùng được rút ra những kẻ cám dỗ—ác quỷ của văn học giáo hội; nhưng quyền năng của chúng hoàn toàn sụp đổ trước sự thuần khiết của thể trí và mục đích; chúng không thể làm gì được một người đàn ông trừ khi y đã khuyến

khích trong chính mình những thói xấu mà chúng tìm cách lôi kéo y vào.

One whose psychic sight has been opened will often see crowds of these unfortunate creatures hanging round butchers' shops, public-houses, or other even more disreputable places—wherever the [76] gross influences in which they delight are to be found, and where they encounter men and women still in the flesh who are likeminded with themselves. For such an entity as one of these to meet with a medium with whom he is in affinity is indeed a terrible misfortune; not only does it enable him to prolong enormously his dreadful astral life, but it renews for perhaps an indefinite period his power to generate evil karma, and so prepare for himself a future incarnation of the most degraded character, besides running the risk of losing a large portion of such mind-power as he may happen to possess. If he is fortunate enough *not* to meet with a sensitive through whom his passions can be vicariously gratified, the unfulfilled desires will gradually burn themselves out, and the suffering caused in the process will probably go far towards working off the evil karma of the past life.

Một người có thị lực thông linh đã được khai mở sẽ thường thấy đám đông những sinh vật bất hạnh này lảng vảng quanh các cửa hàng bán thịt, quán rượu, hoặc những nơi thậm chí còn tai tiếng hơn—bất cứ nơi nào [76] có những ảnh hưởng thô thiển mà chúng thích thú, và nơi chúng gặp gỡ những người đàn ông và phụ nữ vẫn còn trong thể xác có cùng chí hướng với chúng. Đối với một thực thể như một trong số này gặp một đồng tử mà y có ái lực quả thực là một điều bất hạnh khủng khiếp; nó không chỉ cho phép y kéo dài đáng kể cuộc sống cảm dục khủng khiếp của mình, mà còn làm mới lại trong một khoảng thời gian có lẽ không xác định quyền năng tạo ra nghiệp xấu của y, và do đó chuẩn bị cho chính mình một kiếp luân hồi trong tương lai có tính cách thấp hèn nhất, bên cạnh việc có nguy cơ mất đi một phần lớn năng lực thể trí mà y có thể sở hữu. Nếu y đủ may mắn không gặp một người nhạy cảm mà qua đó những đam mê của y có thể được thỏa mãn một cách gián tiếp, những ham muốn không được thỏa mãn sẽ dần dần tự thiêu rụi, và nỗi đau gây ra trong quá trình này có lẽ sẽ góp phần lớn vào việc loại bỏ nghiệp xấu của kiếp trước.

The position of the suicide is further complicated by the fact that his rash act has diminished the power of the ego to withdraw its lower portion into itself, and therefore has exposed him to various additional dangers; but it must be remembered that the guilt of suicide differs considerably according to its circumstances, from the morally blameless act [77] of Seneca or Socrates through all degrees down to the heinous crime of the wretch who takes his own life in order to escape from the entanglements into which his villainy has brought him; and the position after death varies accordingly.

Vị trí của người tự tử càng trở nên phức tạp hơn bởi thực tế là hành động liều lĩnh của y đã làm giảm sức mạnh của chân ngã để rút phần thấp hơn của nó vào chính nó, và do đó đã khiến y gặp phải nhiều nguy hiểm khác nhau; nhưng phải nhớ rằng tội lỗi của việc tự tử khác nhau đáng kể tùy theo hoàn cảnh của nó, từ hành động vô tội về mặt đạo đức [77] của Seneca hoặc Socrates qua tất cả các mức độ cho đến tội ác ghê tởm của kẻ khốn nạn tự kết liễu đời mình để thoát khỏi những vướng mắc mà tội ác của y đã gây ra; và vị trí sau khi chết cũng thay đổi tương ứng.

It should be noted that this class, as well as the shades and the vitalized shells are all what may be called minor vampires; that is to say, whenever they have the opportunity they prolong their existence by draining away the vitality from human beings whom they find themselves able to influence. This is why both medium and sitters are often so weak and exhausted after a physical *séance.* A student of occultism is taught how to guard himself from their attempts, but without that knowledge it is difficult for one who puts himself in their way to avoid being more or less laid under contribution by them.

Cần lưu ý rằng lớp này, cũng như các bóng ma và vỏ sống động, đều là những gì có thể được gọi là ma cà rồng nhỏ; nghĩa là, bất cứ khi nào có cơ hội, chúng kéo dài sự tồn tại của mình bằng cách rút cạn sinh lực từ những con người mà chúng thấy mình có thể ảnh hưởng. Đây là lý do tại sao cả đồng tử và người tham gia thường rất yếu và kiệt sức sau một buổi gọi hồn thể xác. Một học viên huyền bí học được dạy cách tự bảo vệ mình khỏi những nỗ lực của chúng, nhưng nếu không có kiến thức đó, một người tự đặt mình vào con đường của chúng sẽ khó tránh khỏi việc bị chúng bòn rút ít nhiều.

7. The Vampire and Werewolf.

There remain two even more vile but happily rare possibilities to be mentioned before this part of our subject is completed, and though they differ widely in many ways we may yet perhaps group them together, since they have in common the qualities of unearthly horror and of extreme rarity—the latter arising [78] from the fact that they are really legacies from earlier races—hideous anachronisms, appalling relics of a time when man and his surroundings were in many ways not what they are now.

7. Ma Cà Rồng và Người Sói.

Còn hai khả năng thậm chí còn tồi tệ hơn nhưng rất hiếm gặp cần được đề cập trước khi phần này của chủ đề của chúng ta được hoàn thành, và mặc dù chúng khác nhau rất nhiều về nhiều mặt, chúng ta vẫn có thể nhóm chúng lại với nhau, vì chúng có chung những đặc điểm kinh dị phi thường và cực kỳ hiếm gặp—điều thứ hai phát sinh [78] từ thực tế là chúng thực sự là di sản từ các chủng tộc trước đó—những sự lỗi thời gớm ghiếc, tàn tích kinh hoàng của thời kỳ khi con người và môi trường xung quanh của y theo nhiều cách không giống như bây giờ.

We of the fifth root race ought to have evolved beyond the possibility of meeting such a ghastly fate as is indicated by either of the two headings of this sub-section, and we have so nearly done it that these creatures are commonly regarded as mere mediaeval fables; yet there *are* examples to be found occasionally even now, though chiefly in countries where there is a considerable strain of fourth-race blood, such as Russia or Hungary. The popular legends about them are probably often considerably exaggerated, but there is nevertheless a terribly serious

Chúng ta thuộc giống dân gốc thứ năm đáng lẽ phải tiến hóa vượt qua khả năng gặp phải một số phận khủng khiếp như được chỉ ra bởi một trong hai tiêu đề của tiểu mục này, và chúng ta đã gần như làm được điều đó đến mức những sinh vật này thường được coi là những câu chuyện hoang đường thời trung cổ; nhưng vẫn có những ví dụ được tìm thấy đôi khi ngay cả bây giờ, mặc dù chủ yếu ở các quốc gia có dòng máu chủng tộc thứ tư đáng kể, chẳng hạn như Nga hoặc Hungary. Những truyền thuyết phổ biến về chúng có lẽ thường bị phóng đại đáng kể, nhưng dù sao vẫn có một nền tảng sự thật

substratum of truth beneath the eerie stories which pass from mouth to mouth among the peasantry of Eastern Europe. The general characteristics of such tales are too well known to need more than a passing reference; a fairly typical specimen of the vampire story, though it does not profess to be more than the merest fiction, is Sheridan le Fanu's *Carmilla,* while a very remarkable account of an unusual form of this [79] creature is to be found in *Isis Unveiled* vol. i., p. 454.

nghiêm trọng khủng khiếp bên dưới những câu chuyện kỳ quái được truyền miệng giữa những người nông dân ở Đông Âu. Các đặc điểm chung của những câu chuyện như vậy đã quá nổi tiếng nên không cần đề cập quá nhiều; một mẫu chuyện ma cà rồng khá điển hình, mặc dù nó không được coi là gì hơn một câu chuyện hư cấu, là Carmilla của Sheridan le Fanu, trong khi một câu chuyện rất đáng chú ý về một dạng khác thường của sinh vật này [79] được tìm thấy trong Isis Unveiled tập i., trang 454.

Readers of Theosophical literature will be aware that it is just possible for a man to live a life so absolutely degraded and selfish, so utterly wicked and brutal, that the whole of his lower mind may become entirely enmeshed in his desires, and finally separate from its spiritual source in the higher self. Some students even seem to have supposed that such an occurrence is quite common, and that we may meet scores of such "soulless men", as they have been called, in the street every day of our lives; but this, happily, is untrue. To attain the appalling pre-eminence in evil which thus involves the entire loss of a personality and the weakening of the developing individuality behind, a man must stifle every gleam of unselfishness or spirituality, and must have absolutely no redeeming point whatever; and when we remember how often, even in the worst of villains, there is to be found something not wholly bad, we shall realize that the abandoned personalities must always be a very small minority. Still, comparatively few though they be, they do exist, and it is from their ranks that the still rarer vampire is drawn. [80]

Độc giả của các tài liệu Thông Thiên Học sẽ nhận thức được rằng một người hoàn toàn có thể sống một cuộc sống hoàn toàn suy đồi và ích kỷ, hoàn toàn độc ác và tàn bạo, đến mức toàn bộ hạ trí của y có thể hoàn toàn bị vướng vào những ham muốn của mình, và cuối cùng tách khỏi nguồn gốc tinh thần của nó trong chân ngã. Một số học viên thậm chí dường như cho rằng sự việc như vậy khá phổ biến, và chúng ta có thể gặp hàng chục "người vô hồn" như vậy, như họ được gọi, trên đường phố mỗi ngày trong cuộc sống của chúng ta; nhưng điều này, may mắn thay, là không đúng sự thật. Để đạt được sự nổi trội kinh hoàng trong cái ác, điều này liên quan đến việc mất hoàn toàn một phàm ngã và làm suy yếu cá tính đang phát triển đằng sau, một người đàn ông phải bóp nghẹm mọi tia sáng của lòng vị tha hoặc tinh thần, và hoàn toàn không có điểm cứu chuộc nào cả; và khi chúng ta nhớ lại tần suất, ngay cả trong những kẻ xấu xa nhất, vẫn có thể tìm thấy điều gì đó không hoàn toàn xấu, chúng ta sẽ nhận ra rằng những phàm ngã bị bỏ rơi phải luôn luôn là một thiểu số rất nhỏ. Tuy nhiên, mặc dù tương đối ít, chúng vẫn tồn tại, và từ hàng ngũ của chúng, ma cà rồng thậm chí còn hiếm hơn được rút ra. [80]

The lost entity would very soon after death find himself unable to stay in the astral world, and would be irresistibly drawn in full

Thực thể bị mất sẽ rất sớm sau khi chết thấy mình không thể ở lại trong thế giới cảm dục, và sẽ bị hút một cách không thể cưỡng lại

consciousness into "his own place", the mysterious eighth sphere, there slowly to disintegrate after experiences best left undescribed. If, however, he perishes by suicide or sudden death, he may under certain circumstances, especially if he knows something of black magic, hold himself back from that appalling fate by a death in life scarcely less appalling—the ghastly existence of the vampire.

trong trạng thái ý thức hoàn toàn vào "nơi chốn của chính nó", quả cầu bí ẩn thứ tám, ở đó từ từ tan rã sau những trải nghiệm tốt nhất là không nên mô tả. Tuy nhiên, nếu y chết vì tự tử hoặc chết đột ngột, trong một số trường hợp nhất định, đặc biệt là nếu y biết một chút về hắc thuật, y có thể tự ngăn mình khỏi số phận kinh hoàng đó bằng một cái chết trong cuộc sống không kém phần kinh hoàng—sự tồn tại khủng khiếp của ma cà rồng.

Since the eighth sphere cannot claim him until after the death of the body, he preserves it in a kind of cataleptic trance by the horrible expedient of the transfusion into it of blood drawn from other human beings by his semi-materialized astral, and thus postpones his final destiny by the commission of wholesale murder. As popular "superstition" again rightly supposes, the easiest and most effectual remedy in such a case is to exhume and burn the body, thus depriving the creature of his *point d' appui.* When the grave is opened the body usually appears quite fresh and healthy, and the coffin is not infrequently filled with blood. In countries [81] where cremation is the custom, vampirism of this sort is naturally impossible.

Vì quả cầu thứ tám không thể đòi hỏi y cho đến sau khi thể xác chết, y bảo quản nó trong một loại trạng thái hôn mê catalepsy bằng phương pháp khủng khiếp là truyền máu được rút ra từ những người khác bằng thể cảm dục bán vật chất hóa của y, và do đó trì hoãn số phận cuối cùng của mình bằng việc thực hiện hàng loạt vụ giết người. Như "mê tín dị đoan" phổ biến một lần nữa phỏng đoán đúng, biện pháp khắc phục dễ dàng và hiệu quả nhất trong trường hợp như vậy là khai quật và đốt xác, do đó tước đoạt điểm tựa của sinh vật này. Khi ngôi mộ được mở ra, thi thể thường trông khá tươi tắn và khỏe mạnh, và quan tài thường chứa đầy máu. Ở các quốc gia [81] nơi hỏa táng là phong tục, ma cà rồng loại này đương nhiên là không thể xảy ra.

The Werewolf, though equally horrible, is the product of a somewhat different karma, and indeed ought perhaps to have found a place under the first instead of the second division of the human inhabitants of this plane, since it is always during a man's lifetime that he first manifests under this form. It invariably implies some knowledge of magical arts—sufficient at any rate to be able to project the astral body.

Người sói, mặc dù cũng kinh khủng không kém, là sản phẩm của một nghiệp quả hơi khác, và thực sự có lẽ nên được xếp vào nhóm thứ nhất thay vì nhóm thứ hai trong số những cư dân là con người của cõi này, vì luôn luôn trong suốt cuộc đời của một người đàn ông mà y lần đầu tiên biểu hiện dưới hình dạng này. Nó luôn luôn ngụ ý một số kiến thức về nghệ thuật huyền thuật—ít nhất là đủ để có thể phóng chiếu thể cảm dục.

When a perfectly cruel and brutal man does this, there are certain circumstances under which the body may be seized upon by other astral entities and materialized, not into the

Khi một người đàn ông hoàn toàn tàn nhẫn và hung bạo làm điều này, có những trường hợp nhất định mà thể xác có thể bị các thực thể cảm dục khác chiếm đoạt và vật chất hóa,

human form, but into that of some wild animal—usually the wolf; and in that condition it will range the surrounding country killing other animals, and even human beings, thus satisfying not only its own craving for blood, but that of the fiends who drive it on.

không phải thành hình dạng con người, mà thành hình dạng của một số loài động vật hoang dã—thường là chó sói; và trong điều kiện đó, nó sẽ lùng sục vùng đất xung quanh giết chết các động vật khác, và thậm chí cả con người, do đó thỏa mãn không chỉ cơn khát máu của chính nó, mà còn của những con quỷ thúc đẩy nó.

In this case, as so often with ordinary materialization, any wound inflicted upon that animal form will be reproduced upon the human physical body by the extraordinary phenomenon of repercussion; though after the death of that physical body, the [82] astral (which will probably continue to appear in the same form) will be less vulnerable. It will then, however, be also less dangerous, as unless it can find a suitable medium it will be unable to materialize fully. In such manifestations there is probably a great deal of the matter of the etheric double, and perhaps also a toll is levied upon the gaseous and liquid constituents of the physical body, as in the case of some materializations. In both cases the fluidic body appears able to pass to much greater distances from the physical than is ever otherwise possible, so far as is yet known, for a vehicle, which contains at least a certain amount of etheric matter.

Trong trường hợp này, như thường lệ với việc vật chất hóa thông thường, bất kỳ vết thương nào gây ra trên hình dạng động vật đó sẽ được tái tạo trên thể xác con người bằng hiện tượng phản ứng đặc biệt; mặc dù sau khi thể xác đó chết, [82] thể cảm dục (vốn có thể sẽ tiếp tục xuất hiện dưới cùng một hình dạng) sẽ ít bị tổn thương hơn. Tuy nhiên, khi đó nó cũng sẽ ít nguy hiểm hơn, vì trừ khi nó có thể tìm thấy một đồng tử phù hợp, nó sẽ không thể vật chất hóa hoàn toàn. Trong những biểu hiện như vậy, có lẽ có rất nhiều vật chất của thể phách kép, và có lẽ cũng có một khoản thuế được đánh vào các thành phần khí và lỏng của thể xác, như trong trường hợp của một số vật chất hóa. Trong cả hai trường hợp, thể linh động dường như có thể di chuyển đến những khoảng cách xa hơn nhiều so với thể xác so với những gì có thể xảy ra đối với một hiện thể, vốn chứa ít nhất một lượng vật chất dĩ thái nhất định, cho đến nay vẫn được biết đến.

It has been the fashion of this age to scoff at what are called the foolish superstitions of the ignorant peasantry; but as in the above cases, so in many others, the occult student finds on careful examination that obscure or forgotten truths of Nature lie behind what at first sight appears mere nonsense, and he learns to be cautious in rejecting as well as cautious in accepting. Intending explorers of the astral plane need have little fear of encountering the very unpleasant creatures described under this head, for, as before stated, they are even [83] now extremely rare, and as time goes on

Thời đại này đã chế giễu những gì được gọi là mê tín dị đoan ngu ngốc của những người nông dân thiếu hiểu biết; nhưng như trong các trường hợp trên, cũng như trong nhiều trường hợp khác, học viên huyền bí học nhận thấy khi kiểm tra cẩn thận rằng những sự thật mơ hồ hoặc bị lãng quên của Tự nhiên nằm đằng sau những gì thoạt nhìn có vẻ vô nghĩa, và y học cách thận trọng trong việc bác bỏ cũng như thận trọng trong việc chấp nhận. Những người dự định khám phá cõi cảm dục không cần phải sợ hãi khi gặp phải những sinh vật rất khó ưa được mô tả dưới tiêu đề này, bởi vì, như

their number will happily steadily diminish. In any case their manifestations are usually restricted to the immediate neighbourhood of their physical bodies, as might be supposed from their extremely material nature.

đã nêu trước đó, ngay cả [83] bây giờ chúng cũng cực kỳ hiếm, và theo thời gian, số lượng của chúng may mắn thay sẽ giảm dần đều. Trong bất kỳ trường hợp nào, biểu hiện của chúng thường bị hạn chế trong vùng lân cận ngay lập tức của thể xác của chúng, như có thể được suy ra từ bản chất cực kỳ vật chất của chúng.

8. The Man in the Grey World.

I have already explained that the vampire and the werewolf are anachronisms, that they belonged to the evolution of an earlier root-race. But though we have developed beyond that particular form of manifestation of it, the type of person who clings desperately to physical life because he has no certainty that there is any other still persists among us. Having been intensely material, having had no ideas, no conceptions of any sort beyond the physical during earth-life, he becomes crazy with fear when he finds himself altogether cut adrift from it.

Sometimes such men make frantic efforts to return into some sort of touch with physical life. Most do not succeed, and gradually give up the struggle; as soon as they do that, they slip off at once into the natural moment of unconsciousness and shortly awaken in the astral world. But those, whose will is strong enough to attain a partial and [84] temporary success hold on tenaciously to at least some fragments of their etheric double, and sometimes even manage to draw particles from their physical bodies.

We may say that the actual definition of death is the full and final separation of the etheric double from the dense body—or, to put it in other words, the breaking up of the physical body by withdrawing its etheric part from its lower part. So long as a link is maintained we

8. Con Người trong Thế Giới Xám.

Tôi đã giải thích rằng ma cà rồng và người sói là những thứ lỗi thời, rằng chúng thuộc về sự tiến hóa của một giống dân gốc trước đó. Nhưng mặc dù chúng ta đã phát triển vượt ra ngoài hình thức biểu hiện cụ thể đó của nó, nhưng kiểu người bám víu tuyệt vọng vào sự sống hồng trần vì y không chắc chắn rằng có bất kỳ điều gì khác vẫn tồn tại giữa chúng ta. Từng là người hoàn toàn duy vật, không có ý tưởng, không có quan niệm nào vượt ra ngoài thế giới hồng trần trong suốt cuộc sống trần thế, y trở nên điên cuồng vì sợ hãi khi thấy mình hoàn toàn bị cắt đứt khỏi nó.

Đôi khi những người như vậy nỗ lực điên cuồng để trở lại một số dạng tiếp xúc với cuộc sống hồng trần. Hầu hết đều không thành công và dần dần từ bỏ cuộc đấu tranh; ngay khi họ làm điều đó, họ ngay lập tức rơi vào trạng thái vô thức tự nhiên và nhanh chóng thức tỉnh trong cõi cảm dục. Nhưng những người có ý chí đủ mạnh để đạt được thành công một phần và [84] tạm thời thì bám chặt lấy ít nhất một số mảnh vỡ của thể dĩ thái kép của họ, và đôi khi thậm chí còn xoay xở để hút các hạt từ thể xác của họ.

Chúng ta có thể nói rằng định nghĩa thực sự của cái chết là sự tách rời hoàn toàn và cuối cùng của thể dĩ thái kép khỏi thể đậm đặc—hay, nói cách khác, là sự phân rã của thể xác bằng cách rút phần dĩ thái của nó ra khỏi phần thấp hơn của nó. Miễn là một liên kết được duy

may have conditions of catalepsy, trance or anaesthesia; when the link is finally broken, death has taken place.

trì, chúng ta có thể có các tình trạng hôn mê, xuất thần hoặc mất cảm giác; khi liên kết cuối cùng bị phá vỡ, cái chết đã xảy ra.

When a man withdraws from his dense body at death, then, he takes with him the etheric part of that vehicle. But that etheric matter is not in itself a complete vehicle—only part of one. Therefore while that etheric matter still clings round him, he is neither on one plane nor the other. He has lost the organs of his physical senses, and he cannot use those of the astral body because he is still enveloped in this cloud of etheric matter. He lives for awhile—fortunately only for awhile—in a dim grey world of restlessness and discomfort, in which he can see clearly neither physical nor astral happenings, but catches occasional glimpses of both as [85] through a world of heavy fog, in which he wanders, lost and helpless.

Khi một người rút khỏi thể xác đậm đặc của mình lúc chết, thì y mang theo phần dĩ thái của hiện thể đó. Nhưng chất dĩ thái đó tự nó không phải là một hiện thể hoàn chỉnh—chỉ là một phần của một hiện thể. Do đó, trong khi chất dĩ thái đó vẫn bám quanh y, y không thuộc cõi này cũng không thuộc cõi kia. Y đã mất các cơ quan cảm giác vật lý của mình, và y không thể sử dụng các cơ quan của thể cảm dục vì y vẫn bị bao bọc trong đám mây chất dĩ thái này. Y sống một thời gian—may mắn thay chỉ trong một thời gian—trong một thế giới xám xịt, mờ mịt của sự bồn chồn và khó chịu, trong đó y không thể nhìn thấy rõ ràng những gì xảy ra ở cõi hồng trần cũng như cõi cảm dục, nhưng thỉnh thoảng thoáng thấy cả hai như [85] thể qua một thế giới sương mù dày đặc, trong đó y lang thang, lạc lõng và bất lực.

There is no reason whatever why any human being should suffer such unpleasantness at all; but he fears that in letting go that shred of consciousness he may lose all consciousness for ever—may in fact be annihilated; so he grasps desperately at this which is left to him. In time, however, he must let go, for the etheric double begins to disintegrate, and then he slips quite happily into the fuller and wider life.

Không có lý do gì mà bất kỳ con người nào phải chịu đựng sự khó chịu như vậy; nhưng y sợ rằng khi buông bỏ mảnh tâm thức đó, y có thể mất hết tâm thức mãi mãi—thực tế có thể bị hủy diệt; vì vậy y bám víu tuyệt vọng vào thứ còn sót lại này. Tuy nhiên, theo thời gian, y phải buông bỏ, vì thể dĩ thái kép bắt đầu tan rã, và sau đó y trượt một cách khá hạnh phúc vào cuộc sống trọn vẹn và rộng lớn hơn.

Such people may sometimes be found drifting miserably and even wailingly about the astral plane, and it is one of the hardest tasks of the helper to persuade them that they have nothing to do but to forget their fear, to relax their tenseness, and to let themselves sink gently into the peace and oblivion which they need so sorely. They seem to regard such a suggestion as a ship-wrecked man far away from land might receive an order to abandon

Những người như vậy đôi khi có thể được tìm thấy đang trôi dạt một cách khổ sở và thậm chí rên rỉ khắp cõi cảm dục, và một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất của người giúp đỡ là thuyết phục họ rằng họ không phải làm gì ngoài việc quên đi nỗi sợ hãi của mình, thư giãn sự căng thẳng của họ, và để cho bản thân chìm dần vào sự bình yên và quên lãng mà họ rất cần. Họ dường như coi một gợi ý như vậy giống như một người bị đắm tàu ở xa đất liền

his supporting spar, and trust himself to the stormy sea.

có thể nhận được lệnh từ bỏ thanh đỡ của mình và phó mặc cho biển cả bão tố.

9. The Black Magician or his pupil.

9. Pháp sư Hắc thuật hoặc học trò của ông ta.

This person corresponds at the other extremity of the scale to our second class of departed entities, the pupil awaiting reincarnation, but in this case, instead of [86] obtaining permission to adopt an unusual method of progress, the man is defying the natural process of evolution by maintaining himself in astral life by magical arts—sometimes of the most horrible nature.

Người này tương ứng ở đầu kia của thang đo với lớp thực thể đã khuất thứ hai của chúng ta, học trò đang chờ đợi tái sinh, nhưng trong trường hợp này, thay vì [86] được phép áp dụng một phương pháp tiến bộ khác thường, người đàn ông đang thách thức quá trình tiến hóa tự nhiên bằng cách duy trì bản thân trong cuộc sống cảm dục bằng nghệ thuật huyền thuật—đôi khi có bản chất khủng khiếp nhất.

It would be easy to make various subdivisions of this class, according to their objects, their methods, and the possible duration of their existence on this plane, but as they are by no means fascinating objects of study, and all that in occult student wishes to know about them is how to avoid them, it will probably be more interesting to pass on to the examination of another part of our subject. It may, however, be just mentioned that every such human entity which prolongs its life thus on the astral plane beyond its natural limit invariably does so at the expense of others, and by the absorption of their life in some form or another.

Sẽ dễ dàng để tạo ra nhiều phân khu khác nhau của lớp này, theo mục tiêu, phương pháp của họ và thời gian tồn tại có thể có của họ trên cõi này, nhưng vì họ không phải là đối tượng nghiên cứu hấp dẫn, và tất cả những gì mà người nghiên cứu huyền bí học muốn biết về họ là làm thế nào để tránh họ, có lẽ sẽ thú vị hơn khi chuyển sang xem xét một phần khác của chủ đề của chúng ta. Tuy nhiên, có thể chỉ cần đề cập rằng mọi thực thể con người như vậy kéo dài sự sống của nó trên cõi cảm dục vượt quá giới hạn tự nhiên của nó luôn luôn làm như vậy bằng cách hy sinh người khác, và bằng cách hấp thụ sự sống của họ dưới hình thức này hay hình thức khác.

II. NON-HUMAN —II. PHI NHÂN LOẠI

It might have been thought fairly obvious, even to the most casual glance, that many of the terrestrial arrangements of Nature which affect us most nearly have not been designed exclusively with a view to our comfort, to even our ultimate advantage. [87] Yet it was probably unavoidable that the human race, at least in its childhood, should imagine that this world and everything it contains existed solely for its own use and benefit; but

Có lẽ ngay cả cái nhìn thoáng qua nhất cũng có thể thấy khá rõ ràng rằng nhiều sự sắp xếp trên mặt đất của Tự nhiên ảnh hưởng đến chúng ta gần nhất đã không được thiết kế dành riêng cho sự thoải mái của chúng ta, thậm chí là lợi ích cuối cùng của chúng ta. [87] Tuy nhiên, có lẽ không thể tránh khỏi việc loài người, ít nhất là trong thời thơ ấu của mình, tưởng tượng rằng thế giới này và mọi thứ trong đó tồn tại chỉ để sử dụng và mang lại lợi

undoubtedly we ought by this time to have grown out of that infantile delusion and realized our proper position and the duties that attach to it.

ích cho chính nó; nhưng chắc chắn đến lúc này chúng ta nên thoát khỏi ảo tưởng trẻ con đó và nhận ra vị trí thích hợp của mình và các nhiệm vụ gắn liền với nó.

That most of us have not yet done so is shown in a dozen ways in our daily life—notably by the atrocious cruelty habitually displayed towards the animal kingdom under the name of sport by many who probably consider themselves highly civilized people. The veriest tyro in the holy science of occultism knows that all life is sacred and that without universal compassion there is no true progress; but it is only as he advances in his studies that he discovers how manifold evolution is, and how comparatively small a place humanity really fills in the economy of Nature.

Việc hầu hết chúng ta vẫn chưa làm như vậy được thể hiện theo hàng tá cách trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta—đáng chú ý là sự tàn ác khủng khiếp thường xuyên được thể hiện đối với giới động vật dưới danh nghĩa thể thao bởi nhiều người có lẽ tự coi mình là những người văn minh cao. Ngay cả người mới học về khoa học huyền bí học thiêng liêng cũng biết rằng tất cả sự sống đều thiêng liêng và nếu không có lòng từ bi phổ quát thì sẽ không có tiến bộ thực sự; nhưng chỉ khi y tiến bộ trong học tập, y mới khám phá ra sự tiến hóa đa dạng như thế nào và loài người thực sự chiếm một vị trí nhỏ bé như thế nào trong nền kinh tế của Tự nhiên.

It becomes clear to him that as earth, air, and water support myriads of forms of life which, though invisible to the ordinary eye, are revealed to us by the microscope, so the higher planes connected with our earth have an equally dense population of whose existence we are ordinarily [88] completely unconscious. As his knowledge increases he becomes more and more certain that in one way or another the utmost use is being made of every possibility of evolution, and that wherever it seems to us that in Nature force is being wasted or opportunity neglected, it is not the scheme of the universe that is in fault, but our ignorance of its method and intention.

Y nhận thấy rõ ràng rằng khi đất, khí và nước hỗ trợ vô số dạng sống mà mặc dù mắt thường không nhìn thấy được nhưng được kính hiển vi tiết lộ cho chúng ta, thì các cõi cao hơn liên quan đến trái đất của chúng ta cũng có mật độ dân số tương đương mà chúng ta thường [88] hoàn toàn không ý thức được sự tồn tại của họ. Khi kiến thức của y tăng lên, y càng chắc chắn hơn rằng bằng cách này hay cách khác, mọi khả năng tiến hóa đều được sử dụng tối đa, và bất cứ nơi nào đối với chúng ta dường như lực lượng trong Tự nhiên đang bị lãng phí hoặc cơ hội bị bỏ qua, thì đó không phải là lỗi của kế hoạch vũ trụ, mà là do chúng ta không biết phương pháp và ý định của nó.

For the purposes of our present consideration of the non-human inhabitants of the astral plane it will be best to leave altogether out of consideration those early forms of the universal life which are evolving, in a manner of which we can have little comprehension, through the successive encasement of atoms,

Vì mục đích xem xét hiện tại của chúng ta về cư dân phi nhân loại của cõi cảm dục, tốt nhất là nên bỏ hoàn toàn việc xem xét những dạng ban đầu của sự sống phổ quát đang tiến hóa, theo cách mà chúng ta khó có thể hiểu được, thông qua sự bao bọc liên tiếp của các nguyên tử, phân tử và tế bào. Nếu chúng ta bắt đầu từ

molecules, and cells. If we commence at the lowest of what are usually called the elemental kingdoms, we shall even then have to group together under this general heading an enormous number of inhabitants of the astral plane upon whom it will be possible to touch only slightly, as anything like a detailed account of them would swell this manual to the dimensions of an encyclopaedia.

mức thấp nhất trong số những gì thường được gọi là giới hành khí, thì ngay cả khi đó chúng ta sẽ phải nhóm lại dưới tiêu đề chung này một số lượng khổng lồ cư dân của cõi cảm dục mà chúng ta chỉ có thể đề cập đến một cách sơ lược, vì bất kỳ điều gì giống như một bài tường thuật chi tiết về họ sẽ làm cuốn sổ tay này phình to đến kích thước của một cuốn bách khoa toàn thư.

The most convenient method of arranging the non-human entities will perhaps be in four classes [89]—it being understood that in this case the class is not, as previously, a comparatively small subdivision, but usually a great kingdom of Nature at least as large and varied as, say, the animal or vegetable kingdom. Some of these classes rank considerably below humanity, some are our equals, and others again rise far above us in goodness and power. Some belong to our scheme of evolution—that is to say, they either have been or will be men like ourselves; others are evolving on entirely distinct lines of their own. (See the diagram of "The Evolution of Life" in *The Hidden Side of Things*, p. 86.)

Phương pháp thuận tiện nhất để sắp xếp các thực thể phi nhân loại có lẽ là chia thành bốn lớp [89]—cần hiểu rằng trong trường hợp này, lớp không phải là một phân khu tương đối nhỏ như trước đây, mà thường là một giới lớn của Tự nhiên ít nhất là lớn và đa dạng như, chẳng hạn, giới động vật hoặc giới thực vật. Một số lớp này xếp hạng thấp hơn đáng kể so với loài người, một số ngang bằng với chúng ta, và những lớp khác lại vượt xa chúng ta về lòng tốt và sức mạnh. Một số thuộc về kế hoạch tiến hóa của chúng ta—nghĩa là, chúng đã từng hoặc sẽ là con người giống như chúng ta; những loài khác đang tiến hóa trên những dòng riêng biệt hoàn toàn của riêng chúng. (Xem biểu đồ "Sự Tiến Hóa của Sự Sống" trong Mặt khuất ẩn giấu của vạn vật, trang 86.)

Before proceeding to consider them it is necessary in order to avoid the charge of incompleteness, to mention that in this branch of the subject two reservations have been made. First, no reference is made to the occasional appearances of high Adepts from other planets of the solar system and of even more august Visitors from a still greater distance, since such matters cannot fitly be described in an essay for general reading; and besides it is practically inconceivable, though theoretically possible, that such glorified Beings should ever need to manifest themselves on a plane so low as the astral. If for [90] any reason they should wish to do so, the body appropriate to the plane would be

Trước khi tiếp tục xem xét chúng, cần phải đề cập đến hai lưu ý trong nhánh chủ đề này để tránh bị cáo buộc là không đầy đủ. Đầu tiên, không có đề cập nào đến sự xuất hiện lẻ tẻ của các Chân sư cấp cao từ các hành tinh khác của hệ mặt trời và của những Vị Khách thậm chí còn cao quý hơn từ một khoảng cách xa hơn nữa, vì những vấn đề như vậy không thể được mô tả một cách phù hợp trong một bài luận để đọc chung; và bên cạnh đó, thực tế không thể tưởng tượng được, mặc dù về mặt lý thuyết là có thể, rằng những Đấng Vinh Quang như vậy sẽ cần phải biểu hiện bản thân trên một cõi thấp như cõi cảm dục. Nếu vì [90] bất kỳ lý do gì mà Các Ngài muốn làm như vậy, thì thể phù hợp với cõi đó sẽ được tạo ra tạm thời từ chất

temporarily created out of astral matter belonging to this planet, as in the case of the Nirmanakaya.

liệu cảm dục thuộc về hành tinh này, như trong trường hợp của Nirmanakaya.

Secondly, quite outside of and entirely unconnected with the four classes into which we are dividing this section, there are two other great evolutions which at present share the use of this planet with humanity; but about them it is forbidden to give any particulars at this stage of the proceedings, as it is not apparently intended under ordinary circumstances either that they should be conscious of man's existence or man of theirs. If we ever do come into contact with them it will most probably be on the purely physical plane, for in any case their connection with our astral plane is of the slightest since the only possibility of their appearance there depends upon an extremely improbable accident in an act of ceremonial magic, which fortunately only a few of the most advanced sorcerers know how to perform. Nevertheless, that improbable accident has happened at least once, and may happen again, so that but for the prohibition above mentioned it would have been necessary to include them in our list. [91]

Thứ hai, hoàn toàn nằm ngoài và hoàn toàn không liên quan đến bốn lớp mà chúng ta đang chia phần này, có hai sự tiến hóa vĩ đại khác hiện đang chia sẻ việc sử dụng hành tinh này với loài người; nhưng về chúng, việc cung cấp bất kỳ thông tin chi tiết nào ở giai đoạn này của quá trình là điều bị cấm, vì rõ ràng không có ý định trong các trường hợp thông thường rằng chúng nên ý thức được sự tồn tại của con người hoặc con người của chúng. Nếu chúng ta có tiếp xúc với chúng, rất có thể sẽ là trên cõi hồng trần thuần túy, vì trong mọi trường hợp, mối liên hệ của chúng với cõi cảm dục của chúng ta là rất nhỏ vì khả năng duy nhất để chúng xuất hiện ở đó phụ thuộc vào một tai nạn cực kỳ khó xảy ra trong một hành động huyền thuật nghi lễ, mà may mắn thay chỉ có một số ít pháp sư cao cấp nhất biết cách thực hiện. Tuy nhiên, tai nạn khó xảy ra đó đã xảy ra ít nhất một lần và có thể xảy ra lần nữa, vì vậy nếu không có lệnh cấm đã đề cập ở trên thì cần phải đưa chúng vào danh sách của chúng ta. [91]

1. The Elemental Essence belonging to our own evolution. —1. Tinh chất Hành khí thuộc về sự tiến hóa của chính chúng ta.

As the name "elementary" has been given indiscriminately by various writers to any or all of man's possible *post-mortem* conditions, so this word "elemental" has been used at different times to mean any or all non-human spirits, from the most god-like of the Devas down through every variety of nature-spirit to the formless essence which pervades the kingdoms lying behind the mineral, until after reading several books the student becomes absolutely bewildered by the contradictory statements made on the

Vì cái tên "nguyên tố" đã được nhiều tác giả sử dụng một cách bừa bãi cho bất kỳ hoặc tất cả các điều kiện hậu tử có thể có của con người, nên từ "hành khí" này đã được sử dụng vào những thời điểm khác nhau để chỉ bất kỳ hoặc tất cả các linh hồn phi nhân loại, từ những vị Thiên Thần giống như thần nhất cho đến mọi loại thần linh tự nhiên đến tinh chất vô hình thấm nhuần các giới nằm phía sau khoáng vật, cho đến khi sau khi đọc một số cuốn sách, người nghiên cứu trở nên hoàn toàn hoang mang bởi những tuyên bố mâu thuẫn được

subject. For the purposes of this treatise let it be understood that elemental essence is merely a name applied during certain stages of its evolution to monadic essence, which in its turn may be defined as the outpouring of Spirit or Divine Force into matter.

đưa ra về chủ đề này. Vì mục đích của luận án này, hãy hiểu rằng tinh chất hành khí chỉ là một cái tên được áp dụng trong một số giai đoạn nhất định của quá trình tiến hóa của nó cho tinh chất chân thần, mà đến lượt nó có thể được định nghĩa là sự tuôn đổ của Tinh thần hoặc Thần Lực vào vật chất.

We are all familiar with the idea that before this outpouring arrives at the stage of individualization at which it forms the causal body of man, it has passed through and ensouled in turn six lower phases of evolution —the animal, vegetable, mineral, and three elemental kingdoms. When energizing through those respective stages it has sometimes been called the animal, vegetable, or mineral [92] monad—though this term is distinctly misleading, since long before it arrives at any of these kingdoms it has become not *one*, but *many* monads. The name was, however, adopted to convey the idea that, though differentiation in the monadic essence had already long ago set in, it had not yet been carried to the extent of individualization.

Tất cả chúng ta đều quen thuộc với ý tưởng rằng trước khi sự tuôn đổ này đến giai đoạn cá thể hóa mà tại đó nó hình thành thể nguyên nhân của con người, nó đã trải qua và thấm nhuần lần lượt sáu giai đoạn tiến hóa thấp hơn —giới động vật, thực vật, khoáng vật và ba giới hành khí. Khi tiếp năng lượng thông qua các giai đoạn tương ứng đó, đôi khi nó được gọi là chân thần động vật, thực vật hoặc khoáng vật [92]—mặc dù thuật ngữ này rõ ràng là gây hiểu lầm, vì rất lâu trước khi nó đến bất kỳ giới nào trong số này, nó đã trở thành không phải một, mà là nhiều chân thần. Tuy nhiên, cái tên này đã được áp dụng để truyền đạt ý tưởng rằng, mặc dù sự khác biệt trong tinh chất chân thần đã bắt đầu từ rất lâu trước đó, nhưng nó vẫn chưa được thực hiện đến mức độ cá thể hóa.

When this monadic essence is energizing through the three great elemental kingdoms which precede the mineral, it is called by the name of "elemental essence." Before, however, its nature and the manner in which it manifests can be understood, the method in which spirit enfolds itself in its descent into matter must be realized.

Khi tinh chất chân thần này đang tiếp năng lượng thông qua ba giới hành khí vĩ đại đứng trước khoáng vật, nó được gọi bằng cái tên "tinh chất hành khí." Tuy nhiên, trước khi có thể hiểu được bản chất của nó và cách nó biểu hiện, phải nhận ra phương pháp mà tinh thần tự bao bọc khi nó giáng xuống vật chất.

Be it remembered, then, that when spirit resting on any plane (it matters not which—let us call it plane No. 1) wills to descend to the plane next below (let us call that plane No. 2) it must enfold itself in the matter of that plane —that is to say, it must draw round itself a veil of the matter of plane No. 2. Similarly when it continues its descent to plane No. 3, it must

Hãy nhớ rằng, khi linh hồn trú ngụ trên bất kỳ cõi nào (không quan trọng cõi nào—chúng ta hãy gọi nó là cõi số 1) muốn giáng xuống cõi tiếp theo bên dưới (chúng ta hãy gọi cõi đó là cõi số 2), nó phải bao bọc chính nó trong vật chất của cõi đó—nghĩa là, nó phải kéo xung quanh mình một bức màn che bằng vật chất của cõi số 2. Tương tự, khi nó tiếp tục giáng

draw round itself the matter of that plane, and we shall then have, say, an atom whose body or outer covering consists of the matter of plane No. 3. The force energizing in it—its [93] soul, so to speak—will however not be spirit in the condition in which it was on plane No. 1, but will be that divine force *plus* the veil of the matter of plane No. 2. When a still further descent is made to plane No. 4, the atom becomes still more complex, for it will then have a body of No. 4 matter, ensouled by spirit already twice veiled—in the matter of planes 2 and 3. It will be seen that, since this process repeats itself for every sub-plane of each plane of the solar system, by the time the original force reaches our physical level it is so thoroughly veiled that it is small wonder men often fail to recognize it as spirit at all.

xuống cõi số 3, nó phải kéo xung quanh mình vật chất của cõi đó, và khi đó chúng ta sẽ có, giả sử, một nguyên tử có thể xác hoặc lớp vỏ bên ngoài bao gồm vật chất của cõi số 3. Tuy nhiên, mãnh lực cung cấp năng lượng cho nó —linh hồn của nó—sẽ không phải là linh hồn ở trạng thái như nó đã ở trên cõi số 1, mà sẽ là mãnh lực thiêng liêng đó cộng với bức màn che bằng vật chất của cõi số 2. Khi giáng xuống cõi số 4, nguyên tử trở nên phức tạp hơn, vì khi đó nó sẽ có một thể xác bằng vật chất của cõi số 4, được linh hồn bao bọc bởi hai lớp màn che —bằng vật chất của cõi số 2 và 3. Ta thấy rằng, vì quá trình này lặp lại đối với mỗi cõi phụ của mỗi cõi trong hệ mặt trời, nên khi mãnh lực ban đầu đạt đến cõi hồng trần của chúng ta, nó đã bị che khuất hoàn toàn đến nỗi không có gì ngạc nhiên khi con người thường không nhận ra nó là linh hồn.

Suppose that the monadic essence has carried on this process of veiling itself down to the atomic level of the mental plane, and that, instead of descending through the various subdivisions of that plane, it plunges down directly into the astral plane, ensouling, or aggregating round it a body of atomic astral matter; such a combination would be the elemental essence of the astral plane, belonging to the third of the great elemental kingdoms—that immediately preceding the mineral. In the course of its 2,401 differentiations on the astral plane it draws to itself many and various combinations of [94] the matter of its several sub-divisions; but these are only temporary, and it still remains essentially one kingdom, whose characteristic is monadic essence involved down to the atomic level of the mental plane only, but manifesting through the atomic matter of the astral plane.

Giả sử rằng chân thần tinh túy đã thực hiện quá trình che khuất này xuống đến cấp độ nguyên tử của cõi trí, và thay vì giáng xuống qua các phân khu khác nhau của cõi đó, nó lại lao thẳng xuống cõi cảm dục, bao bọc hoặc tập hợp xung quanh nó một thể xác bằng vật chất nguyên tử của cõi cảm dục; sự kết hợp như vậy sẽ là tinh chất hành khí của cõi cảm dục, thuộc về giới thứ ba trong số các giới hành khí vĩ đại —giới ngay trước giới kim thạch. Trong quá trình 2.401 lần biến phân của nó trên cõi cảm dục, nó thu hút về mình nhiều sự kết hợp khác nhau của vật chất từ các phân khu của nó; nhưng những điều này chỉ là tạm thời, và về cơ bản nó vẫn là một giới, với đặc điểm là chân thần tinh túy chỉ giáng hạ xuống cấp độ nguyên tử của cõi trí, nhưng biểu hiện thông qua vật chất nguyên tử của cõi cảm dục.

The two higher elemental kingdoms exist and function respectively upon the higher and the

Hai giới hành khí cao hơn tồn tại và hoạt động tương ứng trên các cấp độ cao hơn và thấp hơn

lower levels of the mental plane; but we are not at the moment concerned with them.

của cõi trí; nhưng hiện tại chúng ta không đề cập đến chúng.

To speak, as we so often do, of *an* elemental in connection with the group we are now considering is somewhat misleading, for strictly speaking there is no such thing. What we find is a vast store of elemental essence, wonderfully sensitive to the most fleeting human thought, responding with inconceivable delicacy in an infinitesimal fraction of a second to a vibration set up in it even by an entirely unconscious exercise of human will or desire.

Việc nói, như chúng ta vẫn thường làm, về một hành khí liên quan đến nhóm mà chúng ta đang xem xét có phần gây hiểu lầm, vì nói một cách chính xác thì không có thứ gì như vậy. Những gì chúng ta tìm thấy là một kho chứa tinh chất hành khí khổng lồ, nhạy cảm một cách kỳ diệu với những suy nghĩ thoáng qua nhất của con người, đáp ứng với sự tinh tế không thể tưởng tượng được trong một phần nhỏ vô cùng của giây đối với rung động được thiết lập trong nó ngay cả bởi một hành động hoàn toàn vô thức của ý chí hoặc mong muốn của con người.

But the moment that by the influence of such thought or exercise of will it is moulded into a living force—into something that may correctly be described as *an* elemental—it at once ceases to belong to the category we are discussing, and becomes a member of the artificial class. Even then [95] its separate existence is usually of the most evanescent character, and as soon as its impulse has worked itself out it sinks back into the undifferentiated mass of that particular subdivision of elemental essence from which it came.

Nhưng ngay khi bằng ảnh hưởng của suy nghĩ hoặc hành động của ý chí như vậy, nó được đúc kết thành một mãnh lực sống—thành một thứ gì đó có thể được mô tả chính xác là một hành khí—thì ngay lập tức nó không còn thuộc về phạm trù mà chúng ta đang thảo luận nữa, và trở thành một thành viên của lớp nhân tạo. Ngay cả khi đó, sự tồn tại riêng biệt của nó thường có đặc điểm phù du nhất, và ngay khi xung lực của nó tự hoạt động hết, nó lại chìm vào khối không biến phân của phân khu cụ thể của tinh chất hành khí mà từ đó nó xuất hiện.

It would be tedious to attempt to catalogue these subdivisions, and indeed even if a list of them were made it would be unintelligible except to the practical student who can call them up before him and compare them. Some idea of the leading lines of classification can, however, be grasped without much trouble, and may prove of interest.

Sẽ rất tẻ nhạt nếu cố gắng liệt kê các phân khu này, và thực sự ngay cả khi có một danh sách về chúng, nó cũng sẽ không thể hiểu được ngoại trừ đối với người nghiên cứu thực hành, người có thể gọi chúng xuất hiện trước mặt mình và so sánh chúng. Tuy nhiên, một số ý tưởng về các hướng phân loại chính có thể được nắm bắt mà không gặp nhiều khó khăn, và có thể sẽ thú vị.

First comes the broad division which has given the elementals their name—the classification according to the kind of matter

Đầu tiên là sự phân chia rộng đã đặt tên cho các hành khí—sự phân loại theo loại vật chất mà chúng cư trú. Ở đây, như thường lệ, đặc

which they inhabit. Here, as usual, the septenary character of our evolution shows itself, for there are seven such chief groups, related respectively to the seven states of physical matter—to "earth, water, air, and fire," or to translate from mediæval symbolism to modern accuracy of expression, to the solid, the liquid, the gaseous, and the four etheric conditions.

điểm thất phân của sự tiến hóa của chúng ta thể hiện rõ, vì có bảy nhóm chính như vậy, liên quan tương ứng với bảy trạng thái của vật chất hồng trần—với "đất, nước, khí và lửa", hoặc dịch từ biểu tượng thời trung cổ sang cách diễn đạt chính xác hiện đại, sang trạng thái rắn, lỏng, khí và bốn trạng thái dĩ thái.

It has long been the custom to pity and despise the ignorance of the alchemists of the middle ages, because they gave the title of "elements" to [96] substances which modern chemistry has discovered to be compounds; but in speaking of them thus slightingly we have done them great injustice, for their knowledge on this subject was really wider, not narrower, than ours. They may or may not have catalogued all the eighty or ninety substances which we now call elements; but they certainly did not apply that name to them, for their occult studies had taught them that in that sense of the word there was but *one* element, of which these and all other forms of matter were but modifications—a truth which some of the greatest chemists of the present day are just beginning to suspect.

Từ lâu đã có tục lệ thương hại và coi thường sự thiếu hiểu biết của các nhà giả kim thuật thời trung cổ, bởi vì họ đã đặt tên "nguyên tố" cho các chất mà hóa học hiện đại đã phát hiện ra là hợp chất; nhưng khi nói về họ một cách khinh miệt như vậy, chúng ta đã đối xử bất công với họ, vì kiến thức của họ về chủ đề này thực sự rộng hơn, chứ không phải hẹp hơn chúng ta. Họ có thể đã hoặc chưa liệt kê tất cả tám mươi hoặc chín mươi chất mà bây giờ chúng ta gọi là nguyên tố; nhưng họ chắc chắn đã không áp dụng cái tên đó cho chúng, vì các nghiên cứu huyền bí học của họ đã dạy họ rằng theo nghĩa đó của từ này, chỉ có một nguyên tố, mà những dạng này và tất cả các dạng vật chất khác chỉ là biến thể—một sự thật mà một số nhà hóa học vĩ đại nhất hiện nay mới bắt đầu nghi ngờ.

The fact is that in this particular case our despised forefathers' analysis went several steps deeper than our own. They understood and were able to observe the ether, which modern science can only postulate as a necessity for its theories; they were aware that it consists of physical matter in four entirely distinct states above the gaseous—a fact which has not yet been re-discovered. They knew that all physical objects consist of matter in one or other of these seven states, and that into the composition of every organic body all seven enter in a greater or lesser degree; hence all their talk of [97] fiery and watery humours, or "elements," which seems

Sự thật là trong trường hợp cụ thể này, sự phân tích của tổ tiên bị coi thường của chúng ta đã đi sâu hơn chúng ta vài bước. Họ đã hiểu và có thể quan sát dĩ thái, thứ mà khoa học hiện đại chỉ có thể công nhận là cần thiết cho các lý thuyết của nó; họ nhận thức được rằng nó bao gồm vật chất hồng trần ở bốn trạng thái hoàn toàn khác biệt trên dạng khí—một sự thật mà vẫn chưa được tái khám phá. Họ biết rằng tất cả các vật thể hồng trần đều bao gồm vật chất ở trạng thái này hay trạng thái khác trong số bảy trạng thái này, và tất cả bảy trạng thái này đều tham gia vào thành phần của mọi cơ thể hữu cơ ở mức độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn; do đó tất cả những gì họ nói về chất dịch nóng và

so grotesque to us. It is obvious that they used the latter word as a synonym for "constituent parts," without in the least degree intending it to connote the idea of substances which could not be further reduced. They knew also that each of these orders of matter serves as a basis of manifestation for a great class of evolving monadic essence, and so they christened the essence "elemental."

nước, hay "nguyên tố", dường như rất kỳ cục đối với chúng ta. Rõ ràng là họ đã sử dụng từ thứ hai như một từ đồng nghĩa với "các bộ phận cấu thành", mà không hề có ý định hàm ý các chất không thể bị khử tiếp. Họ cũng biết rằng mỗi loại vật chất này đóng vai trò là cơ sở biểu hiện cho một lớp lớn chân thần tinh túy đang tiến hóa, và vì vậy họ đặt tên cho tinh chất đó là "hành khí".

What we have to try to realize, then, is that in every particle of solid matter, so long as it remains in that condition, there resides, to use the picturesque phraseology of mediæval students, an earth elemental—that is, a certain amount of the living elemental essence appropriate to it, while equally in every particle of matter in the liquid, gaseous, or etheric states, the water, air, and fire "elementals" respectively inhere. It will be observed that this first broad division of the third of the elemental kingdoms is, so to speak, horizontal—that is to say, its respective classes stand in the relation of steps, each somewhat less material than that below it, which ascends into it by almost imperceptible degrees; and it is easy to understand how each of these classes may again he divided horizontally [98] into seven, since there are obviously many degrees of density among solids, liquids, and gases.

Điều chúng ta phải cố gắng nhận ra, đó là trong mỗi hạt vật chất rắn, miễn là nó vẫn ở trạng thái đó, đều tồn tại, sử dụng cụm từ sinh động của các học giả thời trung cổ, một hành khí đất—nghĩa là, một lượng nhất định tinh chất hành khí sống phù hợp với nó, trong khi tương tự như vậy trong mỗi hạt vật chất ở trạng thái lỏng, khí hoặc dĩ thái, thì hành khí nước, khí và lửa lần lượt tồn tại. Ta thấy rằng sự phân chia rộng đầu tiên này của giới hành khí thứ ba, có thể nói, là theo chiều ngang—nghĩa là, các lớp tương ứng của nó đứng trong mối quan hệ bậc thang, mỗi lớp ít vật chất hơn lớp bên dưới nó, lớp này đi lên vào lớp kia bằng các mức độ gần như không thể nhận thấy; và thật dễ hiểu làm thế nào mỗi lớp này lại có thể được chia theo chiều ngang thành bảy lớp, vì rõ ràng có nhiều mức độ mật độ khác nhau giữa chất rắn, chất lỏng và chất khí.

There is, however, what may be described as a perpendicular division also, and this is somewhat more difficult to comprehend, especially as great reserve is always maintained by occultists as to some of the facts which would be involved in a fuller explanation of it. Perhaps the clearest way to put what is known on the subject will be to state that in each of the horizontal classes and subclasses will be found seven perfectly distinct types of elemental, the difference between them being no longer a question of

Tuy nhiên, cũng có thứ mà có thể được mô tả là sự phân chia theo chiều dọc, và điều này có phần khó hiểu hơn, đặc biệt là các nhà huyền bí học luôn giữ kín một số sự thật liên quan đến việc giải thích đầy đủ hơn về nó. Có lẽ cách rõ ràng nhất để trình bày những gì được biết về chủ đề này là nói rằng trong mỗi lớp và phân lớp theo chiều ngang sẽ tìm thấy bảy loại hành khí hoàn toàn khác biệt, sự khác biệt giữa chúng không còn là vấn đề mức độ vật chất nữa, mà là đặc điểm và ái lực.

degree of materiality, but rather of character and affinities.

Each of these types so reacts upon the others that, though it is impossible for them ever to interchange their essence, in each of them seven sub-types will be found to exist, distinguished by the colouring given to their original peculiarity by the influence which sways them most readily. It will be seen that this perpendicular division and subdivision differs entirely in its character from the horizontal, in that it is far more permanent and fundamental; for while it is the evolution of the elemental kingdom to pass with almost infinite slowness through [99] its various horizontal classes and sub-classes in succession, and thus to belong to them all in turn, this is not so with regard to the types and sub-types, which remain unchangeable all the way through.

Mỗi loại này phản ứng lẫn nhau đến mức, mặc dù chúng không bao giờ có thể trao đổi tinh chất của mình, nhưng trong mỗi loại, sẽ tìm thấy bảy phân loại phụ tồn tại, được phân biệt bằng màu sắc được 赋予 đặc thù ban đầu của chúng bởi ảnh hưởng chi phối chúng dễ dàng nhất. Ta thấy rằng sự phân chia và phân chia phụ theo chiều dọc này hoàn toàn khác biệt về đặc điểm so với chiều ngang, ở chỗ nó mang tính vĩnh viễn và cơ bản hơn nhiều; vì trong khi sự tiến hóa của giới hành khí là đi qua gần như vô cùng chậm chạp qua các lớp và phân lớp theo chiều ngang khác nhau của nó, và do đó lần lượt thuộc về tất cả chúng, thì điều này không đúng đối với các loại và phân loại phụ, vốn không thay đổi trong suốt quá trình.

A point of which we must never lose sight in endeavouring to understand this elemental evolution is that it is taking place on what is sometimes called the downward curve of the arc; that is to say, it is progressing *towards* the complete entanglement in matter which we witness in the mineral kingdom, instead of *away* from it, as is most other evolution of which we know anything. Thus for it progress means descent into matter instead of ascent towards higher planes; and this fact sometimes gives it a curiously inverted appearance in our eyes until we thoroughly grasp its object. Unless the student bears this constantly and clearly in mind, he will again and again find himself beset by perplexing anomalies.

Một điểm mà chúng ta không bao giờ được bỏ qua khi cố gắng hiểu sự tiến hóa của hành khí này là nó đang diễn ra trên cái đôi khi được gọi là đường cong hướng xuống của cung; nghĩa là, nó đang tiến tới sự vướng mắc hoàn toàn vào vật chất mà chúng ta chứng kiến trong giới kim thạch, thay vì rời xa nó, như hầu hết các sự tiến hóa khác mà chúng ta biết. Do đó, đối với nó, tiến bộ có nghĩa là giáng hạ vào vật chất thay vì thăng lên các cõi cao hơn; và thực tế này đôi khi mang lại cho nó một vẻ ngoài kỳ lạ ngược đời trong mắt chúng ta cho đến khi chúng ta nắm bắt được mục tiêu của nó một cách triệt để. Trừ khi người nghiên cứu liên tục và ghi nhớ điều này một cách rõ ràng, nếu không y sẽ thấy mình bị bủa vây bởi những điều dị thường khó hiểu.

In spite of these manifold subdivisions, there are certain properties which are possessed in common by all varieties of this strange living essence; but even these are so entirely

Bất chấp những phân khu đa dạng này, có một số thuộc tính mà tất cả các loại tinh chất sống kỳ lạ này đều sở hữu; nhưng ngay cả những điều này cũng hoàn toàn khác với bất kỳ điều

different from any with which we are familiar on the physical plane that [100] it is exceedingly difficult to explain them to those who cannot themselves see them in action.

gì mà chúng ta quen thuộc trên cõi hồng trần đến nỗi cực kỳ khó giải thích chúng cho những người không thể tự mình nhìn thấy chúng hoạt động.

Let it be premised, then, that when any portion of this essence remains for a few moments entirely unaffected by any outside influence (a condition, by the way, which is hardly ever realized) it is absolutely without any definite form of its own, though its motion is still rapid and ceaseless; but on the slightest disturbance, set up perhaps by some passing thought-current, it flashes into a bewildering confusion of restless, ever-changing shapes, which form, rush about, and disappear with the rapidity of the bubbles on the surface of boiling water.

Vậy thì, hãy đặt tiền đề rằng khi bất kỳ phần nào của tinh chất này vẫn hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ ảnh hưởng bên ngoài nào trong một vài khoảnh khắc (nhân tiện, một điều kiện hiếm khi được nhận ra), nó hoàn toàn không có bất kỳ hình dạng xác định nào của riêng nó, mặc dù chuyển động của nó vẫn nhanh chóng và không ngừng; nhưng khi có sự xáo trộn nhỏ nhất, có lẽ do một dòng tư tưởng thoáng qua nào đó tạo ra, nó lóe lên thành một mớ hỗn độn rối ren, luôn thay đổi hình dạng, hình thành, lao đi và biến mất với tốc độ của những bong bóng trên bề mặt nước sôi.

These evanescent shapes, though generally those of living creatures of some sort, human or otherwise, no more express the existence of separate entities in the essence than do the equally changeful and multiform waves raised in a few moments on a previously smooth lake by a sudden squall. They seem to be mere reflections from the vast storehouse of the astral plane, yet they have usually a certain appropriateness to the character of the thoughtstream which calls them into existence, though nearly always with some grotesque [101] distortion, some terrifying or unpleasant aspect about them.

Những hình dạng phù du này, mặc dù nhìn chung là hình dạng của một số loại sinh vật sống, dù là con người hay sinh vật khác, nhưng không thể hiện sự tồn tại của các thực thể riêng biệt trong tinh chất giống như những con sóng đa dạng và thay đổi hình dạng không kém được tạo ra trong một vài khoảnh khắc trên một hồ nước trước đó phẳng lặng bởi một cơn gió mạnh bất ngờ. Chúng dường như chỉ là sự phản chiếu từ kho chứa khổng lồ của cõi cảm dục, nhưng chúng thường có một sự phù hợp nhất định với đặc điểm của dòng tư tưởng gọi chúng xuất hiện, mặc dù gần như luôn luôn có một số biến dạng kỳ cục, một số khía cạnh đáng sợ hoặc khó chịu về chúng.

A question naturally arises in the mind here as to what intelligence it is that is exerted in the selection of an appropriate shape or its distortion when selected. We are not dealing with the more powerful and longer-lived artificial elemental created by a strong definite thought, but with the result produced by the stream of halfconscious, involuntary

Một câu hỏi đặt ra một cách tự nhiên trong tâm trí ở đây là trí thông minh nào được sử dụng để lựa chọn một hình dạng phù hợp hoặc sự biến dạng của nó khi được chọn. Chúng ta không đề cập đến hành khí nhân tạo mạnh mẽ hơn và tồn tại lâu hơn được tạo ra bởi một tư tưởng xác định mạnh mẽ, mà là kết quả được tạo ra bởi dòng suy nghĩ nửa tỉnh táo, không

thoughts which the majority of mankind allow to flow idly through their brains. The intelligence, therefore, is obviously not derived from the mind of the thinker; and we certainly cannot credit the elemental essence itself, which belongs to a kingdom further from individualization even than the mineral, with any sort of awakening of the mental quality.

tự nguyện mà đa số nhân loại cho phép chảy trôi nhàn rỗi trong não của họ. Do đó, trí thông minh rõ ràng không bắt nguồn từ tâm trí của người suy nghĩ; và chúng ta chắc chắn không thể tin rằng bản thân tinh chất hành khí, vốn thuộc về một giới xa rời sự biệt ngã hóa hơn cả giới kim thạch, với bất kỳ loại thức tỉnh nào về phẩm chất trí tuệ.

Yet it does possess a marvellous adaptability which often seems to come near it, and it is no doubt this property that caused elementals to be described in one of our early books as “the semi-intelligent creatures of the astral light.” We shall find further evidence of this power when we come to consider the case of the artificial class. When we read of a good or evil elemental, it must always [102] be either an artificial entity or one of the many varieties of nature-spirits that is meant, for the elemental kingdoms proper do not admit of any such conceptions as good and evil.

Tuy nhiên, nó sở hữu một khả năng thích nghi kỳ diệu mà dường như thường gần với nó, và chắc chắn chính thuộc tính này đã khiến các hành khí được mô tả trong một trong những cuốn sách đầu tiên của chúng ta là “những sinh vật bán thông minh của ánh sáng cảm dục”. Chúng ta sẽ tìm thấy bằng chứng khác về sức mạnh này khi xem xét trường hợp của lớp nhân tạo. Khi chúng ta đọc về một hành khí tốt hay xấu, thì phải luôn luôn là một thực thể nhân tạo hoặc một trong nhiều loại thần linh tự nhiên được nhắc đến, vì các giới hành khí thích hợp không thừa nhận bất kỳ quan niệm nào như tốt và xấu.

There is, however, undoubtedly a sort of bias or tendency permeating nearly all their subdivisions which operates to render them rather hostile than friendly towards man. Every neophyte knows this, for in most cases his very first impression of the astral plane is of the presence all around him of vast hosts of protean spectres who advance upon him in threatening guise, but always retire or dissipate harmlessly if boldly faced. It is to this curious tendency that the distorted or unpleasant aspect above mentioned must be referred, and mediæval writers tell us that man has only himself to thank for its existence. In the golden age before this sordid present, men were on the whole less selfish and more spiritual, and then the “elementals” were friendly, though now they are so no longer because of man’s indifference to, and

Tuy nhiên, chắc chắn có một loại thiên kiến hoặc xu hướng thấm nhuần gần hết các phân khu của chúng, khiến chúng trở nên thù địch hơn là thân thiện với con người. Mọi người sơ cơ đều biết điều này, vì trong hầu hết các trường hợp, ấn tượng đầu tiên của y về cõi cảm dục là sự hiện diện xung quanh y của vô số các bóng ma biến hình, tiến tới y trong hình dạng đe dọa, nhưng luôn rút lui hoặc tiêu tan vô hại nếu bị đối mặt một cách dũng cảm. Chính xu hướng kỳ lạ này mà khía cạnh méo mó hoặc khó chịu được đề cập ở trên phải được nhắc đến, và các tác giả thời trung cổ nói với chúng ta rằng con người chỉ có thể tự trách mình vì sự tồn tại của nó. Trong thời đại hoàng kim trước hiện tại tồi tệ này, con người nhìn chung ít ích kỷ và tinh thần hơn, và sau đó "hành khí" đã thân thiện, mặc dù bây giờ chúng không còn như vậy nữa vì sự thờ ơ của con người và

want of sympathy with, other living beings.

thiếu đồng cảm với chúng sinh khác.

From the wonderful delicacy with which the essence responds to the faintest action of our minds or desires, it seems clear that this elemental [103] kingdom as a whole is much what the collective thought of humanity makes it. Any one who will think for a moment how far from elevating the action of that collective thought is likely to be at the present time, will see little reason to wonder that we reap as we have sown, and that this essence, which has no power of perception, but only blindly receives and reflects what is projected upon it, should usually exhibit unfriendly characteristics.

Từ sự tinh tế tuyệt vời mà tinh chất đáp ứng với hành động mờ nhạt nhất của thể trí hoặc ham muốn của chúng ta, rõ ràng là giới hành khí này nói chung là những gì mà tư tưởng tập thể của nhân loại tạo ra. Bất kỳ ai nghĩ trong chốc lát về việc hành động của tư tưởng tập thể đó có thể đi xa đến mức nào vào thời điểm hiện tại, sẽ thấy ít lý do để tự hỏi rằng chúng ta gặt hái những gì chúng ta đã gieo, và tinh chất này, vốn không có khả năng nhận thức, mà chỉ mù quáng tiếp nhận và phản ánh những gì được phóng chiếu lên nó, thường thể hiện các đặc điểm không thân thiện.

There can be no doubt that in later races or rounds, when mankind as a whole has evolved to a much higher level, the elemental kingdoms will be influenced by the changed thought which continually impinges upon them, and we shall find them no longer hostile, but docile and helpful as we are told that the animal kingdom will also be. Whatever may have happened in the past, it is evident that we may look forward to a passable “golden age” in the future, if we can arrive at a time when the majority of men will be noble and unselfish, and the forces of nature will co-operate willingly with them.

Không còn nghi ngờ gì nữa, trong các giống dân hoặc các cuộc tuần hoàn sau này, khi nhân loại nói chung đã tiến hóa đến một cấp độ cao hơn nhiều, các giới hành khí sẽ bị ảnh hưởng bởi tư tưởng thay đổi liên tục tác động đến chúng, và chúng ta sẽ thấy chúng không còn thù địch nữa, mà ngoan ngoãn và hữu ích như chúng ta được cho biết rằng giới động vật cũng sẽ như vậy. Dù điều gì đã xảy ra trong quá khứ, rõ ràng là chúng ta có thể mong đợi một "thời đại hoàng kim" có thể chấp nhận được trong tương lai, nếu chúng ta có thể đạt đến thời điểm mà phần lớn con người sẽ cao quý và vị tha, và các lực lượng của tự nhiên sẽ sẵn sàng hợp tác với họ.

The fact that we are so readily able to influence the elemental kingdoms shows us that we have a responsibility towards them for the manner in [104] which we use that influence. Indeed, when we consider the conditions under which they exist, it is obvious that the effect produced upon them by the thoughts and desires of all intelligent creatures inhabiting the same world with them must have been calculated upon in the scheme of our system as a factor in their

Việc chúng ta có thể dễ dàng ảnh hưởng đến các giới hành khí cho thấy chúng ta có trách nhiệm đối với chúng về cách chúng ta sử dụng ảnh hưởng đó. Thật vậy, khi chúng ta xem xét các điều kiện mà chúng tồn tại, rõ ràng là ảnh hưởng được tạo ra đối với chúng bởi những suy nghĩ và ham muốn của tất cả các sinh vật thông minh sống cùng thế giới với chúng chắc hẳn đã được tính toán trong sơ đồ của hệ thống chúng ta như một yếu tố trong sự tiến hóa của chúng.

evolution.

In spite of the consistent teaching of all the great religions, the mass of mankind is still utterly regardless of its responsibility on the thought-plane; if a man can flatter himself that his words and deeds have been harmless to others, he believes that he has done all that can be required of him, quite oblivious of the fact that he may for years have been exercising a narrowing and debasing influence on the minds of those about him, and filling surrounding space with the unlovely creations of a sordid mind. A still more serious aspect of this question will come before us when we discuss the artificial elemental; but in regard to the essence it will be sufficient to state that we undoubtedly have the power to accelerate or delay its evolution according to the use which, consciously or unconsciously, we are continually making of it. [105]

Mặc dù có sự dạy dỗ nhất quán của tất cả các tôn giáo lớn, nhưng phần lớn nhân loại vẫn hoàn toàn không quan tâm đến trách nhiệm của mình trên cõi tư tưởng; nếu một người có thể tự tâng bốc rằng lời nói và hành động của mình vô hại đối với người khác, y tin rằng mình đã làm tất cả những gì có thể được yêu cầu, hoàn toàn không biết đến sự thật rằng y có thể đã nhiều năm gây ảnh hưởng thu hẹp và hạ thấp đến tâm trí của những người xung quanh, và lấp đầy không gian xung quanh bằng những tạo vật khó ưa của một tâm trí hèn mọn. Một khía cạnh nghiêm trọng hơn của câu hỏi này sẽ đến với chúng ta khi chúng ta thảo luận về hành khí nhân tạo; nhưng đối với tinh chất, sẽ đủ để nói rằng chúng ta chắc chắn có quyền thúc đẩy hoặc trì hoãn sự tiến hóa của nó tùy theo cách sử dụng mà, có ý thức hay vô thức, chúng ta liên tục thực hiện đối với nó.

It would be hopeless within the limits of such a treatise as this to attempt to explain the different uses to which the forces inherent in the manifold varieties of this elemental essence can he put by one who has been trained in their management. The majority of magical ceremonies depend almost entirely upon its manipulation, either directly by the will of the magician, or by some more definite astral entity evoked by him for that purpose.

Trong giới hạn của một luận thuyết như thế này, sẽ là vô vọng khi cố gắng giải thích các công dụng khác nhau mà các lực lượng vốn có trong nhiều loại tinh chất hành khí này có thể được sử dụng bởi một người đã được đào tạo về quản lý chúng. Phần lớn các nghi lễ huyền thuật phụ thuộc gần như hoàn toàn vào việc thao túng nó, trực tiếp bởi ý chí của nhà huyền thuật, hoặc bởi một thực thể cảm dục xác định hơn được y gợi lên cho mục đích đó.

By its means nearly all the physical phenomena of the *séance*-room are produced, and it is also the agent in most cases of stone-throwing or bell-ringing in haunted houses, such results as these latter being brought about either by blundering efforts to attract attention made by some earth-bound human entity, or by the mere mischievous pranks of some of the minor nature-spirits belonging to our third class. But we must never think of the

Bằng phương tiện của nó, gần như tất cả các hiện tượng thể xác của phòng gọi hồn đều được tạo ra, và nó cũng là tác nhân trong hầu hết các trường hợp ném đá hoặc rung chuông trong những ngôi nhà bị ma ám, những kết quả như sau này được tạo ra bởi những nỗ lực vụng về để thu hút sự chú ý của một số thực thể con người bị ràng buộc với trái đất, hoặc bởi những trò đùa tinh quái của một số tiểu tinh linh tự nhiên thuộc lớp thứ ba của chúng

"elemental" as itself a prime mover; it is simply a latent force, which needs an external power to set it in motion.

ta. Nhưng chúng ta không bao giờ được nghĩ về "hành khí" như một động lực chính; nó chỉ đơn giản là một lực tiềm ẩn, cần một sức mạnh bên ngoài để khởi động nó.

Although all classes of the essence have the power of reflecting astral images as described above, there are varieties which receive certain impressions much more readily than others—which have, [106] as it were, favourite forms of their own into which upon disturbance they would naturally flow unless absolutely forced into some other, and such shapes tend to be a trifle less evanescent than usual.

Mặc dù tất cả các lớp tinh chất đều có khả năng phản chiếu hình ảnh cảm dục như đã mô tả ở trên, nhưng có những loại nhận được một số ấn tượng dễ dàng hơn những loại khác—vốn có, như người ta nói, các hình thức ưa thích của riêng chúng mà khi bị xáo trộn, chúng sẽ tự nhiên chảy vào trừ khi bị ép buộc hoàn toàn vào một số hình thức khác, và những hình dạng như vậy có xu hướng ít phù du hơn bình thường.

Before leaving this branch of the subject it may be well to warn the student against the confusion of thought into which some have fallen through failing to distinguish this elemental essence which we have been considering from the monadic essence manifesting through the mineral kingdom. Monadic essence at one stage of its evolution towards humanity manifests through the elemental kingdom, while at a later stage it manifests through the mineral kingdom; but the fact that two bodies of monadic essence at these different stages are in manifestation at the same moment, and that one of these manifestations (the earth elemental) occupies the same space as and inhabits the other (say a rock), in no way interferes with the evolution either of one or the other, nor does it imply any relation between the bodies of monadic essence lying within both.

Trước khi rời khỏi nhánh này của chủ đề, có thể nên cảnh báo người học về sự nhầm lẫn trong suy nghĩ mà một số người đã rơi vào do không phân biệt được tinh chất hành khí này mà chúng ta đã xem xét với tinh chất chân thần biểu hiện qua giới kim thạch. Tinh chất chân thần ở một giai đoạn tiến hóa hướng tới nhân loại biểu hiện qua giới hành khí, trong khi ở giai đoạn sau, nó biểu hiện qua giới kim thạch; nhưng thực tế là hai thể tinh chất chân thần ở những giai đoạn khác nhau này đang biểu hiện cùng một lúc, và một trong những biểu hiện này (hành khí trái đất) chiếm cùng một không gian với và cư trú trong biểu hiện kia (ví dụ như một tảng đá), không can thiệp vào sự tiến hóa của cái này hay cái kia, cũng không ngụ ý bất kỳ mối quan hệ nào giữa các thể tinh chất chân thần nằm trong cả hai.

2. The Astral Bodies of Animals. —2. Thể Cảm Dục của Động Vật.

This is an extremely large class, yet it does not occupy a particularly important position on the astral plane, [107] since its members usually stay there but a short time. The vast majority of animals have not as yet acquired

Đây là một lớp cực kỳ lớn, nhưng nó không chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trên cõi cảm dục, vì các thành viên của nó thường chỉ ở đó trong một thời gian ngắn. Đại đa số động vật vẫn chưa có được sự biệt ngã hóa vĩnh viễn,

permanent individualization, and when one of them dies the monadic essence which has been manifesting through it flows back again into the particular stratum whence it came, bearing with it such advancement or experience as has been attained during that life. It is not, however, able to do this quite immediately; the astral body of the animal rearranges itself just as in man's case, and the animal has a real existence on the astral plane, the length of which, though never great, varies according to the intelligence which it has developed. In most cases it does not seem to be more than dreamily conscious, but appears perfectly happy.

và khi một trong chúng chết đi, tinh chất chân thần vốn đã biểu hiện qua nó lại chảy ngược trở lại tầng cụ thể mà nó đến, mang theo sự tiến bộ hoặc kinh nghiệm đã đạt được trong suốt cuộc đời đó. Tuy nhiên, nó không thể làm điều này ngay lập tức; thể cảm dục của động vật tự sắp xếp lại giống như trong trường hợp của con người, và động vật có sự tồn tại thực sự trên cõi cảm dục, chiều dài của nó, mặc dù không bao giờ lớn, nhưng khác nhau tùy theo trí thông minh mà nó đã phát triển. Trong hầu hết các trường hợp, nó dường như không có ý thức gì hơn là mơ màng, nhưng dường như hoàn toàn hạnh phúc.

The comparatively few domestic animals who have already attained individuality, and will therefore be reborn no more as animals in this world, have a much longer and much more vivid life on the astral plane than their less advanced fellows, and at the end of it sink gradually into a subjective condition, which is likely to last for a very considerable period. One interesting subdivision of this class consists of the astral bodies of those anthropoid apes [108] mentioned in *The Secret Doctrine* (vol. i., p. 184) who are already individualized, and will be ready to take human incarnation in the next round, or perhaps some of them even sooner.

Số lượng tương đối ít động vật nuôi trong nhà đã đạt được cá tính, và do đó sẽ không tái sinh thành động vật trên thế giới này nữa, có cuộc sống lâu hơn và sống động hơn nhiều trên cõi cảm dục so với những đồng loại kém tiến bộ hơn của chúng, và vào cuối đời, chúng dần chìm vào trạng thái chủ quan, có thể kéo dài trong một khoảng thời gian rất đáng kể. Một phân khu thú vị của lớp này bao gồm các thể cảm dục của những loài vượn nhân hình được đề cập trong Giáo Lý Bí Nhiệm (tập i., trang 184) vốn đã được cá nhân hóa và sẽ sẵn sàng đầu thai làm người trong cuộc tuần hoàn tiếp theo, hoặc có lẽ một số trong chúng thậm chí sớm hơn.

3. Nature-Spirits of all Kinds. —3. Các Tinh Linh Tự Nhiên thuộc mọi Loại.

So many and so varied are the subdivisions of this class that to do them anything like justice one would need to devote a separate treatise to this subject alone. Some characteristics, however, they all have in common, and it will be sufficient here to try to give some idea of those.

Các phân khu của lớp này rất nhiều và đa dạng đến nỗi để thực sự công bằng với chúng, người ta cần phải dành riêng một luận thuyết riêng cho chủ đề này. Tuy nhiên, tất cả chúng đều có một số đặc điểm chung, và ở đây sẽ đủ để cố gắng đưa ra một số ý tưởng về những đặc điểm đó.

First we have to realize that we are here dealing with entities which differ radically

Đầu tiên, chúng ta phải nhận ra rằng chúng ta đang đề cập đến các thực thể khác biệt hoàn

from all that we have hitherto considered. Though we may rightly classify the elemental essence and the animal astral bodies as non-human, the monadic essence which ensouls them will, nevertheless, in the fullness of time, evolve to the level of manifesting itself through some future humanity comparable to our own, and if we were able to look back through countless ages on our own evolution in previous world-cycles, we should find that that which is now our casual body has passed on its upward path through similar stages.

toàn với tất cả những gì chúng ta đã xem xét cho đến nay. Mặc dù chúng ta có thể phân loại đúng tinh chất hành khí và thể cảm dục động vật là phi nhân loại, nhưng tinh chất chân thần vốn phú linh cho chúng, theo thời gian, sẽ tiến hóa đến mức tự biểu hiện thông qua một số nhân loại tương lai nào đó tương đương với nhân loại của chúng ta, và nếu chúng ta có thể nhìn lại vô số thời đại về sự tiến hóa của chính mình trong các chu kỳ thế giới trước đó, chúng ta sẽ thấy rằng cái mà bây giờ là thể nguyên nhân của chúng ta đã đi trên con đường tiến hóa của nó qua các giai đoạn tương tự.

That, however, is not the case with the vast kingdom of nature-spirits; they neither have been, [109] nor ever will be, members of a humanity such as ours; their line of evolution is entirely different, and their only connection with us consists in our temporary occupancy of the same planet. Of course since we are neighbours for the time being we owe neighbourly kindness to one another when we happen to meet, but our lines of development differ so widely that each can do but little for the other.

Tuy nhiên, đó không phải là trường hợp của giới tinh linh tự nhiên rộng lớn; chúng chưa bao giờ là, và sẽ không bao giờ là, thành viên của một nhân loại như chúng ta; dòng tiến hóa của chúng hoàn toàn khác, và mối liên hệ duy nhất của chúng với chúng ta bao gồm việc chúng ta tạm thời chiếm giữ cùng một hành tinh. Tất nhiên, vì chúng ta là hàng xóm trong thời điểm hiện tại, chúng ta nợ nhau lòng tốt của hàng xóm khi chúng ta tình cờ gặp nhau, nhưng các dòng phát triển của chúng ta khác nhau rất nhiều đến nỗi mỗi bên chỉ có thể làm được rất ít cho bên kia.

Many writers have included these spirits among the elementals, and indeed they are the elementals (or perhaps, to speak more accurately, the animals) of a higher evolution. Though much more highly developed than our elemental essence, they have yet certain characteristics in common with it; for example, they also are divided into seven great classes, inhabiting respectively the same seven states of matter already mentioned as permeated by the corresponding varieties of the essence. Thus, to take those which are most readily comprehensible to us, there are spirits of the earth, water, air, and fire (or ether)—definite intelligent astral entities

Nhiều tác giả đã xếp các tinh linh này vào nhóm hành khí, và thực sự chúng là hành khí (hoặc có lẽ, nói chính xác hơn là động vật) của một sự tiến hóa cao hơn. Mặc dù phát triển cao hơn nhiều so với tinh chất hành khí của chúng ta, nhưng chúng vẫn có những đặc điểm nhất định chung với nó; ví dụ, chúng cũng được chia thành bảy lớp lớn, lần lượt cư trú trong bảy trạng thái vật chất tương tự đã được đề cập đến khi được thấm nhuần bởi các loại tinh chất tương ứng. Do đó, để lấy những thứ dễ hiểu nhất đối với chúng ta, có các tinh linh của đất, nước, khí và lửa (hoặc dĩ thái)—các thực thể cảm dục thông minh xác định cư trú và hoạt động trong mỗi môi trường đó.

residing and functioning in each of those media.

It may be asked how it is possible for any kind of creature to inhabit the solid substance of a rock, or [110] of the crust of the earth. The answer is that since the nature-spirits are formed of astral matter, the substance of the rock is no hindrance to their motion or their vision, and furthermore physical matter in its solid state is their natural element—that to which they are accustomed and in which they feel at home. The same is true of those who live in water, air, or ether.

In mediæval literature, these earth-spirits are often called gnomes, while the water-spirits are spoken of as undines, the air-spirits as sylphs, and the ether-spirits as salamanders. In popular language they are known by many names—fairies, pixies, elves, brownies, peris, djinns, trolls, satyrs, fauns, kobolds, imps, goblins, good people, etc.—some of these titles being applied only to one variety, and others indiscriminately to all.

Their forms are many and various, but most frequently human in shape and somewhat diminutive in size. Like almost all inhabitants of the astral plane, they are able to assume any appearance at will, but they undoubtedly have definite forms of their own, or perhaps we should rather say favourite forms, which they wear when they have no special object in taking an other. Under [111] ordinary conditions they are not visible to physical sight at all, but they have the power of making themselves so by materialization when they wish to be seen.

There are an immense number of subdivisions or races among them, and individuals differ in

Người ta có thể hỏi làm thế nào bất kỳ loại sinh vật nào có thể sống trong chất rắn của đá, hoặc của vỏ trái đất. Câu trả lời là vì các tinh linh tự nhiên được hình thành từ vật chất cảm dục, nên chất của đá không cản trở chuyển động hoặc tầm nhìn của chúng, và hơn nữa, vật chất hồng trần ở trạng thái rắn là nguyên tố tự nhiên của chúng—nguyên tố mà chúng quen thuộc và cảm thấy như ở nhà. Điều tương tự cũng đúng với những người sống trong nước, khí hoặc dĩ thái.

Trong văn học thời trung cổ, các tinh linh đất này thường được gọi là thần lùn, trong khi các tinh linh nước được gọi là tiên nữ nước, các tinh linh khí là tiên nữ không khí, và các tinh linh dĩ thái là kỳ nhông. Trong ngôn ngữ thông thường, chúng được biết đến với nhiều tên gọi —tiên nữ, yêu tinh, yêu tinh nhỏ, yêu tinh nhà, tiên nữ Ba Tư, thần đèn, quỷ lùn, thần rừng, thần đồng áng, yêu tinh hầm mỏ, quỷ nhỏ, yêu tinh, người tốt, v.v.—một số tên gọi này chỉ được áp dụng cho một loại, và những tên gọi khác được áp dụng bừa bãi cho tất cả.

Hình dạng của chúng rất nhiều và đa dạng, nhưng thường xuyên nhất là hình người và kích thước hơi nhỏ. Giống như hầu hết cư dân của cõi cảm dục, chúng có thể tùy ý xuất hiện dưới bất kỳ hình dạng nào, nhưng chúng chắc chắn có hình dạng xác định của riêng mình, hoặc có lẽ chúng ta nên nói là hình dạng ưa thích, mà chúng mặc khi chúng không có mục đích đặc biệt nào khi mang một hình dạng khác. Trong điều kiện bình thường, chúng hoàn toàn không thể nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng chúng có khả năng tự hiện hình khi chúng muốn được nhìn thấy.

Có vô số phân khu hoặc giống dân trong số chúng, và các cá nhân khác nhau về trí thông

intelligence and disposition precisely as human beings do. The great majority of them apparently prefer to avoid man altogether; his habits and emanations are distasteful to them, and the constant rush of astral currents set up by his restless, ill-regulated desires disturbs and annoys them. On the other hand, instances are not wanting in which nature-spirits have as it were made friends with human beings and offered them such assistance as lay in their power, as in the well-known stories told of the Scotch brownies or of the fire-lighting fairies mentioned in spiritualistic literature. (See *Spirit Workers in the Home Circle*, by Morell Theobald.)

minh và tính cách giống hệt như con người. Phần lớn trong số chúng dường như thích tránh hoàn toàn con người; thói quen và sự phát xạ của y khó chịu đối với chúng, và dòng chảy cảm dục liên tục do những ham muốn bồn chồn, không được kiểm soát của y gây ra làm xáo trộn và làm phiền chúng. Mặt khác, không thiếu những trường hợp mà các tinh linh tự nhiên kết bạn với con người và hỗ trợ họ hết sức có thể, như trong những câu chuyện nổi tiếng được kể về yêu tinh Scotland hoặc về những nàng tiên nhóm lửa được đề cập trong các tài liệu thần linh học. (Xem Người Lao Động Tinh Thần trong Vòng Tròn Gia Đình, của Morell Theobald.)

This helpful attitude, however, is comparatively rare, and in most cases when they come in contact with man they either show indifference or dislike, or else take an impish delight in deceiving him and playing childish tricks upon him. Many a story illustrative of this curious characteristic may [112] be found among the village gossip of the peasantry in almost any lonely mountainous district; and any one who has been in the habit of attending *séances* for physical phenomena will recollect instances of practical joking and silly though usually good-natured horse-play, which almost always indicate the presence of some of the lower orders of the nature-spirits.

Thái độ hữu ích này, tuy nhiên, tương đối hiếm, và trong hầu hết các trường hợp khi chúng tiếp xúc với con người, chúng thể hiện sự thờ ơ hoặc không thích, hoặc tỏ ra thích thú tinh quái trong việc lừa dối người đó và chơi những trò đùa trẻ con với người đó. Nhiều câu chuyện minh họa cho đặc điểm kỳ lạ này có thể [112] được tìm thấy trong những câu chuyện phiếm ở làng quê của nông dân ở hầu hết mọi vùng núi non hẻo lánh; và bất kỳ ai có thói quen tham dự các buổi gọi hồn cho các hiện tượng vật lý sẽ nhớ lại các trường hợp đùa cợt và những trò chơi khăm ngớ ngẩn mặc dù thường có tính chất tốt bụng, mà hầu như luôn cho thấy sự hiện diện của một số bậc thấp hơn của các tinh linh tự nhiên.

They are greatly assisted in their tricks by the wonderful power which they possess of casting a glamour over those who yield themselves to their influence, so that such victims for the time see and hear only what these fairies impress upon them, exactly as the mesmerized subject sees, hears, feels, and believes whatever the magnetizer wishes. The nature-spirits, however, have not the mesmerizer's power of dominating the human will, except in the case of quite

Chúng được hỗ trợ rất nhiều trong các trò lừa bịp của mình bởi sức mạnh kỳ diệu mà chúng sở hữu khi phủ lên những người chịu khuất phục trước ảnh hưởng của chúng một ảo ảnh, để những nạn nhân đó trong thời gian đó chỉ nhìn thấy và nghe thấy những gì các nàng tiên này ghi khắc lên họ, giống hệt như đối tượng bị thôi miên nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy và tin vào bất cứ điều gì mà người thôi miên mong muốn. Tuy nhiên, các tinh linh tự nhiên không có sức mạnh chi phối ý chí con người

unusually weak-minded people, or of those who allow themselves to fall into such a condition of helpless terror that their will is temporarily in abeyance. They cannot go beyond deception of the senses, but of that art they are undoubted masters, and cases are not wanting in which they have cast their glamour over a considerable number of people at once. It is by [113] invoking their aid in the exercise of this peculiar power that some of the most wonderful feats of the Indian jugglers are performed—the entire audience being in fact hallucinated and made to imagine that they see and hear a whole series of events which have not really taken place at all.

của người thôi miên, ngoại trừ trường hợp những người có đầu óc yếu đuối bất thường, hoặc những người tự để mình rơi vào tình trạng kinh hãi đến mức ý chí của họ tạm thời không hoạt động. Chúng không thể vượt ra ngoài sự lừa dối của các giác quan, nhưng chúng chắc chắn là bậc thầy của nghệ thuật đó, và không thiếu các trường hợp chúng đã phủ ảo ảnh của mình lên một số lượng đáng kể người cùng một lúc. Bằng cách [113] cầu khẩn sự trợ giúp của chúng trong việc thực hiện sức mạnh đặc biệt này mà một số màn trình diễn tuyệt vời nhất của các nhà ảo thuật Ấn Độ được thực hiện—toàn bộ khán giả trên thực tế bị ảo giác và được tạo ra để tưởng tượng rằng họ nhìn thấy và nghe thấy toàn bộ một loạt các sự kiện mà thực sự đã không diễn ra chút nào.

We might almost look upon the nature-spirits as a kind of astral humanity, but for the fact that none of them—not even the highest—possesses a permanent reincarnating individuality. Apparently, therefore, one point in which their line of evolution differs from ours is that a much greater proportion of intelligence is developed before permanent individualization takes place; but of the stages through which they have passed, and those through which they have yet to pass, we can know little.

Chúng ta hầu như có thể coi các tinh linh tự nhiên như một loại nhân loại cảm dục, nhưng vì thực tế là không ai trong số chúng—ngay cả những người cao nhất—sở hữu một cá thể luân hồi vĩnh viễn. Do đó, dường như, một điểm mà dòng tiến hóa của chúng khác với chúng ta là một tỷ lệ trí thông minh lớn hơn nhiều được phát triển trước khi cá thể hóa vĩnh viễn diễn ra; nhưng về các giai đoạn mà chúng đã trải qua, và những giai đoạn mà chúng vẫn chưa trải qua, chúng ta có thể biết rất ít.

The life-periods of the different subdivisions vary greatly, some being quite short, others much longer than our human life-times. We stand so entirely outside such a life as theirs that it is impossible for us to understand much about its conditions; but it appears on the whole to be a simple, joyous, irresponsible kind of existence, such as a party of happy children might lead among exceptionally favourable physical surroundings. [114]

Thời kỳ sống của các phân khu khác nhau rất khác nhau, một số khá ngắn, một số khác dài hơn nhiều so với thời gian sống của con người chúng ta. Chúng ta hoàn toàn đứng ngoài cuộc sống như của chúng đến nỗi chúng ta không thể hiểu nhiều về các điều kiện của nó; nhưng nhìn chung, nó dường như là một kiểu tồn tại đơn giản, vui vẻ, vô tư lự, chẳng hạn như một nhóm trẻ em hạnh phúc có thể sống giữa môi trường vật chất đặc biệt thuận lợi. [114]

Though tricky and mischievous, they are rarely malicious unless provoked by some

Mặc dù tinh quái và nghịch ngợm, chúng hiếm khi ác ý trừ khi bị khiêu khích bởi một số sự

unwarrantable intrusion or annoyance; but as a body they also partake to some extent of the universal feeling of distrust for man, and they generally seem inclined to resent somewhat the first appearance of a neophyte on the astral plane, so that he usually makes their acquaintance under some unpleasant or terrifying form. If, however, he declines to be frightened by any of their freaks, they soon accept him as a necessary evil and take no further notice of him, while some among them may even after a time become friendly and manifest pleasure on meeting him.

xâm nhập hoặc quấy rầy vô cớ; nhưng là một tập thể, chúng cũng phần nào chia sẻ cảm giác ngờ vực phổ quát đối với con người, và chúng thường có vẻ hơi bực bội trước sự xuất hiện lần đầu của một người sơ cơ trên cõi cảm dục, do đó y thường làm quen với chúng dưới một số hình thức khó chịu hoặc đáng sợ. Tuy nhiên, nếu y từ chối sợ hãi bởi bất kỳ trò hề nào của chúng, chúng sẽ sớm chấp nhận y như một điều xấu cần thiết và không để ý gì đến y nữa, trong khi một số trong số chúng thậm chí sau một thời gian có thể trở nên thân thiện và thể hiện niềm vui khi gặp y.

Some among the many subdivisions of this class are much less childlike and more dignified than those we have been describing, and it is from these sections that the lower types among the entities who have been reverenced under the name of wood-gods, or local village-gods, have been drawn. Such entities would be quite sensible of the flattery involved in the reverence shown to them, enjoy it, and are usually quite ready to do any small service they can in return. (The village-god is also often an artificial entity, but that variety will be considered in its appropriate place). [115]

Một số trong số nhiều phân khu của lớp này ít trẻ con hơn và trang nghiêm hơn so với những gì chúng ta đã mô tả, và chính từ những phần này mà các loại thấp hơn trong số các thực thể đã được tôn kính dưới cái tên thần rừng, hoặc thần làng địa phương, đã được rút ra. Những thực thể như vậy sẽ khá nhạy cảm với sự tâng bốc liên quan đến sự tôn kính dành cho chúng, tận hưởng điều đó, và thường sẵn sàng làm bất kỳ dịch vụ nhỏ nào mà chúng có thể đáp lại. (Thần làng cũng thường là một thực thể nhân tạo, nhưng loại đó sẽ được xem xét ở vị trí thích hợp của nó). [115]

The Adept knows how to make use of the services of the nature-spirits when he requires them, but the ordinary magician can obtain their assistance only by processes either of invocation or evocation—that is, either by attracting their attention as a suppliant and making some kind of bargain with them, or by endeavouring to set in motion influences which would compel their obedience. Both methods are extremely undesirable, and the latter is also excessively dangerous, as the operator arouses a determined hostility which may easily prove fatal to him. Needless to say, no one studying occultism under a qualified Master would ever be permitted to attempt

Chân sư biết cách sử dụng các dịch vụ của các tinh linh tự nhiên khi Ngài cần chúng, nhưng nhà huyền thuật thông thường chỉ có thể nhận được sự hỗ trợ của chúng bằng các quy trình cầu khẩn hoặc gợi lên—nghĩa là, bằng cách thu hút sự chú ý của chúng như một người cầu xin và thực hiện một số loại giao dịch với chúng, hoặc bằng cách cố gắng thiết lập các ảnh hưởng sẽ buộc chúng phải tuân theo. Cả hai phương pháp đều cực kỳ không mong muốn, và phương pháp thứ hai cũng cực kỳ nguy hiểm, vì người thực hiện khơi dậy sự thù địch kiên quyết có thể dễ dàng gây tử vong cho y. Không cần phải nói, không ai nghiên cứu huyền bí học dưới sự hướng dẫn của một

anything of the kind at all.

Chân sư đủ điều kiện sẽ được phép thử bất cứ điều gì thuộc loại đó cả.

4. The Devas. —4. Các Thiên thần.

The highest system of evolution connected with this earth, so far as we know, is that of the beings whom Hindus call the Devas, who are elsewhere described as Angels, sons of God, etc. They may, in fact, be regarded as a kingdom, lying next above humanity, in the same way as humanity in turn lies next above the animal kingdom, but with this important difference, that while for an animal there is no possibility of evolution (so far as we know) through any kingdom but the human man, when he attains a certain high level, finds [116] various paths of advancement opening before him of which this great Deva evolution is only one.

Hệ thống tiến hóa cao nhất liên quan đến trái đất này, theo như chúng ta biết, là hệ thống của các Đấng mà người Hindu gọi là các Thiên thần, những người được mô tả ở nơi khác là các Thiên Thần, con trai của Thượng đế, v.v. Trên thực tế, chúng có thể được coi là một giới, nằm ngay phía trên nhân loại, giống như nhân loại lần lượt nằm ngay phía trên giới động vật, nhưng với sự khác biệt quan trọng này, đó là trong khi đối với một loài động vật không có khả năng tiến hóa (theo như chúng ta biết) thông qua bất kỳ giới nào ngoài con người, thì khi con người đạt đến một cấp độ cao nhất định, y sẽ tìm thấy [116] nhiều con đường thăng tiến mở ra trước mắt mà sự tiến hóa vĩ đại của Thiên thần này chỉ là một.

In comparison with the sublime renunciation of the Nirmanakaya, the acceptance of this line of evolution is sometimes mentioned in the books as “yielding to the temptation to become a god”, but it must not be inferred from this expression that any shadow of blame attaches to the man who makes this choice. The path which he selects is not the shortest, but it is nevertheless very noble, and if his developed intuition impels him towards it, it is certainly that which is best suited for his capacities. We must never forget that in spiritual as in physical climbing it is not every one who can bear the strain of the steeper path; there may be many for whom what seems the slower way is the only possiblity, and we should indeed be unworthy followers of the great Teachers if we allowed our ignorance to betray us into the slightest thought of disposal towards those whose choice differs from our own.

So với sự từ bỏ cao cả của nirvani, việc chấp nhận dòng tiến hóa này đôi khi được đề cập trong sách là “nhuốm cám dỗ trở thành một vị thần”, nhưng không nên suy ra từ cách diễn đạt này rằng bất kỳ cái bóng nào của sự đổ lỗi gắn liền với người đàn ông đưa ra lựa chọn này. Con đường mà y lựa chọn không phải là ngắn nhất, nhưng tuy nhiên nó rất cao quý, và nếu trực giác phát triển của y thúc đẩy y hướng tới nó, thì chắc chắn đó là con đường phù hợp nhất với năng lực của y. Chúng ta không bao giờ được quên rằng trong việc leo trèo tinh thần cũng như thể chất, không phải ai cũng có thể chịu được sự căng thẳng của con đường dốc hơn; có thể có nhiều người mà con đường dường như chậm hơn là khả năng duy nhất, và chúng ta thực sự sẽ là những người theo dõi không xứng đáng của các Huấn Sư Vĩ Đại nếu chúng ta cho phép sự thiếu hiểu biết của mình phản bội chúng ta vào suy nghĩ nhỏ nhất về sự sắp đặt đối với những người có lựa chọn khác với chúng ta.

However confident ignorance of the difficulties of the future may allow us to feel now, it is impossible for us to tell at this stage what we shall find ourselves able to do when, after many lives of [117] patient striving, we have earned the right to choose our own future; and indeed, even those who "yield to the temptation to become gods" have a sufficiently glorious career before them, as will presently be seen. To avoid possible misunderstanding it may be mentioned *par parenthése* that there is another and entirely evil sense sometimes attached in the books to this phrase of "becoming a god," but in that form it certainly could never be any kind of "temptation" to the developed man, and in any case it is altogether foreign to our present subject.

Cho dù sự thiếu hiểu biết tự tin về những khó khăn của tương lai có thể cho phép chúng ta cảm thấy bây giờ như thế nào, thì chúng ta cũng không thể nói ở giai đoạn này rằng chúng ta sẽ thấy mình có thể làm gì khi, sau nhiều kiếp [117] phấn đấu kiên nhẫn, chúng ta đã có quyền lựa chọn tương lai của chính mình; và thực sự, ngay cả những người "nhuốm cám dỗ trở thành thần" cũng có một sự nghiệp đủ vinh quang trước mắt, như sẽ sớm thấy. Để tránh hiểu lầm có thể xảy ra, có thể đề cập thêm rằng đôi khi có một ý nghĩa khác và hoàn toàn xấu xa gắn liền với cụm từ "trở thành thần" này trong sách, nhưng ở dạng đó, nó chắc chắn không bao giờ có thể là bất kỳ loại "cám dỗ" nào đối với con người phát triển, và trong bất kỳ trường hợp nào, nó hoàn toàn xa lạ với chủ đề hiện tại của chúng ta.

In oriental literature this word "Deva" is frequently used vaguely to mean almost any kind of non-human entity, so that it often includes great divinities on the one hand, and nature-spirits and artificial elementals on the other. Here, however, its use will be restricted to the magnificent evolution which we are now considering.

Trong văn học phương Đông, từ "Thiên thần" này thường được sử dụng một cách mơ hồ để chỉ hầu hết mọi loại thực thể phi nhân loại, do đó nó thường bao gồm các vị thần vĩ đại ở một mặt, và các tinh linh tự nhiên và các hành khí nhân tạo ở mặt khác. Tuy nhiên, ở đây, việc sử dụng nó sẽ bị hạn chế đối với sự tiến hóa tráng lệ mà bây giờ chúng ta đang xem xét.

Though connected with this earth, the Angels are by no means confined to it, for the whole of our present chain of seven worlds is as one world to them, their evolution being through a grand system of seven chains. Their hosts have hitherto been recruited chiefly from other humanities in [118] the solar system, some lower and some higher than ours, since but a very small portion of our own has as yet reached the level at which for us it is possible to join them; but it seems certain that some of their very numerous classes have not passed in their upward progress through any humanity at all comparable to ours.

Mặc dù có liên quan đến trái đất này, nhưng các Thiên Thần không bị giới hạn trong đó, vì toàn bộ chuỗi bảy thế giới hiện tại của chúng ta giống như một thế giới đối với các Ngài, sự tiến hóa của các Ngài thông qua một hệ thống lớn gồm bảy chuỗi. Cho đến nay, các đạo quân của các Ngài chủ yếu được tuyển mộ từ các nhân loại khác trong [118] hệ mặt trời, một số thấp hơn và một số cao hơn chúng ta, vì chỉ một phần rất nhỏ của chúng ta cho đến nay đã đạt đến cấp độ mà chúng ta có thể tham gia cùng các Ngài; nhưng dường như chắc chắn rằng một số lớp rất đông đảo của các Ngài đã không trải qua bất kỳ nhân loại nào có thể so sánh được với chúng ta trong quá trình tiến hóa hướng lên của mình.

It is not possible for us at present to understand much about them, but it is clear that what may be described as the aim of their evolution is considerably higher than ours; that is to say, while the object of our human evolution is to raise the successful portion of humanity to a certain degree of occult development by the end of the seventh round, the object of the angelic evolution is to bring their foremost rank to a much higher level in the corresponding period. For them, as for us, a steeper but shorter path to still more sublime heights lies open to earnest endeavour; but what those heights may be in their case we can only conjecture.

Hiện tại chúng ta không thể hiểu nhiều về các Ngài, nhưng rõ ràng là cái mà có thể được mô tả là mục tiêu tiến hóa của các Ngài cao hơn đáng kể so với chúng ta; nghĩa là, trong khi mục tiêu tiến hóa của loài người chúng ta là nâng phần thành công của nhân loại lên một mức độ phát triển huyền bí nhất định vào cuối vòng thứ bảy, thì mục tiêu của sự tiến hóa của các thiên thần là đưa hàng ngũ hàng đầu của các Ngài lên một cấp độ cao hơn nhiều trong giai đoạn tương ứng. Đối với các Ngài, cũng như đối với chúng ta, một con đường dốc hơn nhưng ngắn hơn dẫn đến những đỉnh cao hơn nữa nằm ở nỗ lực tha thiết; nhưng những đỉnh cao đó có thể là gì trong trường hợp của các Ngài thì chúng ta chỉ có thể phỏng đoán.

It is only the lower fringe of this august body that need be mentioned in connection with our subject of the astral plane. Their three lower great divisions (beginning from the bottom) are generally called Kamadevas, Rupadevas, and Arupadevas [119] respectively. Just as our ordinary body here—the lowest body possible for us—is the physical, so the ordinary body of a Kamadeva is the astral; so that he stands in somewhat the same position as humanity will do when it reaches planet F, and he, living ordinarily in an astral body, goes out of it to higher spheres in a mental vehicle just as we do in an astral body, while to enter the causal body is to him (when sufficiently developed) no greater effort than to use a mind body is to us.

Chỉ có rìa thấp hơn của tập thể cao quý này cần được đề cập liên quan đến chủ đề của chúng ta về cõi cảm dục. Ba phân khu lớn thấp hơn của các Ngài (bắt đầu từ dưới lên) thường được gọi là Kamadevas, Rupadevas và Arupadevas [119] tương ứng. Cũng giống như thể xác thông thường của chúng ta ở đây—thể xác thấp nhất có thể đối với chúng ta—là thể xác, thì thể xác thông thường của một Kamadeva là thể cảm dục; do đó, y đứng ở vị trí gần giống như nhân loại sẽ làm khi nó đến hành tinh F, và y, sống bình thường trong một thể cảm dục, đi ra khỏi nó đến các cõi cao hơn trong một hiện thể trí tuệ giống như chúng ta làm trong một thể cảm dục, trong khi đi vào thể nguyên nhân đối với y (khi được phát triển đầy đủ) không tốn nhiều nỗ lực hơn so với việc sử dụng thể trí đối với chúng ta.

In the same way the Rupadeva's ordinary body is the mental, since his habitat is on the four lower or rupa levels of that plane; while the Arupadeva belongs to the three higher levels, and owns no nearer approach to a body than the causal. But for Rupa and Arupa devas to manifest on the astral plane is an occurrence at least as rare as it is for astral

Theo cách tương tự, thể xác thông thường của Rupadeva là thể trí, vì môi trường sống của y nằm trên bốn cấp độ rupa thấp hơn của cõi đó; trong khi Arupadeva thuộc về ba cấp độ cao hơn, và không sở hữu cách tiếp cận gần hơn với một thể xác nào ngoài thể nguyên nhân. Nhưng đối với các Rupa và Arupa deva, việc biểu hiện trên cõi cảm dục là một sự kiện ít

entities to materialize on this physical plane, so we need do no more than mention them now.

nhất cũng hiếm như đối với các thực thể cảm dục hiện hình trên cõi hồng trần này, vì vậy bây giờ chúng ta không cần làm gì hơn là đề cập đến các Ngài.

As regards the lowest division—the Kamadevas—it would be a mistake to think of all of them as immeasurably superior to ourselves, since some have entered their ranks from humanity in some respects less advanced than our own. The general [120] average among them is much higher than among us, for all that is actively or willfully evil has long been weeded out from their ranks; but they differ widely in disposition, and a really noble, unselfish, spiritually-minded man may well stand higher in the scale of evolution than some of them.

Đối với phân khu thấp nhất—Kamadevas—sẽ là một sai lầm khi nghĩ rằng tất cả các Ngài đều vượt trội hơn chúng ta vô cùng, vì một số đã gia nhập hàng ngũ của các Ngài từ nhân loại ở một số khía cạnh kém tiến bộ hơn chúng ta. Mức [120] trung bình chung của các Ngài cao hơn nhiều so với chúng ta, vì tất cả những gì tích cực hoặc cố ý xấu xa từ lâu đã bị loại bỏ khỏi hàng ngũ của các Ngài; nhưng các Ngài khác nhau rất nhiều về tính cách, và một người đàn ông thực sự cao thượng, vị tha, có tinh thần hướng thượng có thể đứng cao hơn trong thang tiến hóa so với một số người trong số các Ngài.

Their attention can be attracted by certain magical evocations, but the only human will which can dominate theirs is that of a certain high class of Adepts. As a rule they seem scarcely conscious of *us* on our physical plane, but it does now and then happen that one of them becomes aware of some human difficulty which excites his pity, and he perhaps renders some assistance, just as any of us would try to help an animal that we saw in trouble. But it is well understood among them that any interference in human affairs at the present stage is likely to do far more harm than good. Above the Arupadevas there are four other great divisions, and again, above and beyond the angelic kingdom altogether, stand the great hosts of the Planetary Spirits, but the consideration of such glorified beings would be out of place in an essay on the astral plane.

Sự chú ý của các Ngài có thể bị thu hút bởi một số sự gợi lên huyền diệu nhất định, nhưng ý chí con người duy nhất có thể chi phối ý chí của các Ngài là ý chí của một lớp Chân sư cao cấp nhất định. Theo quy luật, các Ngài dường như hầu như không ý thức được về chúng ta trên cõi hồng trần của chúng ta, nhưng đôi khi xảy ra trường hợp một trong số các Ngài nhận thức được một số khó khăn của con người khơi dậy lòng thương xót của Ngài, và có lẽ Ngài sẽ giúp đỡ, giống như bất kỳ ai trong chúng ta sẽ cố gắng giúp đỡ một con vật mà chúng ta thấy gặp khó khăn. Nhưng các Ngài đều hiểu rõ rằng bất kỳ sự can thiệp nào vào công việc của con người ở giai đoạn hiện tại đều có thể gây hại nhiều hơn lợi. Trên các Arupadeva có bốn phân khu lớn khác, và một lần nữa, trên và vượt ra ngoài toàn bộ giới thiên thần, là các đạo quân vĩ đại của các Tinh Linh Hành Tinh, nhưng việc xem xét những Đấng vinh quang như vậy sẽ không phù hợp trong một bài luận về cõi cảm dục.

Though we cannot claim them as belonging

Mặc dù chúng ta không thể khẳng định các

exactly to any of our classes, this is perhaps the [121] best place in which to mention those wonderful and important beings, the four Devarajas. In this name the word Deva must not, however, be taken in the sense in which we have been using it, for it is not over the Deva kingdom, but over the four, "elements" of earth, water, air, and fire, with their indwelling naturespirits and essences, that these four Kings rule. What the evolution has been through which they rose to their present height of power and wisdom we cannot tell, save only that it does not seem to have passed through anything corresponding to our own humanity.

Ngài thuộc về bất kỳ lớp nào trong số các lớp của chúng ta, nhưng đây có lẽ là [121] nơi tốt nhất để đề cập đến những Đấng tuyệt vời và quan trọng đó, bốn vị Devarajas. Tuy nhiên, trong tên gọi này, từ Deva không được hiểu theo nghĩa mà chúng ta đã sử dụng, vì nó không phải cai quản giới Thiên thần, mà là bốn "nguyên tố" đất, nước, khí và lửa, với các tinh linh tự nhiên và tinh chất bên trong của chúng, mà bốn vị Vua này cai trị. Sự tiến hóa mà các Ngài đã trải qua để vươn lên tầm cao hiện tại về quyền năng và trí tuệ mà chúng ta không thể nói, chỉ lưu ý rằng nó dường như đã không trải qua bất cứ điều gì tương ứng với nhân loại của chúng ta.

They are often described as the Regents of the Earth, or Angels of the four cardinal points, and the Hindu books call them the Chatur Maharajas, giving their names as Dhritarashtra, Virudhaka, Virupaksha, and Vaishravana. In the same books their elemental hosts are called Gandharvas, Kumbhandas, Nagas, and Yakshas respectively, the points of the compass appropriated to each being in corresponding order east, south, west, and north, and their symbolical colours, white, blue, red, and gold. They are mentioned in *The Secret Doctrine* as "winged globes and fiery wheels"; and in the Christian bible Ezekiel makes a remarkable attempt [122] at a description of them in which similar words are used. References to them are to be found in the symbology of every religion, and they have always been held in the highest reverence as the protectors of mankind.

Các Ngài thường được mô tả là các Nhiếp Chính của Trái Đất, hoặc các Thiên Thần của bốn điểm chính, và các sách Hindu gọi Các Ngài là Chatur Maharajas, đặt tên cho Các Ngài là Dhritarashtra, Virudhaka, Virupaksha và Vaishravana. Trong cùng các sách đó, các đạo quân hành khí của Các Ngài được gọi tương ứng là Gandharvas, Kumbhandas, Nagas và Yakshas, các điểm la bàn được gán cho mỗi Đấng theo thứ tự tương ứng là đông, nam, tây và bắc, và màu sắc tượng trưng của Các Ngài là trắng, xanh lam, đỏ và vàng. Các Ngài được đề cập trong Giáo Lý Bí Nhiệm là "các quả cầu có cánh và bánh xe lửa"; và trong kinh thánh Cơ đốc giáo, Ezekiel đã thực hiện một nỗ lực đáng chú ý [122] để mô tả Các Ngài, trong đó sử dụng các từ tương tự. Có thể tìm thấy các tham chiếu đến Các Ngài trong biểu tượng của mọi tôn giáo, và Các Ngài luôn được tôn kính nhất là những người bảo vệ nhân loại.

It is they who are the agents of man's karma during his life on earth, and they thus play an extremely important part in human destiny. The great karmic deities of the Kosmos (called in *The Secret Doctrine* the Lipika) weigh the deeds of each personality when the final

Chính Các Ngài là tác nhân của nghiệp quả của con người trong suốt cuộc đời y trên trái đất, và do đó Các Ngài đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong vận mệnh con người. Các vị thần nghiệp quả vĩ đại của Vũ Trụ (được gọi trong Giáo Lý Bí Nhiệm là Lipika) cân nhắc các

separation of its principles takes place at the end of its astral life, and give as it were the mould of an etheric double exactly suitable to its karma for the man s next birth; but it is the Devarajas who, having command of the “elements” of which that etheric double must be composed, arrange their proportion so as to fulfil accurately the intention of the Lipika.

hành động của mỗi phàm ngã khi sự phân tách cuối cùng các nguyên khí của nó diễn ra vào cuối cuộc sống cảm dục của nó, và đưa ra khuôn mẫu của một thể dĩ thái kép hoàn toàn phù hợp với nghiệp quả của người đó cho lần sinh tiếp theo; nhưng chính các Devarajas, vốn có quyền chỉ huy các "nguyên tố" mà thể dĩ thái kép đó phải được cấu tạo nên, sắp xếp tỷ lệ của chúng sao cho hoàn thành chính xác ý định của Lipika.

It is they also who constantly watch all through life to counterbalance the changes perpetually being introduced into man’s condition by his own free will and that of those around him, so that no injustice may be done, and karma may be accurately worked out, if not in one way then in another. A learned dissertation upon these marvellous beings will be [123] found in *The Secret Doctrine,* vol. i., pp. 180-186. They are able to take human material forms at will, and several cases are recorded when they have done so.

Chính Các Ngài cũng liên tục theo dõi suốt cuộc đời để cân bằng những thay đổi liên tục được đưa vào điều kiện của con người bởi ý chí tự do của chính y và những người xung quanh y, để không có bất công nào xảy ra, và nghiệp quả có thể được thực hiện một cách chính xác, nếu không theo cách này thì theo cách khác. Một luận án uyên bác về những Đấng kỳ diệu này sẽ được [123] tìm thấy trong Giáo Lý Bí Nhiệm, tập i., trang 180-186. Các Ngài có thể tùy ý mang hình dạng vật chất của con người, và một số trường hợp được ghi lại khi Các Ngài đã làm như vậy.

All the higher nature-spirits and hosts of artificial elementals act as their agents in the stupendous work they carry out, yet all the threads are in their hands, and the whole responsibility rests upon them alone. It is not often that they manifest upon the astral plane, but when they do they are certainly the most remarkable of its non-human inhabitants. A student of occultism will not need to be told that as there are seven great classes both of nature-spirits and elemental essence there must really be seven and not four Devarajas, but outside the circle of Initiation little is known and less may be said of the higher three.

Tất cả các tinh linh tự nhiên cao hơn và các đạo quân hành khí nhân tạo hoạt động như những tác nhân của Các Ngài trong công việc vĩ đại mà Các Ngài thực hiện, nhưng tất cả các sợi dây đều nằm trong tay Các Ngài, và toàn bộ trách nhiệm thuộc về riêng Các Ngài. Các Ngài không thường xuyên biểu hiện trên cõi cảm dục, nhưng khi Các Ngài làm vậy, chắc chắn Các Ngài là những cư dân phi nhân loại đáng chú ý nhất của cõi đó. Một nhà huyền bí học sẽ không cần phải được cho biết rằng vì có bảy lớp lớn của cả tinh linh tự nhiên và tinh chất hành khí nên thực sự phải có bảy chứ không phải bốn Devarajas, nhưng bên ngoài vòng Điểm Đạo, người ta biết rất ít và có thể nói ít hơn về ba Đấng cao hơn.

III. ARTIFICIAL —III. NHÂN TẠO

This, the largest class of astral entities, is also much the most important to man. Being entirely his own creation, it is inter-related with him by the closest karmic bonds, and its action upon him is direct and incessant. It is an enormous inchoate [124] mass of semi-intelligent entities, differing among themselves as human thoughts differ, and practically incapable of anything like classification or arrangement. The only division which can be usefully made is that which distinguishes between the artificial elementals made by the majority of mankind unconsciously, and those made by magicians with definite intent; while we may relegate to a third class the small number of artificially arranged entities which are not elementals at all.

Đây là lớp thực thể cảm dục lớn nhất, cũng là lớp quan trọng nhất đối với con người. Hoàn toàn là tạo vật của riêng y, nó có quan hệ mật thiết với y bởi các ràng buộc nghiệp quả chặt chẽ nhất, và tác động của nó lên y là trực tiếp và không ngừng. Nó là một khối lượng khổng lồ [124] của các thực thể bán thông minh, khác nhau giữa chúng như những suy nghĩ của con người khác nhau, và thực tế không có khả năng phân loại hay sắp xếp. Sự phân chia duy nhất có thể được thực hiện một cách hữu ích là sự phân biệt giữa các hành khí nhân tạo được tạo ra bởi phần lớn nhân loại một cách vô thức, và những hành khí được tạo ra bởi các nhà huyền thuật với ý định rõ ràng; trong khi chúng ta có thể xếp vào loại thứ ba một số lượng nhỏ các thực thể được sắp xếp nhân tạo vốn hoàn toàn không phải là hành khí.

Elementals formed unconsciously. —Các hành khí được hình thành một cách vô thức.

I have explained that the elemental essence which surrounds us on every side is in all its numberless varieties singularly susceptible to the influence of human thought. The action of the mere casual wandering thought upon it, causing it to burst into a cloud of rapidly-moving, evanescent forms, has been described; we have now to note how it is affected when the human mind formulates a definite, purposeful thought or wish.

Tôi đã giải thích rằng tinh chất hành khí bao quanh chúng ta ở mọi phía, trong tất cả các dạng vô số của nó, đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi tư tưởng của con người. Tác động của những suy nghĩ lang thang tình cờ lên nó, khiến nó bùng nổ thành một đám mây gồm các hình dạng biến đổi nhanh chóng, phù du, đã được mô tả; bây giờ chúng ta phải lưu ý cách nó bị ảnh hưởng khi thể trí của con người hình thành một suy nghĩ hoặc mong muốn có mục đích, xác định.

The effect produced is of the most striking nature. The thought seizes upon the plastic essence, and moulds it instantly into a living being of appropriate form—a being which when once thus created is in no way under the control of its creator, but [125] lives out a life of its own, the length of which is proportionate to the intensity of the thought or wish which called it into existence. It lasts,

Hiệu ứng được tạo ra có bản chất nổi bật nhất. Suy nghĩ nắm bắt lấy tinh chất dẻo, và ngay lập tức đúc kết nó thành một sinh vật sống có hình dạng phù hợp—một sinh vật mà một khi được tạo ra như vậy thì không bị kiểm soát bởi người tạo ra nó, mà [125] sống một cuộc sống của riêng nó, độ dài của nó tỷ lệ thuận với cường độ của suy nghĩ hoặc mong muốn đã gọi nó vào sự tồn tại. Trên thực tế, nó tồn tại miễn

in fact, just as long as the thought-force holds it together. Most people's thoughts are so fleeting and indecisive that the elementals created by them last only a few minutes or a few hours, but an often-repeated thought or an earnest wish will form an elemental whose existence may extend to many days.

là lực lượng tư tưởng giữ nó lại với nhau. Suy nghĩ của hầu hết mọi người rất thoáng qua và thiếu quyết đoán đến nỗi các hành khí được tạo ra bởi chúng chỉ tồn tại trong vài phút hoặc vài giờ, nhưng một suy nghĩ lặp đi lặp lại thường xuyên hoặc một mong muốn tha thiết sẽ hình thành một hành khí mà sự tồn tại của nó có thể kéo dài đến nhiều ngày.

Since the ordinary man's thoughts refer largely to himself, the elementals which they form remain hovering about him, and constantly tend to provoke a repetition of the idea which they represent, since such repetitions, instead of forming new elementals, strengthen that already in existence, and give it a fresh lease of life. A man, therefore, who frequently dwells upon one wish often forms for himself an astral attendant which, constantly fed by fresh thought, may haunt him for years, ever gaining more and more strength and influence over him; and it will easily be seen that if the desire be evil the effect upon his moral nature may be of a disastrous character.

Vì suy nghĩ của người bình thường phần lớn đề cập đến bản thân y, nên các hành khí mà chúng hình thành vẫn lơ lửng quanh y, và liên tục có xu hướng kích động sự lặp lại của ý tưởng mà chúng đại diện, vì những sự lặp lại như vậy, thay vì hình thành các hành khí mới, lại củng cố hành khí đã tồn tại, và cho nó một sự sống mới. Do đó, một người thường xuyên nghĩ về một mong muốn thường tự tạo cho mình một người hầu cảm dục, liên tục được nuôi dưỡng bởi những suy nghĩ mới mẻ, có thể ám ảnh y trong nhiều năm, ngày càng có thêm sức mạnh và ảnh hưởng đối với y; và sẽ dễ dàng nhận thấy rằng nếu ham muốn là xấu xa thì ảnh hưởng đến bản chất đạo đức của y có thể mang tính chất tai hại.

Still more pregnant of result for good or evil are a man's thoughts about other people, for, in that [126] case they hover not about the thinker, but about the object of the thought. A kindly thought about any person, or an earnest wish for his good, forms and projects towards him a friendly, artificial elemental. If the wish be definite, as, for example, that he may recover from some sickness, then the elemental will be a force ever hovering over him to promote his recovery, or to ward off any influence that might tend to hinder it. In doing this it will display, what appears like a very considerable amount of intelligence and adaptability, though really it is a force acting along the line of least resistance—pressing steadily in one direction all the time, and taking advantage of any channel that it can

Tuy nhiên, kết quả của những suy nghĩ của một người về người khác còn quan trọng hơn đối với thiện hoặc ác, vì trong trường hợp đó, chúng không lơ lửng quanh người suy nghĩ, mà lơ lửng quanh đối tượng của suy nghĩ. Một suy nghĩ tử tế về bất kỳ người nào, hoặc một mong muốn tha thiết cho điều tốt của y, hình thành và hướng tới y một hành khí nhân tạo thân thiện. Nếu mong muốn là xác định, ví dụ, rằng y có thể khỏi bệnh, thì hành khí sẽ là một lực lượng luôn lơ lửng trên y để thúc đẩy sự hồi phục của y, hoặc để tránh bất kỳ ảnh hưởng nào có thể cản trở nó. Khi làm điều này, nó sẽ thể hiện những gì có vẻ như một lượng trí thông minh và khả năng thích ứng rất đáng kể, mặc dù thực sự nó là một lực lượng hoạt động dọc theo con đường ít trở ngại nhất — liên tục ép theo một hướng mọi lúc, và tận

find, as the water in a cistern would in a moment find the one open pipe among a dozen closed, and proceed to empty itself through that.

dụng bất kỳ kênh nào mà nó có thể tìm thấy, như nước trong bể chứa sẽ ngay lập tức tìm thấy một đường ống mở trong số hàng tá đường ống đóng, và tiến hành tự đổ qua đó.

If the wish be merely indefinite, for his general good, the elemental essence in its wonderful plasticity will respond exactly to that less distinct idea also, and the creature formed will expend its force in the direction of whatever action for the man's advantage comes most readily to hand. In all cases the amount of such force which it has to expend, and the length of time that it will live to expend it, [127] depend entirely upon the strength of the original wish or thought which gave it birth; though it must be remembered that it can be, as it were, fed and strengthened, and its life-period protracted by other good wishes or friendly thoughts projected in the same direction.

Nếu mong muốn chỉ là không xác định, vì lợi ích chung của y, thì tinh chất hành khí trong tính dẻo tuyệt vời của nó cũng sẽ đáp ứng chính xác ý tưởng ít rõ ràng đó, và sinh vật được hình thành sẽ tiêu hao lực lượng của nó theo hướng bất kỳ hành động nào có lợi cho người đó nhất. Trong mọi trường hợp, lượng lực mà nó phải tiêu hao, và khoảng thời gian mà nó sẽ sống để tiêu hao nó, [127] hoàn toàn phụ thuộc vào sức mạnh của mong muốn hoặc suy nghĩ ban đầu đã sinh ra nó; mặc dù phải nhớ rằng nó có thể được, như nó vốn vậy, được nuôi dưỡng và củng cố, và thời gian sống của nó được kéo dài bởi những mong muốn tốt đẹp khác hoặc những suy nghĩ thân thiện được phóng chiếu theo cùng một hướng.

Furthermore, it appears to be actuated, like most other beings, by an instinctive desire to prolong its life, and thus reacts on its creator as a force constantly tending to provoke the renewal of the feeling which called it into existence. It also influences in a similar manner others with whom it comes into contact, though its *rapport* with them is naturally not so perfect.

Hơn nữa, nó dường như được kích hoạt, giống như hầu hết các sinh vật khác, bởi mong muốn bản năng là kéo dài sự sống của nó, và do đó phản ứng lại người tạo ra nó như một lực lượng liên tục có xu hướng kích động sự đổi mới cảm giác đã gọi nó vào sự tồn tại. Nó cũng ảnh hưởng theo cách tương tự đến những người khác mà nó tiếp xúc, mặc dù mối quan hệ của nó với họ đương nhiên không hoàn hảo như vậy.

All that has been said as to the effect of good wishes and friendly thoughts is also true in the opposite direction of evil wishes and angry thoughts; and considering the amount of envy, hatred, malice, and all uncharitableness that exists in the world, it will be readily understood that among the artificial elementals many terrible creatures are to be seen. A man whose thoughts or desires are spiteful, brutal, sensual, avaricious, moves through the world carrying with him

Tất cả những gì đã nói về ảnh hưởng của những mong muốn tốt đẹp và những suy nghĩ thân thiện cũng đúng theo hướng ngược lại của những mong muốn xấu xa và những suy nghĩ giận dữ; và xem xét mức độ ghen tị, thù hận, ác ý và tất cả những điều bất chính tồn tại trên thế giới, sẽ dễ dàng hiểu rằng trong số các hành khí nhân tạo, có thể thấy nhiều sinh vật khủng khiếp. Một người có suy nghĩ hoặc ham muốn ác độc, tàn bạo, dâm dục, tham lam, di chuyển khắp thế giới mang theo mình khắp

everywhere a pestiferous atmosphere of his own, peopled with the loathsome beings which [128] he has created to be his companions. Thus he is not only in sadly evil case himself, but is a dangerous nuisance to his fellowmen, subjecting all who have the misfortune to come into contact with him to the risk of moral contagion from the influence of the abominations with which he chooses to surround himself.

nơi một bầu không khí độc hại của riêng mình, nơi sinh sống của những sinh vật ghê tởm [128] mà y đã tạo ra để làm bạn đồng hành của mình. Do đó, y không chỉ tự mình rơi vào trường hợp xấu xa đáng buồn, mà còn là một mối phiền toái nguy hiểm cho đồng loại của mình, khiến tất cả những ai không may tiếp xúc với y có nguy cơ lây nhiễm đạo đức từ ảnh hưởng của những điều ghê tởm mà y chọn để bao quanh mình.

A feeling of envious or jealous hatred towards another person sends an evil elemental to hover over him and seek for a weak point through which it can operate; and if the feeling be persistent, such a creature may be continually nourished by it and thereby enabled to protract its undesirable activity for a long period. It can, however, produce no effect upon the person towards whom it is directed unless he has himself some tendency which it can foster—some fulcrum for its lever, as it were. From the aura of a man of pure thought and good life all such influences at once rebound, finding nothing upon which they can fasten, and in that case, by a curious law, they react in all their force upon their original creator. In him by the hypothesis they find a congenial sphere of action, and thus the karma of his evil wish works itself out at once by means of the very entity which he himself has called into existence. [129]

Một cảm giác thù hận ghen tị hoặc đố kỵ đối với người khác sẽ gửi một hành khí xấu xa lơ lửng trên y và tìm kiếm điểm yếu mà nó có thể tác động; và nếu cảm giác đó dai dẳng, một sinh vật như vậy có thể liên tục được nuôi dưỡng bởi nó và do đó có thể kéo dài hoạt động không mong muốn của nó trong một thời gian dài. Tuy nhiên, nó không thể tạo ra bất kỳ ảnh hưởng nào đối với người mà nó nhắm tới trừ khi chính y có một số xu hướng mà nó có thể nuôi dưỡng — một điểm tựa cho đòn bẩy của nó. Từ hào quang của một người có suy nghĩ thuần khiết và cuộc sống tốt đẹp, tất cả những ảnh hưởng như vậy ngay lập tức bật trở lại, không tìm thấy gì mà chúng có thể bám vào, và trong trường hợp đó, bởi một định luật kỳ lạ, chúng phản ứng lại với tất cả sức mạnh của chúng lên người tạo ra ban đầu. Trong y, theo giả thuyết, chúng tìm thấy một phạm vi hoạt động phù hợp, và do đó nghiệp quả của mong muốn xấu xa của y tự nó hoạt động ngay lập tức thông qua chính thực thể mà y đã gọi vào sự tồn tại. [129]

It occasionally happens, however, that an artificial elemental of this description is for various reasons unable to expend its force either upon its object or its creator, and in such cases it becomes a kind of wandering demon. It is readily attracted by any person who indulges in feelings similar to that which gave it birth, and equally prepared either to stimulate such feelings in him for the sake of

Tuy nhiên, đôi khi xảy ra trường hợp một hành khí nhân tạo thuộc loại này vì nhiều lý do khác nhau mà không thể tiêu hao lực lượng của nó lên đối tượng hoặc người tạo ra nó, và trong những trường hợp như vậy, nó trở thành một loại quỷ lang thang. Nó dễ dàng bị thu hút bởi bất kỳ người nào có cảm giác tương tự như cảm giác đã sinh ra nó, và sẵn sàng kích thích những cảm giác như vậy trong y vì sức mạnh

the strength it may gain from them, or to pour out its store of evil influence upon him through any opening which he may offer it. If it is sufficiently powerful to seize upon and inhabit some passing shell it frequently does so, as the possession of such a temporary home enables it to husband its dreadful resources more carefully. In this form it may manifest through a medium, and by masquerading as some well-known friend may sometimes obtain an influence over people upon whom it would otherwise have little hold.

mà nó có thể đạt được từ chúng, hoặc trút hết ảnh hưởng xấu xa của nó lên y thông qua bất kỳ khe hở nào mà y có thể tạo ra cho nó. Nếu nó đủ mạnh để nắm bắt và sống trong một lớp vỏ nào đó, nó thường làm như vậy, vì việc sở hữu một ngôi nhà tạm thời như vậy cho phép nó quản lý các nguồn lực khủng khiếp của mình cẩn thận hơn. Ở dạng này, nó có thể biểu hiện thông qua một trung gian, và bằng cách giả dạng thành một người bạn nổi tiếng nào đó, đôi khi nó có thể có được ảnh hưởng đối với những người mà nếu không thì nó sẽ ít có ảnh hưởng.

What is written above will serve to enforce the statement already made as to the importance of maintaining a strict control over our thoughts. Many a well-meaning man, who is scrupulously careful to do his duty towards his neighbour in word and deed, is apt to consider that his thoughts [130] at least are nobody's business but his own, and so lets them run riot in various directions, utterly unconscious of the swarms of baleful creatures which he is launching upon the world.

Những gì được viết ở trên sẽ dùng để củng cố tuyên bố đã được đưa ra về tầm quan trọng của việc duy trì sự kiểm soát chặt chẽ đối với suy nghĩ của chúng ta. Nhiều người có ý tốt, vốn rất cẩn thận làm tròn bổn phận của mình đối với người láng giềng bằng lời nói và hành động, có xu hướng cho rằng ít nhất suy nghĩ của y không phải là việc của ai khác ngoài việc của chính y, và vì vậy hãy để chúng chạy loạn theo nhiều hướng khác nhau, hoàn toàn không ý thức được bầy đàn sinh vật độc ác mà y đang phóng ra thế giới.

To such a man an accurate comprehension of the effect of thought and desire in producing artificial elementals would come as a horrifying revelation; on the other hand, it would be the greatest consolation to many devoted and grateful souls who are oppressed with the feeling that they are unable to do anything in return for the kindness lavished upon them by their benefactors. For friendly thoughts and earnest good wishes are as easily and as effectually formulated by the poorest as by the richest, and it is within the power of almost any man, if he will take the trouble, to maintain what is practically a good angel always at the side of the brother or sister, the friend or the child, whom he loves best, no matter in what part of the world he may be.

Đối với một người như vậy, việc hiểu chính xác ảnh hưởng của suy nghĩ và ham muốn trong việc tạo ra các hành khí nhân tạo sẽ là một tiết lộ kinh hoàng; mặt khác, đó sẽ là niềm an ủi lớn nhất đối với nhiều linh hồn tận tụy và biết ơn, những người bị áp bức bởi cảm giác rằng họ không thể làm bất cứ điều gì để đáp lại lòng tốt mà các ân nhân của họ dành cho. Bởi vì những suy nghĩ thân thiện và những mong muốn tốt đẹp tha thiết được hình thành dễ dàng và hiệu quả bởi người nghèo nhất cũng như người giàu nhất, và hầu hết mọi người đều có quyền, nếu y chịu khó, duy trì những gì thực tế là một thiên thần tốt luôn ở bên cạnh người anh hoặc chị em, người bạn hoặc đứa trẻ mà y yêu thương nhất, bất kể y có thể ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Many a time a mother's loving thoughts and prayers have formed themselves into an angel guardian for the child, and except in the almost impossible case that the child had in him no instinct responsive to a good influence, have undoubtedly given him assistance and protection. [131] Such guardians may often be seen by clairvoyant vision, and there have even been cases in which one of them has had sufficient strength to materialize and become for the moment visible to physical sight.

Nhiều lần, những suy nghĩ và lời cầu nguyện yêu thương của một người mẹ đã tự hình thành thành một thiên thần hộ mệnh cho đứa trẻ, và ngoại trừ trường hợp gần như không thể là đứa trẻ không có bản năng đáp lại ảnh hưởng tốt, chắc chắn đã hỗ trợ và bảo vệ nó. [131] Những người bảo vệ như vậy thường có thể được nhìn thấy bằng tầm nhìn thông nhãn, và thậm chí đã có những trường hợp một trong số họ có đủ sức mạnh để hiện hình và trở nên hữu hình trong giây lát đối với thị giác hồng trần.

A curious fact which deserves mention here is that even after the passage of the mother into the heaven-world the love which she pours out upon the children whom she imagines as surrounding her, will react upon those children though they are still living in this world, and will often support the guardian elemental which she created while on earth, until those children themselves pass away in turn. As Madame Blavatsky remarks, "her love will always be felt by the children in the flesh; it will manifest in their dreams and often in various events, in providential protections and escapes—for love is a strong shield, and is not limited by space or time" *(Key to Theosophy,* 116). All the stories of the intervention of guardian Angels must not, however, be attributed to the action of artificial elementals, for in many cases such "angels" have been either living or recently departed human beings, and they have also occasionally, though rarely, been Devas. (See *Invisible Helpers,* p. 31). [132]

Một sự thật kỳ lạ đáng được đề cập ở đây là ngay cả sau khi người mẹ qua đời về cõi thiên giới, tình yêu thương mà bà dành cho những đứa con mà bà tưởng tượng đang vây quanh mình sẽ tác động đến những đứa trẻ đó mặc dù chúng vẫn đang sống trong thế giới này, và thường sẽ hỗ trợ cho tinh linh hộ mệnh mà bà đã tạo ra khi còn sống trên trái đất, cho đến khi những đứa trẻ đó lần lượt qua đời. Như Bà Blavatsky nhận xét, "tình yêu thương của bà sẽ luôn được cảm nhận bởi những đứa con trong xác thịt; nó sẽ biểu hiện trong giấc mơ của chúng và thường trong nhiều sự kiện khác nhau, trong sự che chở và thoát hiểm kỳ diệu —vì tình yêu thương là một tấm lá chắn mạnh mẽ, và không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian" (Chìa Khóa Thông Thiên Học, 116). Tuy nhiên, không phải tất cả những câu chuyện về sự can thiệp của các Thiên Thần hộ mệnh đều được cho là do hành động của các tinh linh nhân tạo, vì trong nhiều trường hợp, những "thiên thần" như vậy là những con người đang sống hoặc mới qua đời gần đây, và đôi khi, mặc dù hiếm khi, chúng là các Chân Thần. (Xem Những Người Giúp Đỡ Vô Hình, trang 31). [132]

This power of an earnest desire, especially if frequently repeated, to create an active elemental which ever passes forcefully in the direction of its own fulfillment, is the

Sức mạnh của một khát vọng tha thiết, đặc biệt nếu được lặp đi lặp lại thường xuyên, để tạo ra một tinh linh hoạt động luôn mạnh mẽ hướng tới sự hoàn thành của chính nó, là lời

scientific explanation of what devout but unphilosophical people describe as answers to prayer. There are occasions, though at present these are rare, when the karma of the person so praying is such as to permit of assistance being directly rendered to him by an Adept or his pupil, and there is also the still rarer possibility of the intervention of a Deva or some friendly nature-spirit; but in all these cases the easiest and most obvious form for such assistance to take would be the strengthening and the intelligent direction of the elemental already formed by the wish.

giải thích khoa học cho những gì mà những người sùng đạo nhưng không am hiểu triết học mô tả là sự đáp ứng lời cầu nguyện. Có những trường hợp, mặc dù hiện tại rất hiếm, khi nghiệp quả của người cầu nguyện cho phép một Chân Sư hoặc đệ tử của Ngài trực tiếp hỗ trợ y, và cũng có khả năng hiếm hoi hơn nữa là sự can thiệp của một Chân Thần hoặc một số thần linh tự nhiên thân thiện; nhưng trong tất cả những trường hợp này, hình thức dễ dàng và rõ ràng nhất cho sự hỗ trợ như vậy là củng cố và định hướng thông minh cho tinh linh đã được hình thành bởi mong muốn.

A curious and instructive instance of the extreme persistence of these artificial elementals under favourable circumstances came some time ago under the notice of one of our investigators. All readers of the literature of such subjects are aware that many of our ancient families are supposed to have associated with them a traditional death-warning—a phenomenon of one kind or another which foretells, usually some days beforehand, the approaching decease of the head of the house. [133] A picturesque example of this is the well-known story of the white bird of the Oxenhams, whose appearance has ever since the time of Queen Elizabeth been recognised as a sure presage of the death of some member of the family; while another is the spectral coach which is reported to drive up to the door of a certain castle in the north when a similar calamity is impending.

Một trường hợp kỳ lạ và có tính hướng dẫn về sự tồn tại cực kỳ dai dẳng của những tinh linh nhân tạo này trong những trường hợp thuận lợi đã được một trong những nhà nghiên cứu của chúng ta chú ý đến cách đây không lâu. Tất cả những độc giả của các tài liệu về những chủ đề như vậy đều biết rằng nhiều gia đình cổ xưa của chúng ta được cho là có liên quan đến một lời cảnh báo về cái chết truyền thống—một hiện tượng thuộc loại này hay loại khác, thường báo trước vài ngày trước khi người đứng đầu gia đình qua đời. [133] Một ví dụ sinh động về điều này là câu chuyện nổi tiếng về loài chim trắng của dòng họ Oxenham, mà sự xuất hiện của nó kể từ thời Nữ hoàng Elizabeth đã được coi là một điềm báo chắc chắn về cái chết của một thành viên nào đó trong gia đình; trong khi một ví dụ khác là cỗ xe ma được cho là chạy đến cửa một lâu đài nào đó ở phía bắc khi một tai họa tương tự sắp xảy ra.

A phenomenon of this order occurs in connection with the family of one of our members, but it is of a much commoner and less striking type than either of the above, consisting only of a solemn and impressive strain of dirgelike music, which is heard apparently floating in the air three days before the death takes place. Our member, having

Một hiện tượng thuộc loại này xảy ra liên quan đến gia đình của một trong những thành viên của chúng ta, nhưng nó thuộc loại phổ biến hơn và ít nổi bật hơn so với cả hai loại trên, chỉ bao gồm một giai điệu nhạc tang lễ trang nghiêm và ấn tượng, dường như vang lên trong không trung ba ngày trước khi cái chết xảy ra. Thành viên của chúng ta, sau khi đã hai

himself twice heard this mystic sound, finding its warning in both cases quite accurate, and knowing also that according to family tradition the same thing had been happening for several centuries, set himself to seek by occult methods for the cause underlying so strange a phenomenon.

lần nghe thấy âm thanh huyền bí này, thấy lời cảnh báo của nó trong cả hai trường hợp đều khá chính xác, và cũng biết rằng theo truyền thống gia đình, điều tương tự đã xảy ra trong nhiều thế kỷ, đã tự mình tìm kiếm bằng các phương pháp huyền bí học cho nguyên nhân nằm sau hiện tượng kỳ lạ này.

The result was unexpected but interesting. It appeared that somewhere in the twelfth century the head of the family went to the crusades, like many another valiant man, and took with him to win his [134] spurs in the sacred cause his youngest and favourite son, a promising youth whose success in life was the dearest wish of his father's heart. Unhappily, however, the young man was killed in battle, and the father was plunged into the depths of despair, lamenting not only the loss of his son, but still more the fact that he was cut off so suddenly in the full flush of careless and not altogether blameless youth.

Kết quả thật bất ngờ nhưng thú vị. Dường như vào khoảng thế kỷ thứ mười hai, người đứng đầu gia đình đã tham gia các cuộc thập tự chinh, giống như nhiều người dũng cảm khác, và mang theo người con trai út và được yêu quý nhất của mình, một thanh niên đầy triển vọng mà sự thành công trong cuộc sống là điều ước tha thiết nhất của trái tim người cha. Tuy nhiên, bất hạnh thay, chàng trai trẻ đã tử trận, và người cha chìm sâu vào tuyệt vọng, than khóc không chỉ vì mất con trai, mà còn hơn thế nữa là vì sự thật rằng con trai ông đã bị cắt đứt đột ngột trong lúc đang sung sức của tuổi trẻ vô tư và không hoàn toàn vô tội. [134]

So poignant, indeed, were the old man's feelings that he cast off his knightly armour and joined one of the great monastic orders, vowing to devote all the remainder of his life to prayer, first for the soul of his son, and secondly that henceforward no descendant of his might ever again encounter what seemed to his simple and pious mind the terrible danger of meeting death unprepared. Day after day for many a year he poured all the energy of his soul into the channel of that one intense wish, firmly believing that somehow or other the result he so earnestly desired would be brought about.

Cảm xúc của ông lão quả thực quá đau đớn đến nỗi ông đã cởi bỏ bộ giáp hiệp sĩ của mình và gia nhập một trong những dòng tu lớn, thề sẽ dành trọn phần đời còn lại để cầu nguyện, trước tiên là cho linh hồn của con trai mình, và thứ hai là từ nay về sau sẽ không có hậu duệ nào của ông phải gặp lại những gì dường như đối với tâm trí giản dị và mộ đạo của ông là mối nguy hiểm khủng khiếp khi gặp cái chết mà không được chuẩn bị. Ngày này qua ngày khác trong nhiều năm, ông đã dồn hết năng lượng tâm hồn mình vào kênh của một mong muốn mãnh liệt đó, tin chắc rằng bằng cách này hay cách khác, kết quả mà ông tha thiết mong muốn sẽ được thực hiện.

A student of occultism will have little difficulty in deciding what would be the effect of such a definite and long-continued stream of thought; our knightly monk created an artificial elemental of [135] immense power

Một học viên huyền bí học sẽ không gặp khó khăn gì trong việc quyết định tác động của một dòng tư tưởng xác định và kéo dài như vậy; vị tu sĩ hiệp sĩ của chúng ta đã tạo ra một tinh linh nhân tạo [135] với sức mạnh và tài

and resourcefulness for its own particular object, and accumulated within it a store of force which would enable it to carry out his wishes for an indefinite period. An elemental is a perfect storage-battery, from which there is practically no leakage; and when we remember what its original strength must have been, and how comparatively rarely it would be called upon to put it forth, we shall scarcely wonder that even now it exhibits unimpaired vitality, and still warns the direct descendants of the old crusader of their approaching doom by repeating in their ears the strange walling music which was the dirge of a young and valiant soldier eight hundred years ago in Palestine.

nguyên to lớn cho mục đích cụ thể của nó, và tích lũy bên trong nó một kho năng lượng cho phép nó thực hiện mong muốn của ông trong một khoảng thời gian không xác định. Một tinh linh là một loại pin lưu trữ hoàn hảo, mà thực tế không bị rò rỉ; và khi chúng ta nhớ lại sức mạnh ban đầu của nó phải như thế nào, và tần suất nó được kêu gọi sử dụng sức mạnh đó tương đối hiếm hoi như thế nào, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi ngay cả bây giờ nó vẫn thể hiện sức sống không suy giảm, và vẫn cảnh báo cho con cháu trực hệ của người lính thập tự chinh cũ về số phận sắp đến của họ bằng cách lặp lại bên tai họ thứ âm nhạc kỳ lạ vốn là khúc nhạc tang lễ của một người lính trẻ và dũng cảm tám trăm năm trước ở Palestine.

Elementals formed consciously. —Tinh linh được hình thành một cách có ý thức.

Since such results as have been described above have been achieved by the thought-force of men who were entirely in the dark as to what they were doing, it will readily be imagined that a magician who understands the subject, and can see exactly what effect he is producing, may wield immense power along these lines. As a matter of fact occultists of both the white and dark schools frequently use artificial elementals in their work, and few tasks are beyond the powers of such creatures when scientifically [136] prepared and directed with knowledge and skill; for one who knows how to do so can maintain a connection with his elemental and guide it, no matter at what distance it may be working, so that it will practically act as though endowed with the full intelligence of its master.

Vì những kết quả như đã mô tả ở trên đã đạt được bởi năng lượng tư tưởng của những người hoàn toàn không biết mình đang làm gì, nên có thể dễ dàng tưởng tượng rằng một nhà huyền thuật hiểu rõ vấn đề, và có thể thấy chính xác tác động mà y đang tạo ra, có thể sử dụng sức mạnh to lớn theo những hướng này. Trên thực tế, các nhà huyền bí học của cả trường phái chánh thuật và hắc thuật thường sử dụng tinh linh nhân tạo trong công việc của họ, và ít nhiệm vụ nào nằm ngoài khả năng của những sinh vật như vậy khi được chuẩn bị một cách khoa học [136] và được chỉ đạo với kiến thức và kỹ năng; bởi vì người biết cách làm như vậy có thể duy trì kết nối với tinh linh của mình và hướng dẫn nó, bất kể nó đang hoạt động ở khoảng cách nào, để nó thực tế hoạt động như được ban cho đầy đủ trí thông minh của chủ nhân.

Definite and efficient guardian Angels have sometimes been supplied in this way, though it is probably rarely that karma permits such a decided interference in a person's life as that would be. In such a case, however, as that of a

Các Thiên Thần hộ mệnh xác định và hiệu quả đôi khi được cung cấp theo cách này, mặc dù có lẽ hiếm khi nghiệp quả cho phép sự can thiệp rõ ràng như vậy vào cuộc sống của một người. Tuy nhiên, trong trường hợp như

pupil of the Adepts, who might have in the course of his work for Them to run the risk of attack from forces with which his unaided strength would be entirely insufficient to cope, guardians of this description have been given, and have fully proved their sleepless vigilance and their tremendous power.

trường hợp của một đệ tử của các Chân Sư, người có thể trong quá trình làm việc cho Các Ngài phải chạy nguy hiểm bị tấn công bởi các thế lực mà sức mạnh không được hỗ trợ của y sẽ hoàn toàn không đủ để đối phó, những người bảo vệ thuộc loại này đã được ban cho, và đã chứng minh đầy đủ sự cảnh giác không ngừng nghỉ và sức mạnh to lớn của họ.

By some of the more advanced processes of black magic, also, artificial elementals of great power may be called into existence, and much evil has been worked in various ways by such entities. But it is true of them, as of the previous class, that if they are aimed at a person whom by reason of his purity of character they are unable to influence, they [137] react with terrible force upon their creator; so that the mediæval story of the magician being torn to pieces by the fiends he himself had raised is no mere fable, but may well have a definite foundation in fact. Indeed, a case illustrative of the action of this law occurred some time ago in the life of our late President.

Bằng một số quy trình cao cấp hơn của hắc thuật, những tinh linh nhân tạo có sức mạnh lớn cũng có thể được tạo ra, và nhiều điều ác đã được thực hiện theo nhiều cách khác nhau bởi những thực thể như vậy. Nhưng đúng với chúng, cũng như với lớp trước, rằng nếu chúng nhắm vào một người mà do sự thuần khiết trong tính cách của người đó mà chúng không thể ảnh hưởng, thì chúng [137] sẽ phản ứng lại với sức mạnh khủng khiếp lên người tạo ra chúng; vì vậy, câu chuyện thời trung cổ về nhà huyền thuật bị xé xác bởi những con quỷ mà chính y đã tạo ra không chỉ là truyện ngụ ngôn, mà rất có thể có cơ sở xác đáng trong thực tế. Thật vậy, một trường hợp minh họa cho hành động của định luật này đã xảy ra cách đây không lâu trong cuộc đời của cố Chủ tịch của chúng ta.

Such creatures occasionally, for various reasons, escape from the control of those who are trying to make use of them, and become wandering and aimless demons, as do some of those mentioned under the previous heading in similar circumstances; but those that we are considering, having much more intelligence and power, and a much longer existence, are proportionately more dangerous. They invariably seek for means of prolonging their lives, either by feeding like vampires upon the vitality of human beings, or by influencing them to make offerings to them; and among simple half-savage tribes they have frequently succeeded by judicious management in being recognized as village or

Những sinh vật như vậy đôi khi, vì nhiều lý do khác nhau, thoát khỏi sự kiểm soát của những người đang cố gắng sử dụng chúng, và trở thành những con quỷ lang thang và không mục đích, cũng như một số con quỷ được đề cập trong tiêu đề trước đó trong những hoàn cảnh tương tự; nhưng những con quỷ mà chúng ta đang xem xét, có trí thông minh và sức mạnh lớn hơn nhiều, và tồn tại lâu hơn nhiều, thì nguy hiểm hơn tương ứng. Chúng luôn tìm kiếm phương tiện để kéo dài sự sống của mình, bằng cách hút sinh lực của con người như ma cà rồng, hoặc bằng cách tác động đến họ để cúng tế cho chúng; và trong các bộ lạc bán hoang dã đơn giản, chúng thường thành công bằng cách quản lý khéo léo

family gods.

để được công nhận là thần làng hoặc thần gia đình.

Any deity which demands sacrifices involving the shedding of blood may always be set down as belonging to the lowest and most loathsome class of [138] this order; other less objectionable types are sometimes content with offerings of rice and cooked food of various kinds. There are parts of India where both these varieties may be found flourishing even at the present day, and in Africa they are probably comparatively numerous.

Bất kỳ vị thần nào đòi hỏi sự hy sinh liên quan đến việc đổ máu luôn có thể được coi là thuộc về tầng lớp thấp nhất và ghê tởm nhất của loại này; các loại ít bị phản đối hơn đôi khi hài lòng với việc cúng dường gạo và thức ăn nấu chín các loại. Có những vùng ở Ấn Độ, nơi cả hai loại này có thể được tìm thấy đang phát triển mạnh ngay cả ngày nay, và ở Châu Phi, chúng có lẽ tương đối nhiều. [138]

By means of whatever nourishment they can obtain from the offerings, and still more by the vitality they draw from their devotees, they may continue to prolong their existence for many years, or even centuries, retaining sufficient strength to perform occasional phenomena of a mild type in order to stimulate the faith and zeal of their followers, and invariably making themselves unpleasant in some way or other if the accustomed sacrifices are neglected. For example, it is asserted that in one Indian village the inhabitants have found that whenever for any reason the local deity is not provided with his or her regular meals, spontaneous fires began to break out with alarming frequency among the cottages, sometimes three or four simultaneously, in cases where they declare it is impossible to suspect human agency; and other stories of a more or less similar nature will no doubt recur to the memory of any reader who knows [139] something of the out-of-the-way corners of that most wonderful of all countries.

Bằng cách nào đó, từ những món cúng dường mà chúng có thể lấy được, và hơn thế nữa là sinh lực mà chúng hút từ những người sùng bái, chúng có thể tiếp tục kéo dài sự tồn tại của mình trong nhiều năm, hoặc thậm chí nhiều thế kỷ, giữ lại đủ sức mạnh để thực hiện những hiện tượng không thường xuyên thuộc loại nhẹ nhàng để kích thích niềm tin và lòng nhiệt thành của những người theo chúng, và luôn luôn khiến bản thân trở nên khó chịu theo cách này hay cách khác nếu các nghi lễ cúng tế thông thường bị bỏ bê. Ví dụ, người ta khẳng định rằng trong một ngôi làng ở Ấn Độ, cư dân đã phát hiện ra rằng bất cứ khi nào vì lý do nào đó mà vị thần địa phương không được cung cấp bữa ăn thường xuyên, thì những đám cháy tự phát bắt đầu bùng phát với tần suất đáng báo động giữa các túp lều, đôi khi ba hoặc bốn đám cháy cùng một lúc, trong những trường hợp mà họ tuyên bố là không thể nghi ngờ hành vi của con người; và những câu chuyện khác có tính chất ít nhiều tương tự chắc chắn sẽ hiện lên trong ký ức của bất kỳ độc giả nào biết [139] đôi điều về những góc khuất của đất nước kỳ diệu nhất trong tất cả các quốc gia.

The art of manufacturing artificial elementals of extreme virulence and power seems to have been one of the specialties of the magicians of Atlantis—"the lords of the dark face." One

Nghệ thuật chế tạo tinh linh nhân tạo có độc tính và sức mạnh cực lớn dường như là một trong những đặc sản của các nhà huyền thuật của Atlantis—"những kẻ thống trị có khuôn

example of their capabilities in this line is given in *The Secret Doctrine* (vol. iii., p. 425), where we read of the wonderful speaking animals who had to be quieted by an offering of blood, lest they should awaken their masters and warn them of the impending destruction. But apart from these strange beasts they created other artificial entities of power and energy so tremendous, that it is darkly hinted that some of them have kept themselves in existence even to this day, though it is more than eleven thousand years since the cataclysm which overwhelmed their original masters. The terrible Indian goddess whose devotees were impelled to commit in her name the awful crimes of Thuggee—the ghastly Kali, worshipped even to this day with rites too abominable to be described—might well be a relic of a system which had to be swept away even at the cost of the submergence of a continent, and the loss of sixty-five million human lives. [140]

mặt đen tối." Một ví dụ về khả năng của họ trong lĩnh vực này được đưa ra trong Giáo Lý Bí Nhiệm (tập iii., trang 425), nơi chúng ta đọc về những con vật biết nói kỳ diệu, chúng phải được làm dịu đi bằng một lễ vật bằng máu, kẻo chúng đánh thức chủ nhân của chúng và cảnh báo họ về sự hủy diệt sắp xảy ra. Nhưng ngoài những con thú kỳ lạ này, họ còn tạo ra những thực thể nhân tạo khác với sức mạnh và năng lượng to lớn đến mức, người ta ám chỉ một cách đen tối rằng một số trong số chúng đã tự duy trì sự tồn tại của mình cho đến tận ngày nay, mặc dù đã hơn mười một nghìn năm kể từ trận đại hồng thủy nhấn chìm những người chủ ban đầu của chúng. Nữ thần Ấn Độ khủng khiếp mà những người sùng bái bà bị thúc đẩy phải phạm những tội ác khủng khiếp của Thuggee nhân danh bà—Kali ma quái, được thờ phụng cho đến tận ngày nay với những nghi lễ quá ghê tởm không thể diễn tả—rất có thể là tàn tích của một hệ thống đã bị quét sạch ngay cả với cái giá phải trả là sự chìm xuống của một lục địa, và cái chết của sáu mươi lăm triệu sinh mạng. [140]

Human Artificials. —Tinh linh nhân tạo của con người.

We have now to consider a class of entities which, though it contains but few individuals, has acquired from its intimate connection with one of the great movements of modern times an importance entirely out of proportion to its numbers. It seems doubtful whether it should appear under the first or third of our main divisions; but, though certainly human, it is so far removed from the course of ordinary evolution, so entirely the product of a will outside of its own, that it perhaps falls most naturally into place among the artificial beings.

Bây giờ chúng ta phải xem xét một lớp thực thể mà, mặc dù nó chỉ chứa một số ít cá thể, nhưng do mối liên hệ mật thiết của nó với một trong những phong trào vĩ đại của thời hiện đại, nó đã đạt được tầm quan trọng hoàn toàn không tương xứng với số lượng của nó. Có vẻ như không chắc chắn liệu nó có nên xuất hiện dưới phân khu thứ nhất hay thứ ba trong các phân khu chính của chúng ta hay không; nhưng, mặc dù chắc chắn là con người, nhưng nó lại quá xa vời so với tiến trình tiến hóa thông thường, hoàn toàn là sản phẩm của một ý chí bên ngoài ý chí của chính nó, đến nỗi có lẽ nó được xếp một cách tự nhiên nhất vào nhóm những sinh vật nhân tạo.

The easiest way of describing it will be to

Cách dễ nhất để mô tả nó là bắt đầu với lịch sử

commence with its history, and to do that we must once more look back to the great Atlantean race. In thinking of the Adepts and schools of occultism of that remarkable people our minds instinctively revert to the evil practices of which we hear so much in connection with their latter days; but we must not forget that before that age of selfishness and degradation, the mighty civilization of Atlantis had brought forth much that was noble and worthy of admiration, and that among its leaders were some who now stand upon the loftiest pinnacles as yet attained by man. [141]

của nó, và để làm được điều đó, chúng ta phải một lần nữa nhìn lại giống dân Atlantis vĩ đại. Khi nghĩ về các Chân Sư và các trường phái huyền bí học của những con người phi thường đó, tâm trí chúng ta theo bản năng quay trở lại những hành vi xấu xa mà chúng ta nghe thấy rất nhiều liên quan đến những ngày cuối đời của họ; nhưng chúng ta không được quên rằng trước thời đại ích kỷ và suy đồi đó, nền văn minh hùng mạnh của Atlantis đã tạo ra nhiều điều cao quý và đáng ngưỡng mộ, và trong số những người lãnh đạo của nó có một số người hiện đang đứng trên những đỉnh cao nhất mà con người đã đạt được. [141]

Among the lodges for occult study preliminary to Initiation formed by the Adepts of the good Law was one in a certain part of America which was then tributary to one of the great Atlantean monarchs—"the Divine Rulers of the Golden Gate"; and though it has passed through many and strange vicissitudes, though it has had to move its headquarters from country to country as each in turn was invaded by the jarring elements of a later civilization, that Lodge still exists even at the present day, observing still the same old-world ritual—even teaching as a sacred and hidden language the same Atlantean tongue which was used at its foundation so many thousands of years ago.

Trong số các hội quán nghiên cứu huyền bí học sơ bộ cho Điểm đạo được thành lập bởi các Chân sư của Chánh Pháp có một hội quán ở một vùng nào đó của nước Mỹ, lúc bấy giờ là chư hầu của một trong những vị vua Atlantis vĩ đại — "các Vị Vua Thần thánh của Cổng Vàng"; và mặc dù nó đã trải qua nhiều biến cố kỳ lạ, mặc dù nó đã phải di chuyển trụ sở từ nước này sang nước khác khi mỗi nước lần lượt bị xâm chiếm bởi các yếu tố hỗn loạn của một nền văn minh sau này, hội quán đó vẫn tồn tại cho đến ngày nay, vẫn tuân thủ cùng một nghi lễ cổ xưa của thế giới — thậm chí còn dạy cùng một ngôn ngữ Atlantis như một ngôn ngữ thiêng liêng và bí mật đã được sử dụng khi nó được thành lập cách đây hàng ngàn năm.

It still remains what it was from the first—a Lodge of occultists of pure and philanthropic aims, which can lead those students whom it finds worthy no inconsiderable distance on the road to knowledge, and confers such psychic powers as are in its gift only after the most searching tests as to the fitness of the candidate. Its teachers do not stand upon the Adept level, yet hundreds have learnt through it how to set their feet upon the Path which has led them to Adeptship in later lives; and [142] though it is not directly a part of the

Nó vẫn giữ nguyên những gì nó vốn có ngay từ đầu — một hội quán của các nhà huyền bí học với mục tiêu thuần khiết và nhân ái, có thể dẫn dắt những đạo sinh mà nó thấy xứng đáng một khoảng cách đáng kể trên con đường dẫn đến tri thức, và ban tặng những năng lực thông linh như một món quà chỉ sau những thử thách khắc nghiệt nhất về sự phù hợp của ứng viên. Các huấn sư của nó không ở cấp độ Chân sư, nhưng hàng trăm người đã học được thông qua nó cách đặt chân lên Thánh Đạo vốn đã dẫn dắt họ đến địa vị Chân sư trong các kiếp

Brotherhood of the Himalayas, there are some among the latter who have Themselves been connected with it in former incarnations, and therefore retain a more than ordinarily friendly interest in its proceedings. Indeed. I well remember how the present Leader of that Lodge, on seeing the portrait of one of the Masters of Wisdom, at once prostrated himself before it in deepest reverence.

sống sau này; và [142] mặc dù nó không trực tiếp là một phần của Huynh đệ Đoàn Himalayas, có một số người trong số đó đã tự mình kết nối với nó trong các kiếp sống trước đây, và do đó vẫn giữ một mối quan tâm thân thiện hơn bình thường đối với các hoạt động của nó. Thật vậy. Tôi nhớ rất rõ việc vị Lãnh đạo hiện tại của hội quán đó, khi nhìn thấy bức chân dung của một trong các Chân sư Minh Triết, đã ngay lập tức phủ phục trước nó với lòng tôn kính sâu sắc nhất.

The Chiefs of this Lodge, though they have always kept themselves and their society strictly in the background, have nevertheless done what they could from time to time to assist the progress of truth in the world. Nearly a century ago, in despair at the rampant materialism which seemed to be stifling all spirituality in Europe and America, they determined to make an attempt to combat it by somewhat novel methods—in point of fact to offer opportunities by which any reasonable man could acquire absolute proof of that life apart from the physical body which it was the tendency of science to deny. The phenomena exhibited were not in themselves absolutely new, since in some form or other we may hear of them all through history; but their definite organization—their [143] production as it were to order—these were features distinctly new to the modern world.

Các Thủ lĩnh của hội quán này, mặc dù luôn giữ kín bản thân và hội của họ, nhưng vẫn làm những gì có thể theo thời gian để hỗ trợ sự tiến bộ của chân lý trên thế giới. Gần một thế kỷ trước, trong sự tuyệt vọng trước chủ nghĩa duy vật tràn lan dường như đang bóp nghẹo mọi tinh thần ở Châu Âu và Châu Mỹ, họ đã quyết định thực hiện một nỗ lực để chống lại nó bằng những phương pháp hơi mới lạ — trên thực tế là tạo ra những cơ hội mà bất kỳ người nào có lý trí đều có thể có được bằng chứng tuyệt đối về sự sống tách biệt khỏi thể xác mà khoa học có xu hướng phủ nhận. Các hiện tượng được trưng bày không hoàn toàn mới, vì dưới hình thức này hay hình thức khác, chúng ta có thể nghe nói về chúng trong suốt lịch sử; nhưng tổ chức xác định của chúng — việc tạo ra chúng theo yêu cầu — đây là những đặc điểm hoàn toàn mới đối với thế giới hiện đại.

The movement which they thus set on foot gradually grew into the vast fabric of modern Spiritualism, and though it would perhaps be unfair to hold the originators of the scheme directly responsible for many of the results which have followed, we must admit that they have achieved their purpose to the extent of converting vast numbers of people from a belief in nothing in particular to a firm faith in at any rate some kind of future life. This is

Phong trào mà họ khởi xướng dần dần phát triển thành một cấu trúc rộng lớn của Thần linh học hiện đại, và mặc dù có lẽ sẽ không công bằng khi bắt những người khởi xướng kế hoạch phải chịu trách nhiệm trực tiếp cho nhiều kết quả đã xảy ra, chúng ta phải thừa nhận rằng họ đã đạt được mục đích của mình ở mức độ chuyển đổi một số lượng lớn người từ niềm tin vào không có gì cụ thể sang một niềm tin vững chắc vào ít nhất là một loại kiếp

undoubtedly a magnificent result, though there are those who think that it has been attained at too great a cost.

The method adopted was to take some ordinary person after death, arouse him thoroughly upon the astral plane, instruct him to a certain extent in the powers and possibilities belonging to it, and then put him in charge of a Spiritualistic circle. He in his turn "developed" other departed personalities along the same line, they all acted upon those who sat at their *séances,* and "developed" them as mediums; and so spiritualism grew and flourished. No doubt living members of the original Lodge occasionally manifested themselves in [144] astral form at some of the circles—perhaps they may do so even now; but in most cases they contented themselves with giving such direction and guidance as they considered necessary to the persons they had put in charge. There is little doubt that the movement increased so much more rapidly than they had expected that it soon got quite beyond their control, so that, as has been said, for many of the later developments they can only be held indirectly responsible.

The intensification of the astral-plane life in those persons who were thus put in charge of circles some-what delayed their natural progress; and though the idea had been that anything lost in this way would be fully compensated by the good karma gained by helping to lead others to the truth, it was soon found that it was impossible to make use of a "spirit-guide" for any length of time without doing him serious and permanent injury. In some cases such "guides" were therefore withdrawn, and others substituted for them; in others it was considered for various reasons undesirable make such a change, and then a remarkable expedient was adopted which

sống nào đó trong tương lai. Đây chắc chắn là một kết quả tuyệt vời, mặc dù có những người cho rằng nó đã đạt được với cái giá quá đắt.

Phương pháp được áp dụng là lấy một người bình thường sau khi chết, đánh thức y hoàn toàn trên cõi cảm dục, hướng dẫn y ở một mức độ nhất định về các năng lực và khả năng thuộc về nó, và sau đó giao cho y phụ trách một nhóm Thần linh học. Đến lượt mình, y "phát triển" những phàm ngã đã khuất khác cùng một hướng, tất cả bọn họ đều tác động lên những người ngồi trong các buổi gọi hồn của họ, và "phát triển" họ thành những đồng tử; và do đó, thần linh học đã phát triển và hưng thịnh. Không nghi ngờ gì nữa, các thành viên còn sống của hội quán ban đầu đôi khi tự biểu hiện dưới dạng cảm dục tại một số nhóm — có lẽ họ vẫn làm như vậy cho đến bây giờ; nhưng trong hầu hết các trường hợp, họ bằng lòng với việc đưa ra sự chỉ đạo và hướng dẫn mà họ cho là cần thiết cho những người mà họ đã giao phó. Hầu như không có nghi ngờ gì rằng phong trào này đã phát triển nhanh chóng hơn nhiều so với dự kiến của họ đến nỗi nó sớm vượt khỏi tầm kiểm soát của họ, vì vậy, như đã nói, đối với nhiều phát triển sau này, họ chỉ có thể gián tiếp chịu trách nhiệm. [144]

Việc tăng cường sự sống trên cõi cảm dục ở những người được giao phụ trách các nhóm đã phần nào làm chậm tiến trình tự nhiên của họ; và mặc dù ý tưởng ban đầu là bất cứ điều gì bị mất theo cách này sẽ được bù đắp hoàn toàn bằng nghiệp quả tốt có được nhờ việc giúp đỡ dẫn dắt người khác đến với chân lý, nhưng người ta sớm nhận thấy rằng không thể sử dụng một "hướng dẫn linh hồn" trong bất kỳ khoảng thời gian nào mà không gây ra tổn hại nghiêm trọng và vĩnh viễn cho y. Trong một số trường hợp, những "người hướng dẫn" như vậy đã bị rút lui, và những người khác được thay thế cho họ; trong những trường hợp khác, vì nhiều lý do khác nhau, người ta cho rằng

gave rise to the curious class of creatures we have called "human artificials." [145]

việc thay đổi như vậy là không mong muốn, và sau đó một phương sách đáng chú ý đã được áp dụng, làm phát sinh một loại sinh vật kỳ lạ mà chúng ta gọi là "người nhân tạo". [145]

The higher principles of the original "guide" were allowed to pass on their long-delayed evolution into the heaven-world, but the shade which he left behind him was occupied, sustained, and strengthened so that it might appear to its admiring circle practically just as before. This seems at first to have been done by members of the Lodge themselves, but apparently that arrangement was found irksome or unsuitable, or perhaps was considered a waste of force, and the same objection applied to the use for this purpose of an artificial elemental; so it was eventually decided that the departed person who would have been appointed to succeed the late "spirit-guide" should still do so, but should take possession of the latter's shade or shell, and in fact simply wear his appearance.

Các nguyên khí cao hơn của "người hướng dẫn" ban đầu được phép chuyển tiếp quá trình tiến hóa bị trì hoãn từ lâu của họ vào cõi thượng thiên, nhưng cái bóng mà y để lại đã bị chiếm giữ, duy trì và củng cố để nó có thể xuất hiện trước nhóm ngưỡng mộ của nó thực tế giống như trước đây. Điều này thoạt đầu dường như đã được thực hiện bởi chính các thành viên của hội quán, nhưng dường như sự sắp xếp đó đã bị coi là phiền phức hoặc không phù hợp, hoặc có lẽ bị coi là lãng phí mãnh lực, và sự phản đối tương tự cũng được áp dụng cho việc sử dụng một hành khí nhân tạo cho mục đích này; vì vậy cuối cùng người ta đã quyết định rằng người đã khuất, người lẽ ra sẽ được bổ nhiệm để kế nhiệm "người hướng dẫn linh hồn" quá cố, vẫn sẽ làm như vậy, nhưng sẽ chiếm hữu cái bóng hoặc lớp vỏ của người sau, và trên thực tế chỉ đơn giản là mang vẻ ngoài của y.

It is said that some members of the Lodge objected to this on the ground that though the purpose might be entirely good, a certain amount of deception was involved; but the general opinion seems to have been that as the shade really was the same, and contained something at any rate of the original lower mind, there was nothing that could be called deception in the matter. This, then, was the genesis of the human artificial entity, and it is understood [146] that in some cases more than one such change has been made without arousing suspicion, though on the other hand some investigators of spiritualism have remarked on the fact that after a considerable lapse of time certain differences suddenly became observable in the manner and disposition of a "spirit." It is needless to say

Người ta nói rằng một số thành viên của hội quán đã phản đối điều này với lý do rằng mặc dù mục đích có thể hoàn toàn tốt, nhưng có một mức độ lừa dối nhất định; nhưng ý kiến chung dường như là vì cái bóng thực sự giống nhau, và ít nhất chứa đựng một thứ gì đó của hạ trí ban đầu, nên không có gì có thể gọi là lừa dối trong vấn đề này. Vậy thì, đây là nguồn gốc của thực thể người nhân tạo, và người ta hiểu rằng [146] trong một số trường hợp, nhiều hơn một thay đổi như vậy đã được thực hiện mà không gây ra sự nghi ngờ, mặc dù mặt khác, một số nhà nghiên cứu về thần linh học đã nhận xét về thực tế là sau một khoảng thời gian đáng kể, một số khác biệt đột nhiên trở nên đáng chú ý trong cách thức và tính cách của một "linh hồn". Không cần phải nói rằng không ai trong Huynh đệ Đoàn Chân sư từng

that none of the Adept Brotherhood has ever undertaken the formation of an artificial entity of this sort, though They could not interfere with any one who thought it right to take such a course. A weak point in the arrangement is that many others besides the original Lodge may adopt this plan, and there is nothing whatever to prevent black magicians from supplying communicating "spirits"—as, indeed, they have been known to do.

đảm nhận việc hình thành một thực thể nhân tạo thuộc loại này, mặc dù Các Ngài không thể can thiệp vào bất kỳ ai cho rằng việc đó là đúng. Một điểm yếu trong sự sắp xếp này là nhiều người khác ngoài hội quán ban đầu có thể áp dụng kế hoạch này, và không có gì có thể ngăn cản các nhà hắc thuật cung cấp "linh hồn" giao tiếp — như, thực tế, họ đã được biết là đã làm.

With this class we conclude our survey of the inhabitants of the astral plane. With the reservations specially made some few pages back, the catalogue may be taken as fairly complete; but it must once more be emphasized that this treatise claims only to sketch the merest outline of a very vast subject, the detailed elaboration of which would need a lifetime of study and hard work. [147]

Với lớp này, chúng ta kết thúc cuộc khảo sát của mình về cư dân của cõi cảm dục. Với những lưu ý đặc biệt được đưa ra vài trang trước, danh mục này có thể được coi là khá đầy đủ; nhưng một lần nữa phải nhấn mạnh rằng luận thuyết này chỉ khẳng định phác thảo sơ lược nhất về một chủ đề rất rộng lớn, việc nghiên cứu chi tiết sẽ cần cả đời học tập và làm việc chăm chỉ. [147]

Chapter III

PHENOMENA—HIỆN TƯỢNG

FROM one point of view this should have been the first chapter of our book instead of the last, for it was from the consideration of its subject-matter that all the rest arose. I owe my introduction to Theosophy in this incarnation to our then Vice-President, Mr. A. P. Sinnett, who was always exceptionally kind to me, and while I was staying with him we used to meet every Sunday morning in his library to discuss Theosophical matters. On one such occasion he casually remarked that he did not think that the Theosophical teaching so far given to us adequately covered or accounted for many of the spiritualistic phenomena which both of us had repeatedly seen. Rather startled by this hypothesis I stoutly maintained the opinion that they were satisfactorily covered, and proceeded to give examples.

Từ một quan điểm nào đó, đây lẽ ra phải là chương đầu tiên của cuốn sách của chúng ta thay vì chương cuối cùng, bởi vì chính từ việc xem xét nội dung chủ đề của nó mà tất cả phần còn lại đã nảy sinh. Tôi mang ơn sự giới thiệu của mình về Thông Thiên Học trong kiếp sống này đối với Phó Chủ tịch lúc bấy giờ của chúng ta, Ông A. P. Sinnett, người luôn đặc biệt tốt bụng với tôi, và khi tôi ở cùng ông, chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi sáng Chủ nhật trong thư viện của ông để thảo luận về các vấn đề Thông Thiên Học. Vào một dịp như vậy, ông tình cờ nhận xét rằng ông không nghĩ rằng giáo lý Thông Thiên Học cho đến nay đã cung cấp cho chúng ta một cách đầy đủ hoặc giải thích cho nhiều hiện tượng thần linh học mà cả hai chúng ta đã nhiều lần nhìn thấy. Khá giật mình trước giả thuyết này, tôi kiên quyết giữ vững quan điểm rằng chúng đã được đề cập một cách thỏa đáng, và tiến hành đưa ra các ví dụ.

Mr. Sinnett seemed favourably impressed, and asked me to give a lecture to the London Lodge [148] expounding my views. I agreed to do this, but when I came to prepare that lecture I soon found that in order to make myself intelligible I must begin by a general description of the astral world as a whole, with its conditions and the powers and possibilities of its inhabitants. I realized that I had undertaken a larger contract than I intended; but clearly it was a piece of work that had to be done, so I might as well go ahead and do it to the best of my ability. The eventual result was a lecture to the Lodge which appeared as its Transaction No. 24.

Ông Sinnett dường như có ấn tượng tốt, và yêu cầu tôi thuyết trình trước hội quán London [148] để trình bày quan điểm của mình. Tôi đồng ý làm điều này, nhưng khi tôi đến để chuẩn bị bài thuyết trình đó, tôi sớm nhận thấy rằng để làm cho mình dễ hiểu, tôi phải bắt đầu bằng một mô tả chung về thế giới cảm dục nói chung, với các điều kiện và năng lực cũng như khả năng của cư dân của nó. Tôi nhận ra rằng tôi đã nhận một hợp đồng lớn hơn dự định; nhưng rõ ràng đó là một phần công việc phải làm, vì vậy tôi cũng có thể tiếp tục và làm điều đó với khả năng tốt nhất của mình. Kết quả cuối cùng là một bài thuyết trình trước hội quán đã xuất hiện dưới dạng Giao dịch số 24 của nó.

Dr. Besant, who was then publishing a series of Theosophical Manuals, was kind enough to include this essay as one of them; hence its appearance in its present form.

Though in the course of this manual various super-physical phenomena have been mentioned and to some extent explained, it will perhaps before concluding be desirable so far to recapitulate as to give a list of those with which the student of these subjects most frequently meets, and to show by which of the agencies we have attempted to describe they are usually caused. The resources of the astral world, however, are so varied that almost [149] any phenomenon with which we are acquainted can be produced in several different ways, so that it is only possible to lay down general rules in the matter.

Apparitions or ghosts furnish a very good instance of the remark just made, for in the loose manner in which the words are ordinarily used they may stand for almost any inhabitant of the astral plane. Psychically developed people are constantly seeing such things, but for an ordinary person to "see a ghost", as the common expression runs, one of two things must happen: either that ghost must materialize, or that person must have a temporary flash of psychic perception. But for the fact that neither of these events is common, we should meet with ghosts in our streets as frequently as living people.

CHURCHYARD GHOSTS

If the ghost is seen hovering about a grave it is probably the etheric shell of a newlyburied person, though it *may* be the astral body of a living man haunting in sleep the tomb of a friend; or again, it may be a materialized

Bà Besant, lúc đó đang xuất bản một loạt Sổ tay Thông Thiên Học, đã rất tử tế khi đưa bài luận này vào như một trong số đó; do đó nó xuất hiện dưới dạng hiện tại của nó.

Mặc dù trong quá trình biên soạn sổ tay này, nhiều hiện tượng siêu hình đã được đề cập và được giải thích ở một mức độ nào đó, nhưng có lẽ trước khi kết luận, sẽ là mong muốn tóm tắt lại để đưa ra danh sách những hiện tượng mà người nghiên cứu những chủ đề này thường gặp nhất, và chỉ ra bằng tác nhân nào mà chúng ta đã cố gắng mô tả chúng thường gây ra. Tuy nhiên, các nguồn lực của thế giới cảm dục rất đa dạng đến nỗi hầu hết [149] mọi hiện tượng mà chúng ta biết đều có thể được tạo ra theo một số cách khác nhau, vì vậy chỉ có thể đưa ra các quy tắc chung về vấn đề này.

Các hiện tượng hoặc hồn ma là một ví dụ rất hay về nhận xét vừa được đưa ra, vì theo cách sử dụng lỏng lẻo thông thường của các từ này, chúng có thể đại diện cho hầu hết mọi cư dân của cõi cảm dục. Những người phát triển thông linh liên tục nhìn thấy những thứ như vậy, nhưng đối với một người bình thường "nhìn thấy hồn ma", như cách nói thông thường, thì một trong hai điều phải xảy ra: hoặc hồn ma đó phải hiện hình, hoặc người đó phải có một tia cảm nhận thông linh tạm thời. Nếu không phải vì thực tế là cả hai sự kiện này đều không phổ biến, chúng ta sẽ gặp hồn ma trên đường phố thường xuyên như người sống.

HỒN MA NGHĨA ĐỊA

Nếu hồn ma được nhìn thấy lơ lửng quanh mộ, thì có lẽ đó là lớp vỏ dĩ thái của một người mới được chôn, mặc dù nó có thể là thể cảm dục của một người sống đang ngủ say ám ảnh ngôi mộ của một người bạn; hoặc một lần nữa, nó

thoughtform—that is, an artificial elemental created by the energy with [150] which a man thinks of himself as present at that particular spot. These varieties would be easily distinguishable one from the other by any one accustomed to use astral vision, but an unpractised person would be likely to call them all vaguely “ghosts”.

có thể là một hình tư tưởng được hiện hình — nghĩa là, một hành khí nhân tạo được tạo ra bởi năng lượng [150] mà một người nghĩ về bản thân mình như đang hiện diện tại một địa điểm cụ thể đó. Những biến thể này sẽ dễ dàng phân biệt với nhau bởi bất kỳ ai quen sử dụng thị lực cảm dục, nhưng một người không có kinh nghiệm sẽ có khả năng gọi tất cả chúng một cách mơ hồ là “hồn ma”.

APPARITIONS OF THE DYING

HIỆN TƯỢNG CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT

Apparitions at the time of death are by no means uncommon, and are often really visits paid by the astral form of the dying man just before what we elect to call the moment of dissolution; though here again they are just as likely to be thought-forms called into being by his earnest wish to see some friend once more before he passes into an unfamiliar condition. There are some instances in which the visit is paid just after the moment of death instead of just before; and in such a case the visitor is really a ghost; but for various causes this form of apparition is far less frequent than the other.

Các hiện tượng vào thời điểm chết không phải là hiếm, và thường là những chuyến viếng thăm thực sự của thể cảm dục của người sắp chết ngay trước thời điểm mà chúng ta gọi là thời điểm tan rã; mặc dù ở đây một lần nữa, chúng cũng có thể là những hình tư tưởng được tạo ra bởi mong muốn tha thiết của y được gặp lại một người bạn trước khi y bước vào một trạng thái xa lạ. Có một số trường hợp, chuyến viếng thăm được thực hiện ngay sau thời điểm chết thay vì ngay trước đó; và trong trường hợp như vậy, người đến thăm thực sự là một hồn ma; nhưng vì nhiều nguyên nhân, hình thức hiện tượng này ít thường xuyên hơn nhiều so với hình thức kia.

HAUNTED LOCALITIES

CÁC ĐỊA ĐIỂM BỊ ÁM

Apparitions at the spot where some crime was committed are usually thought-forms projected [151] by the criminal; for the ordinary criminal, whether living or dead, but most especially when dead, is perpetually thinking over again and again the circumstances of his action. Since these thoughts are naturally specially vivid in his mind on the anniversary of the original crime, it is often only on that occasion that the thought-forms which he creates are strong

Các hiện tượng tại địa điểm xảy ra tội ác thường là hình tư tưởng được phóng chiếu [151] bởi tội phạm; đối với tội phạm thông thường, dù còn sống hay đã chết, nhưng đặc biệt nhất là khi đã chết, sẽ liên tục nghĩ đi nghĩ lại hoàn cảnh hành động của mình. Vì những suy nghĩ này đương nhiên đặc biệt sống động trong tâm trí y vào ngày kỷ niệm tội ác ban đầu, nên thường chỉ trong dịp đó, những hình tư tưởng mà y tạo ra mới đủ mạnh để hiện hình trước mắt người thường — một thực tế

enough to materialize themselves to ordinary sight—a fact which accounts for the periodicity of some manifestations of this class. Habitual criminals are frequently too callous to be especially moved by the recollection of one particular crime, but in that case other factors might come into play.

giải thích cho tính chu kỳ của một số biểu hiện thuộc loại này. Những tên tội phạm thường xuyên quá nhẫn tâm để bị ảnh hưởng đặc biệt bởi hồi ức về một tội ác cụ thể, nhưng trong trường hợp đó, các yếu tố khác có thể xuất hiện.

Another point in reference to such phenomena is that, wherever any tremendous mental disturbance has taken place, wherever overwhelming terror, pain, sorrow, hatred, or indeed any kind of intense passion has been felt, an impression of so marked a character has been made upon the astral matter that a person with even the faintest glimmer of psychic faculty cannot but be deeply impressed by it. It would need but a slight temporary increase of sensibility to enable him to visualize the entire scene—to see the event in all its detail apparently [152] taking place before his eyes—and in such a case he would report that the place was haunted, and that he had seen a ghost.

Một điểm khác liên quan đến những hiện tượng như vậy là, bất cứ nơi nào xảy ra sự xáo trộn tinh thần dữ dội, bất cứ nơi nào có nỗi kinh hoàng, đau đớn, buồn phiền, thù hận quá mức, hoặc thực sự là bất kỳ loại đam mê mãnh liệt nào, thì một ấn tượng có đặc điểm rõ rệt đến vậy đã được tạo ra trên chất liệu cảm dục đến nỗi một người dù chỉ có một chút khả năng thông linh mờ nhạt cũng không thể không bị ấn tượng sâu sắc bởi nó. Chỉ cần một sự gia tăng độ nhạy cảm tạm thời nhỏ là y có thể hình dung toàn bộ cảnh tượng—nhìn thấy sự kiện với tất cả các chi tiết của nó dường như [152] diễn ra trước mắt—và trong trường hợp như vậy, y sẽ báo cáo rằng nơi đó bị ma ám, và rằng y đã nhìn thấy ma.

People who are yet unable to see psychically under any circumstances are frequently unpleasantly impressed when visiting such places as we have mentioned. There are many, for example, who feel uncomfortable when passing the site of Tyburn Tree, or cannot stay in the Chamber of Horrors at Madame Tussaud's, though they may not be in the least aware that their discomfort is due to the dreadful impressions in the astral matter which surround places and objects redolent of horror and crime, and to the presence of the loathsome astral entities which always swarm about such centres.

Những người vẫn chưa thể nhìn thấy bằng thông linh trong bất kỳ hoàn cảnh nào thường có ấn tượng khó chịu khi đến thăm những nơi như chúng ta đã đề cập. Ví dụ, có nhiều người cảm thấy không thoải mái khi đi qua địa điểm Cây Tyburn, hoặc không thể ở trong Căn phòng Kinh dị tại Madame Tussaud's, mặc dù họ có thể không hề nhận ra rằng sự khó chịu của họ là do những ấn tượng khủng khiếp trong chất liệu cảm dục bao quanh những nơi và đồ vật gợi lên nỗi kinh hoàng và tội ác, và do sự hiện diện của các thực thể cảm dục ghê tởm luôn tụ tập quanh những trung tâm đó.

FAMILY GHOSTS

MA GIA ĐÌNH

The family ghost, whom we generally find in

Ma gia đình, mà chúng ta thường thấy trong

the stock stories of the supernatural as an appanage of the feudal castle, may be either a thought-form or an unusually vivid impression in astral matter, or again he may really be an earth-bound ancestor still haunting the scenes in which his thoughts and hopes centred during life. [153]

BELL-RINGING, STONE-THROWING, ETC.

Another class of hauntings, which take the form of bell-ringing, stonethrowing, or the breaking of crockery, has already been mentioned, and is almost invariably the work of elemental forces, either set blindly in motion by the clumsy efforts of an ignorant person trying to attract the attention of is surviving friends, or intentionally employed by some childishly mischievous nature-spirit. To such manifestations the name *poltergeist* is usually given.

FAIRIES

The nature-spirits are also responsible for whatever of truth may be in all the fairy stories which are so common in certain country places. Sometimes a temporary accession of clairvoyance, which is by no means uncommon among the inhabitants of lonely mountainous regions, enables some belated wayfarer to watch their joyous gambols; sometimes strange tricks are played upon some terrified victim, and a glamour is cast over him, making him, for example, see houses and people where he knows none really exist. And this is frequently no mere momentary delusion, for a man will sometimes go through quite a long series of [154] imaginary but most striking adventures,

những câu chuyện thường thấy về siêu nhiên như một vật phụ thuộc của lâu đài phong kiến, có thể là một hình tư tưởng hoặc một ấn tượng sống động khác thường trong chất liệu cảm dục, hoặc cũng có thể thực sự là một tổ tiên bị ràng buộc với Trái Đất vẫn đang ám ảnh những cảnh mà suy nghĩ và hy vọng của ông ta tập trung trong suốt cuộc đời. [153]

RUNG CHUÔNG, NÉM ĐÁ, V.V.

Một loại ma ám khác, dưới dạng rung chuông, ném đá hoặc làm vỡ đồ sành sứ, đã được đề cập trước đó, và hầu như luôn luôn là công việc của các lực hành khí, hoặc được thiết lập một cách mù quáng bởi những nỗ lực vụng về của một người thiếu hiểu biết đang cố gắng thu hút sự chú ý của những người bạn còn sống của mình, hoặc được cố ý sử dụng bởi một số tinh linh thiên nhiên tinh nghịch trẻ con. Những biểu hiện như vậy thường được gọi là poltergeist.

TIÊN NỮ

Các tinh linh thiên nhiên cũng chịu trách nhiệm cho bất cứ điều gì là sự thật trong tất cả những câu chuyện cổ tích rất phổ biến ở một số vùng nông thôn. Đôi khi, một sự gia tăng khả năng thông nhãn tạm thời, vốn không phải là hiếm gặp ở những cư dân của các vùng núi non hẻo lánh, cho phép một số lữ khách muộn màng chứng kiến những trò đùa vui nhộn của họ; đôi khi những trò lừa bịp kỳ lạ được thực hiện trên một số nạn nhân khiếp sợ, và một ảo ảnh được bao phủ lên y, ví dụ, khiến y nhìn thấy nhà cửa và con người ở nơi y biết không thực sự tồn tại. Và điều này thường không chỉ là ảo tưởng nhất thời, vì đôi khi một người đàn ông sẽ trải qua một loạt [154] cuộc phiêu lưu tưởng tượng nhưng rất ấn tượng,

and then suddenly find that all his brilliant surroundings have vanished in a moment, leaving him standing in some lonely valley or on some wind-swept plain. On the other hand, it is by no means safe to accept as founded on fact all the popular legends on the subject, for the grossest superstition is often mingled with the theories of the peasantry about these beings, as has been shown sometimes by terrible murder cases.

và sau đó đột nhiên phát hiện ra rằng tất cả môi trường xung quanh rực rỡ của y đã biến mất trong chốc lát, khiến y đứng trong một thung lũng hoang vắng nào đó hoặc trên một đồng bằng lộng gió. Mặt khác, không an toàn khi chấp nhận tất cả các truyền thuyết phổ biến về chủ đề này là dựa trên thực tế, vì sự mê tín thô thiển thường được trộn lẫn với các lý thuyết của nông dân về những sinh vật này, như đôi khi đã được thể hiện qua các vụ án mạng khủng khiếp.

To the same entities must he attributed a large portion of what are called physical phenomena at spiritualistic *séances*—indeed, many a *séance* has been given entirely by these mischievous creatures. Such a performance might easily include many very striking items, such as the answering of questions and delivery of pretended messages

Cũng phải gán cho các thực thể này một phần lớn những gì được gọi là hiện tượng vật lý tại các buổi gọi hồn—thực sự, nhiều buổi gọi hồn đã được thực hiện hoàn toàn bởi những sinh vật tinh nghịch này. Một buổi biểu diễn như vậy có thể dễ dàng bao gồm nhiều mục rất nổi bật, chẳng hạn như trả lời các câu hỏi và gửi các thông điệp giả vờ

by raps or tilts, the exhibition of "spirit lights," the apport of objects from a distance, the reading of thoughts which were in the mind of any person present, the precipitation of writings or drawings, and even materializations.

bằng tiếng gõ hoặc tiếng nghiêng, trưng bày "đèn thần linh", sự xuất hiện của các vật thể từ xa, đọc suy nghĩ trong tâm trí của bất kỳ người nào có mặt, sự kết tủa của chữ viết hoặc bản vẽ, và thậm chí cả sự hiện hình.

In fact, the nature-spirits alone, if any of them happened to he disposed to take the trouble, could give a *séance* equal to the most wonderful [155] of which we read; for though there may be certain phenomena which they would not find it easy to reproduce, their marvellous power of glamour would enable them without difficulty to persuade the entire circle that these phenomena also had duly occurred—unless, indeed, there were present a trained observer who understood their arts and knew how to defeat them. As a general rule, whenever silly tricks or practical jokes are played at a *séance*, we may infer the presence either of lowclass nature-spirits, or of human beings who were of a sufficiently

Trên thực tế, chỉ riêng các tinh linh thiên nhiên, nếu bất kỳ tinh linh nào trong số họ tình cờ có ý định chịu khó, có thể thực hiện một buổi gọi hồn tương đương với buổi [155] tuyệt vời nhất mà chúng ta đọc được; vì mặc dù có thể có một số hiện tượng nhất định mà họ sẽ không dễ dàng tái tạo, nhưng sức mạnh ảo ảnh kỳ diệu của họ sẽ cho phép họ dễ dàng thuyết phục toàn bộ nhóm rằng những hiện tượng này cũng đã xảy ra đúng như vậy—trừ khi, thực sự, có một nhà quan sát lão luyện hiểu được nghệ thuật của họ và biết cách đánh bại họ. Theo nguyên tắc chung, bất cứ khi nào những trò lừa bịp ngớ ngẩn hoặc những trò đùa thực tế được thực hiện tại một buổi gọi hồn, chúng ta có thể suy ra sự hiện diện của

degraded type to find pleasure in such idiotic performances during life.

COMMUNICATING ENTITIES

As to the entities who may "communicate" at a *séance* or may obsess and speak through an entranced medium, their name is simply legion; there is hardly a single class among all the varied inhabitants of the astral plane from whose ranks they may not be drawn, though after the explanations given it will be readily understood that the chances are against their coming from an exalted level. A manifesting "spirit" is often exactly what it professes to be, especially at a private *séance* conducted by educated [156] and serious people; but often also it is nothing of the kind; and for the ordinary sitter there is no means of distinguishing the true from the false, since the extent to which a being having all the resources of the astral plane at his command can delude a person on the physical plane is so great that no reliance can be placed even on what seems at first sight to be the most convincing proof.

If something manifests which announces itself as a man's long-lost brother, he can have no certainty that its claim is just. If it tells him of some fact known only to that brother and to himself, he remains unconvinced, for he knows that it might easily have read the information from his own mind, or from his surroundings in the astral world. Even if it goes still further and tells him something connected with his brother, of which he himself is unaware, but which he afterwards verifies, he still realizes that even this may have been read from the astral record, or that what he sees before him may be only the shade

các tinh linh thiên nhiên cấp thấp, hoặc của những con người thuộc loại suy đồi đủ để tìm thấy niềm vui trong những màn trình diễn ngu ngốc như vậy trong cuộc sống.

CÁC THỰC THỂ GIAO TIẾP

Đối với các thực thể có thể "giao tiếp" tại một buổi gọi hồn hoặc có thể ám ảnh và nói chuyện thông qua một đồng tử bị thôi miên, tên của họ chỉ đơn giản là vô số; hầu như không có một lớp nào trong số tất cả cư dân đa dạng của cõi cảm dục mà họ không thể được rút ra, mặc dù sau những lời giải thích đã đưa ra, người ta sẽ dễ dàng hiểu rằng cơ hội chống lại việc họ đến từ một cấp độ cao. Một "linh hồn" biểu hiện thường chính xác là những gì nó tự xưng, đặc biệt là tại một buổi gọi hồn riêng tư do những người [156] có học thức và nghiêm túc thực hiện; nhưng cũng thường thì nó không phải là như vậy; và đối với người tham dự bình thường, không có cách nào để phân biệt thật giả, vì mức độ mà một sinh vật có tất cả các nguồn lực của cõi cảm dục theo ý mình có thể đánh lừa một người trên cõi hồng trần là rất lớn đến nỗi không thể đặt niềm tin ngay cả vào những gì thoạt nhìn có vẻ là bằng chứng thuyết phục nhất.

Nếu một điều gì đó biểu hiện tự xưng là anh trai đã mất từ lâu của một người đàn ông, y không thể chắc chắn rằng tuyên bố của nó là đúng. Nếu nó nói với y về một số sự kiện chỉ anh trai đó và y biết, y vẫn không tin, vì y biết rằng nó có thể dễ dàng đọc thông tin từ chính tâm trí của y, hoặc từ môi trường xung quanh y trong thế giới cảm dục. Ngay cả khi nó đi xa hơn và nói với y điều gì đó liên quan đến anh trai của y, mà chính y không biết, nhưng sau đó y xác minh, y vẫn nhận ra rằng ngay cả điều này cũng có thể đã được đọc từ hồ sơ cảm dục, hoặc những gì y nhìn thấy trước mặt có thể chỉ là cái bóng của anh trai y, và do đó sở hữu ký

of his brother, and so possess his memory without in any way being himself. It is not for one moment denied that important communications have been made at *séances* by entities who in such cases have been precisely what they [157] said they were; all that is claimed is that it is quite impossible for the ordinary person who visits a *séance* (especially a public *séance*) ever to be certain that he is not being cruelly deceived in one or other of half a dozen different ways. However, any one who wishes to study a case in which irrefutable evidence is laboriously given should read *Life Beyond Death with Evidence* by the Rev. C. D. Thomas.

ức của ông ta mà không phải là chính ông ta. Không một khoảnh khắc nào phủ nhận rằng những thông tin quan trọng đã được đưa ra tại các buổi gọi hồn bởi các thực thể mà trong những trường hợp như vậy chính xác là những gì họ [157] đã nói; tất cả những gì được tuyên bố là người bình thường đến tham dự một buổi gọi hồn (đặc biệt là một buổi gọi hồn công cộng) không bao giờ có thể chắc chắn rằng mình không bị lừa dối một cách tàn nhẫn theo một hoặc nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, bất kỳ ai muốn nghiên cứu một trường hợp trong đó bằng chứng không thể bác bỏ được đưa ra một cách khó nhọc nên đọc Cuộc sống bên kia cái chết với bằng chứng của Mục sư C. D. Thomas.

There have been a few cases in which members of the Lodge of occultists referred to above as originating the spiritualistic movement have themselves given, through a medium, a series of valuable teachings on deeply interesting subjects, but this has invariably been at strictly private family *séances,* not at public performances for which money has been paid.

Đã có một vài trường hợp các thành viên của Hội các nhà huyền bí học được đề cập ở trên là nguồn gốc của phong trào thông linh học đã tự mình đưa ra, thông qua một đồng tử, một loạt bài giảng quý giá về các chủ đề cực kỳ thú vị, nhưng điều này luôn luôn diễn ra tại các buổi gọi hồn gia đình riêng tư nghiêm ngặt, không phải tại các buổi biểu diễn công cộng mà tiền đã được trả.

ASTRAL RESOURCES

CÁC NGUỒN LỰC CẢM DỤC

To understand the methods by which a large class of physical phenomena are produced, it is necessary to have some comprehension of the various resources mentioned above, which a person functioning on the astral plane finds at his command; and this is a branch of the subject which [158] it is by no means easy to make clear, especially as it is hedged about with certain obviously necessary restrictions. It may perhaps help us if we remember that the astral world may be regarded as in many ways only an extension of the physical, and the idea that matter may assume the etheric state (in which, though

Để hiểu các phương pháp mà một lớp lớn các hiện tượng vật lý được tạo ra, cần phải có một số hiểu biết về các nguồn lực khác nhau đã đề cập ở trên, mà một người hoạt động trên cõi cảm dục thấy theo ý mình; và đây là một nhánh của chủ đề mà [158] không dễ để làm rõ, đặc biệt là khi nó bị hạn chế bởi một số hạn chế rõ ràng cần thiết. Có lẽ nó có thể giúp chúng ta nếu chúng ta nhớ rằng thế giới cảm dục có thể được coi là về nhiều mặt chỉ là sự mở rộng của thế giới vật chất, và ý tưởng rằng vật chất có thể giả định trạng thái dĩ thái (trong đó, mặc dù vô hình đối với chúng ta, nhưng nó vẫn hoàn toàn là vật chất) có thể

intangible to us, it is yet purely physical) may serve to show us how the one melts into the other. In fact, in the Hindu conception of Jagrat, or "the waking state," the physical and astral planes are combined, its seven subdivisions corresponding to the four conditions of physical matter, and the three broad divisions of astral matter which have previously been explained.

giúp chúng ta thấy cách cái này hòa vào cái kia. Trên thực tế, trong quan niệm của người Hindu về Jagrat, hay "trạng thái thức giấc", cõi hồng trần và cõi cảm dục được kết hợp, bảy phân khu của nó tương ứng với bốn trạng thái của vật chất hồng trần, và ba phân khu rộng của vật chất cảm dục đã được giải thích trước đó.

With this thought in our minds it is easy to move a step further, and grasp the idea that astral vision, or rather astral perception, may from one point of view be defined as the capability of receiving an enormously increased number of different sets of vibrations. In our physical bodies one small set of vibrations is perceptible to us as sound; another small set of much more rapid vibrations affects us as light; and again another set as electric action; but there are immense numbers of intermediate vibrations which produce no result which our [159] physical senses can cognize at all. It will readily be seen that if all, or even some only, of these intermediates, with all the complications producible by differences of wave-length, are perceptible on the astral plane, our comprehension of nature might be greatly increased on that level, and we might be able to acquire much information which is now hidden from us.

Với suy nghĩ này trong tâm trí chúng ta, thật dễ dàng để tiến thêm một bước nữa, và nắm bắt ý tưởng rằng tầm nhìn cảm dục, hay đúng hơn là nhận thức cảm dục, từ một quan điểm có thể được định nghĩa là khả năng nhận được số lượng tăng lên rất nhiều các tập hợp rung động khác nhau. Trong cơ thể vật chất của chúng ta, một tập hợp nhỏ các rung động có thể cảm nhận được đối với chúng ta là âm thanh; một tập hợp nhỏ khác gồm các rung động nhanh hơn nhiều ảnh hưởng đến chúng ta như ánh sáng; và một lần nữa một tập hợp khác như tác động điện; nhưng có vô số rung động trung gian không tạo ra kết quả nào mà các giác quan [159] vật chất của chúng ta có thể nhận thức được. Người ta sẽ dễ dàng thấy rằng nếu tất cả, hoặc thậm chí chỉ một số, các chất trung gian này, với tất cả các biến chứng có thể tạo ra bởi sự khác biệt về bước sóng, đều có thể cảm nhận được trên cõi cảm dục, thì sự hiểu biết của chúng ta về tự nhiên có thể được tăng lên rất nhiều trên cấp độ đó, và chúng ta có thể có thể thu thập được nhiều thông tin hiện đang bị ẩn giấu đối với chúng ta.

CLAIRVOYANCE

THÔNG NHÃN

It is admitted that some of these vibrations pass through solid matter with perfect ease, so that this enables us to account scientifically for the peculiarities of etheric vision, though for astral sight the theory of the fourth dimension gives a neater and more complete

Người ta thừa nhận rằng một số rung động này đi qua vật chất rắn một cách dễ dàng, vì vậy điều này cho phép chúng ta giải thích một cách khoa học các đặc thù của tầm nhìn dĩ thái, mặc dù đối với tầm nhìn cảm dục, lý thuyết về chiều thứ tư đưa ra một lời giải thích

explanation. It is clear that the mere possession of this astral vision by a being would at once account for his capability to produce many results that seem wonderful to us—such, for example, as the reading of a passage from a closed book. When we remember, furthermore, that this faculty includes the power of thought-reading (in so far as that thought affects emotions), and also, when combined with the knowledge of the projection of currents in the astral currents, that of observing [160] a desired object in almost any part of the world, we see that many of the phenomena of clairvoyance are explicable even without rising above this level. I would refer any one who desires to study more closely this interesting subject to my little book, *Clairvoyance*, in which its varieties are tabulated and explained, and numerous examples given.

gọn gàng và đầy đủ hơn. Rõ ràng là chỉ riêng việc sở hữu tầm nhìn cảm dục này bởi một sinh vật sẽ ngay lập tức giải thích cho khả năng của y để tạo ra nhiều kết quả có vẻ kỳ diệu đối với chúng ta—ví dụ như đọc một đoạn văn từ một cuốn sách đóng kín. Hơn nữa, khi chúng ta nhớ rằng khả năng này bao gồm sức mạnh của khả năng đọc suy nghĩ (trong chừng mực suy nghĩ đó ảnh hưởng đến cảm xúc), và cả, khi kết hợp với kiến thức về việc phóng chiếu các dòng chảy trong các dòng chảy cảm dục, việc quan sát [160] một vật thể mong muốn ở hầu hết mọi nơi trên thế giới, chúng ta thấy rằng nhiều hiện tượng thông nhãn có thể giải thích được ngay cả khi không vượt lên trên cấp độ này. Tôi muốn giới thiệu bất kỳ ai muốn nghiên cứu kỹ hơn về chủ đề thú vị này đến cuốn sách nhỏ của tôi, Thông nhãn, trong đó các loại của nó được lập bảng và giải thích, và đưa ra nhiều ví dụ.

PREVISION AND SECOND-SIGHT

TIÊN ĐOÁN VÀ TẦM NHÌN THỨ HAI

True, trained, and absolutely reliable clairvoyance calls into operation an entirely different set of faculties, but as these belong to a higher plane than the astral, they form no part of our present subject. The faculty of accurate prevision, again, appertains altogether to that higher plane, yet flashes or reflections of it frequently show themselves to purely astral sight, more especially among simple-minded people who live under suitable conditions—what is called "secondsight" among the Highlanders of Scotland being a wellknown example.

Thông nhãn thực sự, được đào tạo và hoàn toàn đáng tin cậy, kêu gọi một tập hợp các khả năng hoàn toàn khác, nhưng vì chúng thuộc về một cõi cao hơn cõi cảm dục, nên chúng không phải là một phần của chủ đề hiện tại của chúng ta. Khả năng tiên đoán chính xác, một lần nữa, hoàn toàn thuộc về cõi cao hơn đó, nhưng những tia sáng hoặc phản chiếu của nó thường tự biểu hiện với tầm nhìn thuần túy cảm dục, đặc biệt là ở những người có đầu óc đơn giản sống trong điều kiện thích hợp—cái gọi là "tầm nhìn thứ hai" trong số những người Cao nguyên của Scotland là một ví dụ nổi tiếng.

Another fact which we must not forget is that any intelligent inhabitant of the astral plane is not only able to perceive these etheric vibrations, but can also—if he has learnt how it is done—adapt [161] them to his own ends,

Một thực tế khác mà chúng ta không được quên là bất kỳ cư dân thông minh nào của cõi cảm dục không chỉ có thể cảm nhận được những rung động dĩ thái này, mà còn có thể—nếu y đã học được cách thực hiện—thích nghi

or himself set them in motion.

[161] chúng cho mục đích riêng của mình, hoặc tự mình thiết lập chúng chuyển động.

ASTRAL FORCES

CÁC LỰC CẢM DỤC

Super-physical forces and the methods of managing them are not subjects about which much can be written for publication at present, though there is reason to suppose that it may not be long before at any rate some application of one or two of them come to be known to the world at large; but it may perhaps be possible, without transgressing the limits of the permissible, to give so much of an idea of them as shall be sufficient to show in outline how certain phenomena are performed.

Các lực siêu hình và các phương pháp quản lý chúng không phải là chủ đề có thể viết nhiều để xuất bản vào lúc này, mặc dù có lý do để cho rằng có thể không lâu nữa ít nhất một số ứng dụng của một hoặc hai trong số chúng được thế giới nói chung biết đến; nhưng có lẽ có thể, mà không vượt quá giới hạn cho phép, đưa ra một ý tưởng về chúng đủ để chỉ ra đại cương cách thức thực hiện một số hiện tượng nhất định.

All who have much experience of spiritualistic *séances* at which physical results are produced must at one time or another have seen evidence of the employment of practically resistless force in, for example, the instantaneous movement of enormous weights, and so on; and if of a scientific turn of mind, they may perhaps have wondered whence this force was obtained, and what was the leverage employed. As usual in connection with astral phenomena, there are several ways in which such [162] work may have been done, but it will be enough for the moment to hint at four.

Tất cả những ai đã có nhiều kinh nghiệm về các buổi gọi hồn mà tại đó các kết quả hồng trần được tạo ra, thì vào lúc này hay lúc khác hẳn phải đã thấy bằng chứng về việc sử dụng mãnh lực thực tế không thể cưỡng lại được, ví dụ, trong việc di chuyển tức thời những vật nặng khổng lồ, v.v.; và nếu có khuynh hướng khoa học, họ có lẽ đã tự hỏi mãnh lực này được lấy từ đâu, và điểm tựa nào được sử dụng. Như thường lệ khi liên quan đến các hiện tượng cảm dục, có một số cách mà công việc như vậy [162] có thể đã được thực hiện, nhưng bây giờ chỉ cần gợi ý bốn cách là đủ.

ETHERIC CURRENTS

DÒNG CHẢY DĨ THÁI

First, there are great etheric currents constantly sweeping over the surface of the earth from pole to pole in volume which makes their power as irresistible as that of the rising tide, and there are methods by which this stupendous force may be safely utilized,

Đầu tiên, có những dòng chảy dĩ thái lớn liên tục quét qua bề mặt trái đất từ cực này sang cực khác với khối lượng khiến sức mạnh của chúng không thể cưỡng lại được như thủy triều dâng, và có những phương pháp mà nhờ đó mãnh lực to lớn này có thể được sử dụng

though unskillful attempts to control it would be fraught with frightful danger.

một cách an toàn, mặc dù những nỗ lực không khéo léo để kiểm soát nó sẽ chứa đầy nguy hiểm khủng khiếp.

ETHERIC PRESSURE

ÁP SUẤT DĨ THÁI

Secondly, there is what can best be described as an etheric pressure, somewhat corresponding to, though immensely greater than, the atmospheric pressure. In ordinary life we are as little conscious of one of these pressures as we are of the other, but nevertheless they both exist, and if science were able to exhaust the ether from a given space, as it can exhaust the air, the one could be proved as readily as the other. The difficulty of doing that lies in the fact that matter in the etheric condition freely interpenetrates matter in all states below it, so that there is [163] as yet no means within the knowledge of our physicists by which any given body of ether can be isolated from the rest. Practical Occultism, however, teaches how this can be done, and thus the tremendous force of etheric pressure can be brought into play.

Thứ hai, có thứ được mô tả tốt nhất là áp suất dĩ thái, tương ứng phần nào, mặc dù lớn hơn vô cùng, so với áp suất khí quyển. Trong cuộc sống bình thường, chúng ta ít nhận thức được một trong những áp suất này cũng như áp suất kia, nhưng dù sao thì cả hai đều tồn tại, và nếu khoa học có thể rút hết dĩ thái ra khỏi một không gian nhất định, như nó có thể rút hết không khí, thì cái này có thể được chứng minh dễ dàng như cái kia. Khó khăn trong việc làm điều đó nằm ở chỗ vật chất trong trạng thái dĩ thái tự do xen vào vật chất trong tất cả các trạng thái bên dưới nó, vì vậy [163] cho đến nay vẫn chưa có phương tiện nào trong kiến thức của các nhà vật lý của chúng ta mà theo đó bất kỳ một thể dĩ thái nhất định nào có thể được cô lập khỏi phần còn lại. Tuy nhiên, Huyền bí học thực hành dạy cách thực hiện điều này, và do đó, mãnh lực to lớn của áp suất dĩ thái có thể được đưa vào hoạt động.

LATENT ENERGY

NĂNG LƯỢNG TIỀM ẨN

Thirdly, there is a vast store of potential energy which has become dormant in matter during the involution of the subtle into the gross, and by changing the condition of the matter some of this may be liberated and utilized, somewhat as latent energy in the form of heat may be liberated by a change in the condition of visible matter.

Thứ ba, có một kho năng lượng tiềm năng khổng lồ đã trở nên im lìm trong vật chất trong quá trình giáng hạ tiến hoá từ vi tế thành thô trược, và bằng cách thay đổi điều kiện của vật chất, một số năng lượng này có thể được giải phóng và sử dụng, giống như năng lượng tiềm ẩn dưới dạng nhiệt có thể được giải phóng do sự thay đổi điều kiện của vật chất hữu hình.

SYMPATHETIC VIBRATION

Fourthly, many striking results, both great and small, may be produced by an extension of a principle which may be described as that of sympathetic vibration. Illustrations taken from the physical plane seem generally to misrepresent rather than elucidate astral phenomena, because they can never be more than partially applicable; but the recollection of two simple facts of ordinary life may [164] help to make this important branch of our subject clearer, if we are careful not to push the analogy further than it will hold good.

It is well known that if one of the wires of a harp be made to vibrate vigorously, its movement will call forth sympathetic vibrations in the corresponding strings of any number of harps placed round it, if they are tuned to exactly the same pitch. It is also well known that when a large body of soldiers crosses a suspension bridge it is necessary for them to break step, since the perfect regularity of their ordinary march would set up a vibration in the bridge which would be intensified by every step they took until the point of resistance of the iron was passed, when the whole structure would fly to pieces.

With these two analogies in our minds (never forgetting that they are only partial) it may seem more comprehensible that one who knows exactly at what rate to start his vibrations—knows, so to speak, the keynote of the class of matter he wishes to affect—should be able by sounding that keynote to call forth an immense number of sympathetic vibrations. When this is done on the physical plane no additional energy is developed; but on [165] the astral plane there is this

RUNG ĐỘNG CỘNG HƯỞNG

Thứ tư, nhiều kết quả nổi bật, cả lớn và nhỏ, có thể được tạo ra bằng cách mở rộng một nguyên lý có thể được mô tả là nguyên lý rung động cộng hưởng. Các minh họa lấy từ cõi hồng trần dường như thường xuyên xuyên tạc hơn là làm sáng tỏ các hiện tượng cảm dục, bởi vì chúng không bao giờ có thể áp dụng được một phần; nhưng việc nhớ lại hai sự kiện đơn giản của cuộc sống bình thường có thể [164] giúp làm rõ hơn nhánh quan trọng này của chủ đề của chúng ta, nếu chúng ta cẩn thận không đẩy phép loại suy đi xa hơn mức độ phù hợp của nó.

Ai cũng biết rằng nếu một trong số các dây của đàn hạc được tạo ra để rung mạnh, thì chuyển động của nó sẽ tạo ra các rung động cộng hưởng trong các dây tương ứng của bất kỳ số lượng đàn hạc nào được đặt xung quanh nó, nếu chúng được điều chỉnh chính xác cùng một cao độ. Ai cũng biết rằng khi một đoàn quân lớn đi qua cầu treo, họ cần phải phá vỡ bước chân, vì sự đều đặn hoàn hảo của cuộc hành quân thông thường của họ sẽ tạo ra rung động trong cây cầu, rung động này sẽ được tăng cường theo từng bước chân của họ cho đến khi điểm kháng cự của sắt bị vượt qua, khi đó toàn bộ cấu trúc sẽ vỡ tan thành từng mảnh.

Với hai phép loại suy này trong tâm trí chúng ta (không bao giờ quên rằng chúng chỉ là một phần), có vẻ dễ hiểu hơn khi một người biết chính xác tốc độ bắt đầu rung động của mình — nói cách khác, biết rõ âm chủ của loại vật chất mà y muốn tác động — nên có thể bằng cách phát ra âm chủ đó để tạo ra vô số rung động cộng hưởng. Khi điều này được thực hiện trên cõi hồng trần, không có năng lượng bổ sung nào được phát triển; nhưng trên [165] cõi cảm dục lại có sự khác biệt này, đó là vật chất

difference, that the matter with which we are dealing is far less inert, and so when called into action by these sympathetic vibrations it adds its own living force to the original impulse, which may thus be multiplied manifold; and then by further rhythmic repetition of the original impulse, as in the case of the soldiers marching over the bridge, the vibrations may be so intensified that the result is out of all apparent proportion to the cause. Indeed, it may be said that there is scarcely any limit to the conceivable achievements of this force in the hands of a great Adept who fully comprehends its possibilities; for the very building of the Universe itself was but the result of the vibrations set up by the Spoken Word.

mà chúng ta đang xử lý ít trì trệ hơn nhiều, và do đó, khi được kích hoạt bởi những rung động cộng hưởng này, nó sẽ thêm mãnh lực sống của chính nó vào xung lực ban đầu, do đó có thể được nhân lên nhiều lần; và sau đó bằng cách lặp lại nhịp nhàng hơn nữa xung lực ban đầu, như trong trường hợp những người lính hành quân qua cầu, các rung động có thể được tăng cường đến mức kết quả hoàn toàn không cân xứng với nguyên nhân. Thật vậy, có thể nói rằng hầu như không có giới hạn nào đối với những thành tựu có thể hình dung được của mãnh lực này trong tay một Chân sư vĩ đại, người hiểu đầy đủ về khả năng của nó; vì chính việc xây dựng Vũ trụ chỉ là kết quả của những rung động được thiết lập bởi Linh Từ.

MANTRAS

MANTRAM

The class of mantras or spells which produce their result not by controlling some elemental, but merely by the repetition of certain sounds, also depend for their efficacy upon this action of sympathetic vibration.

Loại mantram hoặc thần chú tạo ra kết quả của chúng không phải bằng cách kiểm soát một số hành khí, mà chỉ bằng cách lặp lại một số âm thanh nhất định, cũng phụ thuộc vào hiệu quả của chúng đối với tác động này của rung động cộng hưởng.

DISINTEGRATION

PHÂN RÃ

The phenomenon of disintegration also may be brought about by the action of extremely rapid [166] vibrations, which overcome the cohesion of the molecules of the object upon which we operate. A still higher rate of vibration of a somewhat different type will separate these molecules into their constituent atoms. A body reduced by these means to the etheric condition can be moved by an astral current from one place to another with great rapidity; and the moment that the force which has been exerted to put it into that

Hiện tượng phân rã cũng có thể được tạo ra bởi tác động của các rung động cực nhanh [166] vốn vượt qua sự kết dính của các phân tử của vật thể mà chúng ta tác động lên. Tốc độ rung động cao hơn nữa của một loại hơi khác sẽ tách các phân tử này thành các nguyên tử cấu thành của chúng. Một vật thể bị các phương tiện này đưa về trạng thái dĩ thái có thể được di chuyển bởi một dòng chảy cảm dục từ nơi này sang nơi khác với tốc độ rất nhanh; và ngay khi mãnh lực đã được sử dụng để đưa nó vào trạng thái đó bị rút đi, nó sẽ bị áp suất dĩ

condition is withdrawn it will be forced by the etheric pressure to resume its original condition.

thái buộc phải trở lại trạng thái ban đầu.

Students often at first find it difficult to understand how in such an experiment the shape of the article dealt with can be preserved. It has been remarked that if any metallic object—say, for example, a key—be melted and raised to a vaporous state by heat, when the heat is withdrawn it will return to the solid state, but it will no longer be a key, but merely a lump of metal. The point is well taken, though as a matter of fact the apparent analogy does not hold good. The elemental essence which informs the key would be dissipated by the alteration in its condition—not that the essence itself can be affected by the action of heat, but that when its temporary body is destroyed (as a solid) [167] it pours back into the great reservoir of such essence, much as the higher principles of a man, though entirely unaffected by heat or cold, are yet forced out of a physical body when it is destroyed by fire.

Lúc đầu, các đạo sinh thường thấy khó hiểu làm thế nào trong một thí nghiệm như vậy, hình dạng của vật phẩm được xử lý có thể được bảo tồn. Người ta đã nhận xét rằng nếu bất kỳ vật kim loại nào — giả sử, ví dụ, một chiếc chìa khóa — bị nóng chảy và nâng lên trạng thái hơi bằng nhiệt, thì khi nhiệt bị rút đi, nó sẽ trở lại trạng thái rắn, nhưng nó sẽ không còn là chìa khóa nữa, mà chỉ đơn thuần là một cục kim loại. Vấn đề được đặt ra rất đúng, mặc dù trên thực tế, phép loại suy rõ ràng không phù hợp. Tinh chất hành khí vốn thấm nhuần chiếc chìa khóa sẽ bị tiêu tan do sự thay đổi điều kiện của nó — không phải bản thân tinh chất có thể bị ảnh hưởng bởi tác động của nhiệt, mà là khi thể tạm thời của nó bị phá hủy (như một chất rắn) [167] nó sẽ đổ trở lại hồ chứa lớn của tinh chất như vậy, giống như các nguyên khí cao hơn của một người, mặc dù hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi nóng hoặc lạnh, nhưng vẫn bị ép ra khỏi thể xác khi nó bị lửa thiêu hủy.

Consequently, when what had been the key cooled down into the solid condition again, the elemental essence (of the "earth" or solid class) which poured back into it would not be the same as that which it contained before, and there would be no reason why the same shape should be retained. But a man who disintegrated a key for the purpose of removing it by astral currents from one place to another would be careful to hold the same elemental essence in exactly the same shape until the transfer was completed, and then when his will-force was removed it would act as a mould into which the solidifying particles would flow, or rather round which they would be re-aggregated. Thus, unless the operator's power of concentration failed, the shape would be accurately preserved.

Do đó, khi thứ đã từng là chìa khóa nguội đi trở lại trạng thái rắn, tinh chất hành khí (của loại "đất" hoặc rắn) vốn đổ trở lại nó sẽ không giống như tinh chất mà nó chứa trước đó, và sẽ không có lý do gì để giữ nguyên hình dạng tương tự. Nhưng một người phân rã một chiếc chìa khóa với mục đích di chuyển nó bằng các dòng chảy cảm dục từ nơi này sang nơi khác sẽ cẩn thận giữ nguyên tinh chất hành khí đó ở chính xác cùng một hình dạng cho đến khi việc chuyển giao hoàn tất, và sau đó khi mãnh lực ý chí của y bị loại bỏ, nó sẽ hoạt động như một khuôn mẫu mà các hạt đông đặc sẽ chảy vào, hay đúng hơn là chúng sẽ được tập hợp lại xung quanh. Do đó, trừ khi sức mạnh tập trung của người vận hành thất bại, hình dạng sẽ được bảo tồn chính xác.

It is in this way that objects are sometimes brought almost instantaneously from great distances at spiritualistic *séances,* and it is obvious that when [168] disintegrated they could be passed with perfect ease through any solid substance, such, for example, as the wall of a house or the side of a locked box, so that what is commonly called "the passage of matter through matter" is seen, when properly understood, to be as simple as the passage of water through a sieve, or of a gas through a liquid in some chemical experiment.

Chính theo cách này mà các vật thể đôi khi được mang đến gần như ngay lập tức từ khoảng cách rất xa tại các buổi gọi hồn, và rõ ràng là khi [168] bị phân rã, chúng có thể đi qua bất kỳ chất rắn nào một cách hoàn hảo dễ dàng, chẳng hạn như tường nhà hoặc mặt bên của hộp bị khóa, vì vậy, cái thường được gọi là "sự đi qua của vật chất qua vật chất" được thấy, khi được hiểu đúng, thì đơn giản như sự đi qua của nước qua rây, hoặc của khí qua chất lỏng trong một số thí nghiệm hóa học.

MATERIALIZATION

HIỆN HÌNH

Since it is possible by an alteration of vibration to change matter from the solid to the etheric condition, it will be comprehended that it is also possible to reverse the process and to bring etheric matter into the solid state. As the one process explains the phenomenon of disintegration, so does the other that of materialization; and just as in the former case a continued effort of will is necessary to prevent the object from resuming its original state, so in exactly the same way in the latter phenomenon, a continued effort is necessary to prevent the materialized matter from relapsing into the etheric condition.

Vì có thể bằng cách thay đổi rung động để thay đổi vật chất từ trạng thái rắn sang trạng thái dĩ thái, nên người ta sẽ hiểu rằng cũng có thể đảo ngược quá trình và đưa vật chất dĩ thái vào trạng thái rắn. Vì quá trình này giải thích hiện tượng phân rã, nên quá trình kia cũng giải thích hiện tượng hiện hình; và cũng giống như trong trường hợp trước, cần phải nỗ lực ý chí liên tục để ngăn vật thể trở lại trạng thái ban đầu, nên theo cách chính xác tương tự trong hiện tượng thứ hai, cần phải nỗ lực liên tục để ngăn vật chất hiện hình không bị rơi trở lại trạng thái dĩ thái.

In the materializations seen at an ordinary *séance*, such matter as may be required is borrowed as far [169] as possible from the medium's etheric double—an operation which is prejudicial to his health, and also undesirable in various other ways. Thus is explained the fact that the materialized form is usually strictly confined to the immediate neighbourhood of the medium, and is subject to an attraction which is constantly drawing it back to the body from which it came, so that if kept away from the medium too long the

Trong các hiện hình được thấy tại một buổi gọi hồn thông thường, vật chất như vậy có thể được yêu cầu sẽ được mượn càng nhiều [169] càng tốt từ thể dĩ thái phức hợp của đồng tử — một hoạt động gây tổn hại đến sức khỏe của y, và cũng không mong muốn theo nhiều cách khác nhau. Do đó, người ta giải thích thực tế là hình dạng hiện hình thường bị giới hạn nghiêm ngặt trong vùng lân cận ngay lập tức của đồng tử, và chịu một lực hút liên tục kéo nó trở lại cơ thể mà nó đến, vì vậy nếu giữ nó tránh xa đồng tử quá lâu, hình dạng sẽ sụp đổ,

figure collapses, and the matter which composed it, returning to the etheric condition, rushes back instantly to its source.

và vật chất cấu tạo nên nó, trở lại trạng thái dĩ thái, ngay lập tức quay trở lại nguồn của nó.

In some cases there is no doubt that dense and visible physical matter also is temporarily removed from the body of the medium, however difficult it may be for us to realize the possibility of such a transfer. I have myself seen instances in which this phenomenon undoubtedly took place, and was evidenced by a considerable loss of weight in the medium's physical body. Similar cases are described in Colonel Olcott's *People from the Other World*, and in *Un Cas de Dematerialisation*, by M. A. Aksakow. A still more remarkable example is given in Madame d'Esperance's *Shadowland*. [170]

Trong một số trường hợp, chắc chắn rằng vật chất hồng trần dày đặc và hữu hình cũng tạm thời bị loại bỏ khỏi cơ thể của đồng tử, dù chúng ta có thể khó nhận ra khả năng chuyển giao như vậy đến đâu. Bản thân tôi đã thấy những trường hợp mà hiện tượng này chắc chắn đã xảy ra, và được chứng minh bằng việc giảm cân đáng kể trong thể xác của đồng tử. Các trường hợp tương tự được mô tả trong cuốn People from the Other World của Đại tá Olcott, và trong Un Cas de Dematerialisation, của M. A. Aksakow. Một ví dụ đáng chú ý hơn nữa được đưa ra trong Shadowland của Madame d'Esperance. [170]

WHY DARKNESS IS REQUIRED

TẠI SAO CẦN BÓNG TỐI

The reason why the beings directing a *séance* find it easier to operate in darkness or in subdued light will now be manifest, since their power would usually be insufficient to hold together a materialized form or even a "spirit hand" for more than a few seconds amidst the intense vibrations set up by brilliant light.

Lý do tại sao các Đấng chỉ đạo một buổi gọi hồn thấy dễ vận hành hơn trong bóng tối hoặc trong ánh sáng yếu bây giờ sẽ trở nên rõ ràng, vì sức mạnh của Các Ngài thường không đủ để giữ một hình dạng hiện hình hoặc thậm chí là một "bàn tay linh hồn" trong hơn một vài giây giữa những rung động dữ dội được thiết lập bởi ánh sáng rực rỡ.

SPIRIT PHOTOGRAPHS

ẢNH VONG LINH

The *habituès* of *séances* will no doubt have noticed that materializations are of three kinds: First, those which are tangible but not visible; second, those which are visible but not tangible; and third, those which are both visible and tangible. To the first kind, which is much the most common, belong the invisible spirit hands which so frequently stroke the faces of the sitters or carry small objects about

Những người thường xuyên tham gia các buổi gọi hồn chắc chắn sẽ nhận thấy rằng hiện hình có ba loại: Thứ nhất, những thứ hữu hình nhưng không nhìn thấy được; thứ hai, những thứ hữu hình nhưng không hữu hình; và thứ ba, những thứ vừa hữu hình vừa hữu hình. Loại thứ nhất, phổ biến nhất, thuộc về những bàn tay linh hồn vô hình thường vuốt ve khuôn mặt của những người tham gia hoặc

the room, and the vocal organs from which the "direct voice" proceeds. In this case, an order of matter is being used which can neither reflect nor obstruct light, but is capable under certain conditions of setting up vibrations in the atmosphere which affect us as sound. A variation of this class is that kind of partial materialization which, [171] though incapable of reflecting any light that we can see, is yet able to affect some of the ultraviolet rays, and can therefore make a more or less definite impression upon the camera, and so provide us with what are known as "spirit photographs".

mang những vật nhỏ xung quanh phòng, và các cơ quan phát âm mà từ đó "giọng nói trực tiếp" phát ra. Trong trường hợp này, một loại vật chất đang được sử dụng vốn không thể phản xạ cũng như không cản trở ánh sáng, nhưng có khả năng trong một số điều kiện nhất định thiết lập các rung động trong khí quyển vốn ảnh hưởng đến chúng ta như âm thanh. Một biến thể của loại này là loại hiện hình một phần, [171] mặc dù không có khả năng phản xạ bất kỳ ánh sáng nào mà chúng ta có thể nhìn thấy, nhưng vẫn có thể ảnh hưởng đến một số tia cực tím, và do đó có thể tạo ra ấn tượng ít nhiều xác định trên máy ảnh, và do đó cung cấp cho chúng ta thứ được gọi là "ảnh linh hồn".

When there is not sufficient power available to produce a perfect materialization we sometimes see the vaporous-looking form which constitutes our second class, and in such a case the "spirits" usually warn their sitters that the forms which appear must not be touched. In the rarer case of a full materialization there is sufficient power to hold together, at least for a few moments, a form which can be both seen and touched.

Khi không có đủ năng lượng để tạo ra một hiện hình hoàn hảo, đôi khi chúng ta thấy hình dạng trông giống như hơi nước vốn cấu thành loại thứ hai của chúng ta, và trong trường hợp như vậy, các "linh hồn" thường cảnh báo những người tham gia rằng không được chạm vào các hình dạng xuất hiện. Trong trường hợp hiếm hơn của hiện hình đầy đủ, có đủ năng lượng để giữ, ít nhất là trong một vài khoảnh khắc, một hình dạng có thể vừa nhìn thấy vừa chạm vào được.

When an Adept or pupil finds it necessary for any purpose to materialize his mental or astral vehicle, he does not draw upon either his own etheric double or that of anyone else, since he has been taught how to extract the matter which he requires directly from the surrounding ether.

Khi một Chân sư hoặc đệ tử thấy cần thiết cho bất kỳ mục đích nào để hiện hình thể trí hoặc thể cảm dục của mình, Ngài không sử dụng thể dĩ thái phức hợp của chính mình hoặc của bất kỳ ai khác, vì Ngài đã được dạy cách chiết xuất vật chất mà Ngài yêu cầu trực tiếp từ dĩ thái xung quanh.

REDUPLICATION

NHÂN BẢN

Another phenomenon closely connected with this part of the subject is that of reduplication, which is produced by forming a perfect mental [172] image of the object to be copied,

Một hiện tượng khác liên quan chặt chẽ với phần này của chủ đề là sự sao chép, vốn được tạo ra bằng cách hình thành một hình ảnh hoàn hảo trong thể trí [172] về vật thể cần sao

and then gathering about that mould the necessary astral and physical matter. For this purpose it is necessary that every particle, interior as well as exterior, of the object to be duplicated should be held accurately in view simultaneously, and consequently the phenomenon is one which requires considerable power of concentration to perform. Persons unable to extract the matter required directly from the surrounding ether have sometimes borrowed it from the material of the original article, which in this case would be correspondingly reduced in weight.

chép, và sau đó tập hợp xung quanh khuôn mẫu đó vật chất cảm dục và hồng trần cần thiết. Vì mục đích này, cần phải giữ đồng thời mọi hạt, bên trong cũng như bên ngoài, của vật thể cần sao chép một cách chính xác, và do đó, hiện tượng này đòi hỏi khả năng tập trung đáng kể để thực hiện. Những người không thể trích xuất trực tiếp vật chất cần thiết từ dĩ thái xung quanh đôi khi đã mượn nó từ vật chất của vật phẩm gốc, vốn trong trường hợp này sẽ bị giảm trọng lượng tương ứng.

PRECIPITATION

NGƯNG TỤ

We read a good deal in Theosophical literature of the precipitation of letters or pictures. This result, like everything else, may be obtained in several ways. An Adept wishing to communicate with some one might place a sheet of paper before him, form a mental image of the writing which he wished to appear upon it, and draw from the ether the matter wherewith to objectify that image; or if he preferred to do so it would be equally easy for him to produce the same result upon a sheet [173] of paper lying before his correspondent, whatever might be the distance between them.

Chúng ta đọc được rất nhiều trong các tài liệu Thông Thiên Học về sự ngưng tụ các bức thư hoặc hình ảnh. Kết quả này, giống như mọi thứ khác, có thể đạt được bằng nhiều cách. Một Chân sư muốn giao tiếp với ai đó có thể đặt một tờ giấy trước mặt Ngài, hình thành một hình ảnh trong thể trí về chữ viết mà Ngài muốn xuất hiện trên đó, và rút ra từ dĩ thái vật chất để cụ thể hóa hình ảnh đó; hoặc nếu Ngài muốn làm như vậy, thì việc tạo ra kết quả tương tự trên một tờ giấy [173] nằm trước mặt người nhận thư của Ngài cũng dễ dàng như vậy, bất kể khoảng cách giữa họ là bao xa.

A third method which, since it saves time, is much more frequently adopted, is to impress the whole substance of the letter on the mind of some pupil, and leave him to do the mechanical work of precipitation. That pupil would then take his sheet of paper, and, imagining he saw the letter written thereon in his Master's hand, would proceed to objectify the writing as before described. If he found it difficult to perform simultaneously the two operations of drawing his material from the

Phương pháp thứ ba, vốn tiết kiệm thời gian hơn, được áp dụng thường xuyên hơn nhiều, là ghi dấu toàn bộ nội dung của bức thư vào thể trí của một đệ tử nào đó, và để y làm công việc ngưng tụ một cách máy móc. Đệ tử đó sau đó sẽ lấy tờ giấy của mình, và tưởng tượng mình nhìn thấy bức thư được viết trên đó bằng nét chữ của Chân sư, sẽ tiến hành cụ thể hóa chữ viết như đã mô tả trước đó. Nếu y thấy khó thực hiện đồng thời hai thao tác rút vật chất từ dĩ thái xung quanh và ngưng tụ chữ viết trên

surrounding ether and precipitating the writing on the paper, he might have either ordinary ink or a small quantity of coloured powder on the table beside him, which, being already dense matter, could be drawn upon more readily.

giấy, y có thể có mực thông thường hoặc một lượng nhỏ bột màu trên bàn bên cạnh, vốn là vật chất đậm đặc sẵn có, có thể được sử dụng dễ dàng hơn.

It is obvious that the possession of this power would be a dangerous weapon in the hands of an unscrupulous person, since it is as easy to imitate one man's handwriting as another's, and it would be impossible to detect by any ordinary means a forgery committed in this manner. A pupil definitely connected with any Master has always an infallible test by which he knows whether any [174] message really emanates from that Master or not, but for others the proof of its origin must always lie solely in the contents of the letter and the spirit breathing through it, as the handwriting, however cleverly imitated, is of absolutely no value as evidence.

Rõ ràng là việc sở hữu sức mạnh này sẽ là một vũ khí nguy hiểm trong tay kẻ vô lương tâm, vì việc bắt chước chữ viết tay của người này cũng dễ như của người khác, và sẽ không thể phát hiện bằng bất kỳ phương tiện thông thường nào một vụ làm giả được thực hiện theo cách này. Một đệ tử được kết nối rõ ràng với bất kỳ Chân sư nào luôn có một bài kiểm tra chắc chắn để y biết liệu bất kỳ [174] thông điệp nào có thực sự bắt nguồn từ Chân sư đó hay không, nhưng đối với những người khác, bằng chứng về nguồn gốc của nó phải luôn nằm ở nội dung của bức thư và tinh thần toát ra từ đó, vì chữ viết tay, dù được bắt chước khéo léo đến đâu, cũng hoàn toàn không có giá trị làm bằng chứng.

As to speed, a pupil new to the work of precipitation would probably be able to image only a few words at a time, and would, therefore, progress hardly more rapidly than if he wrote his letter in the ordinary way, but a more experienced individual who could visualize a whole page or perhaps the entire letter at once would do his work with greater facility. It is in this manner that quite long letters are produced in a few seconds at a *séance.*

Về tốc độ, một đệ tử mới làm công việc ngưng tụ có lẽ sẽ chỉ có thể hình dung một vài từ cùng một lúc, và do đó, sẽ tiến triển khó khăn hơn so với việc y viết thư theo cách thông thường, nhưng một người có kinh nghiệm hơn, vốn có thể hình dung toàn bộ trang hoặc có lẽ toàn bộ bức thư cùng một lúc, sẽ làm công việc của mình dễ dàng hơn. Chính theo cách này mà những bức thư khá dài được tạo ra chỉ trong vài giây tại một buổi gọi hồn.

When a picture has to be precipitated the method is precisely the same, except that here it is absolutely necessary that the entire scene should be visualized at once, and if many colours are required there is the additional complication of manufacturing them, keeping them separate, and reproducing accurately the exact tints of the scene to be

Khi một bức tranh cần được ngưng tụ, phương pháp cũng hoàn toàn giống nhau, ngoại trừ ở đây, điều hoàn toàn cần thiết là toàn bộ khung cảnh phải được hình dung cùng một lúc, và nếu cần nhiều màu sắc, thì sẽ có thêm sự phức tạp của việc tạo ra chúng, giữ chúng tách biệt và tái tạo chính xác các sắc thái chính xác của khung cảnh cần được thể hiện. Rõ ràng là ở đây

represented. Evidently there is scope here for the exercise of the artistic faculty, and it must not [175] be supposed that every inhabitant of the astral plane could by this method produce an equally good picture; a man who had been a great artist in life, and had therefore learnt how to see and for what to look, would certainly be very much more successful than the ordinary person if he attempted precipitation when on the astral plane after death.

có phạm vi để thực hiện khả năng nghệ thuật, và không nên [175] cho rằng mọi cư dân của cõi cảm dục đều có thể tạo ra một bức tranh đẹp như nhau bằng phương pháp này; một người vốn là một nghệ sĩ vĩ đại trong cuộc sống, và do đó đã học được cách nhìn và tìm kiếm điều gì, chắc chắn sẽ thành công hơn rất nhiều so với người bình thường nếu y cố gắng ngưng tụ khi ở trên cõi cảm dục sau khi chết.

SLATE-WRITING

The slate-writing, for the production of which under test conditions some of the greatest mediums have been so famous, is sometimes produced by precipitation, though more frequently the fragment of pencil enclosed between the slates is guided by a spirit hand, of which only just the tiny points sufficient to grasp it are materialized.

VIẾT TRÊN BẢNG ĐÁ

Việc viết trên bảng đá, vốn là sản phẩm mà một số đồng tử vĩ đại nhất đã rất nổi tiếng trong các điều kiện thử nghiệm, đôi khi được tạo ra bằng cách ngưng tụ, mặc dù thường xuyên hơn là mảnh bút chì được đặt giữa các tấm bảng đá được dẫn dắt bởi một bàn tay tinh linh, vốn chỉ có những điểm nhỏ xíu đủ để nắm bắt nó được vật chất hóa.

LEVITATION

An occurrence which occasionally happens at *séances,* and more frequently among Eastern Yogis, is what is called levitation—that is, the floating of a human body in the air. No doubt when this takes place in the case of a medium, he is often merely upborne by "spirit hands", but there is another and more scientific method of accomplishing [176] this feat which is always used in the East, and occasionally here also. Occult science is acquainted with a means of neutralizing or even entirely reversing the attraction of gravity, and it is obvious that by the judicious use of this power all the phenomena of levitation may be easily produced. It was no doubt by a knowledge of this secret that some

BAY LƠ LỬNG

Một sự kiện thỉnh thoảng xảy ra tại các buổi gọi hồn, và thường xuyên hơn ở các Yogi phương Đông, là cái được gọi là bay lơ lửng — nghĩa là, một cơ thể con người trôi nổi trong không khí. Không nghi ngờ gì nữa, khi điều này xảy ra trong trường hợp của một đồng tử, y thường chỉ được nâng đỡ bởi "những bàn tay tinh linh", nhưng có một phương pháp khoa học hơn để thực hiện [176] kỳ công này, vốn luôn được sử dụng ở phương Đông, và đôi khi ở đây cũng vậy. Huyền bí học quen thuộc với một phương tiện để trung hòa hoặc thậm chí đảo ngược hoàn toàn lực hấp dẫn, và rõ ràng là bằng cách sử dụng khôn ngoan sức mạnh này, tất cả các hiện tượng bay lơ lửng có thể dễ dàng được tạo ra. Không nghi ngờ gì nữa, chính nhờ

of the airships of ancient India and Atlantis were raised from the earth and made light enough to be readily moved and directed; and not improbably the same acquaintance with Nature's finer forces greatly facilitated the labours of those who raised the enormous blocks of stone sometimes used in cyclopean architecture, or in the building of the Pyramids and Stonehenge.

hiểu biết về bí mật này mà một số tàu bay của Ấn Độ cổ đại và Atlantis đã được nâng lên khỏi mặt đất và trở nên đủ nhẹ để dễ dàng di chuyển và điều khiển; và không chắc là sự quen thuộc tương tự với các lực tinh tế hơn của Tự nhiên đã tạo điều kiện thuận lợi rất nhiều cho những người đã nâng những khối đá khổng lồ đôi khi được sử dụng trong kiến trúc cyclopean, hoặc trong việc xây dựng Kim tự tháp và Stonehenge.

SPIRIT LIGHTS

ÁNH SÁNG TINH LINH

With the knowledge of the forces of Nature which the resources of the astral plane place at the command of its inhabitants, the production of what are called "spirit lights" is an easy matter, whether they be of the mildly phosphorescent or the dazzling electrical variety, or those curious dancing globules of light into which a certain class of fire elementals so readily transform themselves. Since all light [177] consists of vibrations of the ether, it is obvious that any one who knows how to set up these vibrations can readily produce any kind of light that he wishes.

Với kiến thức về các lực của Tự nhiên mà các nguồn lực của cõi cảm dục đặt dưới sự chỉ huy của cư dân của nó, việc tạo ra cái được gọi là "ánh sáng tinh linh" là một vấn đề dễ dàng, cho dù chúng thuộc loại phát quang nhẹ nhàng hay loại điện chói lòa, hoặc những quả cầu ánh sáng nhảy múa kỳ lạ mà một loại tinh linh lửa nhất định dễ dàng biến đổi thành. Vì tất cả ánh sáng [177] đều bao gồm các rung động của dĩ thái, nên rõ ràng là bất kỳ ai biết cách thiết lập các rung động này đều có thể dễ dàng tạo ra bất kỳ loại ánh sáng nào mà y muốn.

HANDLING FIRE

CẦM LỬA

It is by the aid of the etheric elemental essence also that the remarkable feat of handling fire unharmed is generally performed, though there are as usual other ways in which it can be done. The thinnest layer of etheric substance can be so manipulated as to be absolutely impervious to heat, and when the hand of a medium or sitter is covered with this he may pick up burning coal or red-hot iron with perfect safety.

Cũng chính nhờ sự hỗ trợ của tinh chất hành khí dĩ thái mà kỳ công cầm lửa mà không bị thương thường được thực hiện, mặc dù như thường lệ, có những cách khác mà nó có thể được thực hiện. Lớp mỏng nhất của vật chất dĩ thái có thể được thao tác để hoàn toàn không thấm nhiệt, và khi bàn tay của một đồng tử hoặc người ngồi được bao phủ bởi lớp này, y có thể nhặt than đang cháy hoặc sắt nung đỏ một cách hoàn toàn an toàn.

In addition to the special forces above-mentioned the principle of the ordinary lever is often used to produce minor phenomena, such as the tilting of tables or rapping upon them, the fulcrum being in this case the body of the medium, and the lever a bar of ectoplasm projected from it. (See *Psychic Structures*, by Dr. W. J. Crawford.)

Ngoài các lực đặc biệt được đề cập ở trên, nguyên lý của đòn bẩy thông thường thường được sử dụng để tạo ra các hiện tượng nhỏ, chẳng hạn như nghiêng bàn hoặc gõ vào bàn, điểm tựa trong trường hợp này là cơ thể của đồng tử, và đòn bẩy là một thanh ngoại chất được phóng ra từ nó. (Xem Cấu trúc Thông linh, của Tiến sĩ W. J. Crawford.)

TRANSMUTATION

We have now referred to most of the occurrences of the *séance*-room, but there are one or two of the [178] rarer phenomena of the outer world which must not he left quite without mention in our list. The transmutation of metals was once supposed to be a mere dream of the mediæval alchemists, and no doubt in many cases the description of the phenomenon was merely a symbol of the purification of the soul; yet there seems to be some evidence that it was really accomplished by them on several occasions, and there are petty magicians in the East who profess to do it under test conditions even now. Modern science is now experimenting along these lines, and will probably succeed in course of time. It is evident that since the ultimate atom is one and the same in all substances, and it is only the methods of its combination that differ, any one who possessed the power of reducing a piece of metal to the atomic condition and of re-arranging its atoms in some other form would have no difficulty in effecting transmutation to any extent that he wished.

CHUYỂN HÓA

Bây giờ chúng ta đã đề cập đến hầu hết các sự kiện của *phòng gọi hồn*, nhưng có một hoặc hai [178] hiện tượng hiếm hơn của thế giới bên ngoài mà không thể không được đề cập đến trong danh sách của chúng ta. Việc chuyển hóa kim loại từng được cho là chỉ là giấc mơ của các nhà giả kim thuật thời trung cổ, và không nghi ngờ gì nữa, trong nhiều trường hợp, mô tả về hiện tượng này chỉ là biểu tượng của sự thanh lọc linh hồn; tuy nhiên, dường như có một số bằng chứng cho thấy nó đã thực sự được họ thực hiện trong một số trường hợp, và có những nhà huyền thuật nhỏ ở phương Đông, những người tuyên bố làm được điều đó trong các điều kiện thử nghiệm ngay cả bây giờ. Khoa học hiện đại hiện đang thử nghiệm theo những hướng này, và có lẽ sẽ thành công theo thời gian. Rõ ràng là vì nguyên tử cuối cùng là giống nhau ở tất cả các chất, và chỉ có các phương pháp kết hợp của nó khác nhau, nên bất kỳ ai sở hữu sức mạnh khử một miếng kim loại về trạng thái nguyên tử và sắp xếp lại các nguyên tử của nó theo một số hình thức khác sẽ không gặp khó khăn gì trong việc thực hiện chuyển hóa ở bất kỳ mức độ nào mà y muốn.

REPERCUSSION

The principle of sympathetic vibration

PHẢN ỨNG NGƯỢC

Nguyên lý rung động giao cảm đã đề cập ở trên

mentioned above also provides the explanation of the strange and little-known phenomenon called repercussion, [179] by means of which any injury done to, or any mark made upon, the materialized body in the course of its wanderings will be reproduced in the physical body. We find traces of this in some of the evidence given at trials for witchcraft in the Middle Ages, in which it is not infrequently stated that some wound given to the witch when in the form of a dog or a wolf was found to have appeared in the corresponding part of her human body. The same strange law has sometimes led to an entirely unjust accusation of fraud against a medium, because, for example, some colouring matter rubbed upon the hand of a materialized "spirit" was afterwards found upon his hand—the explanation being that in that case, as so often happens, the "spirit" was simply the medium's etheric double, forced by the guiding influences to take some form other than his own. In fact these two parts of the physical body are so intimately connected that it is impossible to touch the keynote of one without immediately setting up exactly corresponding vibrations in the other. [180]

cũng cung cấp lời giải thích cho hiện tượng kỳ lạ và ít được biết đến gọi là phản ứng ngược, [179] nhờ đó bất kỳ tổn thương nào gây ra cho, hoặc bất kỳ dấu vết nào được tạo ra trên, cơ thể được vật chất hóa trong quá trình lang thang của nó sẽ được tái tạo trong thể xác. Chúng ta tìm thấy dấu vết của điều này trong một số bằng chứng được đưa ra tại các phiên tòa xét xử phù thủy vào thời Trung cổ, trong đó người ta thường xuyên tuyên bố rằng một số vết thương gây ra cho phù thủy khi ở dạng chó hoặc sói được phát hiện là đã xuất hiện ở phần tương ứng của cơ thể con người của bà ta. Định luật kỳ lạ tương tự đôi khi đã dẫn đến một cáo buộc hoàn toàn bất công về gian lận đối với một đồng tử, bởi vì, ví dụ, một số chất tạo màu được cọ xát trên bàn tay của một "tinh linh" được vật chất hóa sau đó được tìm thấy trên bàn tay của y — lời giải thích là trong trường hợp đó, như thường xảy ra, "tinh linh" chỉ đơn giản là thể dĩ thái kép của đồng tử, bị các ảnh hưởng dẫn dắt buộc phải có hình dạng khác với hình dạng của chính y. Trên thực tế, hai phần này của thể xác được kết nối mật thiết với nhau đến mức không thể chạm vào nốt chủ của phần này mà không lập tức thiết lập các rung động tương ứng chính xác ở phần kia. [180]

CHAPTER V -CHƯƠNG VCONCLUSION—KẾT LUẬNIT

is hoped that any reader who has been sufficiently interested to follow this treatise thus far, may by this time have a general idea of the astral plane and its possibilities, such as will enable him to understand and fit into their proper places in its scheme any facts in connection with it which he may pick up in his reading. Though only the roughest sketch has been given of a great subject, enough has perhaps been said to show the extreme importance of astral perception in the study of biology, physics,

Hy vọng rằng bất kỳ độc giả nào đủ quan tâm để theo dõi luận án này cho đến nay, đến lúc này có thể có một ý tưởng chung về cõi cảm dục và các khả năng của nó, chẳng hạn như sẽ cho phép y hiểu và đặt vào đúng vị trí của chúng trong sơ đồ của nó bất kỳ sự kiện nào liên quan đến nó mà y có thể tiếp nhận được trong quá trình đọc của mình. Mặc dù chỉ có một bản phác thảo sơ bộ nhất về một chủ đề lớn, nhưng có lẽ đã nói đủ để cho thấy tầm quan trọng cực kỳ của nhận thức cảm dục trong việc nghiên cứu sinh học, vật lý, hóa học, thiên văn học, y học và lịch sử, và động lực to

chemistry, astronomy, medicine, and history, and the great impulse which might be given to all these sciences by its development.

lớn có thể được trao cho tất cả các ngành khoa học này bằng sự phát triển của nó.

Yet its attainment should never be regarded as an end in itself, since any means adopted with that object in view would inevitably lead to what is called in the East the *laukika* method of development—a system by which certain psychic powers [181] are indeed acquired, but only for the present personality; and since their acquisition is surrounded by no safeguards, the student is extremely likely to misuse them. To this class belong all systems which involve the use of drugs, invocation of elementals, or the practices of Hatha Yoga.

Tuy nhiên, việc đạt được nó không bao giờ nên được coi là mục đích tự thân, vì bất kỳ phương tiện nào được áp dụng với mục đích đó chắc chắn sẽ dẫn đến cái được gọi ở phương Đông là phương pháp phát triển laukika — một hệ thống mà nhờ đó một số năng lực thông linh [181] thực sự có được, nhưng chỉ dành cho phàm ngã hiện tại; và vì việc đạt được chúng không được bao quanh bởi bất kỳ biện pháp bảo vệ nào, nên người học cực kỳ có khả năng lạm dụng chúng. Thuộc về lớp này là tất cả các hệ thống liên quan đến việc sử dụng ma túy, cầu khẩn hành khí hoặc các thực hành của Hatha Yoga.

The other method, which is called the *lokottara,* consists of Raja Yoga or spiritual progress, and though it may be somewhat slower than the other, whatever is acquired along this line is gained for the permanent individuality, and never lost again, while the guiding care of a Master ensures perfect safety from misuse of power as long as His orders are scrupulously obeyed. The opening of astral vision must be regarded then only as a stage in the development of something infinitely nobler—merely as a step, a very small step, on that great Upward Path which leads men to the sublime heights of Adeptship, and beyond even that through glorious vistas of wisdom and power such as our finite minds cannot now conceive.

Phương pháp khác, vốn được gọi là lokottara, bao gồm Raja Yoga hoặc tiến bộ tinh thần, và mặc dù nó có thể chậm hơn một chút so với phương pháp kia, nhưng bất cứ điều gì đạt được theo hướng này đều dành cho cá thể vĩnh viễn, và không bao giờ bị mất đi nữa, trong khi sự chăm sóc hướng dẫn của một Chân sư đảm bảo an toàn tuyệt đối khỏi việc lạm dụng quyền năng miễn là các mệnh lệnh của Ngài được tuân theo một cách nghiêm ngặt. Việc mở ra tầm nhìn cảm dục phải được coi là chỉ là một giai đoạn trong sự phát triển của một thứ gì đó cao quý hơn vô hạn — chỉ đơn giản là một bước, một bước rất nhỏ, trên Con Đường Thăng Tiến vĩ đại đó, vốn dẫn dắt con người đến những đỉnh cao siêu phàm của địa vị Chân sư, và vượt ra ngoài điều đó thông qua những viễn cảnh huy hoàng về minh triết và quyền năng mà những thể trí hữu hạn của chúng ta hiện không thể hình dung được.

Yet let no one think it an unmixed blessing to have the wider sight of the astral plane, for upon one in whom that vision is opened, the sorrow and misery, the evil and the greed of

Tuy nhiên, đừng ai nghĩ rằng việc có tầm nhìn rộng hơn về cõi cảm dục là một điều may mắn tuyệt đối, vì đối với người mà tầm nhìn đó được mở ra, nỗi buồn và đau khổ, cái ác và lòng

the world [182] press as an ever-present burden, until he often feels inclined to echo the passionate adjuration of Schiller: "Why hast thou cast me thus into the town of the ever-blind, to proclaim thine oracle with the opened sense? Take back this sad clear-sightedness; take from mine eyes this cruel light! Give me back my blindness—the happy darkness of my senses; take back thy dreadful gift!" This feeling is perhaps not unnatural in the earlier stages of the Path, yet higher sight and deeper knowledge soon bring to the student the perfect certainty that all things are working together for the eventual good of all—that

tham của thế giới [182] đè nặng như một gánh nặng luôn hiện hữu, cho đến khi y thường cảm thấy muốn lặp lại lời khẩn cầu tha thiết của Schiller: "Tại sao ngươi lại ném ta vào thị trấn của những người mù lòa mãi mãi, để tuyên bố lời sấm truyền của ngươi với giác quan đã mở ra? Hãy lấy lại sự sáng suốt đáng buồn này; hãy lấy đi khỏi mắt ta ánh sáng tàn nhẫn này! Hãy trả lại cho ta sự mù lòa của ta — bóng tối hạnh phúc của các giác quan của ta; hãy lấy lại món quà khủng khiếp của ngươi!" Cảm giác này có lẽ không phải là không tự nhiên trong những giai đoạn đầu của Con Đường, nhưng tầm nhìn cao hơn và kiến thức sâu sắc hơn sẽ sớm mang lại cho người học sự chắc chắn hoàn hảo rằng mọi thứ đang cùng nhau hoạt động vì lợi ích cuối cùng của tất cả — rằng

Hour after hour, like an opening flower,

Giờ này qua giờ khác, như một bông hoa đang nở,

Shall truth after truth expand;

Sự thật này đến sự thật khác sẽ mở ra;

For the sun may pale, and the stars may fail,

Vì mặt trời có thể mờ nhạt, và các vì sao có thể lụi tàn,

But the LAW of GOOD shall stand.

Nhưng ĐỊNH LUẬT của THIỆN sẽ trường tồn.

Its splendour glows and its influence grows

Vẻ huy hoàng của nó tỏa sáng và ảnh hưởng của nó ngày càng lớn

As Nature's slow work appears,

Khi công trình chậm chạp của Tự nhiên xuất hiện,

Front the zoophyte small to the LORDS of all,

Từ động vật nguyên sinh nhỏ bé đến các CHÚA TỂ của tất cả,

Through kalpas and crores of years.

Qua hằng hà sa số kiếp và năm tháng.